BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TƯ PHÁP**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN VĂN HẬU

PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ TƯ PHÁP**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

TRẦN VĂN HẬU

PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Chuyên ngành **: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm**

Mã số **: 9 38 01 05**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học**: 1. PGS.TS Cao Thị Oanh**

2. TS. Nguyễn Khắc Hải

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Trần Văn Hậu

MỤC LỤC

		Trang
	MỞ ĐẦU	1
	TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	10
1.	Tình hình nghiên cứu trong nước	10
1.1.	Tình hình nghiên cứu những vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	10
1.2.	Tình hình nghiên cứu thực tiễn, giải pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	13
2.	Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	17
2.1.	Tình hình nghiên cứu liên quan đến lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	17
2.2.	Tình hình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn, giải pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	19
3.	Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	23
3.1.	Đánh giá tình hình nghiên cứu	23
3.2.	Những vấn đề luận án cần nghiên cứu hoặc tiếp tục nghiên cứu	25
4.	Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu	26
	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN	29
1.1.	Khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	29
1.1.1.	Khái niệm phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	29
1.1.2.	Đặc điểm phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	40
1.1.3.	Vai trò của phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện	42

1.2. Cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 44
1.2.1. Cơ sở phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 44
1.2.2. Nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 51
1.3. Nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 54
1.3.1. Nội dung phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 54
1.3.2. Chủ thể và mối quan hệ giữa các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 57
1.3.3. Hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 66
1.3.4. Biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 68
Chương 2: THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN 72
2.1. Tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 72
2.1.1. Tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 72
2.1.2. Nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 84
2.2. Thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 91
2.2.1. Thực tiễn tổ chức lực lượng trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 91
2.2.2. Thực tiễn hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 104

2.3. Thực tiễn tổ chức các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 107
2.3.1. Biện pháp kinh tế - xã hội 107
2.3.2. Biện pháp văn hóa - giáo dục 109
2.3.3. Biện pháp kiểm soát xuất nhập cảnh 112
2.3.4. Biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự 113
2.3.5. Biện pháp điều tra, xử lý các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 117
2.4. Kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 120
2.4.1. Kết quả đạt được trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 120
2.4.2. Hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 122
2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 127
Chương 3: DỰ BÁO VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN 134
3.1. Dự báo 134
3.1.1. Cơ sở của dự báo 134
3.1.2 Nội dung của dự báo 137
3.2. Giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 146
3.2.1. Kiện toàn, nâng cao trình độ, nhận thức cho lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 146
3.2.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 150
3.2.3. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa chung nhằm loại trừ các nguyên nhân phát sinh các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 155

3.2.4. Nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 163
3.2.5. Tăng cường phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện 171
KẾT LUẬN 179
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 182
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ANQG	: An ninh quốc gia
BLHS	: Bộ luật Hình sự
CDVN	: Công dân Việt Nam
PNTP	: Phòng ngừa tội phạm
QLNN	: Quản lý nhà nước
QLXNC	: Quản lý xuất nhập cảnh
TAND	: Tòa án nhân dân
VPPL	: Vi phạm pháp luật
XCNC	: Xuất cảnh, nhập cảnh
XNC	: Xuất nhập cảnh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện nhất quán đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng Việt Nam đang không ngừng hoàn thiện thể chế pháp luật, cải cách hành chính và hợp tác quốc tế trên lĩnh vực xuất nhập cảnh (XNC) tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam (CDVN), cũng như người nước ngoài thực hiện các thủ tục về xuất cảnh, nhập cảnh (XCNC), bảo đảm quyền con người, quyền tự do đi lại. Bên cạnh những tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tình trạng vi phạm pháp luật (VPPL) về XNC, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã đặt ra những thách thức không nhỏ cho công tác quản lý nhà nước (QLNN), phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực này.

Nghiên cứu thực tiễn tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cho thấy, trong 08 năm gần đây (2018 - 2025) trên toàn quốc, Tòa án nhân dân (TAND) các cấp đã xét xử 1.497 vụ án với 2.876 bị cáo về các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện, bình quân mỗi năm có khoảng 187,3 vụ án và 359,6 bị cáo (Bảng 4 - phụ lục). Đặc biệt, chỉ trong 3 năm (2020 - 2022), khi đại dịch COVID - 19 bùng phát, số vụ án và số người phạm tội có sự gia tăng đột biến (947 vụ, 1.834 bị can) với tính chất, mức độ, quy mô ngày càng phức tạp, nghiêm trọng, thậm chí gây thiệt hại lớn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, tác động, ảnh hưởng bất lợi về ngoại giao[1] (Biểu đồ 14 - phụ lục). Mặc dù, Bộ luật Hình sự (BLHS) chỉ dành 04 trên tổng số 22 điều luật tại Chương XXII để quy định các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nhưng thực tế nhóm tội phạm này lại chiếm tỷ trọng tương đối lớn với 21,46% tổng số vụ và 22,30% tổng số bị can trong nhóm Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Bảng 5; Biểu đồ 1 - Phụ lục). Từ đó cho thấy, mức độ phổ biến, tính chất nghiêm trọng, phức tạp, khó lường của loại tội phạm này, đặc biệt đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa và sự bùng nổ của khoa học - công nghệ hiện nay.

1. Trần Tuấn (2020), "Khởi tố 7 bị can liên quan đến vụ 39 người chết trong container ở Anh", https://laodong.vn/phap-luat/khoi-to-7-bi-can-lien-quan-vu-39-nguoi-chet-trong-xe-container-o-anh-785782.ldo, truy cập ngày 25/5/2025.

Những thông số trên phần nào phản ánh sự nỗ lực, quyết tâm của các chủ thể, lực lượng trong phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao các chủ thể đã triển khai, áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa tội phạm (PNTP) như: biện pháp văn hóa, giáo dục; biện pháp kinh tế - xã hội; biện pháp kiểm soát XNC; biện pháp điều tra, xử lý tội phạm; biện pháp QLNN về XNC nhằm hạn chế, khắc phục các nguyên nhân phát sinh tội phạm, từng bước kiểm soát, tiến tới đẩy lùi loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

Bên cạnh các kết quả đạt được, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định ảnh hưởng đến hiệu quả, mục tiêu đặt ra như: nhận thức về trách nhiệm phòng, chống tội phạm của các chủ thể vẫn chưa có sự đồng đều; các biện pháp phòng ngừa xã hội còn thiếu tính bền vững, chưa gắn chặt với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong giải quyết việc làm, thất nghiệp, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, biên giới, miền núi; việc triển khai các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt có lúc còn bị động, thiếu chiều sâu dẫn đến những hạn chế nhất định trong phòng, chống tội phạm; cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các lực lượng có khi còn chưa kịp thời, thống nhất; hoạt động hợp tác quốc tế vẫn còn những rào cản nhất định về chia sẻ thông tin, phối hợp trong điều tra, xử lý tội phạm... Những hạn chế trên, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó tập trung vào một số nguyên nhân sau: tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế và mặt trái của nền kinh tế thị trường; những hạn chế, khó khăn về nguồn lực, lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm; bất cập, vướng mắc của hệ thống pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm; sự thiếu đồng bộ, đột phá trong việc triển khai các biện pháp phòng ngừa chung, phòng ngừa chuyên biệt... Từ đó, đặt ra những yêu cầu cấp thiết trong tổng kết, đánh giá thực tiễn phòng ngừa, đưa ra các dự báo và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Trên phương diện lý luận, mặc dù vấn đề PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XNC nói riêng đã được một số công trình khoa học ở trong và ngoài nước tiếp cận, nghiên cứu. Tuy nhiên, việc nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ, chuyên sâu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn là khoảng trống, cần được tiếp cận, nghiên cứu,

luận giải và làm rõ. Từ đó, cung cấp hệ thống cơ sở khoa học, thực tiễn quan trọng cho việc hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Xuất phát từ những lý do trên, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài *"**Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện**"* làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành Tội phạm học và PNTP là cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Qua đó, góp phần bổ sung, phát triển lý luận tội phạm học và PNTP, cung cấp những luận cứ khoa học quan trọng làm cơ sở đề xuất các giải pháp tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới, đáp ứng các yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nhằm đưa ra dự báo và các giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án sẽ tập trung giải quyết một số nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, nghiên cứu, hệ thống hóa và đánh giá tổng quan các công trình khoa học ở trong và ngoài nước có liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, từ đó chỉ ra những vấn đề về lý luận và thực tiễn mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu, kế thừa, phát triển và làm sâu sắc hơn.

Hai là, phân tích, luận giải và xây dựng khung lý luận cơ bản về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, vai trò; cơ sở và nguyên tắc; nội dung, chủ thể, biện pháp; quan hệ phối hợp, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Ba là, khảo sát, phân tích, đánh giá thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện giai đoạn từ năm 2018 - 2025, trong đó tập trung vào các nội dung: tình hình tội phạm; thực tiễn tổ chức lực lượng, cơ chế phối hợp và hợp tác quốc tế; thực tiễn triển khai các biện pháp phòng ngừa; chỉ ra kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Bốn là, trên cơ sở những luận cứ lý luận và thực tiễn đã được nghiên cứu, luận án đưa ra các dự báo về tội phạm, các yếu tố tác động đến công tác phòng ngừa. Từ đó, đề xuất các giải pháp bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành Tội phạm học và PNTP, với phạm vi cụ thể như sau:

Về nội dung: nghiên cứu tổng thể những vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; phân tích, đánh giá thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; dự báo và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện gồm: Tội vi phạm quy định về XCNC (Điều 347); Tội tổ chức, môi giới cho người khác XCNC hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348); Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 349); Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 350).

Về chủ thể: nghiên cứu các chủ thể tham gia PNTP gồm: cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; các cơ quan tư pháp; cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân.

Về không gian: nghiên cứu trong phạm vi cả nước.

Về thời gian: khảo sát, đánh giá thực tiễn phòng ngừa giai đoạn từ năm 2018 - 2025 (khi BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành).

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Để đạt được mục tiêu, giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu, luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa

duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tội phạm; lý luận của khoa học tội phạm học; lý luận khoa học pháp lý và các ngành khoa học liên quan đến hoạt động phòng, chống tội phạm.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở các phương pháp luận nêu trên, nghiên cứu sinh đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể phù hợp với từng nội dung trong các chương của luận án nhằm giải quyết các nhiệm vụ, mục đích nghiên cứu đề ra, cụ thể như sau:

- *Phần tổng quan tình hình nghiên cứu*, với mục tiêu hệ thống hóa, phân tích, đánh giá có chọn lọc các công trình khoa học ở trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án nhằm làm rõ những kết quả nghiên cứu đã đạt được, những khoảng trống, nội dung cần tiếp tục kế thừa, phát triển trong luận án nghiên cứu sinh đã lựa chọn một số phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp lịch sử và nghiên cứu tài liệu: dùng để khảo sát, thống kê các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến tội phạm, phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, từ đó xác định các vấn đề, nội dung cần nghiên cứu, đồng thời rút ra những giá trị khoa học để xây dựng khung lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: từ kết quả thống kê, tiến hành phân tích, tổng hợp theo nhóm vấn đề để làm rõ nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu; tìm ra những kết quả, giá trị khoa học mà luận án có thể tiếp tục kế thừa, phát triển nghiên cứu, luận giải liên quan đến những vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

- *Chương 1*, nhằm xây dựng và hoàn thiện khung lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trên các phương diện khái niệm, đặc điểm, vai trò, cơ sở, nguyên tắc, nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa, luận án đã sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp lịch sử và nghiên cứu tài liệu: được sử dụng nhằm nghiên cứu, hệ thống hóa và làm rõ các quan điểm khoa học, các học thuyết và các vấn đề lý luận về tội phạm học và PNTP nói chung, phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng. Từ đó, xây dựng và hoàn thiện khung cơ sở lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng để phân tích, đánh giá các quan điểm khoa học, quy định của pháp luật, các kết quả nghiên cứu liên quan đến lý luận tội phạm học và PNTP. Trên cơ sở đó, nghiên cứu, kế thừa và phát triển các quan điểm khoa học nhằm xây dựng khung lý luận chuyên sâu về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Phương pháp mô tả: sử dụng để làm rõ dấu hiệu pháp lý, đặc điểm hình sự, tội phạm học của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, đồng thời mô tả, hệ thống hóa các đặc điểm, nội dung, chủ thể biện pháp phòng ngừa loại tội phạm này.

Phương pháp so sánh: được sử dụng nhằm đối chiếu, so sánh các quan điểm khoa học, kinh nghiệm trong và ngoài nước để làm rõ những vấn đề tương đồng, khác biệt trong nhận thức lý luận và tổ chức hoạt động phòng ngừa, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

- *Chương 2*, nhằm khảo sát, phân tích, đánh giá đầy đủ, khách quan thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 luận án đã kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp thu thập số liệu và thống kê: được sử dụng nhằm thu thập, tổng hợp các thông tin, số liệu, dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Trên cơ sở đó, thống kê, phân loại, hệ thống hóa theo các tiêu chí nhằm đánh giá tính chính xác, khách quan từ thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Phương pháp phân tích, tổng hợp số liệu: được sử dụng để đánh giá các thông tin, tài liệu, số liệu thu thập được trên cơ sở phân tích, so sánh, hệ thống hóa các dữ liệu nghiên cứu nhằm đánh giá khách quan, chính xác thực trạng tình hình tội phạm, thực tiễn phòng ngừa, những kết quả, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Phương pháp so sánh: được sử dụng để so sánh, đối chiếu các thông số của tình hình tội phạm qua từng năm, từng giai đoạn và theo các tiêu chí khác nhau nhằm đánh giá chính xác, khách quan bức tranh tổng thể tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, được sử dụng để so sánh, đối chiếu thực tiễn phòng ngừa giữa các chủ thể nhằm đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế thiếu sót trong PNTP này.

Phương pháp nghiên cứu điển hình: được sử dụng thông qua việc lựa chọn, nghiên cứu, phân tích chuyên sâu các vụ án điển hình nhằm đánh giá, làm rõ tình hình tội phạm, thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, các kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học minh chứng, khẳng định và làm rõ nét, chặt chẽ hơn các nhận định, đánh giá, kết luận được đưa ra tại Chương 2 của luận án.

Phương pháp chuyên gia: được sử dụng để tham vấn ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học và cán bộ thực tiễn trực tiếp thực hiện công tác phòng, chống các tội phạm về XNC. Kết quả tham vấn được sử dụng để kiểm chứng, bổ sung và hoàn thiện các luận cứ khoa học của luận án về những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

- *Chương 3*, với mục tiêu dự báo tội phạm, các yếu tố tác động đến công tác phòng ngừa và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp chuyên gia: được sử dụng nhằm thu thập, tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống các tội phạm. Kết quả tham vấn là cơ sở quan trọng để luận án đưa ra các dự báo về tội phạm, các yếu tố tác động đến công tác phòng ngừa, đồng thời kiểm chứng, bổ sung, hoàn thiện đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện.

Phương pháp nghiên cứu điển hình: được sử dụng để phân tích, so sánh các mô hình, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XNC của một số địa phương, chủ thể hoặc của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị khoa học và thực tiễn để đề xuất nghiên cứu, áp dụng nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Phương pháp phân tích, dự báo khoa học: được sử dụng nhằm phân tích quy luật, xu hướng của tình hình tội phạm, dự báo các yếu tố tác động đến công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Trên cơ sở kết quả dự báo, xây dựng và đề xuất các giải pháp bảo đảm tính hệ thống, khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Ngoài ra, nghiên cứu sinh còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp quy nạp, diễn dịch; phương pháp mô tả... để làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

5. Đóng góp mới và ý nghĩa của luận án

5.1. Đóng góp mới của luận án

- *Về lý luận,* luận án có những điểm mới nổi bật sau:

Luận án nghiên cứu, khảo sát tổng quát các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tội phạm nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng. Chỉ ra những quy định bất cập, chưa phù hợp, qua đó đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Luận án với cách tiếp cận đa ngành, liên ngành trong mối liên hệ giữa lý luận của tội phạm học và PNTP với triết học duy vật lịch sử, duy vật biện chứng, khoa học pháp luật hình sự, khoa học điều tra hình sự... nhằm bổ sung, hoàn thiện các vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa; cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa; nội dung, biện pháp phòng ngừa; phối hợp giữa các chủ thể, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Luận án là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách cơ bản, bao quát những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu trong phòng, chống tội phạm.

- *Về thực tiễn,* luận án có những điểm mới nổi bật sau*:*

Luận án đánh giá cơ bản, tổng quát về thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, mối quan hệ nhân quả giữa thực trạng của tình hình tội phạm với thực tiễn PNTP để làm sáng tỏ nguyên nhân phát sinh tội phạm, cũng như nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Luận án khảo sát, phân tích, đánh giá làm rõ nguyên nhân của tội phạm, nhân thân người phạm tội, mối quan hệ giữa nhân thân người phạm tội với tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, đưa ra dự báo về tội phạm, các yếu tố tác động đến hoạt động phòng ngừa và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC trong thời gian tới.

- Việc nghiên cứu cơ bản, bao gồm những vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về tội phạm học và PNTP. Cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng

cho việc hoạch định chính sách, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng. Ngoài ra, luận án còn là công trình khoa học có giá trị tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập trong các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu cũng như đối với chủ thể có chức năng, nhiệm vụ trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

5.2. Ý nghĩa của luận án

Ý nghĩa về lý luận: Luận án sẽ góp phần làm sáng tỏ, phát triển những vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, qua đó bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận của tội phạm học và PNTP nói chung. Kết quả nghiên cứu sẽ có giá trị tham khảo trong việc nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo chuyên ngành luật hình sự, tội phạm học và PNTP.

Ý nghĩa về thực tiễn: Luận án cung cấp bức tranh khái quát về thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, chỉ ra nguyên nhân của tội phạm, cũng như những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa loại tội phạm này. Đồng thời, đưa ra dự báo và đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đáp ứng các yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

Chương 2: Thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

Chương 3: Dự báo và giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Hiện nay, PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng đã được nghiên cứu, luận giải trong các công trình khoa học ở trong nước. Trên cơ sở mục tiêu, phạm vi, phương pháp tiếp cận khác nhau, các công trình khoa học đã tiếp cận nghiên cứu, luận giải một số vấn đề liên quan đến lý luận và thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, trong đó tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau đây.

1.1. Tình hình nghiên cứu những vấn đề lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nghiên cứu phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cần đặt trong nền tảng lý luận chung của PNTP. Bởi đây là phòng ngừa đối với một nhóm tội phạm cụ thể, việc xây dựng khung lý luận chuyên biệt phải xuất phát từ các quan điểm, nguyên tắc và cấu trúc lý luận của PNTP nói chung. Trong bối cảnh đó, một số công trình nghiên cứu cơ bản về lý luận PNTP có ý nghĩa định hướng quan trọng cho luận án như:

Các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện được thể hiện rõ nét nhất trong các giáo trình Luật Hình sự và các bình luận khoa học BLHS như: GS.TS Trần Minh Hưởng (2018), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập 2, Nxb Lao động; PGS.TS Cao Thị Oanh và TS. Lê Đăng Doanh (2016), sách *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015,* Nxb Lao động... Các công trình trên đã làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về XNC là cơ sở để định tội, phân biệt các tội phạm về XNC với các tội phạm khác.

GS.TS Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân. Giáo trình đã đề cập, làm rõ các vấn đề lý luận của tội phạm học như: khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, vị trí của tội phạm học trong mối liên hệ với các ngành khoa học khác. Nghiên cứu về tình hình tội phạm, nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm; nhân thân người phạm tội; dự báo tình hình tội phạm. Vấn đề xác định PNTP trong toàn cầu hóa cần có sự hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Đây là nội dung có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xây

dựng khung lý luận, nghiên cứu thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện với tính chất là một loại tội phạm xuyên quốc gia.

PGS.TS Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đương đại*, sách chuyên khảo, Nxb Chính trị - Hành chính. Trên nền tảng nội dung lý luận cốt lõi của tội phạm học, sách chuyên khảo Tội phạm học đương đại đã cung cấp khung lý luận tương đối đầy đủ về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, cơ chế kiểm soát xã hội, dự báo và PNTP. Đồng thời, nghiên cứu, tiếp cận các nội dung mới trong tội phạm học đương đại về: tội phạm học môi trường và học thuyết không gian phòng thủ; kiểm soát xã hội và kiểm soát tội phạm; tội phạm cổ cồn trắng... Những kết quả trên đã cung cấp cơ sở phương pháp luận quan trọng để phân tích tình hình, nguyên nhân các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện theo hướng tiếp cận đa chiều. Đồng thời, vận dụng các luận điểm khoa học về kiểm soát xã hội, kiểm soát tội phạm và dự báo tội phạm để đánh giá thực tiễn phòng ngừa, định hướng xây dựng các giải pháp phòng ngừa mang tính chủ động, hệ thống phù hợp với đặc thù của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

GS.TS Lê Thị Sơn (2022), *Giáo trình Tội phạm học*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân. Giáo trình đã hệ thống hóa bao quát những vấn đề lý luận của khoa học tội phạm học và PNTP, gồm 10 chương gắn với các nội dung nghiên cứu cốt lõi như: khái niệm, phương pháp, tình hình và nguyên nhân của tội phạm, nhân thân người phạm tội, nạn nhân, dự báo, kiểm soát và PNTP. Với cách tiếp cận tội phạm học là một ngành khoa học thực nghiệm, giáo trình nhấn mạnh nghiên cứu tội phạm trong tính hiện thực, nguyên nhân và cơ chế kiểm soát xã hội. Công trình không chỉ là tài liệu nền tảng về lý luận và phương pháp luận mà còn mang giá trị ứng dụng trong đánh giá thực tiễn và dự báo phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Trần Thị Lâm Thi (2021), *Giáo trình Tội phạm học*, Học viện An ninh nhân dân. Giáo trình đã đưa ra khái niệm về PNTP, coi đây là hoạt động của Nhà nước, xã hội và công dân nhằm khắc phục, hạn chế, triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, qua đó ngăn chặn, loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Bên cạnh đó, giáo trình còn hệ thống hóa mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và biện pháp phòng ngừa là cơ sở khoa học quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa, làm rõ những

vấn đề lý luận trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như: chủ thể, đặc điểm, cơ sở, biện pháp phòng ngừa...

TS. Mai Thị Thanh Nhung (2023), *Các tội: tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép; tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội. Công trình đã phân tích cơ sở lý luận, làm rõ quy định của BLHS năm 2015 và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, đồng thời chỉ ra những bất cập, hạn chế trong pháp luật hiện hành và thực tiễn thực thi, từ đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự đối với các tội phạm nêu trên. Đây là nguồn tư liệu có giá trị để luận án kế thừa làm rõ lý luận về các tội phạm về XNC, cũng như đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật trong phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

PGS.TS Trịnh Tiến Việt (2014), *Giáo trình Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*, Nxb Chính trị quốc gia. Giáo trình đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về tình hình tội phạm và tác động của tội phạm với xã hội, qua đó xác định mục tiêu và cơ chế kiểm soát xã hội tội phạm. Công trình nhấn mạnh vai trò huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội trong phòng, chống tội phạm, đề cao trách nhiệm chủ động của cộng đồng và làm rõ chức năng phát hiện, ngăn ngừa, xử lý tội phạm của các cơ quan chuyên trách. Những nội dung trên cung cấp nền tảng lý luận quan trọng để luận án kế thừa trong việc phân tích làm rõ vấn đề cơ chế kiểm soát xã hội đối với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

GS.TS Nguyễn Xuân Yêm và PGS.TS Nguyễn Minh Đức (2011), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội phạm trong bối cảnh toàn cầu hóa*, sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân. Cuốn sách trình bày những vấn đề lý luận về tội phạm trong bối cảnh toàn cầu hóa, hệ thống pháp luật liên quan đến phòng, chống tội phạm và đánh giá mức độ của tình trạng phạm tội, quan điểm, chính sách của một số quốc gia trên thế giới liên quan đến phòng, chống tội phạm. Điều này không chỉ góp phần làm sáng tỏ đặc trưng của tội phạm trong điều kiện toàn cầu hóa, phương thức kiểm soát, PNTP gợi mở cho nghiên cứu sinh kế thừa, vận dụng trong nghiên cứu lý luận phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, vốn mang bản chất xuyên quốc gia rõ nét.

Lê Thị Thùy Linh (2019), *Điều tra vụ án tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép*, tập bài giảng, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội. Công trình đã làm rõ tính chất có tổ chức của hoạt động phạm tội, sự phân công vai trò giữa các đối tượng, việc triệt để lợi dụng sơ hở trong QLNN về XNC, cũng như sự đan xen với các loại tội phạm khác. Bên cạnh đó, tác giả chỉ ra phạm vi rộng, tính xuyên quốc gia và đặc điểm kéo dài của hoạt động phạm tội trước khi bị phát hiện. Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở quan trọng để luận án kế thừa nhằm nhận diện đúng đặc điểm hoạt động của các tội phạm về XNC, từ đó xây dựng các giải pháp phòng ngừa hiệu quả đối với các tội phạm này.

Lê Văn Đại (2024), *Phòng ngừa tội phạm tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài tại địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ theo chức năng của lực lượng An ninh nhân dân*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân; Phạm Quốc Dũng (2024), *Phòng, chống tội phạm tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân*, Đề tài cấp Bộ, Học viện An ninh nhân dân. Các công trình trên nghiên cứu lý luận và thực trạng phòng ngừa một tội phạm cụ thể trong các tội về XNC theo chức năng của lực lượng Công an. Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc nhận diện đặc điểm, phương thức hoạt động và giải pháp phòng ngừa loại tội phạm cụ thể gắn với chức năng của lực lượng chuyên trách. Những kết quả nghiên cứu trên có giá trị định hướng quan trọng để luận án kế thừa, bổ sung và phát triển cơ sở khoa học cho việc làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá một loại tội phạm cụ thể.

1.2. Tình hình nghiên cứu thực tiễn, giải pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Cục An ninh điều tra (2022), *Kỷ yếu hội ý nghiệp vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh*, Quy Nhơn. Kỷ yếu tập hợp nhiều báo cáo, tham luận của Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan Trung ương nhằm đánh giá thực trạng điều tra, xử lý các tội phạm về XNC, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác đấu tranh, phòng ngừa loại tội phạm này. Kỷ yếu đã phân tích đặc điểm hoạt động của loại tội phạm này, chỉ ra những hạn chế, khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật; tổ chức, phối hợp lực lượng; hợp tác quốc tế cũng như triển khai các biện pháp, hoạt động điều tra, đấu tranh với các tội phạm về

XNC. Những nội dung này có giá trị tham khảo quan trọng để nghiên cứu sinh làm rõ tình hình, thực trạng các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, đánh giá kết quả phòng ngừa và đề xuất giải pháp tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này.

Lê Văn Đại (2024), *Phòng ngừa tội phạm tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài tại địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ theo chức năng của lực lượng An ninh nhân dân*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân; Lê Văn Đại (2019), *Bàn về xử lý hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài và xuất cảnh trái phép*, Tạp chí Kiểm sát, số 18/2019. Các công trình nghiên cứu của tác giả Lê Văn Đại đã có những đóng góp quan trọng trong việc làm rõ khía cạnh pháp lý và thực tiễn về PNTP tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Bài viết trên Tạp chí Kiểm sát đã chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong xử lý hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật hình sự góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này. Luận án tiến sĩ đã nghiên cứu tương đối đồng bộ về lý luận và thực tiễn PNTP tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài tại địa bàn Bắc Trung Bộ, làm rõ đặc điểm, phương thức hoạt động phạm tội cũng như đề xuất giải pháp phòng ngừa gắn với chức năng của lực lượng An ninh nhân dân. Hai công trình trên không chỉ giúp nghiên cứu sinh nhận diện, làm rõ thực trạng tội phạm mà còn cung cấp cơ sở khoa học, thực tiễn quan trọng để luận án phát triển các giải pháp PNTP về XCNC do CDVN thực hiện một cách rõ nét và hiệu quả hơn.

Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại Giao (2011), *Tổng quan về tình hình di cư của Công dân Việt Nam ra nước ngoài*, Hà Nội; Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại Giao (2017), *Hồ sơ di cư Việt Nam năm 2016*, Hà Nội. Các tài liệu trên đã cung cấp những tư liệu quan trọng về tình hình di cư quốc tế của CDVN trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đồng thời chỉ ra đặc điểm, nguyên nhân và hệ lụy của các dòng di cư. *"Tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài"* (2011) đã phân tích thực trạng, nguyên nhân và định hướng một số phương hướng phòng ngừa đối với tình trạng di cư bất hợp pháp thì *"Hồ sơ di cư Việt Nam năm 2016"* tiếp tục mở rộng nghiên cứu, làm rõ xu hướng di cư lao động, trong đó có các loại hình di cư trái phép sang các nước láng giềng. Những phát hiện về nhu cầu kinh tế, việc làm và tác động của hệ thống mạng lưới tổ chức XNC xuyên quốc gia đã phần nào lý giải nguyên nhân gốc rễ phát sinh các tội phạm về XNC. Đây là nền tảng khoa học

thực tiễn quan trọng để làm sáng tỏ nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, định hướng xây dựng các biện pháp phòng ngừa xã hội mang tính căn cơ, bền vững.

Cục Đối ngoại, Bộ Công an dịch (2020), *Đưa người di cư bất hợp pháp trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương những xu hướng và thách thức hiện tại*, Nxb Công an nhân dân. Tài liệu này đã tập trung phân tích đặc điểm, mô hình và mức độ hoạt động của tình trạng "di cư bất hợp pháp" tại 40 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Đồng thời, đề xuất 06 nhóm khuyến nghị về chính sách, pháp luật mang tính đồng bộ nhằm tăng cường phòng, chống đưa người di cư trái phép, bao gồm: hoàn thiện pháp luật; đẩy mạnh hợp tác quốc tế; nâng cao hiệu quả điều tra - truy tố; tịch thu lợi nhuận bất hợp pháp; mở rộng các kênh di cư hợp pháp; tăng cường chia sẻ dữ liệu. Những nội dung này có ý nghĩa quan trọng trong việc làm rõ phương thức, thủ đoạn và tuyến đường tổ chức, môi giới "di cư trái phép" xuyên quốc gia, đồng thời chỉ ra nguyên nhân, điều kiện thúc đẩy hoạt động tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép. Trên cơ sở đó, luận án kế thừa, đối chiếu và bổ sung trong phân tích thực trạng, nguyên nhân các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, định hướng trong đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

Phạm Hoàng Duy (2018), *Các vụ đưa người trốn đi nước ngoài và kinh nghiệm xử lý của lực lượng quản lý xuất, nhập cảnh*, sách tham khảo, Học viện An ninh nhân dân. Qua nghiên cứu các vụ án điển hình, tác giả đã chỉ ra những kinh nghiệm của lực lượng quản lý xuất nhập cảnh (QLXNC) trong quá trình tiếp nhận, xác minh, xử lý, điều tra các vụ việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Trong đó, tập trung vào các nội dung: dấu hiệu nhận định về khả năng hoạt động tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài; phương thức, thủ đoạn các đối tượng thường sử dụng; biện pháp nghiệp vụ sử dụng để phát hiện và xử lý tội phạm. Những nội dung trên có ý nghĩa thiết thực trong việc bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về phương thức, thủ đoạn phạm tội cũng như năng lực phòng ngừa, phát hiện của lực lượng chuyên trách. Đây là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng để xây dựng, đề xuất giải pháp phòng ngừa từ phía lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về XNC. Đặc biệt, tập trung vào giải pháp tăng cường năng lực cho lực lượng chuyên trách trong QLNN, phòng ngừa các tội phạm về XNC trong tình hình hiện nay.

Phạm Quốc Dũng (2024), *Phòng, chống tội phạm tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân*, Đề tài cấp Bộ, Học viện An ninh nhân dân. Đề tài đã tập trung làm rõ thực trạng phòng, chống tội phạm tổ chức, môi giới cho người khác XCNC trái phép theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân. Trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu công trình không chỉ chỉ ra những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai công tác phòng, chống loại tội phạm này mà còn đưa ra các dự báo và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân. Từ kết quả nghiên cứu trên, nghiên cứu sinh đã kế thừa, phát triển bổ sung phân tích thực trạng, nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm và hiệu quả phòng ngừa, đồng thời tham chiếu trong việc xây dựng hệ thống giải pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế và ứng phó với các thách thức từ tội phạm xuyên quốc gia trong tình hình hiện nay.

Nguyễn Vĩnh Long (2021), *Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống xuất cảnh, di cư trái phép sang các nước châu Âu*, Tạp chí Công an nhân dân, số 10/2021. Bài báo đã tập trung phân tích thực trạng tình hình CDVN xuất cảnh, di cư trái phép sang các nước châu Âu, qua đó làm rõ vai trò chi phối của các đường dây tội phạm xuyên quốc gia trong việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài. Đồng thời, chỉ ra sáu phương thức, thủ đoạn phạm tội đặc thù cùng với những kết quả bước đầu trong hoạt động phát hiện, ngăn chặn, phòng, chống di cư, xuất cảnh trái phép. Từ đó, tác giả đề xuất bảy nhóm giải pháp mang tính tổng thể, bao quát cả phương diện pháp luật, nghiệp vụ, hợp tác quốc tế và tuyên truyền nhằm phòng, chống XNC, di cư trái phép. Những nội dung này cung cấp cơ sở quan trọng để luận án kế thừa và phát triển trong việc làm rõ thực trạng, nguyên nhân và giải pháp PNTP về XCNC do CDVN thực hiện trong bối cảnh toàn cầu hóa và tội phạm xuyên quốc gia ngày càng phức tạp.

Nguyễn Hữu Quyền (2022), *Hoàn thiện quy định về tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép*, Tạp chí Kiểm sát, số 11/2022; Nguyễn Thị Thanh Thùy (2023), *Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh*, Tạp chí Kiểm sát, số 12/2023. Nghiên cứu quy định của BLHS năm 2015 đối với các tội phạm về XNC nói chung và tội tổ

chức, môi giới cho người khác trốn đi hoặc ở lại nước ngoài trái phép nói riêng, các tác giả đã kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự như: mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại; xác định thời điểm tội phạm hoàn thành; xem xét nhập Điều 348 và Điều 349 thành một điều luật bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong áp dụng pháp luật... Đây là cơ sở khoa học quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa, phát triển đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Trong khoa học quốc tế, vấn đề phòng ngừa các tội phạm về XNC thường được tiếp cận dưới khái niệm "đưa người di cư trái phép" (human smuggling, smuggling of migrants). Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nước ngoài nào đi sâu nghiên cứu, phân tích một cách trực tiếp lý luận và thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Do đó, nghiên cứu sinh đã kế thừa và khai thác có chọn lọc các công trình quốc tế ở trên phương diện có giá trị tham chiếu, bao gồm: lý luận tội phạm học và PNTP; khung pháp luật quốc gia và điều ước quốc tế; thực trạng và xu hướng vận động của tội phạm; cùng các mô hình, kinh nghiệm và giải pháp phòng ngừa. Việc tiếp cận này góp phần bổ sung cơ sở khoa học để luận giải đầy đủ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, cụ thể như sau:

2.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến lý luận phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Tilley Nick Wilian (2010), *Crime Prevention* (tạm dịch: *Phòng ngừa tội phạm*), Sách tham khảo, Học viện An ninh nhân dân biên dịch. Công trình trên đóng góp nền tảng trong việc hình thành cách tiếp cận hiện đại đối với PNTP, khi hệ thống hóa các cấp độ và cơ chế phòng ngừa trong điều kiện quản trị an ninh của các quốc gia phát triển. Tác giả không chỉ chỉ ra tính tất yếu của việc vận dụng tổng hợp các biện pháp tư pháp, xã hội và cá nhân mà còn làm rõ xu thế gia tăng phụ thuộc vào khoa học - công nghệ như một công cụ cốt lõi trong kiểm soát tội phạm đương đại. Trên cơ sở đó, cung cấp những cơ sở tham chiếu quan trọng trong việc tiếp cận, diễn giải và bổ sung khung lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, đặc biệt trên phương diện xây dựng hệ thống biện pháp PNTP trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Iskhakov Aydar Mintalibovich (2018), *Criminal-legal and criminological aspects of illegal migration organization* (tạm dịch: *Các khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm của tổ chức di cư bất hợp pháp*), luận án, Saint Petersburg University of the Ministry of Internal Affairs of Russia, Kazan. Luận án đã phân tích, làm rõ cơ sở pháp lý quốc tế, quy định pháp luật hình sự Liên bang Nga và một số quốc gia khác về trách nhiệm pháp lý đối với hành vi tổ chức di cư bất hợp pháp, đồng thời khai thác dữ liệu thống kê và thông tin từ không gian mạng để minh chứng thực tiễn áp dụng. Công trình đã làm rõ lịch sử hình thành, xu hướng phát triển của pháp luật hình sự trong lĩnh vực này, chỉ ra các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm di cư trái phép và đặc thù của hoạt động phòng ngừa. Những kết quả nghiên cứu này có giá trị khoa học quan trọng, tạo cơ sở để nghiên cứu sinh kế thừa trong việc xây dựng khung lý luận phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

Minkovskij G.M., *Justification of crime prevention* (tạm dịch: *Cơ sở lý luận của việc phòng ngừa tình hình tội phạm*), sách chuyên khảo, Nxb Moskva, jurid. Literature. Tác giả đã luận giải tội phạm là một hiện tượng xã hội có nguyên nhân, điều kiện cụ thể, do đó PNTP trước hết phải tập trung vào nhận diện, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện đó. Tác giả nhấn mạnh hệ thống các biện pháp phòng ngừa phải mang tính đồng bộ, cụ thể. Trong đó, cơ sở kinh tế - xã hội của phòng ngừa bao gồm việc khắc phục các hiện tượng tiêu cực, cải thiện điều kiện sống, nâng cao trình độ văn hóa và phát huy vai trò tích cực của giáo dục gia đình. Điều này cung cấp nền tảng lý luận cho việc tổ chức hoạt động phòng ngừa, định hướng trong việc xây dựng giải pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, bảo đảm sự gắn kết giữa biện pháp phòng ngừa.

Vito Gennaro F., Jeffrey R. Maahs, Ronald M. Holmes (2006), *Criminology: Theory, Research, and Policy* (tạm dịch: *Tội phạm học: Lý thuyết, nghiên cứu và chính sách*), sách tham khảo, Nxb Jones & Bartlett Learning, Hoa Kỳ; Hagan Frank E., Leah E. Daigle (2018), *Introduction to Criminology: Theories, Methods, and Criminal Behavior* (tạm dịch: *Giới thiệu về Tội phạm học: Các lý thuyết, phương pháp và hành vi tội phạm*), sách tham khảo, Nxb SAGE, Hoa Kỳ. Các tác giả đã làm rõ cơ chế thực hiện hành vi phạm tội được xem là trọng tâm trong phân tích tội phạm học, đặc biệt đối với tội phạm có tổ chức, các dạng tội

phạm mới nổi. Đồng thời, luận giải cơ chế thực hiện hành vi phạm tội trên cơ sở vận dụng đa ngành, kết hợp giữa tội phạm học với xã hội học, tâm lý học... để lý giải nguyên nhân, hệ quả của hành vi phạm tội. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để nghiên cứu, vận dụng trong việc làm rõ các vấn đề lý luận về đặc điểm phòng ngừa và xác định hệ thống các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Bonifazi Corrado, Marek Okólski, Jeannette Schoorl & Patrick Simon (2008), *International Migration in Europe: New Trends and New Methods of Analysis* (tạm dịch: *Các xu hướng và phương pháp phân tích mới về di cư quốc tế ở Châu Âu*), sách tham khảo, Nxb Amsterdam University Press, Hà Lan. Cuốn sách đã phác thảo, nghiên cứu các xu hướng, phương pháp phân tích mới về di cư quốc tế, trong đó có di cư trái phép, gắn với đặc điểm của các tội phạm xuyên quốc gia. Công trình chỉ ra sự đan xen giữa tội phạm tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài với tội phạm mua bán người; sự tác động qua lại giữa người di cư, người tổ chức, người sử dụng lao động và chính sách phòng, chống tội phạm; đồng thời phân tích nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm này, từ nhu cầu cá nhân, hiệu quả quản lý của cơ quan chức năng đến những sơ hở của pháp luật và chính sách. Đây là nguồn tư liệu quan trọng để xây dựng khung lý luận về đặc điểm, biện pháp, chủ thể và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

2.2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn, giải pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nozina. M (2009), *Crime networks in Vietnamese diasporas: The Czech Republic case* (tạm dịch: *Mạng lưới tội phạm trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại: từ thực tiễn tại Cộng hòa Séc*), Crime, Law and Social Change Journal; Silverstone Daniel, Stephen Savage (2010), *Farmers, factories and funds: organised crime and illicit drugs cultivation within the British Vietnamese community* (Tạm dịch: *Nông dân, nhà máy và quỹ: tội phạm có tổ chức và trồng ma túy trái phép trong cộng đồng người Việt ở Vương quốc Anh*), Global Crime, Taylor & Francis Journals. Các tác giả đã cung cấp luận cứ quan trọng để làm rõ tính chất xuyên quốc gia của các mạng lưới tội phạm người Việt trong hoạt động tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài trái phép. Nếu như tác giả Nozina. M cho thấy sự hình thành các mô hình tội phạm có tổ chức với sự liên hệ giữa các nhóm ở Việt Nam và

Trung Quốc, thì nghiên cứu của tác giả Daniel Silverstone & Stephen Savage tiếp tục khẳng định đặc điểm tương đồng về cấu trúc mạng lưới, động cơ vụ lợi và sự gắn kết giữa các cá nhân, nhóm người Việt phạm tội tại Anh liên quan đến các hoạt động trồng cần sa, rửa tiền và tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài. Những nội dung này có ý nghĩa quan trọng trong làm rõ tình hình, đặc điểm phòng ngừa các tội phạm về XNC trong mối liên hệ với các tội phạm xuyên quốc gia khác.

Massey Douglas S. (ed.), J. Edward Taylor (ed.) (2004), *International Migration: Prospects and Policies in a Global Market* (Tạm dịch: *Di cư quốc tế: Triển vọng và chính sách trên thị trường toàn cầu*), Oxford University Press, UK. Nghiên cứu đã chỉ ra những yếu tố cấu thành quan trọng trong việc thúc đẩy tình trạng tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài ở châu Á, đặc biệt từ góc độ tác động của chính sách và sự tham gia của khu vực tư nhân. Đồng thời chỉ ra hệ quả của những chính sách hạn chế, cấm đoán trong lĩnh vực xuất khẩu lao động làm gia tăng nhu cầu tìm đến các đường dây tổ chức trốn ra nước ngoài. Đồng thời, chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến các hành vi tổ chức di cư trái phép. Những nội dung này có ý nghĩa kế thừa quan trọng để luận án làm rõ nguyên nhân các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, đồng thời là cơ sở dự báo và định hướng để đề xuất các biện pháp phòng ngừa bảo đảm tính khả thi, hiệu quả.

UNODC (2018), *Global Study on Smuggling of Migrants 2018* (tạm dịch: *Nghiên cứu toàn cầu về đưa người di cư trái phép năm 2018*), sách tham khảo, United Nations publication, New York. Kết quả nghiên cứu của UNODC đã cung cấp những phân tích toàn diện về hoạt động tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài từ khu vực Đông và Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, thông qua nhiều tuyến đường phức tạp từ đường hàng không, đường bộ, đường biển gắn liền với việc sử dụng giấy tờ giả mạo và sự phối hợp xuyên quốc gia. Báo cáo không chỉ làm rõ các phương thức, thủ đoạn phạm tội, đặc điểm của người tổ chức và người trốn mà còn chỉ ra mối liên hệ giữa hoạt động đưa người trốn đi nước ngoài với các tội phạm xuyên quốc gia khác như mua bán người, buôn lậu. Những nội dung này có giá trị kế thừa quan trọng để luận án phân tích sâu sắc thực trạng, nguyên nhân, điều kiện cũng như đặc điểm của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, qua đó làm cơ sở khoa học cho việc dự báo và đề xuất các giải pháp phòng ngừa nghiệp vụ, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa loại tội phạm này.

Costantino Fabrizio (2014), *Which factors drive illegal immigration? An empirical analysis of the U.S. and the E.U* (tạm dịch: *Những nhân tố nào thúc đẩy nhập cư bất hợp pháp? Nghiên cứu thực nghiệm của Mỹ và EU*), luận án tiến sĩ, Universitat Pompeu Fabra Barcelona. Luận án đã cung cấp cơ sở thực nghiệm quan trọng để nhận diện nguyên nhân và điều kiện thúc đẩy tình trạng nhập cư bất hợp pháp tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi như: tác động kinh tế để làm suy yếu năng lực tài chính của các tổ chức tội phạm; tăng cường biện pháp điều tra - xử lý nhằm răn đe, kìm hãm sự phát triển của mạng lưới phạm tội; đẩy mạnh hợp tác quốc tế giữa cơ quan thực thi pháp luật các nước. Những luận điểm này có giá trị kế thừa trực tiếp đối với việc nghiên cứu, phân tích làm rõ nguyên nhân của tội phạm mà còn gợi mở hướng tiếp cận các giải pháp phòng ngừa mang tính hệ thống, đa chiều và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế nhằm phòng ngừa hiệu quả các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện.

MacLean Douglas (2016), *Dangerous unions: mapping human smuggling and human trafficking in international marriage through Japan's legal response* (Tạm dịch: *Sự kết hợp nguy hiểm giữa tổ chức đưa người di cư trái phép và mua bán người trong hôn nhân quốc tế thông qua phản ứng pháp lý của Nhật Bản*), Institute of Developing Economies Discussion Paper No. 594. Công trình nghiên cứu mang lại góc nhìn chuyên sâu về sự kết hợp nguy hiểm giữa tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài và mua bán người thông qua hôn nhân quốc tế, đồng thời đề cập đến các chính sách phòng, chống của Nhật Bản với vấn đề này. Nghiên cứu cho thấy, chính sách nhập cư hạn chế và QLNN lỏng lẻo trong môi giới hôn nhân là điều kiện nảy sinh, gia tăng các hoạt động tổ chức đưa người di cư trái phép. Tác giả đã đưa ra bốn khuyến nghị để phòng, chống tổ chức đưa người di cư trái phép như: phát triển kênh di cư hợp pháp; tập trung phát hiện mạng lưới tổ chức đưa người di cư trái phép; học hỏi kinh nghiệm quốc tế về môi giới hôn nhân... Đây là cơ sở để nghiên cứu sinh làm rõ nguyên nhân, phương thức, thủ đoạn và định hướng các giải pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Antonopoulos Georgios A., Gabriele Baratto, Andrea Di Nicola, Parisa Diba, Elisa Martini, Georgios Papanicolaou, Fiamma Terenghi (2020), *Technology in Human Smuggling and Trafficking Case Studies from Italy and the United Kingdom* (Tạm dịch: *Công nghệ thông tin trong tổ chức đưa người trốn đi nước*

ngoài và mua bán người từ thực tiễn ở Ý và Vương Quốc Anh), sách tham khảo, Springer Nature, Germany. Công trình trên đã làm rõ vai trò của Internet và công nghệ số trong hoạt động tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài và mua bán người, đặc biệt thông qua sử dụng web công khai hoặc bí mật để tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài. Thông qua các nghiên cứu điển hình tại Ý và Vương quốc Anh, các tác giả đã chỉ ra những dạng trang web được sử dụng, phương thức, hành vi phổ biến của các đối tượng phạm tội. Những kết quả đó có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên cứu sinh trong việc phân tích tác động của công nghệ đến sự biến đổi phương thức phạm tội đối với các tội tổ chức, môi giới XNC trái phép, đồng thời gợi mở cơ sở khoa học với các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Internatinal labour organization (2018), *Digitalization to promote decent work for migrant workers in ASEAN* (Tạm dịch: *Số hóa để thúc đẩy việc làm hợp pháp cho người lao động di cư ở ASEAN*), Tài liệu chuyên đề Diễn đàn ASEAN lần thứ 11 về Lao động Di cư, Singapore; Indriani Masitoh (2020), *Biometric Data Sharing in addressing Irregular Migration and Security Issues within The Bali Process Framework for Indonesia and ASEAN Member States* (Tạm dịch: *Chia sẻ dữ liệu sinh trắc học trong việc giải quyết vấn đề di cư bất hợp pháp và các vấn đề an ninh trong khuôn khổ Tiến trình Bali cho Indonesia và các quốc gia thành viên ASEAN*), bài báo khoa học, Journal of Southeast Asian Human Rights, Indonesia, Vol. 4, No. 2. Các công trình trên đã cung cấp những luận cứ khoa học quan trọng về vai trò của việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kiểm soát di cư. Trong khi, tài liệu "*Diễn đàn về Lao động Di cư"* nhấn mạnh giá trị của số hóa dữ liệu, quản lý điện tử và minh bạch hóa thông tin về di cư lao động như một cơ chế phòng ngừa từ sớm, từ xa nhằm giảm thiểu động cơ, nhu cầu tìm đến các kênh di cư bất hợp pháp, thì nghiên cứu của tác giả Masitoh Indriani đã giúp làm rõ ý nghĩa của chia sẻ dữ liệu sinh trắc học và hợp tác quốc tế trong phát hiện, ngăn chặn các mạng lưới tội phạm xuyên quốc gia về tổ chức di cư bất hợp pháp. Đây là những gợi mở quan trọng cho luận án trong việc xây dựng các giải pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện theo hướng kết hợp phòng ngừa xã hội, hợp tác quốc tế với ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong phòng ngừa các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

3. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

3.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Qua khảo sát, nghiên cứu các công trình khoa học ở trong và ngoài nước liên quan đến đề tài phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, có thể rút ra một số nhận định, đánh giá khái quát, cơ bản như sau:

Kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu, các công trình nghiên cứu nêu trên đã góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển khung lý luận, thực tiễn về tội phạm học và PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng, cụ thể:

Các công trình nghiên cứu trong nước đã góp phần hình thành nền tảng lý luận tương đối toàn diện trong nghiên cứu về tội phạm học và PNTP, trong đó có lý luận về phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện, từ việc làm rõ dấu hiệu pháp lý, đặc điểm hình sự, lý luận tội phạm học, cơ chế kiểm soát xã hội cho đến nhận diện đặc điểm, nguyên nhân của loại tội phạm này. Nhiều công trình đã tiếp cận đa dạng cả ở cấp độ lý luận, pháp luật và thực tiễn, phản ánh sinh động tình hình tội phạm, phương thức thủ đoạn phạm tội, cũng như những khó khăn trong áp dụng pháp luật, kinh nghiệm của các chủ thể, lực lượng trong phòng, chống tội phạm. Trên cơ sở đó, cung cấp nguồn tư liệu quan trọng để đánh giá toàn diện, khách quan thực tiễn phòng ngừa và xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Đáng chú ý, các nghiên cứu chuyên sâu của lực lượng Công an đã có những luận giải quan trọng trong đánh giá tình hình tội phạm, thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XNC, đặc biệt là làm rõ cơ chế tổ chức và yêu cầu hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm, góp phần định hướng rõ hơn phương pháp tiếp cận phòng ngừa gắn với chức năng của từng chủ thể, địa bàn. Đây là cơ sở khoa học cần thiết để luận án kế thừa, phát triển và hoàn thiện hệ thống các luận cứ nhằm nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tình hình tội phạm xuyên quốc gia ngày càng phức tạp, khó lường.

Các công trình nghiên cứu nước ngoài, tiếp cận vấn đề PNTP về XNC chủ yếu trong khuôn khổ nghiên cứu về "đưa người di cư trái phép", tập trung lý giải cơ chế phạm tội, khung pháp lý quốc tế, đặc điểm "vận động" của di cư bất hợp pháp

và các mô hình phòng ngừa hiện đại. Mặc dù chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, nhưng các kết quả nghiên cứu đã cung cấp hệ thống luận cứ quan trọng về lý thuyết tội phạm học và PNTP về đặc điểm, phương thức của loại tội phạm xuyên quốc gia này, cũng như chính sách, phương thức ứng phó trong phòng, chống với vấn đề di cư trái phép. Việc kế thừa chọn lọc những kết quả trên cho phép nghiên cứu sinh xây dựng cơ sở khoa học vững chắc để luận giải sâu sắc hơn về thực trạng tình hình tội phạm, thực tiễn phòng ngừa loại tội phạm này trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số hiện nay. Đồng thời, góp phần định hướng, xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện bảo đảm các yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Một số hạn chế hoặc chưa thống nhất của các công trình nghiên cứu, bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn những khoảng trống về lý luận và thực tiễn liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện có thể khái quát như sau:

Các công trình nghiên cứu trong nước, mặc dù đã có sự tiếp cận tương đối đa dạng về lý luận, thực tiễn liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XNC nhưng vẫn chưa hình thành hệ thống lý luận chuyên biệt về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Phần lớn các nghiên cứu đang dừng lại ở việc làm rõ dấu hiệu pháp lý, phân tích tình hình, phương thức thủ đoạn hoặc đề xuất các giải pháp phòng ngừa gắn với một chủ thể chuyên biệt hoặc địa bàn cụ thể nên chưa xây dựng khung lý luận khoa học, bao quát, chuyên sâu về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Bên cạnh đó, chưa nghiên cứu, luận giải được một cách hệ thống về mối quan hệ giữa nguyên nhân của tội phạm với các yếu tố tác động, xu hướng vận động của tội phạm... Do vậy, việc tiếp tục nghiên cứu nhằm bổ sung, hoàn thiện cơ sở lý luận, thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là hết sức cần thiết, quan trọng.

Các công trình nghiên cứu nước ngoài, chủ yếu tiếp cận vấn đề này dưới góc độ "di cư trái phép", gắn với đặc điểm tội phạm xuyên quốc gia và tập trung lý giải cơ chế vận hành của các mạng lưới tội phạm, đặc điểm người di cư, khuôn khổ pháp lý quốc tế mà chưa có công trình khoa học nào trực tiếp nghiên cứu, luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện. Hơn nữa, các công trình chỉ dừng lại ở việc mô tả xu hướng, phương thức

phạm tội hoặc đề xuất các chính sách ở tầm khái quát, chưa đi sâu vào đặc thù kinh tế - xã hội, bối cảnh pháp lý, cấu trúc tổ chức tội phạm và yêu cầu phòng ngừa gắn với điều kiện thực thi pháp luật tại Việt Nam. Cùng với đó, các kết quả nghiên cứu quốc tế còn thiếu sự tích hợp các yếu tố văn hóa, "mô hình di cư" đặc thù của Việt Nam khiến khả năng vận dụng phòng loại tội phạm này tại Việt Nam còn hạn chế. Vì vậy, các công trình này chỉ có giá trị tham chiếu, kế thừa có chọn lọc nhằm bổ sung các cơ sở khoa học cho việc xây dựng khung lý luận và hệ thống giải pháp phòng ngừa loại tội phạm này phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn tại Việt Nam.

3.2. Những vấn đề luận án cần nghiên cứu hoặc tiếp tục nghiên cứu

Từ kết quả khảo sát, nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá các công trình khoa học trong và ngoài nước cho thấy, vẫn còn những vấn đề cả về lý luận và thực tiễn liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện mà luận án cần luận giải, nghiên cứu hoặc tiếp tục phát triển. Do đó, để đạt được mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra, luận án cần tiếp tục luận giải, làm rõ một số vấn đề sau:

Về lý luận, mặc dù đã có những nghiên cứu bước đầu đề cập đến phòng ngừa các tội phạm về XNC, song các khía cạnh về lý luận phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn là khoảng trống, cần được nghiên cứu, luận giải một cách chuyên sâu, đầy đủ hơn. Do đó, luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ các vấn đề sau: 1) xây dựng, luận giải, làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; 2) làm rõ cơ sở phòng ngừa, nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; 3) phân tích, luận giải nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; (4) xác định, làm rõ quan hệ phối hợp giữa các chủ thể và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Về thực tiễn, phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải có những khảo sát, nghiên cứu, đánh giá bao quát, khách quan, sâu sắc. Do đó, luận án cần tiếp tục tập trung nghiên cứu, làm rõ các nội dung sau: 1) đánh giá khách quan, chính xác tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; 2) đánh giá thực tiễn tổ chức lực lượng, quan hệ phối hợp, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; phân tích, làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Về định hướng giải pháp, trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, luận án sẽ đưa ra các dự báo khoa học, đồng thời đề xuất các giải pháp mang tính đồng bộ, khả thi nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

4. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

Xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu đề tài, luận án đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu và các giả thuyết khoa học như sau:

Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu tổng quát: Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện được tổ chức, triển khai như thế nào? Cần xây dựng, triển khai những giải pháp nào nhằm tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới?

Câu hỏi nghiên cứu chi tiết: Nhận thức như thế nào về khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện? Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện dựa trên những cơ sở, nguyên tắc nào? Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện bao gồm những nội dung, chủ thể, biện pháp nào?

Tình hình, nguyên nhân của các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 ra sao? Thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế và các biện pháp phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện diễn ra như thế nào? Có những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót gì trong phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót đó?

Dự báo về các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới sẽ như thế nào? Cần có những giải pháp nào để tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới?

Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu tổng quát: Thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực, phát huy được vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, biện pháp phòng ngừa song vẫn còn những hạn chế, thiếu sót nhất định và cần có những giải pháp đồng bộ, hiệu quả để tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này trong thời gian tới.

Giả thuyết nghiên cứu chi tiết: Chưa có lý luận chuyên biệt về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, đòi hỏi phải vận dụng các cơ sở lý

luận chung của ngành khoa học Tội phạm học và PNTP để làm sáng tỏ, rõ nét những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về XNC là tương đối đầy đủ, nhưng cần phải được nghiên cứu, khái quát cụ thể phù hợp với thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Chưa có những nghiên đầy đủ, cụ thể để làm rõ tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025. Cần thu thập, thống kê, phân tích thông tin, tài liệu, số liệu do các cơ quan chức năng cung cấp và từ khảo sát thực tiễn để đánh giá chính xác, khách quan thực tiễn tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế và thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn những hạn chế, thiếu sót nhất định và cần nghiên cứu, luận giải để làm sáng tỏ nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót đó trong phòng ngừa loại tội phạm này.

Thời gian tới, vẫn sẽ có những yếu tố tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Trên cơ sở các dự báo được đưa ra, cần áp dụng đồng bộ các giải pháp bảo đảm tính khả thi, hiệu quả trong thực tiễn để tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Kết luận tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong phần tổng quan, nghiên cứu sinh đã tập trung phân tích, làm rõ các công trình nghiên cứu tiêu biểu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh đã phân tích, làm rõ những đóng góp tích cực của các công trình khoa học, tìm ra những vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu, luận giải, làm rõ với những nội dung chưa được tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ.

Nghiên cứu cho thấy, các công trình khoa học liên quan đến đề tài phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã được tiếp cận theo nhiều khía cạnh khác nhau như: hình sự, tố tụng hình sự, tội phạm học và PNTP... Đáng chú ý, một số công trình khoa học trong nước đã khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình tội phạm, thực tiễn phòng ngừa và đề xuất một số giải pháp liên quan đến phòng ngừa một số tội cụ thể trong nhóm các tội phạm về XNC. Trong khi đó, các công trình

ngoài nước tiếp cận loại tội phạm này với thuật ngữ "di cư trái phép" đã cung cấp những hiểu biết sâu sắc cho nghiên cứu sinh về cơ chế phạm tội, phương thức, thủ đoạn, mạng lưới phạm tội xuyên quốc gia, gợi mở các vấn đề trong tăng cường khả năng PNTP, trong đó nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế về chống di cư trái phép. Những kết quả đó đã mang lại những giá trị, nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng để nghiên cứu sinh tiếp tục kế thừa, nghiên cứu, làm rõ các nội dung trong luận án.

Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những khoảng trống nghiên cứu mà luận án cần phải tiếp tục nghiên cứu, luận giải, làm sâu sắc thêm đó là: xây dựng khung lý luận chuyên biệt về phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện; khảo sát, phân tích, đánh giá thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; đưa ra dự báo và các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đáp ứng các yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình hiện nay, đặc biệt đặt trong bối cảnh sự phát triển của khoa học công nghệ - cuộc cách mạng số 4.0, quá trình hội nhập quốc tế và tình hình các tội phạm xuyên quốc gia ngày càng phức tạp, nguy hiểm, khó lường.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Lý luận về PNTP giữ vai trò nền tảng quan trọng trong nhận thức bản chất của hoạt động phòng ngừa, tuy nhiên đối với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đến nay vẫn chưa hình thành một khung lý luận hoàn chỉnh, thống nhất để phản ánh đầy đủ đặc điểm tội phạm học và yêu cầu phòng ngừa loại tội phạm này. Xuất phát từ yêu cầu đó, Chương 1 của luận án tập trung xây dựng, hoàn thiện khung lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu, vận dụng các học thuyết, quan điểm khoa học của tội phạm học. Luận án sẽ tập trung luận giải và làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm, vai trò, cơ sở, nguyên tắc, chủ thể, nội dung và hệ thống các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Việc xây dựng một khung lý luận thống nhất không chỉ góp phần bổ sung, phát triển lý luận chuyên ngành Tội phạm học và PNTP đối với loại tội phạm này mà còn tạo lập cơ sở khoa học quan trọng cho việc đánh giá thực tiễn, dự báo tội phạm và đề xuất các giải pháp phòng ngừa có tính hệ thống, khả thi trong thực tiễn phòng, chống tội phạm.

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.1.1. Khái niệm phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

- *Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện*

+ Khái niệm các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Khoản 1, Điều 8 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) định nghĩa: *"Tội phạm hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự".*

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) dành 04 điều luật tại Chương XXII từ Điều 347 đến Điều 350 để quy định các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện gồm: Tội vi phạm quy định về XCNC (Điều 347); Tội tổ chức, môi giới cho người khác XCNC hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348); Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 349); Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 350).

Theo Từ điển Luật học: *"Xuất cảnh là ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, qua các cửa khẩu quốc tế, qua biên giới để ra nước ngoài"*[2]; "*nhập cảnh là việc người, phương tiện di chuyển qua biên giới để vào lãnh thổ một nước"*[3]. Khái niệm về XCNC cũng được quy định tại Luật XCNC của CDVN năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023): "*Xuất cảnh là việc công dân Việt Nam ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam"*; *"nhập cảnh là việc công dân Việt Nam từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam"*[4]. Như vậy, các tài liệu trên đều xác định: xuất cảnh là việc CDVN ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tại cửa khẩu của Việt Nam; nhập cảnh là việc CDVN từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam và hoạt động XCNC của CDVN được coi là hợp pháp khi thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Từ việc nghiên cứu định nghĩa tội phạm và các dấu pháp lý được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 BLHS hiện hành, có thể đưa ra khái niệm:

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là những hành vi vi phạm quy định về XCNC*; tổ chức, môi giới cho người khác* XCNC*, trốn đi nước ngoài, trốn ở lại nước ngoài hoặc ở lại Việt Nam trái phép; cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 BLHS, do CDVN có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên thực hiện một cách cố ý, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực XNC mà theo quy định của BLHS phải bị xử lý hình sự.*

+ Dấu hiệu pháp lý của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Về khách thể của tội phạm: các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện xâm hại trực tiếp đến sự ổn định trong hoạt động QLNN về XNC, đặt nạn nhân của

2. Viện Khoa học Pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 872.
3. Viện Khoa học Pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 590.
4. Khoản 1, 2 Điều 2 Luật XCNC của CDVN năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

tội phạm vào các tình trạng vô nhân đạo và tính mạng bị đe dọa[5]. Đồng thời, gián tiếp gây ảnh hưởng tới nhiều lĩnh vực khác về an ninh trật tự, an toàn xã hội và các nguy cơ tiềm tàng liên quan đến các tội phạm xuyên quốc gia.

Về mặt khách quan của tội phạm, nghiên cứu các tội phạm được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 BLHS có thể khái quát các dấu hiệu pháp lý đặc trưng trong mặt khách quan của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như sau:

Bộ luật Hình sự hiện hành không mô tả cụ thể, chi tiết về các hành vi XCNC do CDVN thực hiện, do đó vẫn có cách hiểu, tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu luận án khái quát các tội phạm này thành các nhóm hành vi sau:

Nhóm hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; nhập cảnh trái phép; ở lại Việt Nam trái phép; trốn đi nước ngoài trái phép; ở lại nước ngoài trái phép. Mặc dù BLHS không mô tả cụ thể hành vi "tổ chức" trong các tội phạm về XNC, tuy nhiên nghiên cứu thực tiễn phòng, chống tội phạm này có thể xác định biểu hiện của nhóm hành vi này gồm: chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, thành lập nhóm phạm tội đưa người XNC trái phép; lập kế hoạch, điều khiển, đôn đốc, phân công, điều hành đường dây XNC trái phép... Đặc trưng của nhóm hành vi này thường diễn ra dưới hình thức đồng phạm, có thể là đồng phạm giản đơn hoặc đồng phạm có tổ chức, thậm chí hình thành các đường dây phạm tội xuyên quốc gia.

Nhóm hành vi môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép; nhập cảnh trái phép; ở lại Việt Nam trái phép; trốn đi nước ngoài trái phép; ở lại nước ngoài trái phép. Nghiên cứu cho thấy, hành vi môi giới chỉ là trung gian, cầu nối giữa những người có nhu cầu XNC trái phép, trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép với những đối tượng tổ chức (cầm đầu, chỉ huy, điều hành). Đây là một mắt xích quan trọng, góp phần duy trì tính "dịch vụ bất hợp pháp" của loại tội phạm này.

Nhóm hành vi khác bao gồm hành vi vi phạm quy định về XCNC; cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép. Hành vi vi phạm quy định về XCNC được hiểu là hành vi ra khỏi lãnh thổ hoặc vào lãnh thổ Việt Nam không làm hoặc làm không đúng thủ tục XCNC theo quy định của pháp luật và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm. Cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép là hành vi cưỡng bức, ép buộc người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép.

---

5. Ủy ban Soạn thảo hướng dẫn chính sách Tiến trình Bali, Hướng dẫn chính sách về hình sự hoá đưa người di cư trái phép, 2014, tr. 2.

Về hình thức thực hiện tội phạm, với tính chất đặc trưng là các hành vi tổ chức, môi giới, cưỡng ép nên các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu thực hiện dưới hình thức hành động phạm tội, trường hợp không hành động phạm tội chỉ xuất hiện ở loại người giúp sức trong đồng phạm.

Về chủ thể của tội phạm, các tội phạm về XNC được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 BLHS có thể do CDVN hoặc người nước ngoài thực hiện. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của luận án chỉ xác định các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

Về dấu hiệu chủ quan của tội phạm, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện với lỗi cố ý, người phạm tội nhận thức rõ hành vi nguy hiểm, thấy trước hậu quả do hành vi nguy hiểm của mình gây nên, mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc để định tội nhưng trong một số trường hợp là cơ sở để xác định trách nhiệm pháp lý (xử lý hình sự hay xử phạt hành chính). Chẳng hạn, người phạm tội thực hiện hành vi khách quan được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 BLHS với mục đích chống chính quyền nhân dân thì sẽ bị xử lý về một trong các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia (ANQG) (Chương XIII BLHS).

Động cơ phạm tội nhìn chung không phải là dấu hiệu để định tội đối với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Tuy nhiên, với Tội tổ chức, môi giới cho người khác XCNC hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348 BLHS) thì "động cơ vụ lợi" là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành cơ bản để định tội.

Về hình phạt, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện được xây dựng chủ yếu gồm khung cơ bản, khung tăng nặng và hình phạt bổ sung, trong đó: khung cơ bản phần lớn là phạt tù có thời hạn, duy nhất Điều 347 quy định hình phạt tiền là hình phạt chính; khung tăng nặng được xây dựng dựa vào các dấu hiệu như: lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội từ 02 lần trở lên; có tính chất chuyên nghiệp; hình phạt bổ sung có thể là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề...

+ Đặc điểm tội phạm học của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Nếu dấu hiệu pháp lý hình sự là cơ sở để xác định các hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm thì đặc điểm tội phạm học lại phản ánh bản chất, nguyên nhân, điều kiện phát sinh, tính quy luật của tội phạm. Mặc dù hai dấu hiệu này có

tính độc lập tương đối nhưng mang tính biện chứng, thể hiện sự thống nhất giữa hình thức pháp lý và bản chất xã hội của hành vi phạm tội, là căn cứ, cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện các biện pháp PNTP. Qua nghiên cứu, có thể rút ra một số đặc điểm tội phạm học đặc trưng của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như sau:

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện mang đặc trưng rõ nét của loại tội phạm xuyên quốc gia, diễn ra trong phạm vi không gian, địa bàn rộng, với phương thức, thủ đoạn phạm tội tinh vi, phức tạp. Với đặc trưng hành vi "tổ chức", "môi giới" các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện có phạm vi hoạt động rộng vượt ra ngoài biên giới quốc gia, có sự đa dạng, phức tạp về phương thức, thủ đoạn phạm tội với tính chất ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp, có sự kết hợp giữa bí mật, công khai hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Loại tội phạm này thường được thực hiện thông qua các mạng lưới, tổ chức phạm tội có sự phân công vai trò giữa các chủ thể ở nhiều quốc gia. Ngoài ra, quá trình chuẩn bị, điều hành thực hiện các hành vi "tổ chức", "môi giới" XNC trái phép có thể được thực hiện ở trong nước hoặc ngược lại và hậu quả có thể vượt ra ngoài phạm vi lãnh thổ của một quốc gia và có thể tác động, gây hậu quả nghiêm trọng tại các quốc gia khác nhau[6]. Bên cạnh đó, việc triệt để khai thác, lợi dụng không gian mạng, sử dụng công nghệ cao, kết hợp giữa vỏ bọc hợp pháp với hoạt động bất hợp pháp cho thấy xu hướng chuyên nghiệp hóa, thích ứng nhanh với bối cảnh toàn cầu hóa của loại tội phạm này. Đặc điểm này cho thấy sự đan xen giữa yếu tố nội địa với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với phi truyền thống, có sự liên kết, móc nối giữa các đối tượng trong và ngoài nước hình thành các đường dây phạm tội xuyên quốc gia ngày càng chuyên nghiệp, nguy hiểm. Do đó, công tác PNTP cần phải chuyển từ mô hình ứng phó thụ động sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát hiệu quả các yếu tố phát sinh tội phạm, thúc đẩy hợp tác quốc tế, phối hợp lực lượng trong phòng, chống các tội phạm.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện có mối liên hệ mật thiết với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính và các tội phạm xuyên quốc gia khác. Sự liên kết này thể hiện ở hành vi "tổ chức, môi giới" trong các tội phạm về XNC có thể là một mắt xích liên kết, đan xen trong chuỗi hành vi với các loại tội phạm khác như: làm giả con dấu, tài liệu; sử dụng tài liệu, con dấu giả; mua bán

6. Vụ "Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép" làm 39 người thiệt mạng tại Anh.

người; buôn lậu; lừa đảo trên không gian mạng. Mối liên hệ này phản ánh tính chất đa tầng, phức tạp của loại tội phạm này, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Điều này làm mờ ranh giới phân định giữa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện với các loại tội phạm khác, đồng thời cho thấy sự biến đổi về hành vi, phương thức hoạt động phạm tội. Từ đó đặt ra yêu cầu, thách thức không nhỏ cho công tác phòng, chống tội phạm, đồng thời khẳng định sự cần thiết của việc triển khai đồng bộ, phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng, biện pháp và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, cũng như các tội phạm xuyên quốc gia và các tội phạm trật tự quản lý hành chính khác.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu tiến hành dưới hình thức đồng phạm, với xu hướng hình thành các đường dây phạm tội có tổ chức. Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đặc trưng bởi hành vi tổ chức, môi giới nên phần lớn tội phạm này được tiến hành dưới hình thức đồng phạm, có sự liên kết, thống nhất trong phân công vai trò, nhiệm vụ giữa các đối tượng ở trong và ngoài nước, hình thành nên các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép có tính chất chuyên nghiệp, có tổ chức hoạt động liên vùng, xuyên quốc gia. Từ góc độ tội phạm học cho thấy, tính "chuyên nghiệp hóa", "tổ chức hóa" trong chuỗi hành vi phạm tội của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là hệ quả trực tiếp của quá trình toàn cầu hóa về di cư, lao động và khoản siêu lợi nhuận của loại tội phạm này. Do đó, công tác PNTP đòi hỏi sự chủ động, tính hệ thống, đồng bộ trong việc triển khai lực lượng, biện pháp và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu vì động cơ vụ lợi. Đây là một trong những đặc điểm tội phạm học nổi bật của loại tội phạm này, phản ánh sự chi phối trực tiếp của lợi ích vật chất đối với việc thực hiện hành vi phạm tội. Khác với các tội phạm khác, các tội phạm về XNC thường được thực hiện nhằm mục đích thu lợi bất chính với giá trị kinh tế cao, trong khi rủi ro, khả năng bị phát hiện, xử lý thấp hơn đã tạo động lực mạnh mẽ để các đối tượng móc nối, lôi kéo hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép hoạt động liên tỉnh, xuyên biên giới. Dưới góc độ tội phạm học, điều này phản ánh quá trình "thương mại hóa", trong đó hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép được vận hành như một hoạt động "cung cấp dịch vụ" bất hợp pháp nhằm đáp ứng nhu cầu lao động, học tập, cư trú ở nước ngoài của một bộ phận người dân. Điều đó đặt ra

yêu cầu cho công tác PNTP phải được triển khai đồng bộ trên cả phương diện phòng ngừa xã hội và phòng ngừa chuyên biệt, trong đó cần chú trọng triển khai các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và quản lý hiệu quả các hoạt động đưa công dân ra nước ngoài.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chịu sự tác động, chi phối mạnh mẽ bởi bối cảnh, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở trong nước, khu vực và quốc tế. Với tính chất là loại tội phạm xuyên quốc gia các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chịu sự tác động, chi phối bởi bối cảnh, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là các chính sách quản lý về XNC, thị thực, di cư, lao động quốc tế cũng như những biến động về an ninh, chính trị trên phạm vi toàn cầu (chiến tranh, thiên tại, dịch bệnh...). Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, quá trình hội nhập, mở rộng hợp tác và đơn giản hóa, cải cách thủ tục hành chính về XNC đã tạo nguồn lực phát triển mạnh mẽ cho đất nước về kinh tế - xã hội, nhưng cũng là cơ hội để các đối tượng lợi dụng tổ chức, thực hiện các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC. Chẳng hạn, trước những tác động mạnh mẽ của đại dịch COVID-19 (2020 - 2022), việc siết chặt kiểm soát biên giới đã kéo theo sự gia tăng các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép qua biên giới đường mòn, lối mở. Đặc biệt, dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số, các đối tượng đã nhanh chóng thích ứng bằng việc triệt để khai thác, lợi dụng không gian mạng, ứng dụng mã hóa dữ liệu, mạng xã hội, giao dịch điện tử để tổ chức, điều hành các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Từ đó cho thấy, loại tội phạm này không mang tính ổn định mà luôn biến động và chịu sự tác động mạnh mẽ bởi bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội. Vì vậy, công tác PNTP cần được tổ chức trên cơ sở dự báo chiến lược, quản trị rủi ro, nhận diện sớm những biến động của môi trường kinh tế - xã hội có khả năng là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, qua đó chủ động kiểm soát, dự báo tình hình tội phạm từ sớm, từ xa.

- Khái niệm phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Phòng ngừa tội phạm là một nội dung cơ bản của tội phạm học, do đó khái niệm PNTP được đề cập, tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau trong các công trình khoa học trong và ngoài nước. Trên thế giới, ngay từ đầu thế kỷ XVIII, Cesare Beccaria, Jeremy Bentham - những người đầu tiên đặt nền móng cho trường phái tội phạm học cổ điển, với quan điểm cốt lõi *"phòng ngừa tội phạm tốt hơn là trừng trị*

chúng". Và theo quan điểm tội phạm học xã hội chủ nghĩa của C.Mác, Ph.Ăng-ghen thì *"phòng ngừa tội phạm là phương hướng cơ bản nhất của công tác đấu tranh với tội phạm"*[7]. Cùng với lịch sử hình thành, phát triển tội phạm học được xác định là một ngành khoa học độc lập, tách biệt với luật hình sự và PNTP được xác định là nội dung cơ bản của tội phạm học. Do đó, khái niệm PNTP cũng được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau như: trường phái tội phạm học thực chứng cuối thế kỉ XIX, đại diện là Cesare Lombroso, Enrico Ferri coi tội phạm là sản phẩm tất yếu của các yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội không chỉ là ý chí tự do. Vì vậy, các nhà nghiên cứu tiếp cận, đề cao PNTP thông qua biện pháp xã hội, y học, tâm lý học, giáo dục hướng tới cá nhân hóa công tác phòng ngừa. Trong khi đó, Émile Durkheim, Robert K. Merton lại tiếp cận PNTP theo trường phái xã hội học tội phạm, cho rằng nguyên nhân của tội phạm nằm trong cấu trúc xã hội, chuẩn mực văn hóa và quá trình xã hội hóa, do đó PNTP phải tập trung vào chính sách xã hội, giảm bất bình đẳng, nâng cao gắn kết cộng đồng, phòng ngừa ở cấp độ xã hội.

Gần đây các học thuyết PNTP đương đại cũng đã cung cấp những góc nhìn, cách tiếp cận PNTP trong việc ngăn ngừa, kiểm soát tội phạm và hoạch định các chính sách PNTP, như: thuyết cơ hội phạm tội (Crime opportunity theory), thuyết sự lựa chọn duy lý (Rational Choice Theory), thuyết hành vi thói quen (Routine activity theory). Trong đó, "thuyết sự lựa chọn duy lý" được hình thành trên hệ tư tưởng của nhà sáng lập trường phái tội phạm học cổ điển Cesare Beccaria và "thuyết vị lợi" của Jeremy Bentham, sau này được phát triển bởi bởi James. Q.Wilson, Gary Becker... Học thuyết này cho rằng, khi có cơ hội phạm tội, người phạm tội thường phân tích, cân nhắc được gì khi thực hiện tội phạm, nếu thấy có lợi thì họ mới phạm tội và phần lớn tội phạm được thực hiện bởi lý do người phạm tội suy nghĩ rằng họ có thể không bị bắt và họ sẽ được hưởng lợi một cách xứng đáng sau khi phạm tội[8]. Điều này phản ánh rõ trong các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, trong đó người phạm tội cân nhắc giữa lợi ích kinh tế và rủi ro pháp lý phải gánh chịu đặt trong bối cảnh thiếu việc làm, thất nghiệp và nhu cầu XNC ngày càng gia tăng. Nghiên cứu "thuyết hành vi thói quen", một trong những thuyết chủ đạo của tội phạm học môi trường, được phát triển bởi hai nhà khoa học Lawrence

7. C.Mác-Ăng-ghen (1984), Tuyển tập, Tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 147.
8. Dương Tuyết Miên (2013), Tội phạm học đương đại, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr. 240.

Cohen và Marcus Felson cho rằng, đối với một tội phạm cố ý, khi tội phạm xảy ra phải hội tủ đủ ba yếu tố: "mục tiêu phù hợp" - "thiếu vắng sự bảo vệ" - "người phạm tội". Đặt trong mối liên hệ với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cho thấy, nguyên nhân của loại tội phạm này không chỉ xuất phát từ động cơ cá nhân, sự tồn tại của các nhóm nguy cơ cao có thể trở thành nạn nhân hoặc bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây XNC trái phép mà còn xuất phát từ chính những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý, kiểm soát XNC. Học thuyết đã gợi mở phương hướng tiếp cận PNTP theo hướng chủ động, trên cơ sở điều chỉnh môi trường xã hội, thu hẹp các "không gian cơ hội" và tăng cường các công tác quản lý, kiểm soát để hạn chế nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XNC. Nghiên cứu học thuyết trường phái tội phạm học hiện đại, cho phép xây dựng khái niệm PNTP theo hướng tích hợp - liên ngành, giữa các cấp độ pháp lý - xã hội, cộng đồng - cá nhân, giữa kiểm soát chính thức - phi chính thức. Cách tiếp cận này không chỉ phù hợp với đặc điểm tội phạm học của loại tội phạm này, mà còn phản ảnh cách thức phòng ngừa mang tính chủ động, thực chứng, định hướng vào quản lý, kiểm soát cơ hội, động cơ phạm tội của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Trong khi đó, các nhà nghiên cứu về tội phạm học ở nước ta về cơ bản đều thống nhất trong cách tiếp cận khái niệm PNTP theo nghĩa hẹp hoặc nghĩa rộng:

Theo nghĩa rộng, PNTP bao gồm toàn bộ hoạt động nhằm khắc phục, loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm và các biện pháp phát hiện, ngăn chặn, xử lý tội phạm như: *"truy cứu trách nhiệm hình sự là một hình thức phòng ngừa tội phạm"*[9] hoặc *"phòng ngừa tội phạm là hoạt động sử dụng các biện pháp xã hội và nhà nước tác động vào nguyên nhân, điều kiện của tội phạm nhằm ngăn ngừa trước không để cho tội phạm xảy ra và tiến hành những biện pháp kịp thời phát hiện, xử lý tội phạm nhằm tiếp tục phòng ngừa tội phạm"*[10]. Do đó, PNTP bao gồm tất cả các hoạt động phòng, chống tội phạm và chống tội phạm là hoạt động đặc biệt của PNTP.

Theo nghĩa hẹp, khái niệm phòng ngừa tội được hiểu theo nguyên nghĩa của nó là hoạt động nhằm không cho tội phạm xảy ra[11] và PNTP không bao gồm hoạt động "đấu tranh chống tội phạm". Dưới góc độ này, phòng ngừa và đấu tranh chống

9. Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 88.
10. Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh (2016), Phòng ngừa một số tội phạm về ma túy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 7.
11. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), Đại Từ điển tiếng Việt, Nxb văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 1339.

tội phạm là hai hoạt động độc lập nhưng lại có mối quan hệ mật thiết, biện chứng với nhau. Cách tiếp cận này dường như nhận được sự công nhận của phần lớn các nhà khoa học, tiêu biểu là các công trình khoa học như:

Từ điển Luật học đưa ra khái niệm PNTP là hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, của toàn thể cộng đồng và công dân nhằm nhanh chóng và sớm phát hiện, ngăn chặn, khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình trạng phạm tội, làm giảm tội phạm[12];

Giáo trình Tội phạm học của Trường Đại học Luật Hà Nội, PNTP là hoạt động có tính chất chủ động và tổng hợp của Nhà nước, của xã hội và mọi công dân hướng tới việc hạn chế, ngăn ngừa sự hình thành các thành tố tạo thành nguyên nhân của tội phạm hoặc làm cho các thành tố này không phát huy được tác động của nó để loại trừ dần nguyên nhân của tội phạm, ngăn ngừa tội phạm xảy ra[13];

Giáo trình Tội phạm học của Học viện an ninh nhân dân, PNTP là hoạt động của các chủ thể trong xã hội tiến hành những biện pháp cần thiết để khắc phục, hạn chế, triệt tiêu những yếu tố có thể trở thành nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm nhằm ngăn chặn, hạn chế, loại trừ tội phạm trong xã hội[14]; Giáo trình Tội phạm học của Học viện Cảnh sát nhân dân năm 2019 cũng đưa ra định nghĩa PNTP là một hệ thống tổng hợp những biện pháp có quan hệ hữu cơ với nhau được các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân tiến hành nhằm kiềm chế sự gia tăng tình hình tội phạm, hạn chế và loại trừ những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh, phát triển tội phạm[15].

Các quan điểm trên về cơ bản đều xác định PNTP là hệ thống các biện pháp do các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân thực hiện nhằm hạn chế, xóa bỏ nguyên nhân của tội phạm, từng bước loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Như vậy, dù được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau nhưng khái niệm PNTP vẫn có sự thống nhất ở bản chất là hoạt động có tổ chức, có mục đích của Nhà nước, các tổ chức và công dân nhằm loại trừ, giảm thiểu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, không để cho tội phạm xảy ra, đồng thời từng bước hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Trên cơ sở kế thừa quan điểm đó, trong phạm vị nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh đưa ra khái niệm PNTP như sau:

12. Viện Khoa học pháp lý (2006), Từ điển Luật học, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 622.
13. GS.TS Lê Thị Sơn (2022), Giáo trình Tội phạm học, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 246.
14. Học viện An ninh nhân dân (2018), Giáo trình Tội phạm học, Hà Nội, tr. 269.
15. Học viện Cảnh sát nhân dân (2019), Giáo trình Tội phạm học, Hà Nội, tr. 457.

Phòng ngừa tội phạm là hoạt động của các chủ thể trong xã hội tiến hành tổng hợp, đồng bộ các biện pháp cần thiết để khắc phục, hạn chế các nguyên nhân phát sinh của tội phạm nhằm ngăn chặn, hạn chế không cho tội phạm xảy ra và tiến tới đẩy lùi tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Trên cơ sở khái niệm trên, gắn với yêu cầu thống nhất về lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, có thể đưa ra khái niệm phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như sau:

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là hoạt động của các chủ thể trong xã hội nhằm nhận diện, kiểm soát, khắc phục, hạn chế và loại trừ các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm thông qua việc triển khai tổng hợp, đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, gắn với QLNN về XNC, phối hợp lực lượng và hợp tác quốc tế, qua đó ngăn ngừa, hạn chế và từng bước đẩy lùi loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội góp phần bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Mục tiêu phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Từ việc thống nhất nhận thức về khái niệm, bản chất phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cho thấy, mục tiêu của PNTP không chỉ dừng lại ở việc ngăn ngừa tội phạm đã và đang xảy ra mà hướng tới việc hạn chế và từng bước đẩy lùi loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội, trên cơ sở chủ động nhận diện, kiểm soát, hạn chế và loại trừ các nguyên nhân phát sinh tội phạm. Có thể thấy rằng, đây là mục tiêu chiến lược, thể hiện quan điểm phòng ngừa từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp phòng ngừa, giữa QLNN về XNC với quản trị rủi ro, kiểm soát các yếu tố có khả năng là nguyên nhân phát sinh tội phạm trong bối cảnh hội nhập, chuyển đổi số hiện nay.

Trước mắt, hoạt động PNTP cần tập trung kiềm chế sự gia tăng của tình hình tội phạm thông qua việc nâng cao hiệu quả hoạt động QLNN về XNC, kiểm soát, quản lý chặt chẽ các hoạt động đưa công dân ra nước ngoài, tăng cường phối hợp lực lượng và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Về lâu dài, mục tiêu của hoạt động phòng ngừa là hạn chế và từng bước đẩy lùi loại tội phạm này này ra khỏi đời sống xã hội, qua đó góp phần bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Để đạt được những mục tiêu trên, hoạt động phòng ngừa phải hướng tới việc nhận diện, kiểm soát, khắc phục, hạn chế và loại trừ các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, đặc biệt là những nguyên nhân từ kinh tế - xã hội (nghèo đói, thất nghiệp,

thiếu việc làm...), văn hóa - giáo dục (nhận thức, trình độ dân trí, ý thức thượng tôn pháp luật...), cũng như khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác QLNN, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm trên lĩnh vực XNC.

1.1.2. Đặc điểm phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện gắn liền với phòng ngừa các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính, tội phạm xuyên quốc gia. Xuất phát từ đặc điểm tội phạm học, với tính chất là loại tội phạm xuyên quốc gia các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện thường gắn liền, liên quan đến các tội phạm xuyên quốc gia hoặc các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính. Bởi trong quá trình tổ chức, môi giới XNC trái phép, các đối tượng thường thực hiện hoặc liên kết với các hành vi vi phạm khác như làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; vi phạm quy chế khu vực biên giới; mua bán người; vận chuyển trái phép chất ma túy; rửa tiền... Vì vậy, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không thể tách rời khỏi chiến lược phòng ngừa tổng thể đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính và tội phạm xuyên quốc gia. Điều đó đòi hỏi các chủ thể phòng ngừa phải triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, kết hợp chặt chẽ giữa QLNN về XNC với quản lý biên giới, quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, phòng, chống mua bán người, ma túy, làm giả tài liệu... Do đó, khi đồng thời kiểm soát được các nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm này mới có thể nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện một cách bền vững, chủ động, hiệu quả.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện được tiến hành bởi nhiều chủ thể với sự phối hợp đồng bộ và hệ thống các biện pháp phòng ngừa. Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu được thực hiện dưới hình thức đồng phạm có tổ chức, có sự phân công vai trò giữa các đối tượng ở trong nước và nước ngoài, giữa các đối tượng tại khu vực biên giới với các đối tượng ở nội địa, hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép hoạt động liên tỉnh, xuyên biên giới và xuyên quốc gia. Quá trình phạm tội thường trải qua nhiều giai đoạn, liên quan đến nhiều địa bàn, nhiều lĩnh vực quản lý và nhiều cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, hoạt động phòng ngừa loại tội phạm này không thể chỉ dựa vào lực lượng chuyên trách mà đòi hỏi phải thiết lập một cơ chế phối hợp thống nhất, liên

thông giữa các lực lượng như: Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Ngoại giao, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội... nhằm tăng cường cơ chế trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phòng, chống tội phạm theo hướng liên ngành, liên tỉnh. Đồng thời, hoạt động phòng ngừa phải được triển khai trên cơ sở kết hợp đồng bộ, hệ thống giữa các biện pháp phòng ngừa xã hội và phòng ngừa chuyên biệt, giữa QLNN về XNC với quản lý các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài... Và chỉ khi bảo đảm sự phối hợp thống nhất giữa các chủ thể và sự kết hợp đồng bộ, hệ thống giữa các biện pháp phòng ngừa mới có thể phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kịp thời nhận diện, kiểm soát, triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, qua đó nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện gắn liền với hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Đây là đặc điểm mang tính khách quan, xuất phát từ chính đặc điểm tội phạm học của loại tội phạm này. Như đã phân tích, hoạt động phạm tội của loại tội phạm này diễn ra trên phạm vi rộng, được thực hiện trên lãnh thổ nhiều quốc gia, với sự tham gia của cả đối tượng trong nước và nước ngoài. Do đó, hiệu quả của hoạt động phòng ngừa phụ thuộc rất lớn vào hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm như: trao đổi, chia sẻ dữ liệu, thông tin, tình hình tội phạm; phối hợp điều tra, xác minh, truy bắt tội phạm; tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án; phối hợp tổ chức các đợt cao điểm trấn áp tội phạm... Trong đó, cần chú trọng, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế với các quốc gia có chung đường biên giới, các quốc gia là mục tiêu, điểm đến của CDVN hoặc là điểm trung chuyển để thực hiện các tội phạm về XNC. Việc thiết lập một cơ chế hợp tác chủ động, thực chất và thường xuyên không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện, ngăn chặn các đường dây phạm tội xuyên quốc gia mà còn tạo điều kiện nhận diện từ sớm các nguy cơ, nguyên nhân phát sinh tội phạm, qua đó nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện gắn liền với công tác quản lý các hoạt động liên quan đến đưa CDVN ra nước ngoài. Thực tiễn cho thấy, các đối tượng thường lợi dụng các hoạt động du lịch, du học, xuất khẩu lao động, thăm thân, kết hôn có yếu tố nước ngoài hoặc các chương trình hợp tác quốc

tế để "núp bóng", che giấu hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép. Những sơ hở, thiếu sót trong QLNN đối với lĩnh vực này, từ khâu cấp phép, thẩm định quản lý doanh nghiệp, đến kiểm tra, giám sát, hậu kiểm hoạt động đưa công dân ra nước ngoài đã trở thành nguyên nhân, điều kiện thuận lợi để các đối tượng tổ chức, môi giới cho CDVN xuất cảnh, trốn đi nước ngoài, ở lại nước ngoài trái phép. Vì vậy, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không chỉ tập trung vào phát hiện, xử lý hành vi vi phạm mà còn phải gắn chặt với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với các hoạt động đưa công dân ra nước ngoài. Điều đó cũng đặt ra yêu cầu cho các chủ thể phòng ngừa phải chủ động tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong quản lý hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài nhằm triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này.

1.1.3. Vai trò của phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung. Các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện là một bộ phận cấu thành của tình hình tội phạm nói chung, đồng thời có mối liên hệ với nhiều loại tội phạm khác, đặc biệt là các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính, các tội phạm xuyên quốc gia khác như: mua bán người, buôn lậu, lừa đảo trên không gian mạng... Vì vậy, phòng ngừa hiệu quả các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không chỉ góp phần ngăn chặn trực tiếp loại tội phạm này mà còn tạo điều kiện triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện và phương thức hoạt động của nhiều loại tội phạm có liên quan, qua đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung.

Bên cạnh đó, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không chỉ góp phần đánh giá chính xác tình hình tội phạm, xác định nguyên nhân tội phạm mà còn có ý nghĩa quan trọng trong nhận diện quy luật vận động, xu hướng phát triển và những yếu tố tác động đến tình hình tội phạm trong bối cảnh hội nhập quốc tế và gia tăng các tội phạm xuyên quốc gia hiện nay. Kết quả nghiên cứu, đánh giá thực tiễn phòng ngừa loại tội phạm này là cơ sở khoa học quan trọng để dự báo chính xác tình hình tội phạm, hoàn thiện chính sách pháp luật, xây dựng các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa phù hợp. Đồng thời, việc phòng ngừa hiệu quả các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện còn góp phần hạn chế tác động, ảnh hưởng và

ngăn chặn từ sớm, từ xa các đường dây phạm tội xuyên quốc gia, tăng cường hiệu lực QLNN, bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế của Việt Nam trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện góp phần củng cố nền pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết 51-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ ANQG xác định yêu cầu chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa các nguy cơ, thách thức đối với ANQG, trong đó có các nguy cơ phát sinh từ di cư, XNC trái phép. Trên cơ sở đó, các văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực XNC đã thể chế hóa đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng thông qua việc quy định trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể trong QLNN, phòng, chống VPPL trên lĩnh vực này. Điều đó cho thấy, hoạt động PNTP là yêu cầu mang tính chiến lược trong tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm hiệu lực, hiệu quả QLNN, góp phần củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Qua công tác PNTP, đánh giá chính xác, khách quan tình hình tội phạm, xác định nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, tạo cơ sở thực tiễn quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong QLNN và phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC. Đồng thời, kịp thời tham mưu cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục... góp phần triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Mặt khác, hiệu quả của hoạt động PNTP còn góp phần nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, tăng cường tính răn đe, giáo dục, cảm hóa các đối tượng có ý định phạm tội, tái phạm tội hoặc tiếp tay cho tội phạm, qua đó củng cố kỷ cương pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Bảo vệ con người, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân là một trong những mục tiêu cơ bản của hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các hoạt động về XCNC của CDVN, cũng như người nước ngoài không ngừng gia tăng, kéo theo đó là các hoạt động VPPL trên lĩnh vực này cũng diễn biến hết sức phức tạp, khó lường không chỉ xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân mà còn tiềm ẩn các nguy cơ

tác động đến ANQG, trật tự, an toàn xã hội và quan hệ đối ngoại của Việt Nam. Vì vậy, phòng ngừa hiệu quả các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không chỉ góp phần kiểm soát tội phạm mà còn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao hiệu lực QLNN và uy tín quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Mặt khác, trong bối cảnh Việt Nam ngày càng tham gia sâu rộng vào các điều ước quốc tế và các cơ chế hợp tác đa phương về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia thì hiệu quả của hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XNC không chỉ phản ánh năng lực tổ chức thực hiện pháp luật, bảo vệ ANQG mà còn thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong thực hiện các cam kết và nghĩa vụ quốc tế. Theo đó, phòng ngừa hiệu quả loại tội phạm này góp phần hạn chế các nguy cơ, tác động tiêu cực từ hoạt động XNC, di cư trái phép, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Đồng thời, nâng cao năng lực bảo hộ công dân, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Việt Nam trong nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Yêu cầu này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh tình hình quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ về xung đột vũ trang, khủng bố, di cư bất hợp pháp và sự gia tăng của các loại tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Vì vậy, phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không chỉ là yêu cầu khách quan nhằm bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân mà còn góp phần nâng cao uy tín, vị thế và trách nhiệm quốc tế của Việt Nam trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

1.2. Cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.2.1. Cơ sở phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Cơ sở chính trị phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Cơ sở chính trị phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện là hệ thống các quan điểm, tư tưởng, đường lối chỉ đạo của Đảng được thể hiện trong các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm, cụ thể như: Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ XI về "Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình

hình mới"; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới; Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc; Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ ANQG; Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc ANQG trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới... Hệ thống các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng đã được xác lập trong các văn kiện trên là nền tảng chính trị định hướng cho việc xây dựng, triển khai PNTP trong tình hình mới và có thể khái quát thành một số nội dung trọng tâm sau:

Hoạt động PNTP đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý, chỉ đạo, điều hành thống nhất của Nhà nước. Quan điểm này được cụ thể hóa trong Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và tiếp tục được quán triệt, khẳng định tại Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm khẳng định: trong tình hình mới công tác phòng, chống tội phạm phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp bằng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia.

Phòng ngừa các tội phạm về XNC do CNDV thực hiện là nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và sự quản lý, điều hành thống

nhất của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân như một nhân tố bảo đảm thành công trong công tác phòng, chống tội phạm. Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã bổ sung quan điểm quan trọng về: xây dựng Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, trước những diễn biến, tác động khó lường của các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, Nghị quyết xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm là tập trung đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, trang mạng độc hại.

Lấy chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công trấn áp tội phạm là một trong những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo chiến lược, chi phối toàn bộ hoạt động phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Nội dung này được quán triệt trong nhiều văn bản như: Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới nêu rõ: chủ động phòng ngừa trên cơ sở giữ vững bên trong có ý nghĩa quyết định, lấy tấn công để phòng ngừa. Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ ANQG đã đưa ra các mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong phòng, chống tội phạm: đẩy mạnh hợp tác song phương trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia; tăng cường phối hợp giữa các địa phương giáp biên giới với các địa bàn nước bạn kề cận trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh biên giới.

Hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện phải gắn liền với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, được thể hiện rõ trong Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và tiếp tục được khẳng định, nhấn mạnh tại Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới: gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng

cường quốc phòng, an ninh, nhất là tại địa bàn chiến lược, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa...; đẩy mạnh hợp tác trong phòng ngừa, ứng phó giải quyết những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Cơ sở pháp lý phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Để bảo đảm cho công tác phòng, chống tội phạm, Nhà nước đã kịp thời thể chế hóa các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng thành hệ thống quy phạm pháp luật đồng bộ, thống nhất. Đồng thời, tích cực tham gia, ký kết các điều ước quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, tạo lập hành lang pháp lý quan trọng cho hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như sau:

Hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam làm cơ sở pháp lý cho phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định nguyên tắc cơ bản về tôn trọng và bảo vệ quyền con người, trong đó nhấn mạnh quyền tự do đi lại, cư trú của công dân quy định rõ tại Điều 23: *"Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định"*. Đây là sự cụ thể hóa tư tưởng pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vừa tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho QLNN về XNC và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Bên cạnh đó, Điều 46 Hiến pháp còn quy định: *"Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng"*. Đồng thời, Hiến pháp cũng ghi nhận vai trò, thẩm quyền của các chủ thể trong hệ thống chính trị - xã hội và bộ máy nhà nước, từ Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ, đến Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan hành pháp, tư pháp trong phòng, chống tội phạm, trong đó khẳng định: "*Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân" và "các lực lượng vũ trang nhân dân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước, có nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội*" và xác định lực lượng Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt trong phòng, chống tội phạm.

Trên cơ sở các quy định của Hiến pháp năm 2013, Nhà nước đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật gồm: Bộ luật, Luật, Nghị định... nhằm tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho hoạt động phòng ngừa các tội phạm về

XCNC do CDVN thực hiện, chẳng hạn: BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đã thiết lập cơ chế xử lý nghiêm minh đối với hành vi phạm tội, đồng thời quy định rõ trách nhiệm PNTP của các chủ thể tại Điều 4: "*1. Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng; 2. Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình; 3.Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm"*. Đồng thời, BLHS cũng đã dành riêng 04 điều luật (Điều 347 - Điều 350) tại Chương XXII để điều chỉnh trực tiếp các tội phạm về XNC, qua đó hình thành khuôn khổ pháp lý đồng bộ, chặt chẽ cho hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025) giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thiết lập cơ sở pháp lý cho PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng. Điều 2 Bộ luật quy định rõ nhiệm vụ không chỉ dừng lại ở việc phát hiện, xử lý chính xác, công minh và kịp thời các hành vi phạm tội, mà còn bao hàm chức năng *"phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội... giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm"*. Quy định này thể hiện quan điểm tiến bộ khi kết hợp giữa chức năng trừng trị và chức năng phòng ngừa trong hoạt động tố tụng hình sự, bảo đảm hài hòa giữa công lý và an toàn xã hội. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 6 của Bộ luật cũng nhấn mạnh trách nhiệm trách nhiệm chủ động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong *"phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa"*.

Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025) đã xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan điều tra trong hệ thống tư pháp hình sự. Điều 8 Luật này nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm liên quan trực tiếp đến hoạt động PNTP là *"tìm ra nguyên nhân,*

điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa". Điều này không chỉ khẳng định vai trò của hoạt động điều tra trong phát hiện, xử lý tội phạm mà còn nhấn mạnh trách nhiệm phòng ngừa, góp phần ngăn chặn tội phạm từ sớm, từ xa. Cùng với đó, quy định cơ chế phối hợp, giám sát giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hoạt động điều tra, PNTP.

Luật XCNC của CDVN năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023), đã cụ thể hóa các quy định nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi VPPL trong lĩnh vực XNC. Điều 4 của luật này quy định các hành vi bị nghiêm cấm như: làm giả, sử dụng giấy tờ XNC giả để XCNC hoặc đi lại, cư trú ở nước ngoài; lợi dụng XCNC để xâm phạm ANQG, trật tự, an toàn xã hội quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; XCNC trái phép; tổ chức, môi giới, giúp đỡ, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người khác XCNC trái phép... Bên cạnh đó, quy định rõ trách nhiệm QLNN về XCNC của CDVN đối với các cơ quan, ban ngành, trong đó xác định: "*Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam"*.

Bên cạnh đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đã quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng (Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, TAND) trong phòng, chống tội phạm, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như: Luật Công an nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức TAND... Chẳng hạn, tại Điều 16 Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023) đã xác định rõ nhiệm vụ của Công an nhân dân là: chủ trì thực hiện quản lý về kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; quản lý XCNC của CDVN theo quy định của pháp luật; kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu theo quy định của pháp luật; chủ động phòng ngừa phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm về trật tự, an toàn xã hội; khởi tố, điều tra tội phạm theo quy định của pháp luật; thực hiện nghĩa vụ quốc tế; hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm, bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Luật Biên giới quốc gia năm 2003 quy định việc XCNC, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới quốc gia được thực hiện tại cửa khẩu; việc quá cảnh

qua biên giới vào lãnh thổ đất liền, vùng biển, vùng trời phải tuân thủ quy định đi theo các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng hải, đường hàng không; việc qua lại biên giới của nhân dân trong khu vực biên giới được thực hiện tại cửa khẩu hoặc nơi mở ra cho qua lại biên giới. Đồng thời, xác định rõ các hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến XCNC khi qua lại biên giới tại Điều 14 của Luật này như: qua lại trái phép biên giới quốc gia; buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, vũ khí, ma túy, chất nguy hiểm về cháy, nổ qua biên giới quốc gia...".

Bên cạnh đó, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022; 2024, 2025) đã quy định rõ nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt, đồng thời xác định các biện pháp xử lý hành chính, hình thức xử phạt, nguyên tắc áp dụng và mức phạt đối với các hành vi VPPL về XNC. Ngoài ra, trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác như: Nghị định 73/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020, Quy định về việc kiểm soát XNC đối với người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh ra, vào lãnh thổ Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Nghị định số 77/2020/NĐ-CP, ngày 01/7/2020, Quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về XNC; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của CDVN; kiểm soát XNC bằng cổng kiểm soát tự động; Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về Quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 có hiệu lực từ ngày 15/12/2025 (thay thế cho Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 31/12/2021), Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống, chống bạo lực gia đình... Các văn bản pháp lý nêu trên đã tạo lập khuôn khổ pháp lý cơ bản thống nhất, đầy cho công tác QLNN, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC, đồng thời xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể trong QLNN, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC.

Các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam ký kết, tham gia liên quan đến phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Bên cạnh pháp luật quốc gia, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện còn được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ, vận dụng linh hoạt các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết, tham gia. Điều này không chỉ khẳng định cam kết, trách nhiệm của Việt Nam trong thực

hiện nghĩa vụ quốc tế về quản lý di cư mà còn thiết lập hành lang pháp lý quan trọng nhằm thúc đẩy hợp tác đa phương, song phương trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Thời gian qua, Việt Nam đã tích cực tham gia, ký kết các điều ước quốc tế song phương, đa phương liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XNC như: Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự, dân sự giữa Việt Nam với các quốc gia; Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước về ngăn chặn, đấu tranh chống di cư trái phép. Đặc biệt, Việt Nam đã ký kết với các nước và vùng lãnh thổ về Hiệp định nhận trở lại công dân không được các nước cho cư trú tạo cơ sở pháp lý cho việc hợp tác, chia sẻ thông tin phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC.

Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng đã chủ động tham gia ký kết các điều ước, hiệp định, thỏa thuận hợp tác quốc tế trong lĩnh vực XNC như: Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực bảo đảm thông tin và Hiệp định phối hợp hoạt động năm 2001 giữa Bộ Công an Việt Nam và cơ quan An ninh Liên bang Nga; Thỏa thuận hợp tác đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia với Cơ quan Cảnh sát Niu-Di-Lân năm 2010; Bản ghi nhớ hợp tác giữa lực lượng QLXNC Việt Nam và Cơ quan Biên phòng nhà nước Lít-va năm 2018... Đây là cơ sở thuận lợi cho việc mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả phòng, chống các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

1.2.2. Nguyên tắc phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Phòng ngừa tội phạm là hoạt động có tính chiến lược, mang tính tổng hợp, quyền lực nhà nước, đòi hỏi sự tham gia, phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể, lực lượng, biện pháp. Do đó, để bảo đảm tính hiệu quả, đồng bộ trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện quá trình tổ chức, triển khai phòng ngừa phải được tiến hành trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc cơ bản sau:

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ giữ vị trí trung tâm, mang tính nền tảng và xuyên suốt trong toàn bộ tiến trình PNTP, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện

của Đảng là yếu tố quyết định, định hướng chiến lược bảo đảm thống nhất về mục tiêu, phương hướng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Các quan điểm, chủ trương của Đảng được cụ thể hóa thành các chính sách, pháp luật là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để các chủ thể tham gia phòng ngừa triển khai đồng bộ, hiệu quả các lực lượng, biện pháp phòng ngừa cần thiết. Bên cạnh đó, vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước thể hiện qua việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức lực lượng, phương tiện, nguồn lực và kịp thời ban hành, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách, kế hoạch phòng ngừa, tạo hành lang pháp lý, điều kiện vật chất thuận lợi cho quá trình thực thi PNTP được thực thi một cách đồng bộ, hiệu quả. Do vậy, việc phát huy quyền làm chủ, sự tham gia tích cực của Nhân dân là nhân tố then chốt, góp phần hình thành thế trận phòng ngừa vững chắc, ngăn chặn hiệu quả âm mưu, thủ đoạn của các đường dây phạm tội xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa giữ vai trò nền tảng, bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch và hiệu quả trong toàn bộ hoạt động phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Việc tổ chức, triển khai lực lượng, biện pháp phòng ngừa chỉ thực sự đạt hiệu quả khi được đặt trên cơ sở pháp lý vững chắc, tuân thủ nghiêm ngặt Hiến pháp, hệ thống pháp luật quốc gia cũng như các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết. Đồng thời, công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC đòi hỏi sự vận dụng đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, đặt ra yêu cầu trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn QLNN, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC. Việc kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp luật không chỉ tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động phòng ngừa mà còn góp phần hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Đồng thời, tăng cường hợp tác quốc tế thông qua nghiên cứu, trao đổi, ký kết các điều ước, thỏa thuận song phương, đa phương sẽ tạo nền tảng pháp lý quan

trọng để nâng cao hiệu quả phối hợp trong đấu tranh với các loại tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Nguyên tắc lấy chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công trấn áp tội phạm

Nguyên tắc lấy chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công trấn áp tội phạm là một trong nguyên tắc cơ bản, chiến lược, chi phối toàn bộ hoạt động phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Mục tiêu cao nhất của công tác phòng, chống tội phạm là bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho nhân dân, bảo vệ ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Trong bối cảnh đó, việc chỉ xử lý, trừng trị sau khi tội phạm đã xảy ra sẽ không thể khắc phục tối đa hậu quả, thiệt hại của tội phạm. Do vậy, việc chủ động phòng ngừa là chính mang ý nghĩa quyết định, chi phối hoạt động PNTP. Để chủ động phòng ngừa các tội phạm về XNC trước hết phải nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội, triển khai đồng bộ các kế hoạch, biện pháp nhằm triệt tiêu các nguyên nhân phát sinh tội phạm, đồng thời phát huy tinh thần thượng tôn pháp luật của nhân dân để hạn chế nguy cơ bị lôi kéo, móc nối tham gia phạm tội. Trên cơ sở đó, gắn công tác PNTP với các chính sách kinh tế - xã hội, khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường (thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo...) nâng cao đời sống, nhận thức, trách nhiệm của người dân trong phòng, chống tội phạm. Song hành với phòng ngừa, việc tích cực tấn công trấn áp tội phạm có vai trò thiết yếu, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật, chính quyền địa phương và các ban, ngành trong nắm tình hình, điều tra, xử lý nghiêm minh các VPPL trên lĩnh vực XNC, từ đó củng cố tính răn đe trong PNTP, góp phần xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc trong bối cảnh tội phạm xuyên quốc gia diễn biến ngày càng phức tạp, trong đó có các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện.

Nguyên tắc bảo đảm sự phối hợp đồng bộ trong hoạt động PNTP

Phòng ngừa tội phạm là một chỉnh thể thống nhất, gồm nhiều biện pháp có đặc điểm, phạm vi, mức độ và chủ thể áp dụng riêng, nhưng có mối tương quan, bổ trợ lẫn nhau. Để phòng ngừa hiệu quả các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, cần phát huy tối đa vai trò, vị trí của từng chủ thể trong tổng thể cơ chế phối hợp, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất. Đặc biệt, với đặc trưng là loại tội phạm xuyên quốc gia, liên quan đến nhiều địa bàn nên sự phối hợp giữa các chủ thể và hợp tác

quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XNC càng mang ý nghĩa quyết định. Đây chính là cơ sở để triệt tiêu các nguyên nhân phát sinh tội phạm, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả của từng biện pháp phòng ngừa. Muốn đạt được điều đó, cần khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp của Đảng là nhân tố bảo đảm sự thống nhất, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động PNTP. Trên nền tảng đó, các chương trình, kế hoạch phòng ngừa phải được thiết kế khoa học, bài bản, phù hợp với thực tiễn từng địa bàn, đối tượng nhất là tại các địa bàn có tình hình tội phạm XNC diễn biến phức tạp. Cùng với đó, quá trình triển khai các biện pháp phòng ngừa phải bảo đảm tính đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, đồng thời thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp. Qua đó, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là các lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

1.3. Nội dung, chủ thể, biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.3.1. Nội dung phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Một là, phát hiện, hạn chế, tiến tới xóa bỏ nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Phòng ngừa tội phạm không chỉ là sự phản ứng trước tình hình tội phạm đã và đang xảy ra mà cần hướng tới việc xác định, tác động vào các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm nhằm kiểm soát, hạn chế, ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, mục tiêu của hoạt động phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện không đơn thuần là làm giảm số vụ phạm tội hoặc xử lý người phạm tội mà quan trọng hơn là kiểm soát, hạn chế, tiến tới xoá bỏ các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này.

Nghiên cứu cơ chế hình thành, phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cho thấy đó là kết quả của sự tác động, đan xen giữa động cơ, nhu cầu và đặc điểm nhân thân của người thực hiện hành vi phạm tội với những điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường pháp lý, QLNN về XNC, môi trường thông tin, không gian mạng và những sơ hở, thiếu sót trong công tác kiểm soát XNC tại các tuyến, địa bàn, cửa khẩu, khu vực biên giới... Trong đó, có những yếu tố như nhu cầu tìm kiếm việc

làm, tăng thu nhập, thay đổi điều kiện sống hay sự thiếu hiểu biết, hạn chế về nhận thức các quy định của pháp luật, tâm lý hám lợi, cùng với những tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường... đã tác động, tạo ra các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này. Do đó, để phòng ngừa hiệu quả loại tội phạm này, các chủ thể phòng ngừa phải triển khai đồng bộ, hiệu quả các lực lượng, biện pháp nhằm kiểm soát nguồn phát sinh, môi trường phát sinh và điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển hóa từ ý định, nhu cầu hoặc khả năng hình thành hành vi phạm tội cụ thể.

Với tính chất là loại tội phạm liên vùng, liên tỉnh, xuyên biên giới và chịu sự tác động chi phối mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế thì hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện phải hướng tới việc kiểm soát nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm trên phạm vi rộng, đồng bộ, có sự liên kết phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế. Do đó, hoạt động phòng ngừa tội phạm không chỉ kiểm soát, loại trừ các nguyên nhân tại thời điểm CDVN tiến hành các thủ tục về XNC mà phải kiểm soát cả quá trình trước, trong và sau khi CDVN thực hiện các hoạt động XNC theo một chu trình khép kín. Đồng thời, tác động, hạn chế các nguyên nhân, điều kiện mang tính xã hội có phạm vi rộng (việc làm, thu nhập, nhận thức...), cũng như những nguyên nhân xuất phát từ phương thức, thủ đoạn phạm tội, những sơ hở, thiếu sót trong QLNN, kiểm soát XNC, quản lý cư trú... Đặc biệt là kiểm soát các yếu tố phát sinh từ không gian mạng nhằm chủ động nhận diện, cảnh báo, phát hiện và ngăn chặn sớm các phương thức lôi kéo, môi giới, tổ chức các hoạt động XNC trái phép trên môi trường số.

Do đó, việc kiểm soát, hạn chế và từng bước loại trừ nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện phải được tiến hành từ sớm, từ xa và trên nhiều phương diện, vừa tác động vào nguyên nhân thuộc về cá nhân, vừa tác động vào nguyên nhân, điều kiện thuộc môi trường xã hội, QLNN, hoạt động của các chủ thể tội phạm và không gian mạng nhằm thu hẹp, kiểm soát, tiến tới loại trừ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XNC.

Hai là, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện hướng tới những người được tổ chức XCNC trái phép

Nghiên cứu cho thấy, nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XCNC do CDCN thực hiện thường gắn với nhu cầu, sự chấp nhận của người được tổ chức XNC trái phép. Những người này không chỉ là đối tượng chịu sự tác động của hành

vi tổ chức, môi giới XNC trái phép mà còn có thể trở thành một mắt xích, nguyên nhân, điều kiện hình thành, phát sinh loại tội phạm này. Từ góc độ phòng ngừa, việc tác động vào nhóm đối tượng này có ý nghĩa làm giảm khả năng phát sinh nhu cầu XNC trái phép, hạn chế khả năng bị tuyển mộ, lôi kéo và qua đó thu hẹp điều kiện để các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép hoạt động trên thực tiễn.

Đặc điểm tội phạm học của người được tổ chức XNC trái phép cho thấy, nhóm đối tượng này thường có điều kiện khó khăn về việc làm, thu nhập, hạn chế về nhận thức pháp luật nhưng lại có tâm lý muốn XNC nhanh chóng với chi phí thấp. Đây cũng chính là những điều kiện thuận lợi để các đối tượng tổ chức, môi giới móc nối, lôi kéo họ tham gia các đường dây XNC trái phép. Do đó, hoạt động phòng ngừa tội phạm phải hướng tới những nhóm nguy cơ dễ bị tuyển mộ, lôi kéo trên cơ sở trang bị, cung cấp thông tin, cảnh báo, nâng cao khả năng nhận diện, tự phòng ngừa trước phương thức, thủ đoạn phạm tội, đồng thời tạo điều kiện để họ tiếp cận các kênh XNC hợp pháp, từng bước thu hẹp điều kiện phạm tội của loại tội phạm này.

Nghiên cứu cũng cho thấy, người được tổ chức XNC trái phép có sự khác biệt về nhận thức, động cơ và mức độ tham gia: có trường hợp bị lừa dối, dụ dỗ; có trường hợp biết rõ tính trái pháp luật nhưng vẫn chấp nhận vì lợi ích vật chất; cũng có trường hợp chủ động tìm kiếm, sử dụng "dịch vụ" XNC trái phép. Vì vậy, hoạt động phòng ngừa loại tội phạm này cần có sự phân hóa, tiếp cận theo mức độ nguy cơ, vai trò của từng loại đối tượng được tổ chức XNC trái phép, kết hợp giữa giáo dục, cảnh báo, hỗ trợ lựa chọn phương thức hợp pháp với phát hiện, ngăn chặn, xử lý những trường hợp tiếp tay cho hoạt động tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Ba là, phát hiện, xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện và cải tạo giáo dục người phạm tội

Phát hiện, xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện và cải tạo, giáo dục người phạm tội là bộ phận quan trọng của hoạt động phòng ngừa thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa phòng và đấu tranh chống tội phạm. Việc phát hiện không chỉ nhằm đấu tranh, xử lý tội phạm mà còn nhằm nhận diện phương thức, thủ đoạn, xác định các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, cũng như phát hiện những sơ hở thiếu sót trong QLNN, phòng, chống tội phạm, từ đó kịp thời áp dụng các biện pháp khắc phục, ngăn chặn nguy cơ tội phạm tiếp diễn hoặc phát sinh, đồng thời thu thập, đánh giá thông tin nhằm điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động phòng ngừa tội phạm.

Với tính chất là loại tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện thường có sự móc nối, liên kết giữa các đối tượng trong và ngoài nước, hoạt động mạnh trên không gian mạng, do đó hoạt động phát hiện, xử lý phải chủ động, kịp thời từ sớm, từ xa các dấu hiệu tổ chức, môi giới, tuyển mộ và điều hành đường dây phạm tội. Việc xử lý phải tập trung vào các đối tượng tổ chức, môi giới và các mắt xích, qua đó không chỉ bảo đảm yêu cầu trừng trị mà còn thu hẹp, triệt tiêu điều kiện duy trì hoạt động của các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Cùng với đó, cải tạo, giáo dục người phạm tội là nội dung có ý nghĩa trực tiếp đối với phòng ngừa tái phạm và tái hòa nhập cộng đồng. Trong đó, cần chú trọng tác động, thay đổi nhận thức về tính nguy hiểm, hậu quả pháp lý của hành vi phạm tội, khắc phục những nhận thức lệch lạc về lợi ích vật chất, hiểu biết pháp luật nhằm nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật. Đối với những trường hợp từng giữ vai trò tổ chức, môi giới công tác giáo dục, cải tạo cần gắn với việc nhận diện nguy cơ tiếp tục liên hệ với các đối tượng, đường dây phạm tội và khả năng tái phạm tội. Đồng thời, hoạt động này cần gắn chặt với công tác quản lý, giáo dục tại cộng đồng, hỗ trợ tái hòa nhập xã hội, tạo điều kiện học nghề, việc làm nhằm ổn định cuộc sống, đồng thời phát huy vai trò của gia đình, chính quyền cơ sở và các tổ chức xã hội. Sự kết hợp giữa xử lý nghiêm minh với giáo dục, cải tạo và hỗ trợ tái hòa nhập vừa bảo đảm tính răn đe của pháp luật, vừa hạn chế nguy cơ người đã chấp hành hình phạt tiếp tục tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XCNC trái phép.

1.3.2. Chủ thể và mối quan hệ giữa các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

1.3.2.1. Chủ thể phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Chủ thể phòng ngừa giữ vai trò then chốt, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả áp dụng các biện pháp phòng ngừa. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn triển khai có thể khẳng định, PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không chỉ giới hạn ở các cơ quan chuyên trách mà trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và có thể khái quát thành những nhóm chủ thể sau:

Nhóm chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện

Đảng Cộng sản Việt Nam, là tổ chức chính trị duy nhất lãnh đạo Nhà nước và xã hội, giữ vai trò quyết định đối với mọi mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã

hội, trong đó có công tác phòng, chống tội phạm. Chiến lược Quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 xác định: *"Phòng, chống tội phạm là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, thường xuyên, liên tục và lâu dài nhằm thực hiện Hiến pháp, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý, chỉ đạo điều hành thống nhất của Nhà nước"*. Đối với hoạt động PNTP, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ thể hiện ở tầm chiến lược, giữ vai trò định hướng tư tưởng, chính trị và chiến lược tổng thể thông qua ban hành các nghị quyết, chỉ thị mang tính toàn diện, xuyên suốt đối với công tác phòng, chống tội phạm mà còn thể chế hóa các quan điểm lãnh đạo trong quá trình xây dựng thể chế, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện các chính sách liên quan đến công tác đấu tranh, PNTP, là biểu hiện sinh động của nguyên tắc "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" trong lĩnh vực bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Cùng với đó, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam còn thể hiện ở việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, phẩm chất trong hệ thống chính trị, đặc biệt là các cơ quan tư pháp và lực lượng vũ trang nhân dân để thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, đồng thời huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống tội phạm. Do đó, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò trung tâm, xuyên suốt trong công tác phòng, chống tội phạm, là cơ sở quan trọng để thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển bền vững đất nước và bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quốc hội, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có chức năng lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Với chức năng và thẩm quyền được quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025), Quốc hội có vai trò trung tâm trong việc thiết lập cơ sở pháp lý, định hướng chính sách và kiểm soát hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trong công tác phòng, chống tội phạm, trong đó có phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện. Vai trò của Quốc hội thể hiện ở việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phòng, chống tội phạm thông qua việc xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy phạm

pháp luật là cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác phòng, chống các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hệ thống cơ quan tư pháp, các cơ quan bảo vệ pháp luật về công tác phòng, chống tội phạm bảo đảm việc thực hiện pháp luật đồng bộ, thống nhất. Qua đó đánh giá kết quả đạt được, xác định những hạn chế, bất cập, nguyên nhân và giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm trong thời gian tới.

Hội đồng nhân dân các cấp, với tư cách là "cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương" có vai trò quan trọng trong việc tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm trong phạm vi địa phương, thể hiện ở dưới các góc độ như: thực hiện chức năng giám sát đối với các cơ quan chuyên trách (Công an, Viện kiểm sát, TAND) cùng cấp trong công tác phòng, chống tội phạm, kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định về phòng, chống tội phạm để kiến nghị các biện pháp khắc phục phù hợp; ngoài ra, Hội đồng nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định một số vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm như bố trí ngân sách, phân bổ nguồn lực cho công tác phòng, chống tội phạm, thành lập và lãnh đạo các tổ chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ PNTP.

Chính phủ, là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, giữ vai trò trung tâm và xuyên suốt trong công tác phòng, chống tội phạm, thể hiện rõ qua chức năng QLNN về an ninh trật tự, phòng, chống VPPL. Với tư cách là cơ quan hành pháp cao nhất, Chính phủ có trách nhiệm xây dựng và ban hành các nghị định, nghị quyết, các chiến lược quốc gia, chương trình hành động... để thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng trong phòng, chống tội phạm về XNC trong từng giai đoạn cụ thể. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương triển khai, thực hiện đồng bộ các biện pháp, kế hoạch phòng, chống tội phạm, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm xuyên quốc gia trong đó có các tội phạm về XNC. Ngoài ra, Chính phủ còn đảm bảo nguồn lực về tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ công tác phòng, chống tội phạm, tạo lập khuôn khổ pháp lý và môi trường chính trị - xã hội thuận lợi cho việc bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và ổn định quốc gia.

Ủy ban nhân dân các cấp, là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, giữ vai trò trực tiếp trong việc triển khai các chương trình PNTP của Chính phủ,

triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về chương trình PNTP tại địa phương. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương nhằm phòng, chống hiệu quả với các VPPL về XNC. Ngoài ra, phối hợp chặt chẽ với cơ quan thực thi pháp luật và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền pháp luật, tiếp nhận tố giác tội phạm, cũng như tổ chức các hoạt động cảm hóa, giáo dục người phạm tội tại cộng đồng. Đồng thời, huy động các nguồn lực địa phương, bảo đảm điều kiện vật chất và nhân lực phục vụ công tác phòng, chống tội phạm góp phần bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Nhóm chủ thể trực tiếp triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Bộ Công an, với vai trò là lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong công tác phòng, chống tội phạm, trong đó có các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện. Với chức năng QLNN về an ninh trật tự trên lĩnh vực XNC, Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức, triển khai thực hiện các lực lượng, phương tiện, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa VPPL về XNC. Trong đó, lực lượng QLXNC được giao nhiệm vụ chủ trì QLNN về XNC nói chung và phòng, chống các tội phạm về XNC nói riêng như: chủ trì nghiên cứu, đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động QLNN, phòng, chống VPPL về XNC; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống các tội phạm về XNC; chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý VPPL trên lĩnh vực XNC; chủ trì, tiến hành thực hiện các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ (kiểm tra, kiểm soát XNC tại các cửa khẩu do Bộ Công an quản lý; cấp, hủy, thu hồi hộ chiếu, thị thực đối với những trường hợp XNC trái phép, thi hành quyết định trục xuất, buộc xuất cảnh đối với trường hợp nhập cảnh trái phép theo quy định; xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu, hồ sơ XNC...) và phối hợp với các cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa; hướng dẫn các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp phòng, chống các tội phạm trên lĩnh vực XNC; Chủ động phối hợp với các lực lượng khác như Bộ đội Biên phòng, Hải quan và cơ quan tư pháp trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm; chủ

trì thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực XNC, phối hợp với các cơ quan ban ngành tham gia, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trên lĩnh vực XNC.

Bộ Quốc phòng, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và ANQG, tham gia công tác phòng, chống tội phạm. Trách nhiệm tham gia công tác phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống các tội phạm về XNC nói riêng của Bộ Quốc phòng được thực hiện bởi lực lượng Bộ đội Biên phòng, đây là lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới, kiểm soát XNC tại các cửa khẩu biên giới và cảng biển. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao trách nhiệm phòng, chống các tội phạm về XNC của lực lượng Bộ đội Biên phòng được thực hiện ở một số nội dung sau: thực hiện nhiệm vụ kiểm soát XNC tại các cửa khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi VPPL liên quan đến XNC; phối hợp với các cơ quan, ban ngành, lực lượng trong phòng, chống các tội phạm về XNC (trao đổi thông tin, tổ chức tuần tra liên hợp, điều tra, truy bắt và xử lý các đối tượng VPPL về XNC...); tham mưu cho Đảng và Nhà nước trong hoạch định chính sách, pháp luật về bảo vệ biên giới và kiểm soát XNC; phối hợp với các cơ quan, ban ngành trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến công tác QLNN, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC.

Viện kiểm sát nhân dân, là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm soát hoạt động tư pháp. Trong hoạt động phòng, chống tội phạm nói chung và các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện nói riêng, chủ thể này giữ vai trò quan trọng thực hiện chức năng này như sau: giữ vai trò trung tâm trong hoạt động tố tụng hình sự liên quan đến việc thực hiện quyền công tố, kiểm sát hoạt động điều tra các vụ án liên quan đến các tội phạm về XNC, bảo đảm cho việc thực thi pháp luật đúng người, đúng tội, không làm oan sai hay bỏ lọt tội phạm; thông qua công tác thực thi pháp luật kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, ban hành, hoàn thiện các quy định pháp luật trên lĩnh vực XNC; kiến nghị với các cơ quan, tổ chức áp dụng các biện pháp phòng ngừa, tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong phòng, chống tội phạm, VPPL trên lĩnh vực XNC; thông qua hoạt động truy tố cảm hóa, giáo dục để người phạm tội, khơi dậy những phẩm chất tích cực giúp họ thay đổi nhận thức, tích cực cải tạo hoàn lương; tham gia các cơ chế hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp

hình sự, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án hoặc trao đổi thông tin nghiệp vụ với cơ quan kiểm sát, công tố của các quốc gia khác liên quan đến xử lý các tội phạm về XNC...

Tòa án nhân dân, là cơ quan xét xử của Nhà nước, có ý nghĩa quan trọng, tác động đến hiệu lực, hiệu quả của toàn bộ hoạt động phòng, chống tội phạm nói chung và các tội phạm về XNC nói riêng. TAND có trách nhiệm xét xử các vụ án hình sự về các tội phạm XNC nhằm trừng trị kịp thời, nghiêm khắc, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật bảo đảm tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật; thông qua quá trình xét xử, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội để kiến nghị với các cơ quan, ban ngành áp dụng các biện pháp khắc phục, triệt tiêu các nguyên nhân hình thành tội phạm, cũng như đề xuất các chủ trương, chính sách, pháp luật trên lĩnh vực XNC; qua quá trình xét xử tuyên truyền, giáo dục, răn đe, phòng ngừa đối với người phạm tội ý thức thượng tôn pháp luật, đặc biệt là cảnh tỉnh, răn đe những đối tượng có ý định phạm tội hay tiếp tay cho tội phạm; thúc đẩy hợp tác quốc tế về tư pháp, đặc biệt trong các vụ án có yếu tố nước ngoài hoặc liên quan đến tội phạm xuyên quốc gia, như buôn người, tổ chức di cư bất hợp pháp qua biên giới.

Nhóm chủ thể phối hợp trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Bộ Ngoại giao, là cơ quan thực hiện chức năng QLNN về đối ngoại, giữ vai trò quan trọng trong phối hợp phòng, chống các tội về XNC thông qua hoạt động ngoại giao nhà nước, hợp tác quốc tế trên lĩnh vực này. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong hoạt động phòng, chống các tội phạm về XNC được thể hiện như sau: phối hợp với Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong việc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác QLNN, phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC; chủ trì thiết lập, duy trì các cơ chế hợp tác song phương, đa phương với các quốc gia, tổ chức quốc tế liên quan đến kiểm soát về di cư tạo ra khuôn khổ pháp lý và cơ chế hợp tác chặt chẽ để các cơ quan thực thi pháp luật thực hiện các kế hoạch, biện pháp, hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm; thực hiện nhiệm vụ bảo hộ công dân, phối hợp với các cơ quan chức năng trong xử lý các vụ việc VPPL về XNC liên quan đến CDVN; phối hợp với các cơ quan chức năng ở trong điều tra, xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo hộ công dân, phối hợp, tham gia trong phòng, chống tội

phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC như: phối hợp với cơ quan QLXNC trong việc thu thập, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về XNC của CDVN phục vụ cho hoạt động QLNN, phòng, chống các VPPL trên lĩnh vực XNC; phối hợp với các cơ quan chức năng trong nước (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng...) trong thu thập thông tin, xác minh, hỗ trợ công tác điều tra, xử lý, bóc gỡ các đường dây tổ chức, môi giới cho người khác XNC, ở lại nước ngoài trái phép; phối hợp theo dõi, nắm bắt thông tin về tình hình di cư, chính sách nhập cảnh của các quốc gia để tham mưu cho các cơ quan, ban ngành trong việc xây dựng, hoàn thiện chính sách về XNC; thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các nước sở tại trong phòng, chống tội phạm, trong đó có các tội phạm về XNC.

Các bộ, ban ngành liên quan, các cơ quan này mặc dù không trực tiếp tổ chức các hoạt động phòng, chống các tội phạm về XNC nhưng có chức năng QLNN trong các lĩnh vực liên quan mật thiết đến hoạt động XNC của CDVN. Do đó, hoạt động phối hợp của các cơ quan này đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng, chống các tội phạm về XNC thông qua một số nội dung như: phối hợp trong cung cấp thông tin, tài liệu để đánh giá các hoạt động liên quan đến các tội phạm về XNC từ đó kịp thời phát hiện, tham mưu cho các cơ quan, ban ngành trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tội phạm; phối hợp trong thanh tra, kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các VPPL về XNC; phối hợp trong tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thực thi quy định của pháp luật trên lĩnh vực XNC; tiến hành quản lý, cấp phép, kiểm tra, thanh tra các hoạt động liên quan đưa công dân ra nước ngoài, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác QLNN, phòng, chống các tội phạm về XNC...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng và cá nhân[16], các tội phạm về XNC là loại tội phạm liên quan đến nhiều tội phạm nguồn khác, với nhiều phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, đa dạng và có xu hướng quốc tế hóa. Do đó, việc huy động, phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức hội quần chúng và cá nhân là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống loại tội phạm này. Các chủ thể này tham gia PNTP thông qua các hình thức như: tham gia tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

16. Quyết định số 304-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2025 quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

sâu rộng trong cộng đồng, nâng cao nhận thức của người dân về những nguy cơ, hậu quả, chế tài xử lý liên quan đến hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương lồng ghép nội dung phòng, chống tội phạm vào các phong trào quần chúng, sinh hoạt tổ chức, hoạt động đoàn thể, từ đó hình thành "hàng rào xã hội" vững chắc trong ngăn ngừa, phát hiện sớm các VPPL về XNC. Vai trò công dân là yếu tố nền tảng trong công tác phòng, chống tội phạm, do đó mỗi người dân cần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, không để các đối tượng dụ dỗ, lôi kéo vào các hoạt động tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, có trách nhiệm phát hiện, tố giác kịp thời các hành vi tổ chức, môi giới XCNC trái phép.

1.3.2.2. Mối quan hệ giữa các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và công dân

Công tác PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng, các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện và mang tính định hướng chiến lược. Điều này thể hiện trong hoạch định chủ trương, đường lối, ban hành nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác PNTP, đồng thời kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện ở các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội. Mối quan hệ giữa các cơ quan Đảng với hệ thống cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân vừa mang tính chỉ đạo, định hướng, vừa mang tính phản biện, điều chỉnh nhằm kịp thời xử lý những bất cập trong chủ trương, chính sách, pháp luật, thích ứng với các vấn đề phát sinh từ thực tiễn đời sống kinh tế, chính trị - xã hội. Từ đó, xây dựng các giải pháp phòng ngừa cơ sở, tính khả thi, phù hợp trong từng bối cảnh, tình hình phù hợp với tình hình thực tiễn khách quan.

Ngược lại, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và công dân có trách nhiệm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành những chương trình, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa cụ thể, đồng thời phản ánh kịp thời từ thực tiễn tổ chức, triển khai để tham mưu, đề xuất Đảng điều chỉnh chính sách vĩ mô hoặc các biện pháp phòng ngừa ở từng lĩnh vực, địa bàn. Trong tiến trình đó, nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng các chính sách mà còn là chủ thể giám sát xã hội, trực tiếp hoặc gián tiếp phản ánh tâm tư, nguyện vọng, cũng như những bất cập liên

quan đến QLNN, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC. Chính sự tham gia chủ động và tích cực của nhân dân trở thành cơ sở quan trọng để các cơ quan Đảng xây dựng nghị quyết, chủ trương phù hợp, hướng đến mục tiêu bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của nhân dân, đồng thời loại bỏ các nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XNC, qua đó bảo vệ vững chắc ANQG, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Mối quan hệ giữa Quốc hội, Hội đồng nhân dân với các cơ quan hành pháp

Mối quan hệ giữa Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp với các cơ quan hành pháp được xác định là mối quan hệ giữa cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân với các cơ quan có chức năng tổ chức thực thi pháp luật. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp không chỉ giữ vai trò hoạch định, xây dựng và hoàn thiện nền tảng pháp lý cho công tác PNTP về XNC thông qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, mà còn tạo dựng cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc cho việc thiết lập khuôn khổ hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Trên cơ sở đó, Chính phủ và các cơ quan hành pháp có trách nhiệm cụ thể hóa, triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động; đồng thời tổ chức xây dựng lực lượng chuyên trách, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi VPPL trong lĩnh vực XNC. Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đối với việc thực thi pháp luật còn giữ vai trò phản hồi thực tế khách quan, qua đó phát hiện những bất cập, khoảng trống pháp lý, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực tiễn PNTP để kịp thời điều chỉnh, bổ sung chính sách, pháp luật phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tiễn.

Ở chiều ngược lại, các cơ quan hành pháp, đặc biệt là các bộ, ngành trọng yếu như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng... không chỉ thực hiện chức năng quản lý, tổ chức phòng ngừa mà còn tham mưu, đề xuất với Quốc hội, Hội đồng nhân dân về những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn QLNN, đấu tranh, phòng ngừa các tội phạm về XNC. Trong bối cảnh các yếu tố quốc tế ngày càng phức tạp, hoạt động tham mưu, kiến nghị của các cơ quan hành pháp góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm hiệu quả và tính thích ứng của các biện pháp phòng ngừa. Đồng thời, thông qua phối hợp xử lý khiếu nại, tố cáo, giải quyết các điểm nóng về an ninh, trật tự, các cơ quan hành pháp vừa trực tiếp tham gia vào công tác phòng ngừa, vừa góp phần nâng cao nhận thức xã hội và phát huy sức mạnh toàn dân. Hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp và các sở, ban, ngành chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân

cũng đóng vai trò thiết yếu trong việc phát hiện, khắc phục những hạn chế, bất cập của chính sách, pháp luật, từ đó tham mưu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bảo đảm hệ thống pháp luật phòng ngừa các tội phạm về XNC đồng bộ, bám sát thực tiễn.

Mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

Trong PNTP nói chung và PNTP về XCNC do CDVN thực hiện nói riêng, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, TAND) giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của hệ thống tư pháp hình sự. Sự phối hợp này không chỉ dừng lại ở chức năng truy cứu trách nhiệm hình sự mà còn có ý nghĩa sâu sắc trong PNTP, thể hiện ở việc phát hiện từ sớm, xử lý nghiêm minh, răn đe đối với người phạm tội, đồng thời góp phần giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

Thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự còn duy trì cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin, kịp thời đánh giá diễn biến tội phạm, dự báo xu hướng, nhận diện phương thức, thủ đoạn phạm tội mới. Hoạt động này tạo cơ sở quan trọng để phát hiện những khó khăn, bất cập trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, từ đó tham mưu, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và chính sách PNTP. Đồng thời, thông qua sơ kết, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu chuyên đề, các cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định chính sách hình sự, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm XNC mang tính xuyên quốc gia, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành và mở rộng hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

1.3.3. Hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tình hình các tội phạm về XNC ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường. Với tính chất, đặc điểm "vượt ra ngoài biên giới quốc gia" của tội phạm, khiến các biện pháp phòng ngừa thuần túy trong nước dù được triển khai đồng bộ đến đâu cũng khó đạt được hiệu quả bền vững nếu không gắn với các hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống "di cư trái phép". Do đó, hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm về XNC không chỉ là yêu cầu tất yếu, khách quan mà còn là điều kiện để nâng cao hiệu quả phòng ngừa, bảo đảm lợi ích an ninh đối ngoại và thực thi các nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

Trên cơ sở đó, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XNC được hiểu là hoạt động phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam với cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài và các tổ chức quốc tế nhằm loại trừ, giảm thiểu các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, nâng cao hiệu quả QLNN, phòng ngừa VPPL trên lĩnh vực XNC. Từ quy định của pháp luật thực định có thể xác định, Bộ Công an là chủ thể chủ trì, giữ vai trò nòng cốt phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, cùng các cơ quan thực thi pháp luật khác thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế trong quản lý, phòng ngừa VPPL trên lĩnh vực XNC[17]. Việc hợp tác với cơ quan di trú, cảnh sát, biên phòng, công tố của các nước và các tổ chức như INTERPOL, ASEANAPOL, IOM hay UNODC được triển khai trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và phù hợp với pháp luật Việt Nam cũng như điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Từ đó có thể thấy rằng, mục tiêu của hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XNC là: ngăn ngừa từ sớm, từ xa các hoạt động di cư trái phép; vô hiệu hóa các đường dây môi giới, tổ chức đưa người ra nước ngoài trái phép; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của CDVN ở nước ngoài; đồng thời nâng cao năng lực QLNN về XNC và đóng góp vào các nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong kiểm soát di cư bất hợp pháp. Ngoài ra, mục tiêu sâu xa hơn là củng cố niềm tin chiến lược với các quốc gia đối tác, góp phần xây dựng môi trường an ninh khu vực ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Để đạt được mục tiêu trên, các chủ thể đã tiến hành đồng bộ các các nội dung như: nghiên cứu, tham gia ký kết, gia nhập và thực thi các điều ước, thỏa thuận quốc tế về di cư, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và quản lý biên giới; trao đổi, chia sẻ thông tin về đối tượng, phương thức, thủ đoạn, tuyến đường di cư bất hợp pháp; phối hợp xác minh hồ sơ, nhân thân công dân; phối hợp điều tra và hỗ trợ trong xử lý các vụ việc phức tạp về XNC; hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; hỗ trợ về khoa học - kỹ thuật trong QLXNC; triển khai chiến dịch chung ngăn chặn các hoạt động di cư trái phép.

Nghiên cứu cho thấy, các chủ thể đã tiến hành đồng bộ nhiều hình thức hợp tác với với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như: ký kết điều ước, thỏa thuận song phương và đa phương; tổ

17. Khoản 10 Điều 45 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của CDVN năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

chức hội nghị, hội thảo, đối thoại chiến lược hoặc cơ chế tham vấn định kỳ; triển khai hoạt động trao đổi trực tuyến, điện đàm, chia sẻ thông tin qua các kênh nghiệp vụ; cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, đoàn công tác, cơ chế phối hợp biên giới... Từ đó, tạo nền tảng pháp lý, kỹ thuật cho hoạt động phòng ngừa, vừa giúp mở rộng không gian phòng ngừa, tạo điều kiện để xử lý hiệu quả các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh con người và ANQG trong tình hình mới.

1.3.4. Biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Biện pháp PNTP được hiểu là cách thức tác động có mục đích của các chủ thể nhằm loại trừ, làm suy yếu hoặc vô hiệu hóa các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Nghiên cứu lý luận tội phạm học cho thấy, biện pháp phòng ngừa có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau như: căn cứ vào chủ thể hoạt động phòng ngừa có thể phân chia thành phòng ngừa xã hội với phòng ngừa nghiệp vụ; căn cứ nội dung, tính chất tác động có thể khái quát thành các biện pháp phòng ngừa: biện pháp văn hóa, giáo dục; biện pháp pháp luật; biện pháp quản lý; biện pháp kinh tế - xã hội...; căn cứ vào phạm vi, địa bàn có thể phân loại thành biện pháp phòng ngừa áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ quốc gia, cho từng địa phương, cho từng ngành, lĩnh vực hoạt động...[18]. Mặc dù, các cách phân loại được xét từ các tiêu chí khác nhau, từ cấp độ đối tượng bị tác động, chủ thể thực hiện, nội dung tác động đến phạm vi áp dụng song các cách phân loại này chỉ mang tính tương đối và có sự đan xen, bổ trợ lẫn nhau trong thực tiễn triển khai. Xuất phát từ đặc điểm tội phạm học và mục tiêu, yêu cầu phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện có thể khái quát, xác định các biện pháp phòng ngừa đặc trưng của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như sau:

Biện pháp kinh tế - xã hội

Biện pháp kinh tế - xã hội được tiến hành bằng các biện pháp phát triển kinh tế, khắc phục các tồn tại trong xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, trình độ dân trí giữa các tầng lớp, vùng, miền góp phần hạn chế, đẩy lùi các nguyên nhân phát sinh tội phạm. Nghiên cứu cho thấy, đối tượng thực hiện các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu vì động cơ vụ lợi, tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập nhằm cải thiện, nâng cao đời sống. Đồng thời, đối tượng thực hiện tội phạm và người được tổ chức XNC trái

18. GS.TS Lê Thị Sơn (2024), Giáo trình Tội phạm học, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 254.

phép tập trung là lực lượng lao động phổ thông, có thu nhập không ổn định và trình độ dân trí còn có phần hạn chế. Do đó, việc triển khai đồng bộ các chính sách phát triển kinh tế gắn với an sinh xã hội không chỉ góp phần bảo đảm nhu cầu thiết yếu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân mà còn thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, hạn chế những bất bình đẳng xã hội vốn là nguyên nhân cơ bản của loại tội phạm này. Đồng thời, các chính sách xã hội như xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội không chỉ góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mà còn là nền tảng quan trọng để huy động sức mạnh, nguồn lực của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp phòng, chống tội phạm.

Biện pháp văn hóa, giáo dục

Biện pháp văn hóa, giáo dục là một trong những biện pháp trọng tâm của phòng ngừa xã hội, hướng tới tác động trực tiếp vào nhận thức, thái độ, xử sự của con người theo những chuẩn mực đạo đức, pháp luật nhằm hạn chế sự hình thành các động cơ lệch chuẩn như tâm lý hám lợi, nhận thức hạn chế, sai lệch về các quy định của pháp luật. Trên phương diện lý luận tội phạm học, đây là một trong những biện pháp với cơ chế phòng ngừa "từ gốc" nguyên nhân hình thành, phát sinh tội phạm thông qua các biện pháp nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân, mở rộng, nâng cao chất lượng giáo dục và phát huy tính tích cực của công tác tuyên truyền. Từ đó, tạo ra môi trường xã hội lành mạnh, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật, tinh thần cảnh giác của người dân trong phòng ngừa, đấu tranh, tố giác tội phạm, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Biện pháp kiểm soát XNC

Biện pháp kiểm soát nhập cảnh là hoạt động QLNN được thực tiến hành bằng nhiều biện pháp hành chính, biện pháp nghiệp vụ do lực lượng chức năng tiến hành trên cơ sở pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập nhằm duy trì trật tự trong hoạt động XCNC, quá cảnh tại cửa khẩu góp phần bảo đảm ANQG[19]. Đây là biện pháp đặc trưng, đặc thù trong phòng ngừa các tội phạm về XNC, không chỉ bảo đảm việc tuân thủ, thực thi pháp luật, phát hiện, ngăn chặn các VPPL trên lĩnh vực XNC từ sớm, từ xa. Thông qua hoạt động kiểm tra hành chính, kiểm tra nhân sự, giám sát chặt chẽ người, phương tiện tại Cửa khẩu quốc tế, các lực lượng chuyên trách trong QLXNC có điều kiện nhận diện các

19. Trần Quang Tám (2019), Quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 32.

dấu hiệu nghi vấn, kịp thời triển khai các biện pháp nghiệp vụ để ngăn chặn, xử lý các VPPL về XNC ngay từ trong nội địa. Đồng thời, phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý, kiểm soát, từ đó kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật, ứng dụng khoa học, kỹ thuật, phối hợp lực lượng nhằm nâng cao hiệu quả QLNN, phòng ngừa VPPL trên lĩnh vực XNC.

Biện pháp QLNN về an ninh trật tự

Biện pháp QLNN về an ninh trật tự là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh mang tính quyền lực nhà nước đối với các hoạt động QLNN trên lĩnh vực XNC như: quản lý cư trú, QLXNC, quản lý các hoạt động đưa công dân ra nước ngoài. Quản lý cư trú là nền tảng nhằm nắm chắc biến động nhân khẩu, hộ khẩu để kịp thời phát hiện những dấu hiệu bất thường liên quan đến các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép; QLXNC là biện pháp hành chính đặc thù điều chỉnh toàn bộ hoạt động XNC tại cửa khẩu, qua đó phát hiện các VPPL trên lĩnh vực XNC; quản lý các hoạt động liên quan đến đưa CDVN ra nước ngoài có vai trò quan trọng trong phát hiện từ sớm, từ xa các hành vi lợi dụng các danh nghĩa công khai để che giấu, hợp thức hóa hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép. Hoạt động QLNN về an ninh trật tự góp phần hình thành cơ chế khép kín, từ quản lý nội địa đến cửa khẩu và hoạt động đưa công dân ra nước ngoài nhằm nâng cao năng lực chủ động trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Biện pháp điều tra, xử lý tội phạm

Biện pháp điều tra, xử lý tội phạm là biện pháp trực tiếp phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi phạm tội, cũng như hạn chế hậu quả, tác hại của tội phạm. Thông qua hoạt động điều tra, các cơ quan chức năng không chỉ áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự để ngăn chặn hành vi phạm tội tiếp diễn, mà qua đó còn làm rõ nguyên nhân của tội phạm để kịp thời kiến nghị khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong QLNN, phòng, chống tội phạm. Đồng thời, thông qua hoạt động điều tra, xử lý tội phạm, trong đó có tổ chức xét xử công khai, lưu động đối với một số vụ án điển hình không chỉ bảo đảm tính răn đe, giáo dục phòng ngừa đối với người phạm tội mà còn nâng cao ý thức, củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân vào pháp luật. Ngoài ra, kết quả điều tra, xử lý tội phạm là cơ sở thực tiễn quan trọng, phục vụ cho công tác thống kê, dự báo, hoạch định chính sách và xây dựng giải pháp PNTP bám sát thực tiễn, mục tiêu, yêu cầu phòng, chống tội phạm trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Kết luận chương 1

Trên cơ sở hệ thống hóa tri thức ngành tội phạm học, PNTP và khoa học liên ngành, Chương 1 của luận án đã xây dựng, luận giải khái niệm, đặc điểm và vai trò của phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Việc xác định rõ khái niệm, làm rõ đặc điểm và vai trò của hoạt động phòng ngừa đối với loại tội phạm này không chỉ góp phần bổ sung, phát triển lý luận tội phạm học mà còn đặt nền tảng cho việc xây dựng các chính sách, biện pháp phòng ngừa phù hợp với đặc điểm, tình hình tội phạm.

Chương 1 cũng đã phân tích cơ sở và nguyên tắc phòng ngừa, trong đó xác định phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ, đường lối lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự tham gia của toàn xã hội. Đồng thời, các nguyên tắc phòng ngừa được xác định phải bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ vừa phù hợp với đặc điểm đặc trưng của các tội phạm về XNC. Việc kết hợp giữa chủ động phòng ngừa với chủ động tiến công, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình PNTP. Bên cạnh đó, luận án đã xác định nội dung, chủ thể, mối quan hệ giữa các chủ thể, hợp tác quốc tế và các biện pháp trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Trong đó, xác định các biện pháp trọng tâm, cốt yếu phù hợp với tình hình, nguyên nhân của tội phạm, cũng như đặc điểm phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, qua đó tạo lập một cơ chế phòng ngừa thống nhất.

Như vậy, Chương 1 luận án đã phân tích, luận giải những vấn đề lý luận cơ bản, cốt lõi liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đây là nền tảng lý luận quan trọng để nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu, đánh giá thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện tại Chương 2 của luận án. Đặc biệt là làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa để xây dựng giải pháp phòng ngừa đồng bộ, khả thi tại Chương 3 của luận án.

Chương 2
THỰC TIỄN PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Trên cơ sở kế thừa, thống nhất lý luận về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã được luận giải tại Chương 1, Chương 2 của luận án tập trung phân tích một cách hệ thống thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, trên cơ sở luận giải đầy đủ bối cảnh tình hình, đặc điểm, xu hướng và các nguyên nhân tác động, phát sinh loại tội phạm này. Trên nền tảng đó, đi sâu phân tích thực tiễn tổ chức lực lượng, cơ chế phối hợp, hợp tác quốc tế và thực hiện các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, qua đó chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong phòng ngừa loại tội phạm này. Việc nghiên cứu, luận giải những vấn đề trên không chỉ cung cấp bức tranh khách quan về thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện mà còn gợi mở những vấn đề khoa học, thực tiễn quan trọng, đặt nền tảng cho cơ sở dự báo và xây dựng các giải pháp tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này ở Chương 3 của luận án.

2.1. Tình hình, nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.1.1. Tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

- Thực trạng về mức độ của tình hình tội phạm

Thời gian qua, tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, tác động xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, thậm chí còn ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại, gây thiệt hại lớn về tính mạng, tài sản của công dân[20]. Theo số liệu thống kê giai đoạn từ năm 2018 - 2025, hệ thống Tòa án các cấp đã xét xử 1.497 vụ án với 2.876 bị cáo về các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện, trung bình mỗi năm có khoảng 187,1 vụ án với 359,5 bị cáo (Bảng 4 - phụ lục). Điều này phản ánh mức độ tương đối phổ biến của loại tội phạm này, đặt ra những yêu cầu, thách thức không nhỏ đối với công tác phòng, chống tội phạm trong thời gian tới.

20. Thuỳ Dương (2019), "Vụ 39 người chết trong container: Vỡ giấc mộng đổi đời", https://baotintuc.vn/the-gioi/vu-39-nguoi-chet-trong-container-vo-giac-mong-doi-doi-20191030094953230.htm, truy cập ngày 12/10/2025.

Cơ số tội phạm là chỉ số phản ánh mức độ phổ biến của tội phạm trong phạm vi cộng đồng dân cư nhất định, được xác định dựa trên tỷ lệ tổng số vụ phạm tội xảy ra trên đơn vị dân cư trong độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự với công thức tính: K=T/D (trong đó: T là tổng số phạm tội; D là đơn vị dân cư trong độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự). Luận án khảo sát trên phạm vi cả nước nên quy ước 1 đơn vị dân cư tương đương với 100.000 người và tuổi chịu trách nhiệm hình sự là từ đủ 16 tuổi. Trên cơ sở số liệu thống kê, tính toán có thể đưa ra cơ số trung bình chung các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện giai đoạn từ năm 2018 - 2025 là khoảng 0,57, trong đó cao nhất tại năm 2021 là 1,0 và thấp nhất tại năm 2018 là 0,11 (Biểu đồ 15 - phụ lục). Điều này cho thấy, cơ số loại tội phạm này không cao nhưng có sự biến động khó lường phản ánh sự phụ thuộc vào bối cảnh chính trị - xã hội và các chính sách quản lý, kiểm soát theo từng thời điểm nhất định. Đỉnh điểm, giai đoạn 2020 - 2022, các yếu tố ngoại cảnh đã tác động mạnh mẽ, nguy cơ bùng phát các tội phạm về XNC là hoàn toàn hiện hữu[21]. Đây cũng là những chỉ báo khoa học quan trọng giúp nhận diện tính quy luật, dự báo xu hướng tội phạm trong tương lai.

Các số liệu trên chỉ phản ánh "phần rõ" của tình hình tội phạm nhưng chưa bao quát toàn bộ thực trạng tình hình tội phạm, bởi một phần hành vi phạm tội đã xảy ra nhưng chưa phát hiện được, chưa bị xử lý hình sự hoặc chưa đủ điều kiện đưa ra xét xử, đây chính là "phần ẩn" của tình hình tội phạm. Theo nghiên cứu của Viện Nhà nước và Pháp luật, các nhà khoa học đã xác định mức độ ẩn của tình hình tội phạm theo bốn cấp độ[22]. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích dữ liệu khảo sát, có thể xác định các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện xếp ở cấp độ II.

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện thể hiện rõ tính chất ẩn dưới nhiều dạng khác nhau gồm: ẩn thống kê, ẩn khách quan và ẩn chủ quan. Theo thống kê, giai đoạn 2018 - 2025 trên cả nước đã khởi tố 1.775 vụ với 3.350 bị can về các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện nhưng chỉ có khoảng 1.497 vụ án với 2.876 bị cáo bị đưa ra xét xử (chiếm 84,34% tổng số vụ và 85,85% tổng số bị cáo) (Bảng 4 - phụ lục). Thông số trên cũng phù hợp với những thông tin được phản ánh qua báo cáo công tác điều tra, xử lý tội phạm đó là: trong 03 năm (2020 - 2022) cơ quan

21. Thời điểm dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nhất với các chinh sách quản lý, chặt chẽ về XNC từ Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, đặc biệt với các nước có chung biên giới đường bộ với Việt Nam.
22. Phạm Văn Tỉnh (2003), "Tội phạm ẩn chủ quan và mối liên hệ với các chủ thể có nhiệm vụ phát hiện và xử lý tội phạm", *Tạp chí Kiểm sát*, (10), tr. 57.

điều tra các cấp đã kết luận và đề nghị truy tố khoảng 82,11% tổng số vụ và 83,11% tổng số bị can bị phát hiện, khởi tố về các tội phạm XNC[23]. Sự chênh lệch giữa số vụ án bị khởi tố với số vụ án được xét xử cho thấy mức độ phức tạp, khó khăn trong nhận diện, thống kê và đánh giá đầy đủ thực trạng tình hình loại tội phạm này.

Phần ẩn của tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện xuất phát từ các nguyên nhân khách quan, chủ quan khác nhau, gắn liền với đặc điểm của loại tội phạm xuyên quốc gia; phương thức, thủ đoạn phạm tội; đặc điểm người được tổ chức XNC, trốn đi nước ngoài, trốn ở lại nước ngoài trái phép; những hạn chế trong tổ chức thực hiện các hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm... Trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp có thể khái quát thành các nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện mang đặc trưng của loại tội phạm xuyên quốc gia, có sự câu kết chặt chẽ giữa các đối tượng ở trong và ngoài nước, hoạt động theo cấu trúc phân tầng, khép kín, mỗi đối tượng thường sẽ đảm nhiệm một nhiệm vụ, công đoạn nhất định. Bên cạnh đó, Việt Nam với đường biên giới dài, nhiều đường mòn, lối mở là điều kiện thuận lợi để các đối tượng tổ chức thực hiện các tội phạm về XNC nhưng điều này lại gây khó khăn, trở ngại cho các cơ quan chức năng, công tác điều tra, xử lý tội phạm phụ thuộc rất lớn vào hoạt động tương trợ tư pháp hình sự và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm.

Thứ hai, phương thức, thủ đoạn của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện ngày càng phức tạp, biến đổi liên tục, gây khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra của lực lượng chức năng. Bên cạnh những phương thức truyền thống, các đối tượng triệt để lợi dụng các phương thức, thủ đoạn mới để thực hiện tội phạm như: lợi dụng khoa học kĩ thuật, không gian mạng, thiết bị điện tử; sử dụng thông tin, hình ảnh giả mạo, tài khoản ảo, sim rác; thanh toán qua các ứng dụng số để ngụy trang hoạt động phạm tội... Do đó, việc xác định danh tính, truy vết, thu thập chứng cứ còn gặp nhiều khó khăn do tính ẩn danh, tính xuyên biên giới và tốc độ thay đổi phương tiện kỹ thuật. Đây là yếu tố khiến nhiều hoạt động phạm tội diễn ra trong thời gian dài nhưng chưa được phát hiện, xử lý kịp thời của lực lượng chức năng[24].

---

23. Bộ Công an (2022), "Báo cáo trung tâm", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 3.
24. Khoa An ninh điều tra - T03 (2022), "Một số vấn đề đặt ra trong điều tra các tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 59.

Thứ ba, người được tổ chức XNC trái phép hoặc thân nhân của họ thường có tâm lý không hợp tác, thậm chí che giấu hành vi phạm tội. Thực tiễn cho thấy, người được tổ chức XNC trái phép thường có tâm lý sợ bị xử lý về hành vi XNC trái phép hoặc e ngại hệ lụy pháp lý liên quan nên không chủ động hợp tác hoặc chậm trễ trong việc cung cấp thông tin. Cá biệt, có những trường hợp không hợp tác với các cơ quan chức năng, bởi "tâm lý hàm ơn" với các đối tượng tổ chức, môi giới XNC trái phép hoặc có ý thức bao che, khai báo nhỏ giọt vì sợ bị trách nhiệm liên đới[25]. Cùng với đó, phần lớn các vụ việc được phát hiện sau thời gian dài kể từ khi hành vi phạm tội xảy ra nên người được tổ chức XNC trái phép thường không thể nhớ đầy đủ quá trình hoặc những người liên quan, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, mở rộng, làm rõ toàn bộ đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Thứ tư, những hạn chế trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm. Nghiên cứu cho thấy, công tác phát hiện, điều tra, xử lý các tội phạm về XNC còn phụ thuộc nhiều vào hoạt động tuần tra, kiểm soát hành chính, tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm và chỉ có một phần nhỏ được phát hiện thông qua công tác chuyên án[26]. Cùng với đó, hoạt động đấu tranh, xử lý loại tội phạm này vẫn chưa có nhiều điều kiện mở rộng điều tra, xử lý các đối tượng ở nước ngoài, gây trở ngại lớn trong hoạt động truy vết, nhận diện và xử lý triệt để các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đặc biệt, trong một số thời điểm, tiến độ điều tra, xử lý các vụ án còn bị kéo dài do quy mô vụ án lớn, địa bàn hoạt động rộng, phương thức, thủ đoạn tinh vi, trong khi đó lực lượng, phương tiện phục vụ điều tra vẫn còn những hạn chế, khó khăn nhất định. Việc phải gia hạn thời hạn điều tra trong nhiều trường hợp không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý vụ án mà còn làm giảm tính kịp thời và hiệu lực răn đe của pháp luật[27].

Thứ năm, một bộ phận hành vi các tội phạm về XNC bị "ẩn nguồn" trong các tội phạm xuyên quốc gia hoặc các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính khác. Trong nhiều trường hợp, hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép được "che

25. Cục A09 (2022), "Bài học kinh nghiệm rút ra qua điều tra các vụ án tổ chức xuất nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 25.
26. Chu Quang Trung (2023), "Phương thức, thủ đoạn phạm tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và một số kiến nghị, đề xuất đối với công tác điều tra và phòng ngừa tội phạm", Bản tin An ninh điều tra, (26), tr. 51.
27. Khoa An ninh điều tra - T03 (2022), "Một số vấn đề đặt ra trong điều tra các tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, tlđd, tr. 59.

giấu", "thu hút" trong một số hành vi như mua bán người, đưa người lao động ra nước ngoài trái phép, làm giả giấy tờ, sử dụng tài liệu giả hoặc núp bóng các dịch vụ du lịch, xuất khẩu lao động... Một số vụ án, cơ quan điều tra tập trung vào các hành vi chính được nêu trên, dẫn đến hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép không được nhận diện, thống kê độc lập[28]. Sự giao thoa, đan xen này khiến một phần đáng kể hành vi phạm tội không được phản ánh trong báo cáo chính thức, qua đó làm gia tăng đáng kể giữa tình hình thực tế và số liệu được ghi nhận.

Thứ sáu, hạn chế trong công tác thống kê tội phạm là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc nhận diện đầy đủ, chính xác tình hình tội phạm. Thực tiễn cho thấy, hoạt động thống kê tội phạm được tiến hành chủ yếu trong phạm vi các cơ quan tiến hành tố tụng (Công an, Viện kiểm sát, Tòa án), tuy nhiên do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ, mục đích, tiêu chí thống kê nên số liệu thống kê cũng khác nhau và tồn tại độ chênh nhất định. Bên cạnh đó, chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ trong chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, dẫn đến tình trạng số liệu chưa được cập nhật, tổng hợp và hệ thống hóa một cách kịp thời, đầy đủ. Điều này không chỉ làm giảm độ tin cậy của các đánh giá về thực trạng, xu hướng vận động của tình hình tội phạm, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc hoạch định chính sách, xây dựng giải pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Thực trạng về tính chất của tình hình tội phạm

Tình hình tội phạm là một thể thống nhất các tội phạm xảy ra trong đơn vị không gian, thời gian nhất định, trong đó đặc điểm về tính chất là một thông số quan trọng để đánh giá chính xác, khách quan thực trạng tình hình tội phạm và được làm rõ qua một số thông số cơ cấu thực trạng về tính chất của loại tội phạm này như sau:

Cơ cấu theo tội danh:

So sánh tương quan giữa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện với toàn bộ Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính giai đoạn 2018 - 2025 cho thấy, mặc dù BLHS chỉ quy định 04 điều luật song loại tội phạm này lại chiếm một tỷ lệ đáng kể trong cơ cấu các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính: chiếm 21,46% về số vụ án và 22,30% về số bị cáo (Bảng 5; Biểu đồ 1 - Phụ lục). Kết quả này không chỉ phản ánh tính chất phổ biến, xu hướng diễn biến phức

28. Lê Hồng Thái (2022), Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn điều tra hình sự của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, Kỷ yếu Hội thảo cấp Bộ, Trường Đại học An ninh nhân dân, tr. 18.

tạp của tội phạm này mà còn đặt ra những yêu cầu cấp thiết trong nghiên cứu, luận giải nguyên nhân của tình hình tội phạm, đánh giá hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Xét về cơ cấu tương quan giữa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong tỷ trọng cơ cấu các tội danh. Trong đó, tội tổ chức, môi giới cho người khác XCNC hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348 BLHS) chiếm tỷ lệ đặc biệt lớn với 70,41% tổng số vụ, 78,37% tổng số bị cáo; sau đó là tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 349 BLHS) với 24,72% tổng số vụ, 18,74% tổng số bị cáo; ở mức thấp nhất là tội vi phạm quy định về XNC với 4,88% tổng số vụ, 2,89% tổng số bị cáo; đáng chú ý trong giai đoạn này không ghi nhận bất kỳ vụ án nào liên quan đến tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 350 BLHS) (Bảng 6; Biểu đồ 2 - Phụ lục). Qua đó cho thấy, loại tội phạm này chủ yếu thực hiện ở dạng hành vi "tổ chức, môi giới" có tính chất đồng phạm và ngược lại hành vi mang tính chất cá nhân, đơn lẻ hầu như không phổ biến. Vì vậy, cần phải nghiên cứu, làm rõ tính chất đặc trưng "đồng phạm", xuyên quốc gia trong các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép, từ đó hướng tới xây dựng các giải pháp phòng ngừa các đường dây phạm tội thay vì chỉ xử lý các hành vi cá nhân đơn lẻ.

Bên cạnh đó, để đánh giá khách quan, chính xác thực trạng các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, nghiên cứu sinh đã khảo sát ngẫu nhiên 316 vụ án hình sự với 614 bị cáo và 2.819 người được tổ chức XNC trái phép, giai đoạn từ năm 2018 - 2025 để làm rõ một số thông số về tính chất của tình hình tội phạm, cụ thể:

Về hình thức phạm tội, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện chủ yếu dưới hình thức đồng phạm chiếm 79,43% tổng số vụ, trong khi các vụ phạm tội đơn lẻ chỉ chiếm 20,57% (Bảng 8; Biểu đồ 3 - Phụ lục). Mặc dù, tỷ lệ các vụ án phạm tội đơn lẻ thấp, song thực tiễn điều tra cũng cho thấy, trong một số vụ án chỉ khởi tố một bị can nhưng có dấu hiệu rõ ràng về đồng phạm nhưng đối tượng ở nước ngoài nên công tác điều tra phụ thuộc rất lớn vào hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Chẳng hạn, trong vụ án Đỗ Thị Th phạm tội tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép, cơ quan điều tra xác định Th đã có hành vi liên kết với một số đối tượng khác (Yang T, Y2 - Th khai là người Trung Quốc) tổ chức cho 04 người Trung

Quốc ở lại Việt Nam trái phép. Tuy nhiên, do không xác định được chính xác tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra đã không làm rõ được hành vi của các đối tượng trên[29].

Về phương thức, thủ đoạn phạm tội, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện được tiến hành chủ yếu qua hai phương thức: bí mật và công khai hợp pháp hoặc "bất hợp pháp". Trong đó, chủ yếu lựa chọn phương thức bí mật để tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép, thông qua đường mòn, lối mở (chiếm 57,59%), tuyến đường biển (5,70%), đường sông (3,16%) và các phương thức kết hợp, trung chuyển (4,75%). Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ được thực hiện dưới hình thức công khai qua các cửa khẩu hàng không (19,30%), tiếp đến là cửa khẩu đường bộ (7,28%) và cảng biển (2,22%) (Bảng 9.1; Biểu đồ 4 - Phụ lục). Đáng chú ý, trong nhóm phương thức công khai các đối tượng lợi dụng, núp bóng dưới các "vỏ bọc" hợp pháp hoặc bất hợp pháp để tổ chức, môi giới XNC trái phép như: du lịch (60 vụ, chiếm 65,93%); sử dụng giấy tờ giả (10 vụ, chiếm 10,99%), xuất khẩu lao động (06 vụ, chiếm 6,59%)... (Bảng 9.2 - Phụ lục). Những thông số trên cho thấy, phần lớn các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện được tiến hành bằng phương thức bí mật, nhất là lợi dụng các đường mòn, lối mở qua biên giới, khó kiểm sát, điều này phản ánh rõ tính chất lén lút, bí mật của loại tội phạm này. Bên cạnh đó, một tỷ lệ đáng kể được thực hiện dưới vỏ bọc hợp pháp như du lịch, lao động, du học hoặc sử dụng giấy tờ giả để tổ chức XNC trái phép, cho thấy xu hướng về phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, khó lường. Hiện nay, nổi lên xu hướng gia tăng phương thức kết hợp giữa hợp pháp với bất hợp pháp để tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép[30]. Điển hình như, tháng 11/2025 Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh đã khởi tố 9 đối tượng về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép, đây là đường dây phạm tội hoạt động liên tỉnh, rất chuyên nghiệp. Để trốn tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, các đối tượng đã tổ chức cho CDVN sang Trung Quốc theo diện Visa du lịch, sau đó liên hệ với các đối tượng đang sinh sống, làm việc tại Hồng Kông tổ chức vượt biên bằng đường biển để vào Hồng Kông, bố trí ở lại lao động bất hợp pháp[31].

---

29. Xem: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (2025), Bản án số 44/2025/HS-ST ngày 07/5/2025 về Đỗ Thị Th- tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép, Bắc Giang.
30. Lê Hồng Thái (2022), Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn điều tra hình sự của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an, Kỷ yếu Hội thảo cấp Bộ, Trường Đại học An ninh nhân dân, Hà Nội.
31. Mẫn Phong (2025), "Phê chuẩn khởi tố 9 đối tượng tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép", https://baovephapluat.vn/cong-to-kiem-sat-tu-phap/khoi-to/phe-chuan-khoi-to-9-doi-tuong-to-chuc-cho-nguoi-khac-tron-di-nuoc-ngoai-trai-phep-188198.html, truy cập ngày 24/11/2025.

Về phương thức, thủ đoạn liên lạc, môi giới, phần lớn các đối tượng sử dụng phương tiện điện tử, mạng Internet, mạng xã hội để tổ chức, môi giới cho người khác XCN trái phép, chiếm tới 95,56% tổng số vụ (Bảng 10 - Phụ lục). Bên cạnh các phương thức, thủ đoạn truyền thống như liên lạc trực tiếp hoặc qua trung gian thì gần đây xuất hiện nhiều phương thức, thủ đoạn mới với tính chất ngày càng tinh vi, khó phát hiện như: lập tài khoản "ma", tài khoản ảo; sử dụng sim rác để trao đổi, liên lạc; sử dụng dịch vụ tài chính số, tài khoản ngân hàng không chính chủ, ví điện tử… để che giấu dòng tiền, tạo vỏ bọc cho hoạt động phạm tội, gây khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra của cơ quan chức năng[32]. Chẳng hạn như, đối tượng Phạm Văn T đã tìm hiểu, kết bạn với một số đối tượng môi giới cho người khác trốn từ Việt Nam qua Trung Quốc bằng phương thức sử dụng tài khoản Wechat, Zalo không chính chủ để liên lạc với các đối tượng trong đường dây. Đồng thời, sử dụng chính các trang mạng xã hội này đăng tải thông tin, tìm kiếm người có nhu cầu trốn đi nước ngoài trái phép. Và chỉ chưa đầy một năm T đã tổ chức cho hàng chục người trốn đi nước ngoài trái phép thu lợi bất chính hơn 8,1 tỷ đồng[33].

Về địa bàn phạm tội, loại tội phạm này thường diễn ra trên phạm vi rộng, liên quan đến nhiều địa bàn. Tuy nhiên, vẫn có sự phân bổ khác nhau, trong đó: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc chiếm tỷ lệ cao nhất với 27,85% tổng số vụ (tập trung tại Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Điện Biên); tiếp đến là vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với 23,73% (chủ yếu ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị); Vùng đồng bằng sông Cửu Long đứng thứ ba với 16,14% (tập trung Đồng Tháp; An Giang, Tây Ninh). Các khu vực khác chiếm tỷ lệ thấp hơn: Vùng Đông Nam Bộ (13,29%); vùng đồng bằng sông Hồng (12,98%) và thấp nhất là vùng Tây Nguyên với 6,01% (Bảng 11; Biểu đồ 5 - Phụ lục). Sự phân bổ này phản ánh quy luật lựa chọn địa bàn phạm tội tập trung tại khu vực biên giới đường bộ, nhiều đường mòn, lối mở, đường sông... để thuận tiện cho việc tập kết, đưa đón người XNC trái phép, vừa dễ dàng trốn tránh sự phát hiện, kiểm soát của các lực lượng chức năng. Điều này cho thấy, yếu tố địa hình - tự nhiên là nhân tố quan trọng tác động đến sự hình thành và phát triển của các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

32. Công an tỉnh Ninh Thuận (2022), "Kinh nghiệm trong điều tra các vụ án tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 115.
33. Xem: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2023), Bản án số 76/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 về Phạm Văn T phạm tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép, Hà Tĩnh.

Về nước xuất cảnh, trốn đi nước ngoài trái phép, các đối tượng tổ chức, môi giới cho người khác XNC, trốn đi hoặc trốn ở lại nước ngoài trái phép thường lựa chọn các quốc gia thuộc khu vực Châu Á (chiếm 65,19%). Tiếp đến là các quốc gia thuộc Châu Âu (chiếm 22,15%) và cuối cùng là một số quốc gia khác thuộc Châu Đại Dương, Châu Mỹ hoặc Châu Phi (chiếm 12,66%) (Bảng 12; Biểu đồ 6 - Phụ lục). Điều này phản ánh các xu hướng nổi bật là: xuất cảnh trái phép sang các nước láng giềng nhằm mục đích tìm kiếm việc làm, buôn bán hoặc tìm cách để đi tiếp đến nước thứ ba; xu hướng xuất cảnh trái phép sang các quốc gia có nền kinh tế phát triển, thu nhập cao để ở lại lao động, cư trú bất hợp pháp hoặc tìm cách xuất cảnh sang nước thứ ba. Qua đó cho thấy, mục tiêu kinh tế vẫn là động lực chủ yếu thúc đẩy công dân tìm cách trốn đi nước ngoài, điều này đặt ra những yêu cầu bức thiết trong việc thực hiện hiệu quả các chính sách kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nhằm hạn chế nguyên nhân hình thành, phát sinh tội phạm này.

Động cơ phạm tội, khảo sát cho thấy, động cơ vụ lợi là yếu tố chi phối thực hiện các tội phạm về XNC chiếm tỷ lệ cao nhất 94,79% tổng số bị cáo và chỉ có 5,21% bị cáo thực hiện tội phạm với động cơ khác (Bảng 13; Biểu đồ 7 - Phụ lục). Tuy nhiên, bên cạnh các động cơ kinh tế - xã hội thông thường, vẫn tồn tại một số trường hợp đặc biệt, thực hiện hành vi tổ chức, môi giới hoặc XNC trái phép nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý như trốn truy nã, trốn thi hành án.

Hình phạt, hình phạt chính được áp dụng chủ yếu với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là hình phạt tù có thời hạn, trong đó: hình phạt tù đến 03 năm chiếm tỷ lệ cao nhất (51,14%); hình phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm chiếm 47,23%; trong khi hình phạt tù có mức nghiêm khắc hơn từ trên 07 năm đến 15 năm chỉ chiếm 0,49%; Các hình phạt không tước tự do hầu như chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, cụ thể: phạt tiền chiếm 0,65% và cải tạo không giam giữ chiếm 0,49% tổng số bị cáo; Hình phạt bổ sung là hình phạt tiền được áp dụng phổ biến nhất, chiếm 93,01%; tiếp theo là hình phạt bổ sung khác với tỷ lệ 6,99% (Bảng 14; Biểu đồ 13.2 - Phụ lục). Như vậy, chính sách hình sự trong xét xử loại tội phạm này chủ yếu là phạt tù ngắn hạn hoặc trung hạn và thể hiện rõ sự phân hóa trách nhiệm hình sự giữa các hành vi tổ chức, môi giới và XNC trái phép.

Đặc điểm nhân thân người phạm tội

Về giới tính, loại tội phạm này chủ yếu do nam giới thực hiện, chiếm 86,65% tổng số bị cáo, trong khi nữ giới chỉ chiếm khoảng 13,35% (Bảng 15.1; Biểu đồ 8 -

Phụ lục). Sự áp đảo về tỷ lệ nam giới có thể lý giải từ nhiều khía cạnh, đặc biệt là các đặc điểm tội phạm học của tội phạm này và đặc điểm về giới trong xã hội. Do đó, đối tượng là nam giới thường đảm nhận vai trò chỉ đạo đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Bên cạnh đó, trong thực tiễn nữ giới thường tham gia với vai trò trung gian, hỗ trợ hành chính, giấy tờ, kết nối môi giới lao động, hôn nhân.

Về độ tuổi, đối tượng thực hiện loại tội phạm này tập trung ở nhóm từ 24 - 50 tuổi chiếm 83,06% tổng số bị cáo; tiếp đến là nhóm trên 50 tuổi chiếm 11,24% và thấp nhất là nhóm từ 16 - dưới 24 tuổi chiếm 5,70% (Bảng 15.2; Biểu đồ 9 - Phụ lục). Điều này phản ánh đặc trưng tội phạm học quan trọng: lực lượng trong độ tuổi lao động (24-50 tuổi) chịu áp lực kinh tế và có nhu cầu di cư, tìm kiếm việc làm, thu nhập, là nhóm dễ bị tác động, lôi kéo, tham gia hoạt động phạm tội. Trong khi, nhóm trên 50 tuổi tuy chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng thường đóng vai trò tổ chức, điều hành, lợi dụng kinh nghiệm xã hội, uy tín cá nhân để che giấu hoạt động phạm tội. Nhóm dưới 24 tuổi có tỷ lệ phạm tội thấp nhưng không loại trừ các nguy cơ trẻ hóa tội phạm trong lĩnh vực XNC.

Về nghề nghiệp, cơ cấu nghề nghiệp người phạm tội tập trung vào nhóm lao động tự do chiếm tỷ lệ cao nhất với 34,85%, tiếp đến là nhóm làm ruộng, nương rẫy chiếm 30,13%, và nhóm không có nghề nghiệp chiếm 24,59%. Trong khi đó, các nhóm có nghề nghiệp ổn định chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ như cán bộ, nhân viên, doanh nhân chỉ chiếm 5,87% (Bảng 15.3; Biểu đồ 10 - Phụ lục). Như vậy, phần lớn người phạm tội thuộc nhóm lao động không ổn định hoặc thiếu tính bền vững nên dễ bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép, điều này cũng hoàn phù hợp với cơ cấu động cơ, chủ yếu là vì vụ lợi. Chẳng hạn, trong vụ án Voòng A. H cùng 05 đối tượng phạm tội tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Do không có công việc ổn định Voòng A. S đã rủ em trai Voòng A. H và một số anh em họ tổ chức đường dây đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để lấy tiền ăn tiêu[34]. Bên cạnh đó, mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng một số đối tượng là cán bộ, nhân viên hoặc chủ doanh nghiệp đã lợi dụng vị trí nghề nghiệp hoặc "vỏ bọc pháp lý" để che giấu, hợp thức hóa hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép, từ đó cho thấy tính chất tinh vi, phức tạp của loại tội phạm này.

34. Xem: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2020), Bản án số 106/2020/HS-ST ngày 04/8/2020 về Voòng A S, Phùn Văn D và đồng phạm về tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, Quảng Ninh.

Về tiền án, tiền sự, nghiên cứu cho thấy, số đối tượng có tiền án, tiền sự trong các vụ án về XCNC do CDVN thực hiện chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ 5,53% tổng số bị cáo (Bảng 15.4; Biểu đồ 11 - Phụ lục). Phần lớn là những đối tượng có tiền án, tiền sự liên quan trực tiếp đến các tội phạm về XNC hoặc các tội phạm xuyên quốc gia, các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

Về trình độ học vấn, nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn của người phạm các tội về XCNC do CDVN thực hiện có trình độ học vấn tương đối thấp. Cụ thể, nhóm có trình độ từ trung học cơ sở trở xuống chiếm tổng 64,82%, trong khi đó nhóm trình độ cao đẳng, đại học chỉ chiếm 7,17% và có 4,40% số bị cáo không biết chữ (Bảng 15.5; Biểu đồ 12 - Phụ lục). Cơ cấu này cho thấy sự tương đồng với cơ cấu nghề nghiệp, đặc biệt trong số các bị cáo có trình độ từ trung học trở xuống vẫn có trường hợp không biết chữ, tập trung ở người đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa nơi điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, mức độ tiếp cận giáo dục còn hạn chế. Qua đó cho thấy, yếu tố học vấn thấp gắn liền với hạn chế về nhận thức pháp luật là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến họ dễ dàng bị lôi kéo tham gia các hoạt động XNC trái phép. Ngược lại, các đối tượng có trình độ cao đẳng, đại học trở lên lại thường giữ vai trò tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép thông qua các hình thức công khai "bất hợp pháp" hoặc hợp pháp.

Đặc điểm của người được tổ chức XNC trái phép

Về mục đích, nghiên cứu cho thấy yếu tố kinh tế là động lực chi phối chủ yếu đối với người được tổ chức XNC trái phép, trong đó có tới 66,65% người XNC trái phép để tìm việc làm, lao động ở nước ngoài, tiếp đến là nhóm có mục đích cư trú, định cư lâu dài (16,36%) và thăm thân (9,79%) (Bảng 16 - Phụ lục). Điều này phản ánh, đặc điểm của dòng người di cư bất hợp pháp gắn với nhu cầu mưu sinh, cải thiện thu nhập và muốn làm giàu nhanh chóng, đặc biệt với nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc làm không ổn định. Từ đó gợi mở những giải pháp về kinh tế - xã hội, đặc biệt là mở rộng các kênh lao động hợp pháp, nâng cao nhận thức người dân nhằm hạn chế nguy cơ bị lôi kéo tham gia các hoạt động XNC trái phép.

Về địa bàn, kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố người được tổ chức XNC trái phép có sự khác biệt giữa các vùng miền, trong đó tập trung chủ yếu tại Vùng trung du và miền núi phía Bắc (27,95%) và Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền

Trung (23,77%) và một tỷ lệ đáng kể tại Vùng đồng bằng sông Cửu Long (16,25%) và Đông Nam Bộ (13,20%) (Bảng 17 - Phụ lục). Thực tiễn cho thấy, những người có nhu cầu XNC trái phép thường tập trung tại các địa bàn có đặc điểm địa lý, tự nhiên giáp biên giới hoặc có truyền thống di cư lao động ra nước ngoài (Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa...). Những thông số trên cho thấy, tính chất "địa bàn nguồn" của loại tội phạm này thường phát sinh tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội, nhận thức pháp luật, cơ hội việc làm còn hạn chế. Tuy nhiên, đây cũng là điều kiện thuận lợi để các đối tượng tổ chức, môi giới khai thác, lôi kéo người khác tham gia XNC trái phép với các chiêu bài, hình thức khác nhau.

Về đặc điểm nhân thân người được tổ chức XNC trái phép

Về tuổi, giới tính, khảo sát cho thấy người được tổ chức XNC trái phép chủ yếu vẫn là nam giới chiếm 76,13%, trong khi nữ giới chỉ chiếm 23,87% (Bảng 18.1 - Phụ lục). Tập trung cao tại nhóm từ 24 đến 50 tuổi với 73,90%, tiếp đến là nhóm tuổi từ 16 đến dưới 24 chiếm 15,18% và thấp nhất là nhóm trên 50 tuổi với 10,92% (Bảng 18.2 - Phụ lục). Những thông số này phản ảnh rõ nét đặc trưng về giới và tuổi trong tội phạm học, đây là những nhóm người có nhu cầu cao trong tìm kiếm việc làm, cải thiện thu nhập, dịch chuyển lao động và có khả năng chịu áp lực, chấp nhận sự mạo hiểm, rủi ro khi tham gia vào các đường dây XNC trái phép.

Về nghề nghiệp, người được tổ chức XNC trái phép ở nhóm lao động tự do chiếm tỷ lệ cao nhất với 41,22%, tiếp đến là làm ruộng, nương rẫy chiếm 29,87%, công nhân chiếm 12,88%, không nghề nghiệp chiếm 11,74% và học sinh, sinh viên chiếm 4,29% (Bảng 18.3 - Phụ lục). Từ đó cho thấy, phần lớn nhóm đối tượng là lực lượng lao động có tính ổn định nghề nghiệp, thu nhập thấp, việc làm không ổn định. Do đó, họ dễ bị tác động bởi các yếu tố kinh tế và thường có tâm lý làm giàu nhanh chóng, đây là điều kiện thuận lợi để các đối tượng tổ chức, môi giới lợi dụng, lôi kéo người dân tham gia các hoạt động XNC trái phép. Vì vậy, trong định hướng phòng ngừa cần chú trọng giải pháp phòng ngừa xã hội gắn với phát triển sinh kế bền vững, tạo việc làm tại chỗ, quản lý hiệu quả các hoạt động môi giới lao động ra nước ngoài.

Về trình độ học vấn, phần lớn người được tổ chức XNC trái phép có trình độ văn hóa thấp, tập trung chủ yếu ở bậc trung học cơ sở với 39,87% và tiểu học 21,36%, tiếp đến là trung học phổ thông 27,24%, trong khi trình độ cao đẳng, đại học chỉ chiếm 6,95% và vẫn còn 4,58% người không biết chữ (Bảng 18.4 - Phụ

lục). Điều này phản ánh rõ mối liên hệ giữa trình độ học vấn với những hạn chế trong nhận thức pháp luật của nhóm đối tượng này. Vì vậy, họ dễ bị tác động, lôi kéo tham gia XNC trái phép thông qua các thông tin sai lệch hoặc những lời hứa hẹn về cơ hội việc làm, thu nhập ở nước ngoài từ các đối tượng, đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

- Diễn biến của tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Khảo sát cho thấy, diễn biến tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 có sự biến động phức tạp, khó lường. Cụ thể, số vụ án và số bị can có xu hướng gia tăng dần trong giai đoạn từ năm 2018 - 2021, từ 56 vụ, 73 bị can năm 2018 lên 74 vụ, 129 bị can năm 2019, tăng đột biến trong các năm 2020 - 2021, đạt đỉnh vào năm 2021 với 390 vụ, 745 bị can. Tuy nhiên, từ năm 2022 - 2025 xu hướng này bắt đầu giảm dần, với 318 vụ, 680 bị can năm 2022 và giảm sâu xuống còn 157 vụ, 337 bị can vào năm 2025 (Biểu đồ 14 - Phụ lục). Nhìn chung, loại tội phạm này có sự tăng, giảm thất thường, không tuân theo một quy luật nào. Đáng chú ý, giai đoạn từ năm 2020 - 2022 ghi nhận sự gia tăng bất thường về số vụ án và bị can, đây là hệ quả trực tiếp của đại dịch Covid-19, vốn tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là hoạt động kiểm soát biên giới giữa các quốc gia. Trong bối cảnh đó, nhiều công dân rơi vào tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, thậm chí tìm cách "chạy dịch", dẫn đến xu hướng gia tăng các hành vi XNC trái phép, hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, đây là thời điểm các lực lượng chức năng tăng cường các biện pháp đấu tranh, kiểm soát hoạt động XNC, do đó số vụ án bị phát hiện, xử lý cũng có sự gia tăng đột biến.

2.1.2. Nguyên nhân của các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nguyên nhân từ điều kiện vị trí địa lý, tự nhiên

Việt Nam là quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á, trên bán đảo Đông Dương với đường biên giới đất liền dài hơn 4.510 km và đường bờ biển kéo dài 3.260 km. Đây là một trong những nguyên nhân làm phát sinh, gia tăng tính chất phức tạp của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Điều này được minh chứng qua thông số về địa bàn phạm tội khi có tới hơn 50% tổng số vụ được thực hiện tại khu vực biên giới là các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (Bảng 11 - Phụ lục). Bên cạnh đó, với địa hình biên giới

phức tạp, bị chia cắt mạnh từ Tây sang Đông, hệ thống sông suối, đồi núi hiểm trở nhiều đường mòn, lối mở đã làm hạn chế hiệu quả công tác QLNN về XNC, quản lý dân cư, đặc biệt trong kiểm soát người, phương tiện qua lại biên giới. Trên cơ sở tiếp cận thuyết cơ hội phạm tội cho thấy, những đặc điểm về vị trí, địa lý tự nhiên không phải là nguyên nhân trực tiếp phát sinh tội phạm nhưng nó tạo ra điều kiện thuận lợi để các đối tượng tăng cường thực hiện các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép xuyên biên giới, xuyên quốc gia. Chính vì vậy, trên thực tế phương thức, thủ đoạn phạm tội chủ yếu của loại tội phạm này vẫn là qua đường mòn, lối mở chiếm tới 57,59% số vụ (Bảng 9.1 - Phụ lục). Từ đó cũng cho thấy, vẫn còn những "khoảng trống cơ hội" mà các đối tượng phạm tội có khả năng nhận diện, khai thác để thực hiện tội phạm. Do đó, công tác PNTP không chỉ căn cứ vào năng lực của các chủ thể phòng ngừa mà còn phụ thuộc rất lớn vào hoạt động hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ[35].

Điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn và tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường

Những khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội, tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường là một trong những yếu tố tác động đến nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Mối quan hệ biện chứng này được chứng minh rõ nét trong giai đoạn 2018 - 2025, khi tỷ lệ thất nghiệp trung bình của cả nước là 2,39%, tỷ lệ thiếu việc làm là 2,08%, tăng cao đột biến vào các năm 2020 - 2021 (Bảng 19 - Phụ lục) và đây cũng là giai đoạn tình hình loại tội phạm này có sự gia tăng đột biến về số lượng, đạt đỉnh vào năm 2021 với 390 vụ và 745 bị can (Biểu đồ 14 - Phụ lục). Dưới góc độ thuyết "sự lựa chọn duy lý" cho thấy, khi lợi ích thu được từ hành vi phạm tội lớn hơn chi phí, thời gian và rủi ro pháp lý phải gánh chịu, những khó khăn từ điều kiện kinh tế - xã hội có thể được chuyển hóa thành động cơ phạm tội. Điều này còn được làm rõ thông qua những thông số về đặc điểm nhân thân người phạm tội, người được tổ chức XNC trái phép khi phần lớn họ là lực lượng lao động phổ thông, có thu nhập thấp, không ổn định. Động cơ phạm tội chủ yếu là vụ lợi và người được tổ chức XNC trái phép phần lớn để tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập. Sự tương đồng này cũng phản ánh rõ tính chất "cung - cầu", một bên là nhu cầu di cư

35. Nguyễn Thành (2021), "Đã khởi tố, xử lý cán bộ tiếp tay cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép", https://tienphong.vn/da-khoi-to-xu-ly-can-bo-tiep-tay-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-trai-phep-post1402139.tpo, truy cập ngày 20/9/2025.

lao động, một bên là lợi ích kinh tế từ hoạt động tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, những khó khăn về kinh tế - xã hội còn tác động trực tiếp đến phương thức, thủ đoạn phạm tội, khi phần lớn loại tội phạm này vẫn lựa chọn đường mòn, lối mở để tổ chức XNC trái phép bởi có chi phí thấp, dễ tiếp cận, phù hợp với điều kiện của người có nhu cầu XNC trái phép. Tuy nhiên, các hình thức XNC trái phép dưới hình thức "công khai" núp bóng dưới danh nghĩa du lịch, thăm thân... cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể gần 30% số vụ. Điều này có thể được lý giải từ "thuyết sự lựa chọn duy lý" bởi trong điều kiện nguồn lực, phương tiện của các chủ thể phòng ngừa còn những hạn chế nhất định, các đối tượng sẽ ưu tiên lựa chọn những phương thức dễ tiếp cận nhưng vẫn bảo đảm tính khả thi khi thực hiện. Đồng thời, theo cách tiếp cận về "cơ hội phạm tội" việc lựa chọn đường mòn, lối mở trở thành không gian, cơ hội thuận lợi hơn so với việc tính toán, lựa chọn các phương thức khác như bằng đường hàng không, đường biển để tổ chức thực hiện các hoạt động XNC trái phép.

Ở phương diện khác, tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hoá đã làm gia tăng sự bất cân đối trong cấu trúc thị trường lao động. Đặc điểm dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào trong khi khả năng tạo việc làm tại chỗ chưa đáp ứng kịp thời đã dẫn đến tình trạng dư thừa lao động, thiếu việc làm[36]. Trong khi đó, việc tiếp cận xuất khẩu lao động chính ngạch đòi hỏi các điều kiện về tài chính, trình độ tay nghề, ngoại ngữ mà phần lớn người lao động phổ thông không đáp ứng được hoặc phải mất thời gian, kinh phí đào tạo trong thời gian dài. Điều này, khiến cho người dân, đặc biệt là lực lượng lao động tự do, không có chuyên môn lựa chọn con đường xuất cảnh, trốn đi nước ngoài, ở lại nước ngoài bằng con đường bất hợp pháp, được coi là giải pháp "tối ưu hóa" để tiết kiệm chi phí, thời gian đào tạo mặc dù tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý, kinh tế, sức khỏe. Như vậy, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường không chỉ là nguyên nhân phát sinh tội phạm mà còn tác động trực tiếp đến nguyên nhân của loại tội phạm này.

Tác động của quá trình toàn cầu hóa và sự phát triển vượt bậc của khoa học, công nghệ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Tác động từ quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ là một trong những nguyên nhân làm nảy sinh, gia tăng tính chất phức

36. Thu Hằng (2019), "Tương lai việc làm của lao động trẻ", https://thanhnien.vn/tuong-lai-viec-lam-cua-lao-dong-tre-185846802.htm.com, truy cập ngày 25/12/2025.

tạp của loại tội phạm này, điều này được dẫn chứng bởi sự dịch chuyển về phương thức, thủ đoạn phạm tội và đích đến của các đối tượng tổ chức XNC trái phép. Dưới góc độ "thuyết cơ hội phạm tội", quá trình toàn cầu hoá, sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ đã mở rộng "không gian cơ hội" để các đối tượng chuyển dịch, thay đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội từ bí mật sang công khai hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Với phương thức công khai các đối tượng triệt để lợi dụng các "vỏ bọc" hợp pháp như du lịch, xuất khẩu lao động, du học (chiếm gần 30%) để hợp thức hóa hành vi XNC trái phép (Bảng 9.1; 9.2 - Phụ lục). Và dưới tác động trực tiếp của sự phát triển khoa học - công nghệ phương thức tổ chức, điều hành của loại tội phạm này đã có sự biến đổi khi có tới 95,56% số vụ sử dụng phương tiện điện tử, mạng internet, mạng xã hội để thực hiện tội phạm (Bảng 10 - Phụ lục). Qua đó cho thấy, khoa học công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ đơn thuần mà trở thành "hạ tầng vận hành" chủ yếu của hoạt động phạm tội gây khó khăn cho việc phát hiện, thu thập chứng cứ và xử lý tội phạm hiện nay. Cùng với đó, tác động của toàn cầu hóa còn được xác thực rõ qua xu hướng lựa chọn đích đến của hoạt động XNC trái phép là các nước phát triển, có nhu cầu cao về lao động phổ thông hoặc các nước là "trạm trung chuyển" để tiếp tục quá cảnh đến các quốc gia phát triển hơn. Sự chuyển dịch này có thể được lý giải từ góc độ tiếp cận của học thuyết về "cơ hội phạm tội" bởi trên thực tế các đối tượng vẫn tìm ra được những sơ hở, thiếu sót cũng như những lợi thế khi tiến hành tổ chức các hoạt động XNC trái phép dưới các danh nghĩa công khai hợp pháp hoặc bất hợp pháp dưới các danh nghĩa, vỏ bọc từ hoạt động: xuất khẩu lao động, du học, du lịch.... nhằm qua mắt các lực lượng chức năng, cũng như trốn tránh tránh nhiệm pháp lý trước các quy định của pháp luật thực định trong nước.

Hạn chế trong nhận thức của người dân về chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực XNC

Nghiên cứu cho thấy, hạn chế trong nhận thức pháp luật, khả năng tiếp cận thông tin liên quan đến lĩnh vực XNC cũng là một trong những nguyên nhân có tính chất nền tảng làm phát sinh, gia tăng tính phức tạp của loại tội phạm này[37]. Điều này được minh chứng qua thông số về trình độ học vấn của đối tượng phạm tội và người được tổ chức XNC trái phép khi có tới: 64,82% đối tượng phạm tội có trình độ từ trung

37. An Như (2018), "Xuất khẩu lao động, "rào cản"chưa được gỡ bỏ", https://nhandan.vn/xuat-khau-lao-dong-rao-canchua-duoc-go-bo-post325045.html, truy cập ngày 22/9/2025.

học cơ sở trở xuống, trong đó có 4,40% không biết chữ; tương tự người được tổ chức XNC trái phép có trình độ học vấn chủ yếu vẫn là từ trung học cơ sở trở xuống chiếm tới 61,23%, và 4,58% không biết chữ (Bảng 15.5; 18.4 - Phụ lục). Điều này lý giải nguyên nhân về hạn chế trong nhận thức của một bộ phận người dân về quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định liên quan đến XNC, lao động ở nước ngoài và các rủi ro đi kèm khi XNC trái phép. Do đó, họ dễ bị lợi dụng, móc nối, dụ dỗ tham gia vào các đường dây XNC trái phép hoặc trở thành nạn nhân của loại tội phạm này.

Như đã phân tích, người phạm tội và người được tổ chức XNC trái phép tập trung là lực lượng lao động tự do, có thu nhập thấp, thường có công việc không ổn định. Điều đó cho thấy, nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, việc làm không ổn định không chỉ chịu áp lực về sinh kế mà còn có xu hướng tìm kiếm thông tin từ các nguồn thông tin không chính thống, dễ bị dụ dỗ bởi các thông tin sai lệch, "quảng cáo" về cơ hội việc làm, thu nhập cao ở nước ngoài. Do đó, họ dễ dàng tin tưởng, tự nguyện tham gia vào các hoạt động XNC trái phép mà không lường trước được các rủi ro pháp lý hay nguy cơ trở thành nạn nhân của các loại tội phạm khác. Bên cạnh đó, điều này còn được minh chứng qua tâm lý, hành vi ứng xử của các đối tượng phạm tội, bởi trong chính nhiều trường hợp người được tổ chức XNC trái phép đã không chủ động tố giác tội phạm vì lo sợ bị xử lý về hành vi XNC trái phép hoặc có tâm lý "hàm ơn", bao che cho các đối tượng tổ chức, môi giới[38]. Cá biệt, một số trường hợp tại địa bàn miền núi cho rằng, việc tổ chức, môi giới cho người khác ra nước ngoài là đang "giúp đỡ", "tạo cơ hội mưu sinh" cho người khác. Nhận thức lệch lạc, kết hợp với yếu tố quan hệ thân tộc, dòng họ ven biên giới đã tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng phạm tội thiết lập các "mạng lưới tin cậy", lôi kéo người dân tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép, từ đó làm gia tăng tính chất phức tạp, "phần ẩn" của tình hình tội phạm.

Nguyên nhân từ sự gia tăng lưu lượng người XCNC

Sự gia tăng nhanh chóng về lưu lượng người XNC trong bối cảnh hội nhập quốc tế là một trong những nguyên nhân làm tăng mức độ, tính phức tạp của loại tội phạm này. Tại Việt Nam trung bình hằng năm có khoảng hơn 11 triệu lượt CDVN XNC, tương đương với khoảng 12% dân số cả nước, điều đó cho thấy mức độ dịch

38. Cục A09 (2022), "Bài học kinh nghiệm rút ra qua điều tra các vụ án tổ chức xuất nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, tlđd, tr. 25.

chuyển quốc tế đạt mức cao so với nhiều quốc gia trong khu vực. Dưới góc độ "thuyết cơ hội phạm tội", sự gia tăng lưu lượng người XNC không trực tiếp làm phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, nhưng nó tạo ra môi trường, cơ hội thuận lợi để các chủ thể phạm tội tiếp cận, khai thác các hoạt động XNC trái phép dưới các vỏ bọc công khai hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Điều này đã tạo áp lực đáng kể cho hệ thống QLNN về XNC, dẫn đến một số giai đoạn các lực lượng chức năng đã phải "căng mình", tăng cường lực lượng để quản lý, kiểm soát, phòng, chống VPPL về XNC. Điều này được minh chứng rõ nét tại thời điểm bùng phát mạnh mẽ dịch Covid - 19 (2020 - 2021), lực lượng Bộ đội Biên phòng đã lập thêm 1.600 chốt chặn, mỗi ngày trên 6.000 cán bộ chiến sĩ và trên 2.000 dân quân, công an canh phòng 24/24 dọc tuyến biên giới để kiểm soát, ngăn chặn các hành vi XNC trái phép. Nghiên cứu cũng cho thấy, nhiều đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép đã lợi dụng nhu cầu XCNC hợp pháp của người dân, các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế để che giấu hoạt động phạm tội và đây cũng là điều kiện thuận lợi để các đối tượng lợi dụng thực hiện các loại tội phạm xuyên quốc gia khác, núp bóng dưới vỏ bọc XNC công khai để che giấu hành vi phạm tội. Điều này không chỉ làm gia tăng tính ẩn của tội phạm mà còn thúc đẩy sự biến đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội theo hướng ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp, gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm soát và phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC.

Lợi ích kinh tế cao và rủi ro pháp lý thấp là yếu tố thúc đẩy các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Trong tiếp cận tội phạm học hiện đại, lý thuyết lựa chọn hợp lý (Rational Choice Theory) cho rằng hành vi phạm tội là kết quả của một quá trình cân nhắc có ý thức và có tính toán của cá nhân. Trong bối cảnh đó, các tội phạm về XNC mang đặc trưng của loại tội phạm có lợi ích kinh tế thu được là "siêu lợi nhuận" trong khi khả năng bị phát hiện, xử lý thấp. Thực tiễn điều tra cho thấy, các đối tượng có thể thu lợi từ vài chục đến hàng trăm triệu đồng, thậm chí lên đến hàng tỷ đồng. Chẳng hạn, trong vụ án Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép xảy ra tại Thừa Thiên Huế, đường dây do Hoàng Văn B, Trần Hồng Q... đã tổ chức cho 16 người xuất cảnh trái phép, thu lợi hơn 6 tỷ đồng, trung bình thu từ mỗi khách gần 500 triệu đồng[39], điều

39. Đại Dương (2024), "Bắt nhóm tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép, thu hàng tỷ đồng", https://giaoducthoidai.vn/bat-nhom-to-chuc-dua-nguoi-xuat-canh-trai-phep-thu-hang-ty-dong-post676096.html, truy cập ngày 12/3/2026.

này cho thấy tính hấp dẫn vượt trội về kinh tế so với nhiều loại tội phạm khác. Đồng thời, so với các tội phạm xuyên quốc gia khác (mua bán người, buôn bán ma túy...) thì loại tội phạm này tiềm ẩn mức độ rủi ro pháp lý thấp hơn. Bởi phần lớn các vụ án về loại tội phạm này được phát hiện thông qua công tác tuần tra, kiểm soát XNC, tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm từ người được tổ chức XNC trái phép sau khi họ bị trục xuất về nước, trong khi biện pháp phát hiện từ công tác chuyên án, nghiệp vụ của các lực lượng chức năng còn hạn chế[40]. Điều này tạo ra "môi trường thuận lợi" để các đối tượng củng cố niềm tin cho việc gia tăng mức độ, phạm vi, quy mô phạm tội, thậm chí có những vụ tổ chức cho hàng trăm người XNC trái phép trong một thời gian ngắn[41]. Sự kết hợp giữa lợi ích kinh tế cao và mức độ rủi ro pháp lý thấp trở thành một trong những nhân tố thúc đẩy các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện gia tăng về quy mô, tính chất và mức độ phạm tội.

Nguyên nhân từ phía người được tổ chức XNC trái phép

Nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện một phần xuất phát từ chính đặc điểm nhân thân của người được tổ chức XNC trái phép. Điều này được minh chứng qua các thông số về nhân khẩu học của nhóm đối tượng này khi phần lớn là nam giới (chiếm 76,13%) và tập trung cao ở độ tuổi từ 24 đến 50 (chiếm 73,90%) (Bảng 18.1; 18.2 - Phụ lục), đây là lực lượng lao động chính của gia đình, có nhu cầu cao về tìm kiếm việc làm, cải thiện thu nhập và sẵn sàng chấp nhận rủi ro bằng việc lựa chọn những con đường mạo hiểm, đôi khi là bất hợp pháp. Đồng thời, nhóm đối tượng này tập trung là lực lượng lao động phổ thông, không có nghề nghiệp ổn định với 41,22% là lao động tự do, 29,87% làm ruộng, nương rẫy và 11,74% không có nghề nghiệp (Bảng 18.3 - Phụ lục), có trình độ học vấn, tay nghề thấp, chưa đáp ứng được các điều kiện về ngoại ngữ, trình độ chuyên môn để tham gia các chương trình xuất khẩu lao động hợp pháp. Sự chênh lệch đáng kể về thu nhập giữa lao động phổ thông trong nước và ở nước ngoài đã tạo ra động lực kinh tế mạnh mẽ, khiến nhiều người sẵn sàng lựa chọn con đường XNC trái phép như một giải pháp tối ưu. Nghiên cứu "thuyết hành vi thói quen" và "thuyết cơ hội phạm tội" cho thấy, những đặc điểm nhân thân của người được tổ chức XNC trái

40. Bộ Công an (2022), "Kinh nghiệm điều tra các vụ án liên quan đến xuất, nhập cảnh", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 222.
41. Tr. Đức (2024), "Nhóm đối tượng đưa gần 500 người Trung Quốc xuất, nhập cảnh trái phép", https://nld.com.vn/nhom-doi-tuong-dua-gan-500-nguoi-trung-quoc-xuat-nhap-canh-trai-phep-19624032719504816.htm, truy cập ngày 25/9/2025.

phép trở thành "mục tiêu phù hợp" để các đối tượng tổ chức, môi giới XNC tiếp cận, tuyển mộ, lôi kéo họ tham gia các đường dây XNC trái phép. Bởi những hạn chế, khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ học vấn, nhận thức pháp luật từ người được tổ chức XNC trái phép trở thành "mục tiêu phù hợp" để các đối tượng tổ chức, môi giới XNC tiếp cận, tuyển mộ, lôi kéo họ tham gia các đường dây XNC trái phép. Từ đó, làm phát sinh, gia tăng tính chất phức tạp của các tội phạm về XCNC do CDCN thực hiện.

2.2. Thực tiễn tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.2.1. Thực tiễn tổ chức lực lượng trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

- Chỉ đạo hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Đảng Cộng sản Việt Nam

PNTP là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam là chủ thể lãnh đạo, định hướng đối với công tác PNTP. Thời gian qua, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị và chủ trương quan trọng về phòng, chống tội phạm, qua đó định hướng việc hoàn thiện chính sách, pháp luật, xác định nhiệm vụ, giải pháp và huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong phòng ngừa tội phạm.

Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới" đã xác định công tác phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và xác định nhiệm vụ chủ yếu là "*Các cấp ủy đảng, chính quyền từ Trung ương đến cơ sở phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm, xác định công tác này là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của mình"; "Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống tội phạm, trước hết là với các nước láng giềng"*[42]; để đánh giá kết quả 10 năm thực hiện, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW Đảng ta đã chỉ ra những thách thức mới trong phòng, chống tội phạm nhất là tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia ngày càng tinh vi và đặt ra nhiệm vụ trọng tâm trong phòng chống

42. Mục II, Một số nhiệm vụ chủ yếu, Chỉ thị 48-CT/TW ngày ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (khoá X) về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

các loại tội phạm này là *"tăng cường lực lượng, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống tội phạm, đặc biệt với các nước láng giềng, các nước có đông người Việt Nam sinh sống, làm việc, học tập"*[43]; Kết luận số 15-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh, trật tự, đặt ra yêu cầu đối với các cấp ủy đảng trong tăng cường, lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong đó nhấn mạnh tăng cường, kiểm soát các khu vực biên giới, đặc biệt là đường mòn, lối mở, để ngăn chặn XNC trái phép; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về "Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới" cũng đã xác định mối đe dọa từ tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC và đề ra giải pháp thực hiện nhằm phòng, chống tội phạm này, nhấn mạnh một trong những giải pháp trọng tâm là tăng cường kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xuất, nhập cảnh tại các cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không, đặc biệt là các tuyến biên giới đất liền, nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật như nhập cảnh trái phép....

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thông qua chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, Quốc hội đã tạo lập cơ sở pháp lý, cơ chế vận hành cần thiết để phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, thể hiện rõ nét trên các hoạt động sau:

Kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng tập trung vào các nội dung như: hoàn thiện hệ thống pháp luật; tăng cường QLXNC; thúc đẩy hợp tác quốc tế; xây dựng các chính sách kinh tế - xã hội tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ, đồng bộ cho công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC đáp ứng các yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Chẳng hạn, trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (2021 - 2026) đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp lý quan trọng liên quan đến công tác phòng, chống loại tội phạm này như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XCNC của CDVN và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 23/2023/QH15, ngày 24/6/2023); Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội xác định "*tăng cường các*

43. Mục 2, Nhiệm vụ trọng tâm, Kết luận 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Bộ Chính trị) về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW.

biện pháp phòng ngừa, đấu tranh triệt phá các loại tội phạm, nhất là tội phạm nguy hiểm, có tổ chức, tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm về ma túy, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm sử dụng công nghệ cao"[44].

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật, định hướng, mục tiêu, kế hoạch cho công tác đấu tranh, PNTP. Chẳng hạn, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Nghị quyết số 96/2019/QH14 về công tác phòng, chống tội phạm và VPPL, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của toà án nhân dân và công tác thi hành án thì ngay kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khoá XV đã ban Nghị Quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 tiếp tục yêu cầu *"Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật..."*[45]; trong nhiệm kỳ này Quốc hội tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát, thẩm tra và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực XNC, tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội đã xem xét, thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XCNC của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn QLNN, phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC. Bên cạnh đó, Quốc hội đã ban hành các Nghị quyết về các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với yêu cầu củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, nhất là với các tội phạm xuyên quốc gia: *"tập trung trấn áp các loại tội phạm ma tuý, tội phạm mạng, tội phạm mua bán người..."*[46].

Hội đồng nhân dân, với chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, thể hiện vai trò, trách nhiệm trong công tác PNTP thông qua các hoạt động như: ban hành Nghị quyết định hướng, giám sát việc thực thi pháp luật trên lĩnh vực XNC; đôn đốc các cơ quan chức năng thực hiện các kế hoạch, biện pháp phòng, chống các tội phạm về XNC; thúc đẩy các chính sách kinh tế - xã hội nhằm giảm thiểu các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện của VPPL. Chẳng hạn, để cụ thể hóa các chính sách, định hướng công tác phòng, chống các tội phạm về XNC, Hội đồng

44. Điều 2, Các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, Nghị quyết số 96/2019/QH14 về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của toà án nhân dân và công tác thi hành án.
45. Mục 4, Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XV.
46. Mục 3.10, Điều 3 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, Nghị quyết 103/2023/QH15 ngày 09/11/2023 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 trong đó nhấn mạnh: *"Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, trọng tâm là quản lý xuất, nhập cảnh; quản lý cư trú và hoạt động của người nước ngoài, xử lý nghiêm các trường hợp xuất, nhập cảnh trái phép*[47]; Hoặc để thực hiện chức năng giám sát việc tuân thủ pháp luật trong phòng, chống tội phạm XNC, Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế trình kỳ hợp thứ 20 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, trong đói xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 là *"nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội, kiểm soát chặt chẽ việc xuất, nhập cảnh... đặc biệt là các vi phạm và tội phạm đang có xu hướng gia tăng"*[48]; Hội đồng nhân dân một số địa phương có nhu cầu cao về xuất khẩu lao động như Hà Tĩnh, Nghệ An... đã ban hành các Nghị quyết triển khai công tác phòng ngừa, thúc đẩy các chính sách kinh tế - xã hội nhằm giảm thiểu VPPL về XNC với các nội dung như: tổ chức đào tạo nghề, hỗ trợ xuất khẩu lao động hợp pháp, và tuyên truyền pháp luật về xuất, nhập cảnh để giảm thiểu các hành vi vi phạm như xuất cảnh trái phép[49]; *Các ngành chức năng kiểm soát chặt chẽ tại các cửa khẩu, khu vực biên giới, các hoạt động xuất cảnh ra nước ngoài; phối hợp với các cơ quan chức năng của nước có chung đường biên giới trong việc tuần tra, kiểm soát biên giới nhằm ngăn chặn, phòng ngừa các hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép, lợi dụng di cư tự do để thực hiện hành vi mua bán người; Thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích, ưu tiên triển khai thực hiện các dự án phát triển kinh tế, xã hội nhằm tạo công ăn việc làm… nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn để hạn chế nguy cơ phát sinh tội phạm* [50].

Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp

Chính phủ với chức năng thống nhất QLNN trên mọi lĩnh vực, vai trò PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nói

47. Mục 3, Điều 2, Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tỉnh Bắc Giang.
48. Tiểu mục 1.5, Mục I, Báo cáo số 286/BC-HĐND ngày 04/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế trình kỳ họp thứ 20 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.
49. Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.
50. Điều 2 Một số giải pháp, Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 12/ 12/ 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

riêng được thực hiện qua các hoạt động như: ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật về phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC. Thời gian qua, Chính phủ đã ban hành 14 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng, 04 Nghị quyết của Chính phủ trong lĩnh vực XNC và ký kết 90 hiệp định miễn thị thực song phương đối với người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ hoặc hộ chiếu phổ thông với phía nước ngoài[51]. Qua đó, đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất đáp ứng các yêu cầu trong QLNN, phòng, chống các tội phạm về XNC.

Xây dựng các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm bao gồm các tội phạm về XNC, thông qua các kế hoạch hành động, chương trình mục tiêu cụ thể. Chẳng hạn, tại Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 về phê duyệt Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW về phòng, chống tội phạm, Chính phủ đặt ra mục tiêu tổng quát là *"chủ động phòng ngừa, tiếp tục giảm tội phạm, năm sau giảm so với năm trước"* và đưa ra một số giải pháp trọng tâm để phòng, chống tội phạm này như: *"tổ chức giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, an dân... các vấn đề xã hội trong và sau dịch là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm"*; "*đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm... đấu tranh ngăn chặn hiệu quả với tội phạm xuyên quốc gia"*[52]. Tại Nghị quyết số 225/NQ-CP ngày 31/12/2023 Chính phủ đã đưa ra nhiều giải pháp phát triển kinh tế - xã hội quan trọng như: xây dựng chiến lược đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; chủ động đàm phán và ký kết thoả thuận hợp tác về lao động đi làm việc ở nước ngoài...[53]. Đặc biệt, trước những tác động của đại dịch Covid - 19, Chính phủ đã kịp thời ban hành Quyết định số 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, đưa ra các giải pháp hỗ trợ lao động, hạn chế những tác động tiêu cực từ kinh tế - xã hội có thể làm phát sinh các VPPL trên lĩnh vực XNC.

---

51. Phạm Công Minh (2025), Kết quả công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Cục Quản lý xuất nhập cảnh và nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới (https://xuatnhapcanh.gov.vn/tin-tuc/tin-xuat-nhap-canh-cho-nguoi-viet-nam/10022, truy cập ngày 23/9/2025.

52. Mục II - Nhiệm vụ và giải pháp, Quyết định 1944/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị (Khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

53. Nghị quyết số 225/NQ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan hành chính nhà nước có nhiệm vụ triển khai các chương trình PNTP của Chính phủ, thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về chương trình PNTP của địa phương, đóng vai trò quan trọng trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo, chương trình hành động, triển khai các biện pháp PNTP, giám sát các cơ quan chức năng trong việc phòng, chống tội phạm, trong đó tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau:

Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện pháp luật liên quan đến phòng, chống các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện. Chẳng hạn: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành Công văn số 3159/UBND-TH về việc tăng cường công tác phòng, chống, ngăn chặn hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 798/KH-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phòng, chống mua bán người và di cư trái phép, phòng, chống trẻ em Việt Nam bị bóc lột và lạm dụng ở Châu Âu... Các kế hoạch, chỉ thị này này đã xác định nhiều nội dung quan trọng liên quan đến công tác phòng, chống các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện, tập trung vào các vấn đề trọng tâm như: *"đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và các văn bản quy định khác liên quan đến công tác quản lý xuất, nhập cảnh"*[54];

Xây dựng chương trình và triển khai các chương trình, kế hoạch phòng ngừa các tội phạm về XNC: Kế hoạch 87/KH-UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân Quảng Ninh về Kế hoạch triển khai thoả thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Kế hoạch số 1276-UBND ngày 19/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 13-KL/TW về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan chức năng triển khai các kế hoạch phòng, chống tội phạm về XNC, trên cơ sở Kế hoạch số 1276-UBND, trong 6 tháng đầu năm 2022, lực lượng chức năng tỉnh Tây Ninh đã phát hiện 22 vụ, 26 đối tượng xuất, nhập cảnh trái phép[55]; Thực hiện các biện pháp phòng ngừa xã hội (biện pháp kinh tế, văn hóa, giáo dục...) để tạo việc làm, nâng cao nhận thức pháp luật, góp phần phòng, chống các tội phạm về

[54]. Công văn số 3159/UBND - TH của UBND tỉnh Lai Châu về việc tăng cường công tác phòng, chống, ngăn chặn hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép trên địa bàn tỉnh.
[55]. T. Nhung (2022), "Công an Tây Ninh đấu tranh hiệu quả với tội phạm", https://cand.vn/cong-an-tay-ninh-dau-tranh-hieu-qua-voi-toi-pham-post659453.html, truy cập ngày 6/10/2025.

XNC từ sớm, từ xa như: Kế hoạch số 2666/KH-UBND ngày 23/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về Kế hoạch triển khai thoả thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh...

Tổ chức, điều phối, giám sát các cơ quan chức năng trong thực hiện công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như: Kế hoạch số 470/KH-UBND ngày 19/2/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình phòng, chống mua bán người năm 2024; Công văn số 390/UBND-VP9 ngày 07/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng người Việt Nam xuất cảnh, di cư trái phép, vi phạm pháp luật ở nước ngoài... Với vai trò, trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp đã cho thấy, vị trí, vai trò quan trọng của chủ thể này trong phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện, góp phần bảo đảm ANQG, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Triển khai phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Lực lượng QLXNC - Bộ Công an

Căn cứ Luật XCNC của CDVN năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023), Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023), Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/2/2025 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, có thể khẳng định Bộ Công an là cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm, trong đó có phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Theo đó, lực lượng QLXNC bao gồm: Cục QLXNC và Phòng QLXNC Công an địa phương là lực lượng nòng cốt triển khai các biện pháp, phương tiện phòng ngừa nghiệp vụ, phòng ngừa xã hội, tổ chức điều tra, xử lý, phòng ngừa các VPPL về XNC do CDVN thực hiện[56]. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, lực lượng QLXNC đã tiến hành các nội dung trọng tâm sau: nghiên cứu, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động QLNN về XNC; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về XNC; tổ chức kiểm tra, kiểm soát về XNC tại các cửa khẩu do Bộ Công an quản lý; xây dựng, khai thác, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, hồ sơ XNC Việt Nam; hợp tác quốc tế nhằm tăng cường năng lực kiểm tra, kiểm soát XNC tại cửa khẩu quốc tế do Bộ Công an quản lý, phòng chống VPPL về XNC. Triển khai

56. Bộ Công an (2020), Thông tư số 118/2020/TT-BCA ngày 05/11/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Quản lý xuất, nhập cảnh, Hà Nội.

Đề án số 19 ngày 10/7/2023 của Bộ Công an về việc kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong Công an đơn vị, địa phương "tinh, gọn, mạnh", Cục QLXNC đã tiến hành kiện toàn lại tổ chức, bộ máy với 06 phòng và 05 Công an cửa khẩu hàng không quốc tế và đến nay có 34/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Phòng QLXNC.

Bên cạnh đó, để phòng, chống hiệu quả các tội phạm về XNC lực lượng QLXNC đã tham mưu cho Lãnh đạo Bộ báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các VPPL trên lĩnh vực XNC. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố bố trí địa điểm quản lý tập trung người XNC trái phép, đồng thời chỉ đạo triển khai các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các tội phạm về XNC. Thực hiện đồng bộ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/5/2018 về tăng cường, phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng người Việt Nam xuất cảnh, di cư trái phép, cư trú, lao động bất hợp pháp, VPPL ở nước ngoài; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/10/2019 về tăng cường công tác QLNN đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và hoạt động tại Việt Nam đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác QLNN, phòng ngừa và đấu tranh vi phạm pháp luật trên lĩnh vực XNC.

Lực lượng Bộ đội Biên phòng - Bộ Quốc phòng

Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách của Bộ Quốc phòng trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, duy trì an ninh, trật tự biên giới quốc gia, đồng thời bảo đảm vai trò trong kiểm soát XNC tại các cửa khẩu (thuộc Bộ Quốc phòng quản lý). Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, lực lượng Bộ đội Biên phòng đã triển khai, quản lý trực tiếp 26 cửa khẩu quốc tế đường bộ (02 cửa khẩu đường sắt) và 34 cửa khẩu cảng[57]. Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 lực lượng Bộ Đội Biên phòng đã tham mưu cho Bộ Quốc phòng báo cáo, đề xuất Chính phủ cho phép mở lối mở, cửa khẩu phụ, nâng cấp cửa khẩu chính và một số cửa khẩu đã xác định phạm vi vành đai biên giới theo dự án quy hoạch hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 nhằm nâng cao hiệu lực QLNN, bảo đảm an ninh, trật tự trên tuyến biên giới, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát biên giới, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC.

57. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2023), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh năm 2023*, Hà Nội, tr. 5.

Vai trò, trách nhiệm của lực lượng Bộ đội Biên phòng trong phòng ngừa các tội phạm về XNC được thể hiện rõ nét trên một số phương diện sau: trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu trong đó có các tội phạm về XNC; kiểm soát, giám sát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép qua các tuyến biên giới đất liền, vùng biển, cửa khẩu quốc tế, đường mòn, lối mở; triển khai một số biện pháp phòng ngừa chuyên biệt đối với các tội phạm về XNC (thực hiện các biện pháp trinh sát, kiểm soát XNC; tuần tra, kiểm soát biên giới; xử lý các hành vi VPPL về XNC; tiếp nhận công dân được các nước trao trả...); phối hợp với các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về XNC, thống nhất với các lực lượng khác trong triển khai các biện pháp phòng ngừa. Chẳng hạn, từ năm 2019 - 2023, lực lượng Bộ đội Biên phòng đã phối hợp với Cục A08 xác minh 08 vụ/07 đối tượng liên quan đến các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép đi các nước Châu Âu. Ngoài ra, lực lượng Bộ đội Biên phòng còn đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân, đối ngoại biên phòng, phối hợp với lực lượng bảo vệ biên giới các nước láng giềng tổ chức đấu tranh, phòng ngừa đối với các tội phạm về XNC. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng liên quan trong triển khai các biện pháp nghiệp vụ, đấu tranh chuyên án, tiến hành điều tra, xử lý các đối tượng tổ chức, môi giới XNC trái phép, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, phòng ngừa hiệu quả các tội phạm xuyên quốc gia[58].

Tòa án nhân dân

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp, thực thi nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm và các VPPL khác. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, sau quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy mô hình tổ chức TAND mới gồm ba cấp: TAND tối cao; TAND cấp tỉnh và TAND khu vực, trong đó có 34 TAND cấp tỉnh và 355 TAND khu vực và hệ thống Tòa án quân sự các cấp[59]. Theo quyết nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổng biên

58. Anh Dũng (2021), "Đấu tranh quyết liệt với hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép", https://www.bienphong.com.vn/dau-tranh-quyet-liet-voi-hoat-dong-xuat-nhap-canh-trai-phep-post439804.html, truy cập ngày 23/9/2025.
59. Nghị Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập TAND cấp tỉnh, TAND khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của TAND cấp tỉnh, TAND khu vực.

chế của TAND giai đoạn 2022 - 2026 là 15.237 biên chế, trong đó có 15.137 cán bộ, công chức, 100 viên chức và khoảng 7.004 Thẩm phán TAND các cấp (220 Thẩm phán TAND tối cao và Thẩm phán cao cấp; 1.235 Thẩm phán TAND cấp tỉnh; 5.549 Thẩm phán TAND cấp khu vực)[60].

Để thực hiện vai trò, trách nhiệm trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, thời gian qua TAND các cấp đã thụ lý, giải quyết ngày càng nhiều vụ án liên quan đến các tội phạm về XNC, đặc biệt là giai đoạn 2020 - 2023 với 1.015 vụ án, 2.089 bị cáo, trong đó có những vụ án án lớn, đặc biệt nghiêm trọng có tính chất xuyên quốc gia[61]. Bên cạnh đó, chủ thể này còn đóng vai trò quan trọng trong định hướng áp dụng pháp luật thông qua việc ban hành các nghị quyết hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS. Trước mắt, TAND tối cao đã xây dựng Dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các Điều 347, Điều 348, Điều 349, Điều 350 của BLHS nhằm tạo sự thống nhất trong đấu tranh, xử lý phòng, chống hiệu quả các tội phạm về XNC. Ngoài ra, thông qua hoạt động xét xử, tổng kết thực tiễn, TAND các cấp còn kịp thời phát hiện nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm để kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền triển khai áp dụng các biện pháp phòng ngừa, bịt kín những sơ hở thiếu sót không để tội phạm lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Cùng với đó, phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng nghiên cứu, lựa chọn các vụ án điển hình để tiến hành xét xử lưu động, không chỉ trừng trị, giáo dục người phạm tội mà còn răn đe, cảnh tỉnh các đối tượng có ý định phạm tội hoặc tiếp tay cho tội phạm, góp phần PNTP từ sớm, từ xa[62].

Viện Kiểm sát nhân dân

Trong hệ thống cơ quan tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân với chức năng hiến định thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong công tác PNTP. Hiện nay, mô hình tổ chức, bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao - 01 cơ quan trung ương, với 24 đơn

60. "Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết nghị tổng biên chế của các Tòa án nhân dân giai đoạn 2022-2026", https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/ubtvqh-quyet-nghi-bien-che-cua-cac-toa-an-nhan-dan-giai-doan-2022-2026-119220930130629022.htm, truy cập ngày 02/12/2025.
61. Xét xử đường dây Tổ chức cho hàng chục Công dân Việt Nam sang châu Âu trái phép tại TAND tỉnh Nghệ An năm 2020, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm sau thảm kịch 39 người Việt tử vong tại Anh.
62. Trần An (2024), "Xét xử lưu động vụ án môi giới xuất, nhập cảnh trái phép", https://congly.vn/xet-xu-luu-dong-vu-an-moi-gioi-xuat-nhap-canh-trai-phep-452921.html, truy cập ngày 24/9/2025.

vị cấp vụ, tương đương; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh - 34 cơ quan; Viện kiểm sát nhân dân khu vực - 355 cơ quan và hệ thống Viện kiểm sát quân sự các cấp[63].

Với chức năng thực hiện quyền công tố, Viện kiểm sát nhân dân đã kiểm soát chặt chẽ hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, bảo đảm việc khởi tố, điều tra tội phạm nói chung và các tội phạm về XNC nói riêng tiến hành đúng pháp luật, kịp thời, không bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội. Chỉ trong giai đoạn 2020 - 2023, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp đã phê chuẩn khởi tố 1.236 vụ án, 2.397 bị can liên quan đến các tội phạm về XNC. Với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, bên cạnh việc trực tiếp phòng ngừa các sai phạm trong xử lý các tội phạm về XNC, thông qua hoạt động kiểm sát xét xử, Viện Kiểm sát nhân dân đã kịp thời phát hiện những bất cập trong áp dụng pháp luật để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành các nghị quyết hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Ngoài ra, để tạo sự thống nhất trong hoạt động áp dụng pháp luật, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 1557/VKSTC-V1/2021 hướng dẫn việc áp dụng các Điều 347 - 349 BLHS, đây là một minh chứng thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong phòng, chống các tội phạm về XNC. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp để chỉ ra nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XNC, kịp thời kiến nghị với các cơ quan, chính quyền địa phương có biện pháp khắc phục. Điển hình, trong giai đoạn 2020 - 2022 trước tình hình diễn biến phức tạp của các tội phạm về XNC, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp đã kịp thời kiến nghị, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp PNTP trong lĩnh vực XNC[64].

- Phối hợp trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, bên cạnh sự tham gia chủ lực của các cơ quan chuyên trách trong phòng, chống tội phạm thì chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội cũng đóng góp vai trò quan trọng trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Sự phối hợp này thể hiện trước hết ở việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, trang bị kiến thức pháp luật, nhận diện các thủ đoạn

63. "Quy định mới về cơ cấu bộ máy, lãnh đạo của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh", https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/quy-dinh-moi-ve-co-cau-bo-may-lanh-dao-cua-vien-kiem-sat-nhan-dan-cap-tinh-119260113104602094.htm, truy cập ngày 02/12/2025.
64. Nguyễn Chính (2023), "Viện kiểm sát kiến nghị phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh", https://baovephapluat.vn/vien-kiem-sat-khang-nghi-kien-nghi/vien-kiem-sat-kien-nghi-phong-ngua-toi-pham-trong-linh-vuc-xuat-nhap-canh-140477.html, truy cập ngày 23/9/2025.

hoạt động của đối tượng tổ chức, môi giới XNC trái phép, nhất là tại các thôn, bản địa bàn phức tạp về loại tội phạm này. Song song với đó, các cơ quan chuyên trách đã phối hợp với Ban chỉ đạo 35 của các địa phương, đơn vị chức năng trong việc đăng tải, chia sẻ các bài viết, phóng sự liên quan đến phòng, chống XNC trái phép, âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các đường dây phạm tội tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, phối hợp xây dựng các phương án, kế hoạch nhằm tạo sinh kế, thu nhập ổn định cho người dân ngay tại địa phương góp phần loại trừ, triệt tiêu các nguyên nhân phát sinh tội phạm. Điển hình như, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng triển khai *"Chương trình đồng hành cùng phụ nữ biên cương"* tại hơn 100 xã biên giới, theo hướng lồng ghép tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật với hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho phụ nữ tại địa bàn biên giới. Qua đó, không chỉ góp phần cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội tại chỗ cho người dân mà còn tác động trực tiếp đến việc hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh ý định XNC trái phép, qua đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa VPPL trên lĩnh vực XNC từ sớm, từ xa[65].

Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao, các Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài, với vị trí, vai trò đặc thù vừa thực hiện chức năng QLNN về XNC của CDVN ở nước ngoài, vừa làm nhiệm vụ bảo hộ công dân trong trường hợp VPPL tại nước sở tại. Các chủ thể này đã phối hợp với các cơ quan chuyên trách trong nước thực hiện các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm về XNC, thể hiện ở một số phương diện sau: phối hợp trong thu thập thông tin, tình hình VPPL về XNC của CDVN tại nước ngoài; cung cấp tài liệu, chứng cứ phục vụ điều tra, xử lý các VPPL về XNC; phối hợp xử lý các vụ việc người Việt Nam nhập cảnh, cư trú trái phép bị nước ngoài phát hiện, bắt giữ; thông qua cổng thông tin điện tử và các kênh truyền thông chính thống, các cơ quan này đã liên tục cập nhật, cảnh báo về phương thức, thủ đoạn của các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép, qua đó nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức thượng tôn pháp luật của người dân. Chỉ tính riêng giai đoạn 2018 - 2023, các cơ quan trên đã trao đổi 24 lượt thông tin, tình hình liên quan đến các vụ việc VPPL về XNC của CDVN tại các nước Châu Âu. Điển hình, là việc phối hợp trong xử lý vụ việc 39 CDVN tử vong trong xe tải khi tìm cách

65. "Mua bán người thông qua di cư trái phép: Nhìn từ 3 điểm nóng", https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/mua-ban-nguoi-thong-qua-di-cu-trai-phep-nhin-tu-3-%C4%91iem-nong-27744-8.html?, truy cập ngày 24/9/2025.

nhập cảnh trái phép vào Vương quốc Anh. Khi tiếp nhận thông tin, Đại sứ quán Việt Nam tại Anh và các cơ quan của Bộ Ngoại giao đã kịp thời phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng của nước sở tại trao đổi thông tin, tài liệu nhanh chóng làm rõ vụ việc, xác định danh tính nạn nhân, xử lý nghiêm đối tượng liên quan[66].

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, là các cơ quan QLNN về du lịch, giáo dục, đào tạo, một trong những lĩnh vực liên quan chặt chẽ, trực tiếp đến hoạt động XNC của CDVN. Các chủ thể đã phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động đưa người Việt Nam ra nước ngoài để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép. Chẳng hạn, năm 2024 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Công an Thành phố Hà Nội kiểm tra, xử lý, thu hồi 05 công ty tổ chức tour du lịch quốc tế nhưng có hoạt động tổ chức cho CDVN ở lại nước ngoài trái phép[67].

Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, giữ vị trí quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, định hướng dư luận xã hội và cảnh báo cộng đồng về những nguy cơ, hệ lụy từ các tội phạm XNC. Từ đó, góp phần hình thành "lá chắn thông tin" trước sự tác động, lôi kéo của các đường dây, tổ chức phạm tội liên quan đến XNC. Các cơ quan này đã phối hợp với các lực chuyên trách trong phòng, chống tội phạm để thực hiện các chương trình, chuyên đề, phóng sự tuyên truyền các quy định của pháp luật trên lĩnh vực XNC. Thực tiễn đã ghi nhận nhiều sản phẩm truyền thông có tác động mạnh mẽ tới cộng đồng, góp phần phòng ngừa xã hội hiệu quả đối với các tội phạm về XNC như: Chương trình "Câu chuyện pháp luật" trên VTV2 và chuyên mục "An ninh và cuộc sống" trên VTV1 đã nhiều lần phân tích, làm rõ các quy định pháp luật, đồng thời cảnh báo về các thủ đoạn phạm tội trên lĩnh vực XNC; phóng sự "Lừa đảo xuất khẩu lao động: Hành trình trở về" trên kênh VTV1 đã phản ánh chân thực những câu chuyện của nạn nhân bị lừa đảo khi tham gia các đường dây môi giới xuất khẩu lao động trái phép, từ đó nâng cao ý thức cảnh giác, PNTP của người dân.

Các Hãng hàng không có đường bay quốc tế, bên cạnh chức năng kinh doanh vận tải hàng không, chủ thể này đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên

66. "Thủ tướng giao Bộ Công an, Bộ Ngoại giao xác minh vụ 39 người chết ở Anh", https://vov.vn/chinh-tri/thu-tuong-giao-bo-cong-an-ngoai-giao-xac-minh-vu-39-nguoi-chet-o-anh-973979.vov?jskey=gublNUPY44M9XTNgBccSlk%2FE%2FUajaBnQAg%3D%3D, truy cập ngày 25/9/2025.
67. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an thành phố Hà Nội (2024), *Báo cáo kết quả công tác năm 2024*, Hà Nội, tr. 2.

trách trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC. Đặc biệt, là các chặng bay trong luồng di cư trái phép mà CDVN thực hiện (từ Tây Á - Việt Nam - các nước Châu Mỹ và từ Trung Quốc - Việt Nam - Lào, Campuchia, Thái Lan). Ngoài ra, các chủ thể này còn thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin về những trường hợp sử dụng hộ chiếu, thị thực hoặc giấy tờ XNC giả để thực hiện XCNC trái phép. Từ đó, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, thông báo cho các cơ quan chức năng trong kiểm soát XNC, cũng như hỗ trợ các cơ quan chức năng trong việc ngăn chặn các hành vi XNC trái phép tại các sân bay quốc tế. Điển hình, trong năm 2023 hãng hàng không quốc gia Vietnam Airlines (tại sân bay Tân Sơn Nhất) đã phát hiện 20 trường hợp CDVN sử dụng hộ chiếu giả khi làm thủ tục bay sang Hàn Quốc, kịp thời trao đổi, báo cáo cho Phòng QLXNC (PA08) Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý, ngăn chặn hành vi XNC trái phép[68].

2.2.2. Thực tiễn hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là loại tội phạm có tính chất xuyên quốc gia, có sự câu kết chặt chẽ giữa các đối tượng ở trong và ngoài nước, do đó hiệu quả hoạt động PNTP phụ thuộc rất lớn vào công tác hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp hình sự. Bộ Công an là cơ quan được Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện QLNN về XNC, trong đó có hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực XNC của CDVN, đồng thời chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến tiếp nhận CDVN không được phía nước ngoài cho cư trú, phối hợp với Bộ Ngoại giao đề xuất ký kết điều ước quốc tế liên quan đến XCNC của CDVN[69]. Thời gian qua, Bộ Công an đã kịp thời tham mưu, đề xuất với Chính phủ mở rộng hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, đấu tranh với các VPPL về XNC, tập trung vào các nội dung sau:

Xây dựng, tham gia các điều ước, thỏa thuận quốc tế trên lĩnh vực XNC

Để tạo khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ và thể hiện rõ trách nhiệm của Việt Nam trong nội luật hóa các cam kết quốc tế trong phòng, chống các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC, Bộ Công an đã tham mưu cho các cơ quan có thẩm quyền tham gia ký kết văn bản pháp lý như: Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC, 2000); Nghị định thư về

68. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2023), Báo cáo tổng kết công tác quản lý xuất nhập cảnh năm 2023, Hà Nội, tr. 4.
69. Khoản 10 Điều 45 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của CDVN năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

ngăn chặn buôn bán người; ký kết 90 hiệp định miễn thị thực song phương với người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ, 18 hiệp định, thỏa thuận nhận trở lại công dân. Đồng thời, đề xuất tham gia, ký kết các Hiệp định và Bản ghi nhớ với các nước liên quan đến các hoạt động phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia như: Hiệp định hợp tác về quản lý biên giới và XNC với Trung Quốc năm 2017; Bản ghi nhớ hợp tác về quản lý di cư với Campuchia năm 2022; Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nga về hợp tác đấu tranh chống di cư bất hợp pháp; Bản ghi nhớ giữa Bộ Công an Việt Nam và Bộ Nhập cư và quốc tịch Australia về trao đổi thông tin XNC; ký kết trên 40 thỏa thuận quốc tế giữa Bộ Công an với các cơ quan Công an, Nội vụ, An ninh, Cảnh sát các nước[70] nhằm tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp điều tra và trao trả công dân, qua đó nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC.

Hợp tác cung cấp, trao đổi thông tin trên lĩnh vực XNC

Trên cơ sở những thỏa thuận đã được ký kết, Bộ Công an đã thiết lập các kênh trao đổi thông tin hiệu quả với Interpol, ASEANAPOL và các cơ quan QLXNC của hơn 20 quốc gia và tổ chức, tham gia khoảng 20 - 25 đoàn công tác nước ngoài mỗi năm nhằm hợp tác cung cấp, trao đổi thông tin về QLXNC. Trong đó, tập trung vào một số nội dung trọng tâm như: quan điểm, chính sách trong lĩnh vực XNC của các quốc gia, xu thế phát triển và quy định của pháp luật của các quốc gia trong giải quyết các vấn đề quốc tế trong phòng, chống di cư trái phép; trao đổi thông tin về XNC của CDVN, tình hình, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng, đường dây tổ chức cho người Việt Nam XNC trái phép; danh sách hộ chiếu Việt Nam bị mất, hủy giá trị sử dụng; thông tin về các VPPL về XNC của CDVN và người nước ngoài. Theo khảo sát, trung bình hằng năm có khoảng gần 200 công hàm với các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam để trao đổi, cung cấp thông tin XNC của CDVN và người nước ngoài[71].

Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực và trang bị cơ sở vật chất - kĩ thuật

Những năm qua, Bộ Công an đã phối hợp với các quốc gia và tổ chức quốc tế tổ chức các hoạt động đào tạo chuyên sâu cho lực lượng QLXNC nhằm nâng cao

70. Phạm Công Minh (2025), "Kết quả công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Cục Quản lý xuất nhập cảnh và nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới", https://xuatnhapcanh.gov.vn/tin-tuc/tin-xuat-nhap-canh-cho-nguoi-viet-nam/10022, truy cập ngày 23/9/2025.
71. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025*, Hà Nội.

trình độ chuyên môn, trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các quốc gia trong QLNN, phòng, chống VPPL về XNC như: hội thảo, hội nghị tổng kết, trao đổi kinh nghiệm giữa các quốc gia về phòng, chống di cư trái phép, tội phạm xuyên quốc gia với các quốc gia (Australia, Trung Quốc, Hàn Quốc...) và các tổ chức quốc tế (tổ chức di cư quốc tế (IOM); Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC). Đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các quốc gia nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất - kĩ thuật; hỗ trợ soi chiếu giấy tờ XNC; hệ thống thông tin liên lạc phục vụ QLNN về XNC. Chẳng hạn, năm 2022 Hàn Quốc tài trợ hệ thống nhận diện khuôn mặt trị giá 2 triệu USD cho sân bay Tân Sơn Nhất, nâng cao khả năng phát hiện các đối tượng XNC trái phép; năm 2023, qua hệ thống nhận diện sinh trắc học do Nhật Bản tài trợ, lực lượng QLXNC tại sân bay Nội Bài phát hiện và ngăn chặn 15 trường hợp CDVN sử dụng hộ chiếu giả để xuất cảnh sang châu Âu[72].

Hợp tác trong phòng, chống, giải quyết các vụ việc phức tạp liên quan đến các tội phạm về XNC

Hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống, giải quyết các vụ việc phức tạp về XNC là một nội dung quan trọng, trong đó tập trung vào các nội dung như: phòng, chống XNC trái phép; nhận trở lại công dân không được nước ngoài cho cư trú; trao đổi thông tin phục vụ công tác điều tra, truy nã tội phạm quốc tế; phối hợp xử lý VPPL về XNC... Minh chứng điển hình, là hoạt động phối hợp giữa Bộ Công an Việt Nam và Cục Quản lý di dân quốc gia Trung Quốc trong việc triển khai thực hiện "Kế hoạch Cao điểm phối hợp phòng, chống xuất, nhập cảnh trái phép". Qua việc tổ chức định kỳ "Lễ phát động hành động cao điểm hợp tác chống hoạt động xuất nhập cảnh trái phép Việt - Trung", hai bên đã củng cố trách nhiệm thể chế của lực lượng thực thi pháp luật, tăng cường hiệu quả phòng ngừa, trấn áp với các tội phạm xuyên biên giới[73]. Cùng với đó, các chiến dịch phối hợp với INTERPOL, ASEANAPOL và các quốc gia láng giềng đã góp phần triệt phá nhiều đường dây tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép xuyên quốc gia, các vụ việc phức tạp liên quan đến các tội phạm về XNC. Điển hình như: Chiến dịch phối hợp với Thái Lan và Campuchia (năm 2023) triệt phá một đường dây buôn bán người, giải cứu

72. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2023), *Báo cáo tổng kết công tác quản lý xuất nhập cảnh năm 2023*, Hà Nội, tr. 5.
73. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2021), *Báo cáo tổng kết công tác quản lý xuất nhập cảnh năm 2021*, Hà Nội, tr. 8.

150 CDVN bị lừa sang Campuchia làm việc tại các sòng bạc bất hợp pháp; Bộ Công an Việt Nam tham gia Chiến dịch Storm Makers do INTERPOL điều phối nhằm đấu tranh với hoạt động đưa người di cư trái phép và mua bán người[74].

2.3. Thực tiễn tổ chức các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.3.1. Biện pháp kinh tế - xã hội

Nghiên cứu thực trạng tình hình tội phạm cho thấy, nguyên nhân về kinh tế - xã hội như: nghèo đói, thất nghiệp, thiếu việc làm, nhận thức, trình độ dân trí của một bộ phận người dân còn hạn chế là một trong những nguyên nhân cơ bản, động lực để người phạm tội thực hiện các tội phạm về XNC. Đặc biệt, Việt Nam đang phải đối mặt với trung bình khoảng hơn 2,39% tỷ lệ dân số thất nghiệp và 2,08% tỷ lệ dân số thiếu việc làm hằng năm (giai đoạn từ năm 2018 - 2025), tương đương với khoảng hơn 2 triệu người thất nghiệp, thiếu việc làm mỗi năm [Bảng 19]. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản hình thành, phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Vì vậy, thời gian qua để giảm thiểu, triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện các chủ thể đã tập trung triển khai các biện pháp kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng vào các nội dung trọng tâm như: phát triển kinh tế, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo; đào tạo nghề, xuất khẩu lao động hợp pháp; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân về phòng, chống các tội phạm về XNC; hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng.

Thực tiễn tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới đã chứng minh, thiếu việc làm, thất nghiệp là một trong những nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, di cư bất hợp pháp. Do đó, việc thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo là một yêu cầu bức thiết, quan trọng để hạn chế, loại trừ các nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XNC, đặc biệt là tại khu vực nông thôn, miền núi - nơi tập trung đông người có nhu cầu xuất cảnh, ở lại nước ngoài để tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập. Thời gian qua, Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các Bộ, ban ngành đã triển khai tích cực các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tại các địa phương, khu vực, đối tượng có nguy cơ cao thực

74. INTERPOL (2019), "Southeast Asia: terror suspects and criminals detected in border operation", https://www.interpol.int/en/News-and-Events/News/2019/Southeast-Asia-terror-suspects-and-criminals-detected-in-border-operation, truy cập ngày 23/9/2025.

hiện các tội phạm về XNC như: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng đặc biệt khó khăn, khu vực đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2015 - 2020; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát... Quán triệt các chủ trương, chính sách trên, nhiều địa phương đã cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn của địa phương. Chẳng hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 về Quyết định ban hành đề án giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025 để hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho hơn 42.000 lao động mỗi năm; hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định 596/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 150 - HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách giải quyết việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2019 - 2025. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Việt Nam đã đối mặt với nhiều thách thức về kinh tế - xã hội như: suy giảm thu nhập hộ gia đình với 66,9% hộ báo mất thu nhập vào tháng 4/2020; tăng tỷ lệ thất nghiệp với 997.500 người trong 6 tháng đầu năm 2020; áp lực di cư trái phép. Trước tình hình đó, Chính phủ đã kịp thời ban hành Nghị quyết 42/NQ-CP (10/4/2020), triển khai gói hỗ trợ xã hội trị giá 62.000 tỷ đồng cho các nhóm dễ bị tổn thương: người lao động mất việc, hộ nghèo và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Đồng thời, triển khai kịp thời các chương trình, kế hoạch hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 nhằm tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập.

Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động đã được các bộ, ngành, chính quyền địa phương thúc đẩy thực hiện nhằm cung cấp cơ hội việc làm tại nước ngoài cho người dân, nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn cho người lao động để tiếp cận với các thị trường lao động quốc tế đòi hỏi cao về trình độ, tác phong, kỷ luật lao động. Cùng với các chương trình, kế hoạch trên, các cơ quan, ban, ngành đã tăng cường triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực XNC. Chẳng hạn, Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp với Bộ Công an sản xuất, phát sóng chương trình "Cảnh

báo XNC trái phép" trên VTV1 nhằm nhận diện rõ phương thức, thủ đoạn của các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép, nhất là các phương thức, thủ đoạn mới trên không gian mạng, đồng thời cảnh báo về rủi ro, hậu quả pháp lý từ việc XNC trái phép, góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác của người dân trong PNTP. Bên cạnh đó, biện pháp hỗ trợ, tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị lừa đảo XNC trái phép, bị buôn bán qua biên giới cũng đã được nhiều địa phương chú trọng thực hiện thông qua các chương trình đào tạo nghề, vay vốn, tư vấn tâm lý... giúp những đối tượng này sớm hòa nhập cộng đồng, giảm thiểu nguy cơ tái phạm hoặc bị các đối tượng lôi kéo, mua chuộc tham gia các đường dây phạm tội xuyên quốc gia. Chẳng hạn, thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 20230 (Quyết định số 193/QĐ-TTg, ngày 09/02/2021), Bộ Nội vụ đã phối hợp với các địa phương, Tổ chức quốc tế IOM (Tổ chức Di cư Quốc tế) tổ chức các chương trình, kế hoạch hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán người, bao gồm nạn nhân bị lừa đảo XNC trái phép.

Như vậy, việc thực hiện tốt các biện pháp kinh tế - xã hội đã góp phần giảm thiểu, hạn chế các nguyên nhân là "gốc rễ" phát sinh các tội phạm về XNC. Tuy nhiên, trước những tác động, mặt trái của nền kinh tế thị trường, cuộc cách mạng 4.0 và những biến động về kinh tế, tình hình chính trị - xã hội ở trong và ngoài nước thì yêu cầu đặt cho công tác PNTP là cần phải có nhiều chính sách, chương trình, kế hoạch đột phá, trọng tâm hơn nữa nhằm giảm thiểu các nguy cơ, điều kiện phát sinh tội phạm, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm chủ động, từ sớm, từ xa.

2.3.2. Biện pháp văn hóa - giáo dục

Nghiên cứu nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cho thấy, hạn chế trong nhận thức pháp luật, trình độ học vấn, sự lệch chuẩn trong định hướng giá trị, đạo đức và tâm lý hám lợi là một trong những nguyên nhân cơ bản, cốt lõi của loại tội phạm này. Vì vậy, các biện pháp phòng ngừa xã hội, trong đó biện pháp văn hóa - giáo dục giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao trình độ dân trí, hiểu biết pháp luật, góp phần hình thành ý thức thượng tôn pháp luật, trách nhiệm của quần chúng nhân dân trong phòng, chống, tố giác tội phạm.

Thời gian qua, các cơ quan, ban ngành đã quán triệt nghiêm túc các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm như: Chỉ thị 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về "Tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới... Đồng thời, đẩy mạnh triển khai lực lượng, biện pháp xây dựng hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia trong tình hình mới"... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong phòng, chống tội phạm, trong đó có các tội phạm về XNC với các nội dung trọng tâm: tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trên lĩnh vực XNC (quy định của pháp luật về XNC; phòng, chống VPPL về XNC; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ việc làm, hợp tác trong xuất khẩu lao động); tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về âm mưu, phương thức, thủ đoạn phạm tội của các tội phạm về XNC, tội phạm xuyên quốc gia, hậu quả, hệ lụy của loại tội phạm này; nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác phòng, chống các tội phạm về XNC, các mô hình, cá nhân điển hình trong phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, tái hoà nhập cộng đồng là nạn nhân của tội phạm mua bán người, tội phạm XNC; vận động, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, quần chúng nhân dân tham gia phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", tố giác tội phạm nhất là tại các địa bàn phức tạp về an ninh trật tự, là "điểm nóng" của tội phạm về XNC. Chẳng hạn, chỉ tính riêng giai đoạn từ năm 2018 - 2023, lực lượng Công an trên toàn quốc đã tổ chức gần 1.000 cuộc tuyên truyền, vận động cho hơn 580.000 lượt đối tượng khác nhau về các nội dung liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trên lĩnh vực XNC[75].

Cùng với đó, các lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng đã phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông như: đài phát thanh, đài truyền hình, báo điện tử... từ trung ương đến địa phương đăng tải hàng nghìn tin, bài phản ánh về tình hình VPPL về XNC, tập trung khai thác các khía cạnh âm mưu, phương thức thủ đoạn mới đưa người XNC trái phép; hệ lụy, hậu quả từ XNC trái phép và các nguy cơ, hiểm họa tiềm tàng đối với người được tổ chức XNC trái phép; phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về XNC; hướng dẫn cách thức tố giác, đấu tranh,

75. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025*, Hà Nội.

ngăn chặn các hành vi tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép. Chẳng hạn, chương trình "Cảnh báo XNC trái phép" trên VTV1; Chuyên mục "Pháp luật và đời sống" trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV); Chương trình truyền thông cộng đồng với chủ đề "Di cư an toàn và phòng ngừa đưa người di cư trái phép" (ANTV).

Bên cạnh đó, thông qua các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội gắn nội dung tuyên truyền với các cuộc vận động trên từng địa bàn, cụm dân cư, thôn bản nhằm phát huy vai trò của các lực lượng tại cơ sở (tổ dân phố, chi bộ, tổ, xóm...) nhằm phát động phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi VPPL về XNC, nhân rộng các mô hình tiên tiến trong phòng, chống tội phạm nhất là tại các địa bàn trọng điểm, "điểm nóng" của loại tội phạm này. Điển hình, trong năm 2023 Công an tỉnh Nghệ An đã triển khai hơn 60 buổi tuyên truyền tại các địa bàn xã biên giới miền núi thông qua các buổi họp, sinh hoạt của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên thu hút hơn 15.000 người dân tham gia. Qua đó quần chúng nhân dân đã báo cáo với cơ quan chức năng phát hiện hơn 20 trường hợp nghi ngờ lừa đảo xuất cảnh trái phép, triệt phá 2 đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép[76]. Hay tại An Giang, Công an tỉnh triển khai mô hình "Tổ tự quản an ninh trật tự" tại các huyện biên giới (Tịnh Biên, An Phú), thành lập được 50 tổ tự quản với hơn 500 thành viên tham gia, hướng dẫn người dân giám sát, tố giác các hành vi liên quan đến XNC trái phép sang Campuchia[77]. Ngoài ra, các lực lượng chức năng đã tiến hành tuyên truyền, giáo dục đối với những đối tượng bị nước ngoài trục xuất, đẩy đuổi do XCNC trái phép để giúp họ sớm hòa nhập cộng đồng, ngăn chặn tái phạm. Chẳng hạn, qua mô hình vận động "người có uy tín" Công an tỉnh Quảng Ninh đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng làm việc với 50 người có uy tín (trưởng thôn, già làng...) hướng dẫn tuyên truyền pháp luật, giám sát các hành vi nghi ngờ liên quan đến tổ chức, môi giới XNC trái phép góp phần phát hiện 5 vụ việc tổ chức XNC trái phép, ngăn chặn 3 vụ vượt biên sang Trung Quốc và mô hình này được nhân rộng tại 10 xã biên giới năm 2023; Chương trình hỗ trợ nạn nhân bị lừa XNC trái phép do Hội phụ nữ và Công an tỉnh Hà Tĩnh phối hợp tổ chức, trực tiếp tư vấn tâm lý, hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho hơn 200 nạn nhân bị lừa sang Campuchia,

76. Gia Huy (2023), "Phòng, chống xuất, nhập cảnh trái phép ở khu vực biên giới", https://www.nghean.gov.vn/tin-noi-bat-danh-cho-nguoi-dan/phong-chong-xuat-nhap-canh-trai-phep-o-khu-vuc-bien-gioi-610683, truy cập ngày 6/10/2025.
77. Hữu huynh (2023), "An Phú tăng cường giữ vững trật tự, an ninh biên giới", https://baoangiang.com.vn/an-phu-tang-cuong-giu-vung-trat-tu-an-ninh-bien-gioi-a370151.html?, truy cập ngày 6/10/2025.

cũng qua hoạt động này lực lượng chức năng đã có nhiều thông tin quan trọng để đấu tranh, triệt phá với đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép[78].

2.3.3. Biện pháp kiểm soát xuất nhập cảnh

Thời gian qua, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ lực lượng QLXNC đã chủ động triển khai các biện pháp kiểm soát XNC nhằm phòng ngừa, đấu tranh với các VPPL trên lĩnh vực XNC như: tiến hành kiểm soát hộ chiếu, giấy tờ của người, phương tiện qua lại cửa khẩu; kiểm tra, đối chiếu người XCNC với danh sách đối tượng cấm nhập cảnh, đối tượng chưa được phép XNC theo quy định của pháp luật; giám sát, quản lý công dân XCNC và những người được phép ra, vào khu vực kiểm soát XNC; thu thập thông tin về tình hình hoạt động XCNC, quá cảnh và tình hình liên quan tại cửa khẩu; chủ động phát hiện, điều tra, xử lý các VPPL, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện; phối hợp với các cơ quan chức năng tại cửa khẩu tiến hành các biện pháp QLNN, bảo đảm an ninh, trật tự ở cửa khẩu.

Khảo sát giai đoạn từ năm 2018 - 2025 cho thấy: trung bình hằng năm lực lượng QLXNC đã cấp khoảng hơn 1,51 triệu hộ chiếu phổ thông cho CDVN ở trong nước và giải quyết thủ tục XNC cho khoảng 11,83 triệu lượt CDVN và 27,25 triệu lượt người nước ngoài XCNC tại Việt Nam[79]. Bên cạnh đó, các lực lượng chuyên trách thông qua các biện pháp nghiệp vụ trong quản lý, kiểm soát XNC đã phát hiện hơn 2.000 trường hợp chưa đủ điều kiện được nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh Việt Nam (hơn 350 trường hợp sử dụng hộ chiếu, giấy thông hành, tờ khai nhập cảnh, xuất cảnh chưa đúng quy định và gần 1.800 trường hợp sử dụng giấy phép điều khiển phương tiện, đăng ký phương tiện... chưa đúng quy định); khoảng 870 trường hợp sử dụng hộ chiếu giả hoặc hộ chiếu của người khác; hơn 550 trường hợp giả mạo hồ sơ cấp hộ chiếu; đặc biệt với hơn 1.500 trường hợp không làm thủ tục XCNC qua biên giới và gần 130 trường hợp có hoạt động xâm phạm an ninh, trật tự, vi phạm quy chế QLXNC, quy chế cửa khẩu[80].

Điển hình, tháng 5/2021 thông qua hoạt động kiểm soát XNC tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cục QLXNC đã phát hiện, bắt giữ đối tượng T.T.H có hành

78. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2023), *Báo cáo tổng kết công tác quản lý xuất nhập cảnh năm 2023*, Hà Nội, tr. 5.
79. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025*, Hà Nội.
80. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025*, Hà Nội.

vi tổ chức cho 55 CDVN xuất cảnh trái phép. Qua soi chiếu phát hiện 58 hộ chiếu Việt Nam dán thị thực Canada nghi giả mạo, có dấu hiệu liên quan đến hoạt động tổ chức XNC trái phép. Xác định có dấu hiệu của tội phạm, sau khi thống nhất ý kiến với Cục An ninh điều tra và Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án an ninh, Cục QLXNC đã ra quyết định khởi tố vụ án "Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài" và bàn giao hồ sơ, tài liệu cho Cục An ninh điều tra tiếp tục điều tra theo thẩm quyền. Qua đó cho thấy, việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong kiểm soát XNC góp phần phát hiện từ sớm các VPPL trên lĩnh vực XNC[81].

Cùng với đó, thông qua hoạt động kiểm soát XNC tại cửa khẩu, các lực lượng chức năng đã tiến hành tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, chủ động thu thập thông tin, xử lý sơ bộ, lập hồ sơ và phối hợp với các lực lượng chức năng trong xác minh, điều tra bóc gỡ các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Điển hình, trong chuyên án LC925, ngay khi tiếp nhận tin báo của một công dân Trung Quốc bị lừa đưa trái phép vào Việt Nam để sang Campuchia lao động, Đồn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Lào Cai đã kịp thời phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai tiến hành điều tra, triệt phá, bắt giữ 5 đối tượng, làm rõ hành vi tổ chức đưa người nước ngoài vượt biên qua khu vực biên giới Việt - Trung[82].

2.3.4. Biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự

Để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, các lực lượng chuyên trách đã tổ chức, triển khai biện pháp QLNN về an ninh, trật tự trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động XCNC của CDVN như: công tác quản lý cư trú; quản lý XCNC; quản lý các ngành, nghề, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động đưa công dân ra nước ngoài.

Công tác quản lý cư trú: để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi VPPL về XNC của CDVN, lực lượng QLXNC, lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính, lực lượng Công an cấp cơ sở đã triển khai đồng bộ các lực lượng, biện pháp trên phạm vi cả nước, đặc biệt tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp liên quan đến các tội phạm về XNC để kịp thời nắm rõ tình hình nhân khẩu trên địa bàn, biến động về

81. Xuân Mai (2024), "Chặn đứng hoạt động xuất nhập cảnh trái phép", https://cand.com.vn/phap-luat/chan-dung-hoat-dong-xuat-nhap-canh-trai-phep-i725706/, truy cập ngày 6/10/2021.
82.Xuân Mai (2025), "Triệt phá đường dây tổ chức cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép", https://cand.com.vn/Ban-tin-113/triet-pha-duong-day-to-chuc-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-trai-phep-i781500, truy cập ngày 6/10/2025.

công tác nhân khẩu, làm thủ tục khai báo tạm trú, tạm vắng. Thời gian qua, lực lượng quản lý XNC đã phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành nắm tình hình, thu thập thông tin, phát hiện hàng nghìn trường hợp không được cho cư trú hoặc tự nhập cảnh trái phép trở về[83]. Cùng với đó, các lực lượng chuyên trách đã xây dựng, triển khai nhiều mô hình, phong trào về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, góp phần phòng, chống các VPPL trên lĩnh vực XNC từ sớm, từ xa như: mô hình "Nhà trọ 3 không" (không trộm cắp, gây rối đánh nhau; không ma túy, tệ nạn xã hội; không vi phạm tạm trú, lưu trú); mô hình "nhà nghỉ, khách sạn phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội"; mô hình "Khu nhà trọ an toàn"… Qua đó, nắm chắc tình hình công tác nhân khẩu, cư trú, kịp thời phát hiện những đối tượng trong diện "khả nghi" có khả năng tiến hành các hoạt động tổ chức, môi giới XNC trái phép, phát hiện các đối tượng nước ngoài nghi vấn nhập cảnh trái phép, từ đó kịp thời xác lập, mở rộng các chuyên án điều tra, bóc gỡ các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Điển hình như, Công an tỉnh Kon Tum thông qua hoạt động quản lý cư trú tại địa bàn, tổ tuần tra công tác đã phát hiện 15 người có quốc tịch Trung Quốc nghi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Qua xác minh, điều tra đã xác định, làm rõ đường dây tổ chức nhập cảnh trái phép do Trương Đình L cầm đầu, tổ chức cho 15 công dân Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép để đi sang Campuchia[84]. Đồng thời, thông qua công tác quản lý cư trú, các lực lượng chức năng đã kết hợp tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân, các cơ sở kinh doanh lưu trú chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động cư trú, khai báo tạm trú, tạm vắng. Triển khai mạnh mẽ các hoạt động quản lý cư trú, công tác khai báo tạm trú, nhất là nơi có đông người nước ngoài làm việc, lưu trú, du lịch. Thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra, "hậu kiểm" việc mời, bảo lãnh, sử dụng người lao động nước ngoài của các doanh nghiệp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn xử lý các hành vi VPPL về cư trú, từ đó kịp thời phát hiện, mở rộng, điều tra các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Công tác QLXNC: có ý nghĩa hết sức quan trọng trong hoạt động phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC. Trên cơ sở tiến hành đồng bộ, chặt chẽ các biện

83. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025*, Hà Nội.
84. Phòng Quản lý XNC Công an tỉnh Kon Tum, https://www.facebook.com/share/p/14rubUY6HEj/, truy cập ngày 6/10/2025.

pháp hành chính, biện pháp nghiệp vụ, ứng dụng, triển khai mạnh mẽ khoa học, kỹ thuật các lực lượng chuyên trách về QLXNC đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, hiệu quả các VPPL trên lĩnh vực XNC. Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025 lực lượng QLXNC đã phát hiện, xử lý hơn 52.993 trường hợp VPPL về XNC[85], phát hiện nhiều phương thức, thủ đoạn tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép như: qua lại biên giới không làm thủ tục XNC; khai không đúng sự thật để cấp hộ chiếu; sử dụng hộ chiếu của người khác để XNC trái phép; sử dụng hộ chiếu giả, thị thực giả, thẻ tạm trú giả, thẻ thường trú giả, dấu kiểm chứng giả để XCNC; giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp hộ chiếu, thị thực... Đồng thời, phối hợp với các lực lượng chức năng kiểm soát XNC tại các cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ tại khu vực biên giới đất liền, kịp thời phát hiện các đối tượng có biểu hiện nghi vấn: XNC không rõ mục đích; XNC thường xuyên với đoàn nhiều người; qua lại biên giới không làm thủ tục XNC... Đây là cơ sở quan trọng để các lực lượng chức năng tiến hành các hoạt động PNTP từ sớm, từ xa, ngăn chặn không để cho các đối tượng có điều kiện, cơ hội triển khai các hoạt động đưa người XNC trái phép.

Mặt khác, tại các địa phương có đường biên giới lực lượng QLXNC đã tiến hành xây dựng, triển khai các phương án phòng, chống vượt biên trái phép, bảo vệ biên giới quốc gia. Các kế hoạch, phương án được tiến hành trên cơ sở đặc điểm địa bàn, bối cảnh, tình hình, hoạt động phạm tội của các đối tượng nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, vô hiệu hóa hoạt động phạm tội nhằm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội nhất là tại khu vực biên giới, góp phần phòng ngừa hiệu quả các tội phạm xuyên quốc gia trong đó có các tội phạm về XNC. Chẳng hạn, thực hiện kế hoạch đấu tranh chuyên án LC425, Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai đã chủ trì, phối hợp với Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm miền Bắc - Cục Phòng chống ma túy phát hiện, bắt giữ đối tượng L.V.C đưa 22 đối tượng là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Qua quá trình đấu tranh, khai thác lực lượng chức năng đã mở rộng, bắt giữ thêm 05 đối tượng khác trong đường dây tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh trái phép[86].

85. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025, Hà Nội.
86. Trung Dũng (2025), "Triệt phá đường dây tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam", https://baolaocai.vn/triet-pha-duong-day-to-chuc-cho-nguoi-trung-quoc-nhap-canh-trai-phep-vao-viet-nam-post400644.html, truy cập ngày 6/10/2025.

Bên cạnh đó, các lực lượng chức năng còn tiến hành các hoạt động tiếp nhận CDVN bị nước ngoài trục xuất. Kịp thời cập nhật thông tin, tài liệu về tình hình VPPL về XNC của CDVN, sàng lọc, phân loại các diện địa bàn, đối tượng để bổ sung vào các hồ sơ, chuyên đề nghiệp vụ. Bên cạnh đó, các cơ quan chuyên trách trong QLNN về XNC đã thường xuyên duy trì quan hệ phối hợp với các lực lượng chức năng, hợp tác quốc tế trong triển khai các biện pháp phòng ngừa đối với loại tội phạm này. Đồng thời, đánh giá, rà soát khách quan, toàn diện tình hình VPPL về XNC của CDVN trên các địa bàn, phương thức, thủ đoạn phổ biến, mới nổi của loại tội phạm này. Những thông tin trên là cơ sở quan trọng để đánh giá phần ẩn của tình hình tội phạm và là cơ sở quan trọng để các cơ quan chức năng chủ động xây dựng, tổ chức, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện các đường dây, đầu mối, vụ việc tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép[87].

C*ông tác QLNN các ngành, nghề, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đưa CDVN ra nước ngoài*, nghiên cứu tình hình tội phạm cho thấy, thời gian gần đây các đối tượng triệt để lợi dụng các phương thức "công khai hợp pháp" trong các lĩnh vực (đầu tư, kinh doanh, du lịch, du học...) để tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/5/2018 về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng người Việt Nam xuất cảnh, di cư trái phép, cư trú và lao động bất hợp pháp, VPPL ở nước ngoài trong tình hình hiện nay, các cơ quan chức năng đã tiến hành rà soát, kiểm tra, tăng cường QLNN đối với hoạt động đưa công dân ra nước ngoài, trong đó tập trung vào quản lý, giám sát các công ty, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động tuyển dụng, đào tạo theo diện xuất khẩu lao động, du lịch, du học. Kết quả, giai đoạn từ năm 2018 - 2025, lực lượng QLXNC đã tiến hành xác minh, xử lý khoảng 53 tổ chức có hành vi VPPL về XNC, chủ yếu là các công ty, doanh nghiệp có các hoạt động liên quan đến đưa CDVN ra nước ngoài[88]. Bên cạnh đó, các lực lượng chuyên trách đã phối hợp với các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương thực hiện kiểm tra các chuyên đề thường xuyên, đột xuất các hoạt động đưa người ra nước ngoài của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để kịp thời phát hiện, chấn

87. Bùi Trang (2024), "Lãnh án vì tổ chức cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam", https://plo.vn/lanh-an-vi-to-chuc-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-trai-phep-vao-viet-nam-post795188.html?, truy cập ngày 13/12/2025.
88. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025*, Hà Nội.

chỉnh, xử lý các hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC. Điển hình như qua công tác hậu kiểm các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội có hoạt động đưa người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam, Phòng QLXNC - Công an thành phố Hà Nội đã phát hiện Công ty Hoàng Hải có dấu hiệu bảo lãnh cho 5 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Qua điều tra, mở rộng chuyên án lực lượng chức năng đã triệt phá đường dây tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép do N.T.O (giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển Thiên Nguyên) cầm đầu cùng 7 đồng phạm đã sử dụng tư cách pháp nhân của công ty để làm thủ tục bảo lãnh diện chuyên gia khống giúp 20 người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

2.3.5. Biện pháp điều tra, xử lý các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Biện pháp điều tra, xử lý tội phạm giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ, có ý nghĩa quan trọng trong làm rõ tình hình tội phạm, phát hiện, hạn chế, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, cũng như áp dụng các biện pháp ngăn chặn các hành vi tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép xảy ra hoặc tiếp diễn, góp phần răn đe, cảm hóa giáo dục đối với những đối tượng phòng ngừa cá biệt, cũng như phòng ngừa chung trong cộng đồng.

Trên cơ sở, chức năng nhiệm vụ được giao, các chủ thể chuyên trách trong phòng, chống tội phạm về XNC đã tiến hành đồng bộ các lực lượng, phương tiện, biện pháp (biện pháp thu thập chứng cứ, biện pháp điều tra, biện pháp ngăn chặn...) để điều tra, xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Chỉ tính riêng trong 03 năm (2020 - 2022) trên toàn quốc đã phát hiện, khởi tố 947 vụ án hình sự, với 1.834 bị can về các tội phạm liên quan đến lĩnh vực XNC, trong đó 712 vụ, 1.504 bị can về Tội tổ chức, môi giới cho người khác XCNC hoặc ở lại Việt Nam trái phép; 204 vụ, 291 bị can về Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài trái phép; 31 vụ, 39 bị can về tội vi phạm quy định về XCNC, tội ở lại Việt Nam trái phép. Khảo sát thực tiễn cho thấy, các Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sau khi tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đã áp dụng tổng thể các biện pháp điều tra như: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam, khám xét... nhằm kịp thời ngăn chặn không để hành vi phạm tội xảy

ra hoặc tiếp diễn, làm rõ hành vi phạm tội, làm rõ vụ án và có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác phòng ngừa, thể hiện trên các phương diện sau:

Áp dụng các biện pháp điều tra để phát hiện nguyên nhân, điều kiện của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: qua công tác điều tra, các cơ quan chức năng đã làm rõ các đặc điểm về nhân thân người phạm tội; động cơ, mục đích phạm tội; xác định các phương thức, thủ đoạn (tổ chức, môi giới, liên lạc, trao đổi, vận chuyển, che giấu người phạm tội...). Đây là cơ sở quan trọng để các cơ quan chức năng làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, phát hiện các phương thức, thủ đoạn mới mà các đối tượng áp dụng đặc biệt là lợi dụng khoa học, kĩ thuật để thực hiện các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, giúp các cơ quan chức năng làm rõ các đường dây, đối tượng phạm tội ở nước ngoài, để kịp thời ngăn chặn, phối hợp với các cơ quan chức năng của nước ngoài trong triển khai các biện pháp phòng, chống loại tội phạm này.

Áp dụng các biện pháp điều tra để tác động hạn chế, loại trừ nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện: trong quá trình điều tra cán bộ điều tra, điều tra viên đã trực tiếp sử dụng các biện pháp để đấu tranh trực diện, cảm hóa, giáo dục đối tượng phạm tội, phân tích, giải thích rõ cho các đối tượng về hậu quả, hệ lụy và các tiềm tàng nguy hiểm từ các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép để khơi dậy phẩm chất tâm lý tích cực, giúp họ không tái phạm hoặc tiếp tay cho các hành vi phạm tội của các đối tượng khác. Mặt khác, răn đe, cảnh cáo với các đối tượng có thái độ khai báo quanh co, gian dối, đây là một trong những đặc điểm thường có của các đối tượng phạm tội, bởi đặc điểm của loại án này thường không qua công tác trinh sát nên tài liệu chứng cứ, phản ánh hoạt động của đối tượng không nhiều, thậm chí các đối tượng còn có nhiều thủ đoạn để đối phó, tiêu hủy chứng cứ, thống nhất lời khai. Chẳng hạn, trong thời điểm bùng phát đại dịch Covid - 19 (2020 - 2021), khi mà các loại tội phạm về tổ chức, môi giới XNC trái phép diễn biến hết sức phức tạp, các lực lượng chuyên trách đã triển khai 02 đợt cao điểm tấn công, trấn áp loại tội phạm này. Chỉ tính riêng đợt cao điểm triển khai từ ngày 15/3 đến ngày 15/6/2021, lực lượng chức năng đã phát hiện ngăn chặn hơn 1.600 người xuất cảnh trái phép, gần 4.500 người nhập cảnh trái phép, xác minh, khởi tố gần 70 vụ với hơn 150 đối tượng thực hiện các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép. Qua các đợt cao điểm trấn áp tội phạm, lực lượng QLXNC cũng đã

yêu cầu các đơn vị cập nhật kịp thời phương thức, thủ đoạn được các đối tượng thực hiện, tăng cường tuần tra, kiểm soát XNC, triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Áp dụng các biện pháp điều tra để vô hiệu hóa hoạt động phạm tội của các đối tượng khác: phân tích thực trạng tình hình các tội phạm về XNC cho thấy, các đối tượng phạm tội thường phân chia thành từng nhóm, loại đối tượng, có sự câu kết chặt chẽ giữa các đối tượng trong nước và nước ngoài hình thành các đường dây tổ chức, môi giới cho người khác XNC xuyên biên giới, xuyên quốc gia... Do đó, việc áp dụng các biện pháp bắt, khám xét... để kịp thời ngăn chặn, vô hiệu hóa hoạt động phạm tội của các đối tượng, ngăn chặn không để cho hậu quả xảy ra, cũng như kịp thời ngăn chặn các đối tượng khác bỏ trốn, hoặc tiêu hủy tài liệu, chứng cứ.

Bên cạnh đó, các cơ quan chuyên trách đã tiến hành các biện pháp khác như thống kê hình sự, sơ kết, tổng kết công tác điều tra, nghiên cứu chuyên đề nghiệp vụ để đánh giá đầy đủ, chính xác về tình hình tội phạm, xác định các yếu tố tác động đến tình hình tội phạm... Điển hình, trong thời điểm các tội phạm về XNC diễn biến phức tạp, có sự gia tăng đột biến, với nhiều vụ việc nghiêm trọng Cục An ninh điều tra (Bộ Công an) đã tổ chức Hội ý nghiệp vụ "Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh" nhằm đánh giá, làm rõ tình hình, nguyên nhân các tội phạm về XNC, chỉ ra các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới, đồng thời đánh giá, nghiên cứu những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý để kiến nghị các cơ quan, tổ chức các biện pháp phòng ngừa hiệu quả đối với loại tội phạm này[89].

Ngoài ra, để đấu tranh, xử lý hiệu quả VPPL về XNC của CDVN, lực lượng QLXNC đã triển khai chuyên đề *"Phòng chống xuất nhập cảnh trái phép của công dân Việt Nam thuộc phạm vi toàn quốc"*. Đây là chuyên đề được Bộ Công an bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2021 do Cục QLXNC chủ trì, triển khai, thống nhất trong toàn lực lượng QLXNC của cả nước nhằm nghiên cứu, đánh giá khách quan tình trạng VPPL về XNC, phát hiện phương thức, thủ đoạn, các đường dây, tuyến, lộ trình của các đối tượng tổ chức, môi giới về XNC trái phép. Đây là những căn cứ, cơ sở quan trọng để lực lượng QLXNC bố trí lực lượng, phương tiện, biện pháp nhằm phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý các đối tượng, đường dây phạm tội, từ đó giúp cho các cơ

89. Bộ Công an (2022), "Báo cáo trung tâm", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 2.

quan chức năng rà soát, đánh giá một cách khách quan, chính xác, toàn diện tình trạng VPPL về XNC của CDVN, xác định chính xác nội dung, địa bàn, tuyến, lĩnh vực cần bố trí lực lượng, phương tiện biện pháp, kế hoạch phòng ngừa, góp phần phòng ngừa loại tội phạm này từ sớm, từ xa, vừa bảo đảm phòng ngừa trên diện rộng, vừa có trọng tâm, trọng điểm. Kịp thời tham mưu cho các cơ quan, ban, ngành khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong QLNN, phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC.

2.4. Kết quả đạt được, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

2.4.1. Kết quả đạt được trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự tham gia của các chủ thể phòng ngừa, đặc biệt là các lực lượng chuyên trách, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã được triển khai tương đối đồng bộ, toàn diện và đạt được nhiều kết quả quan trọng như sau:

Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, các chủ thể phòng ngừa, đặc biệt là các chủ thể chuyên trách đã kịp thời phát hiện, khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong QLNN về XNC và các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài. Từ đó, chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền các cấp ban hành, triển khai nhiều chủ trương, chính sách và quy định có ý nghĩa chiến lược đối với công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật đã từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN, góp phần kiểm soát, phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả với các VPPL, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Các lực lượng chuyên trách trong phòng, chống các tội phạm về XNC đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, ban, ngành, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội triển khai đồng bộ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về XNC theo hướng đa dạng về nội dung, đổi mới về hình thức. Trong đó, tập trung phổ biến các quy định của pháp luật mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung trên lĩnh vực XNC; các chương trình, kế hoạch hợp tác về xuất khẩu lao động, du học; cảnh báo về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đường dây

tổ chức, môi giới XNC trái phép; làm rõ hậu quả pháp lý, rủi ro và hệ lụy của việc tham gia, tiếp tay cho đối tượng, đường dây tổ chức XNC trái phép... Qua đó, nâng cao nhận thức, ý thức thượng tôn pháp luật, khả năng tự phòng ngừa của người dân, góp phần hình thành cơ chế phòng ngừa từ sớm, từ xa và tạo sự chuyển biến tích cực, huy động sức mạnh của quần chúng nhân dân trong phát hiện, tố giác tội phạm, qua đó từng bước kiểm soát các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Qua việc áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt, không chỉ góp phần phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC mà còn tạo cơ sở cho việc nhận diện, đánh giá chính xác, khách quan tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, từng bước làm rõ đặc điểm tội phạm học, phương thức, thủ đoạn phạm tội, xác định các tuyến, địa bàn trọng điểm, đối tượng nguy cơ cao và xác định các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Trên cơ sở đó, chủ động dự báo, nhận diện các nguy cơ, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm các tuyến, địa bàn, lĩnh vực và nhóm đối tượng có "nguy cơ cao" cần tập trung triển khai lực lượng, biện pháp phòng ngừa. Đồng thời, kết quả tổng kết thực tiễn cũng là căn cứ quan trọng cho việc tham mưu hoàn thiện chính sách, pháp luật, xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa phù hợp với từng giai đoạn, địa bàn đáp ứng các yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Công tác phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách với các cơ quan chức năng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong QLNN, phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC đã được củng cố, từng bước hoàn thiện. Bước đầu xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế phối hợp giữa các lực lượng, góp phần củng cố cơ sở pháp lý, khẳng định vai trò, trách nhiệm của các chủ thể; tăng cường, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, quần chúng nhân dân trong công tác phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, kịp thời phát hiện các sơ hở, thiếu sót trong QLNN về XNC và các lĩnh vực có liên quan, chủ động nhận diện, kiểm soát các tuyến, địa bàn, lĩnh vực và đối tượng trọng điểm, góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện, bóc gỡ các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Hoạt động hợp tác quốc tế trong QLXNC, quản lý di cư trái phép đã được tiến hành rộng rãi với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế, trên nhiều phương diện như: tham

mưu xây dựng, tham gia các điều ước quốc tế và các văn bản hợp tác quốc tế trong lĩnh vực XNC; hợp tác cung cấp, trao đổi thông tin về XNC; hợp tác giải quyết các vụ việc liên quan đến lĩnh vực XNC; hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực, trang bị cơ sở vật chất, kĩ thuật phục vụ công tác QLNN về XNC. Qua đó, tăng cường sự ủng hộ của các quốc gia, tổ chức quốc tế trong phòng, chống di cư trái phép, góp phần thúc đẩy quan hệ ngoại giao, phục vụ hiệu quả công tác QLNN về XNC, khẳng định vị thế, vai trò, trách nhiệm của Việt Nam trên trường quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

2.4.2. Hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Hạn chế trong nhận thức của các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Nghiên cứu cho thấy vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định về nhận thức của các chủ thể trong xác định vai trò, trách nhiệm trong phòng ngừa loại tội phạm này, thể hiện trên các phương diện: nhận thức về trách nhiệm PNTP vẫn chưa có sự đồng đều giữa các chủ thể, phần lớn các cơ quan, ban ngành xác định trách nhiệm PNTP là của các cơ quan bảo vệ pháp luật và các chủ thể khác chỉ là cơ quan phối hợp; một số chủ thể chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, mục đích của hoạt động PNTP, chủ yếu tập trung vào hoạt động xử lý tội phạm mà thiếu các biện pháp phòng ngừa xã hội từ sớm, từ xa; các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các hoạt động đưa công dân ra nước ngoài vẫn chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn trách nhiệm của mình trong phòng ngừa các VPPL trên lĩnh vực XNC, còn có những đối tượng lợi dụng hoạt động này để tổ chức, môi giới cho người khác XCNC trái phép.

Hạn chế trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa xã hội trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Mặc dù các biện pháp này giữ vị trí, vai trò quan trọng trong tác động vào các nguyên nhân gốc rễ của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện nhưng vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập sau:

Biện pháp kinh tế - xã hội mặc dù đã được triển khai nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của công tác phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, thể hiện trên một số phương diện: công tác quy hoạch phát triển vùng, phát triển các mô hình sinh kế bền vững, làng nghề, hợp tác xã, liên kết sản xuất và tạo việc làm tại chỗ, nhất là ở khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa còn thiếu tính đồng bộ, chưa tạo được sinh kế ổn định, bền vững cho người dân. Trong khi hoạt động đào tạo

nghề, hướng nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chưa gắn chặt với nhu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế[90]. Bên cạnh đó, việc triển khai các chính sách tín dụng, hỗ trợ vay vốn, khuyến khích khởi nghiệp, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong phát triển sản xuất ở nhiều địa phương còn dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa hướng tới các nhóm đối tượng có nguy cơ cao tham gia XNC trái phép hoặc bị lôi kéo vào các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Do đó, những nguyên nhân kinh tế như: thất nghiệp, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định, chênh lệch mức sống tâm lý tìm kiếm cơ hội việc làm, thu nhập cao ở nước ngoài... vẫn tiếp tục tồn tại là điều kiện, cơ hội để các đối tượng lợi dụng, lôi kéo, tuyển mộ người dân tham gia các hoạt động XNC trái phép. Vì vậy, để phòng ngừa hiệu quả loại tội phạm này cần phải đổi mới tư duy theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu PNTP, tăng cường khả năng nhận diện, kiểm soát các nguyên nhân kinh tế - xã hội làm phát sinh tội phạm ngay từ cấp độ chính sách, quản trị phát triển.

Biện pháp văn hóa - giáo dục mặc dù được triển khai tương đối đồng bộ, song vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định: hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở một số địa phương vẫn chủ yếu thực hiện theo hướng phổ biến quy định của pháp luật mà chưa chú trọng trang bị kỹ năng nhận diện về phương thức, thủ đoạn phạm tội, khả năng tự phòng ngừa, ứng phó trước các hành vi dụ dỗ, lôi kéo của các đối tượng tổ chức, môi giới XNC trái phép. Nội dung tuyên truyền còn dàn trải, thiếu sự phân hóa theo từng nhóm đối tượng, địa bàn, đặc biệt là những chuyên đề chuyên biệt cho nhóm đối tượng có nguy cơ cao XNC trái phép hoặc bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép (thanh niên, lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới...). Bên cạnh đó, phương thức tổ chức giáo dục, tuyên truyền còn chậm đổi mới, chưa thích ứng với sự biến đổi mạnh mẽ của môi trường số trong cuộc cách mạng 4.0. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và các nền tảng truyền thông để phân tích, dự báo các nhóm đối tượng có nguy cơ, cũng như truyền tải các thông tin cảnh báo, xây dựng các chiến dịch truyền thông phòng ngừa còn chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng dân cư vẫn chưa phát huy hết

90. Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (2025), Báo cáo Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Hà Nội, tr. 17-26.

trách nhiệm trong tuyên truyền, giám sát cộng đồng, phối hợp với chủ thể chuyên trách trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Một số nơi, công tác tuyên truyền chủ yếu được thực hiện trong các đợt cao điểm mà chưa duy trì thường xuyên hoặc hình thành được một cơ chế phối hợp thường xuyên giữa lực lượng chuyên trách với nhà trường, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và chính quyền trong quản lý, giáo dục, hỗ trợ các nhóm có nguy cơ cao. Từ đó cho thấy, cần có sự đổi mới căn bản về cách tiếp cận, nội dung và phương thức tổ chức theo hướng lấy phòng ngừa xã hội là nền tảng, công nghệ số là công cụ hỗ trợ đắc lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm.

Hạn chế trong triển khai các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Mặc dù các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt có vai trò quan trọng trong phát hiện, ngăn chặn tội phạm, đồng thời trực tiếp phát hiện, loại trừ những yếu tố hình thành nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt còn bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định, có thể khái quát như sau:

Công tác QLNN về an ninh trật tự đối với các ngành, nghề, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động đưa công dân ra nước ngoài vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém nhất định: hoạt động quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, dịch vụ liên quan trực tiếp đến đưa công dân ra nước ngoài (du lịch, du học, lao động...) ở một số nơi còn chưa được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ; việc phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành còn thiếu đồng bộ, dẫn đến việc phát hiện, ngăn chặn từ sớm các hành vi lợi dụng hoạt động hợp pháp để tổ chức XNC trái phép còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý, hậu kiểm các hoạt động xuất cảnh của CDVN liên quan đến thời hạn, cư trú, mục đích nhập cảnh ở nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ chế theo dõi, xác minh và trao đổi thông tin. Mặt khác, việc ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành và công nghệ số trong quản lý hoạt động đưa công dân ra nước ngoài hoặc hậu kiểm, "giám sát vòng đời" đối với doanh nghiệp thực hiện hoạt động đưa công dân ra nước ngoài còn nhiều "khoảng trống" cần được nghiên cứu, ứng dụng triển khai.

Công tác điều tra, xử lý đối với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm và có thể khái quát trên một số phương diện sau: việc nhận thức,

áp dụng pháp luật trong định tội danh, quyết định hình phạt đối với các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện (từ Điều 347 - Điều 350) còn gặp nhiều vấn đề vướng mắc, chưa thống nhất, nhất là trong việc phân biệt dấu hiệu "xuất cảnh trái phép", "trốn đi nước ngoài trái phép", "tổ chức", "môi giới", cũng như xác định giai đoạn thực hiện tội phạm và xác định ranh giới giữa xử phạt hành chính với xử lý hình sự trong một số hành vi vi phạm[91]. Chẳng hạn, cùng là hành vi tổ chức cho người khác ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trái phép với mục đích để người đó lao động ở nước ngoài, có vụ xử lý về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép (Điều 348)[92] nhưng có vụ lại xử lý về Tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép (Điều 349)[93]. Sự thiếu thống nhất trong định tội danh, quyết định hình phạt không chỉ là tồn tại của hoạt động áp dụng pháp luật mà còn làm suy giảm chức năng phòng ngừa của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự. Bởi việc xử lý hành vi phạm tội không thống nhất, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội sẽ làm giảm hiệu quả răn đe, giáo dục và tạo ra những "khoảng trống" trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Việc triển khai thực hiện các biện pháp ngăn chặn, truy tìm, truy xét vẫn còn tồn tại những hạn chế, khó khăn, vướng mắc nhất định: một số vụ án, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, truy xét, truy tìm còn chưa kịp thời dẫn đến đối tượng có thể bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội; công tác thu thập, bảo quản và khai thác chứng cứ điện tử chưa đáp ứng yêu cầu trước sự thay đổi, thích ứng nhanh chóng của tội phạm trong ứng dụng, khai thác khoa học kĩ thuật, công nghệ số để hoạt động phạm tội. Mặt khác, hoạt động xác minh nhân thân, thu thập chứng cứ ở nước ngoài phụ thuộc rất lớn vào hoạt động tương trợ tư pháp hình sự, thời gian thực hiện kéo dài, hiệu quả chưa đồng đều giữa các quốc gia, làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng giải quyết vụ án. Đối với các vụ án có nhiều người nước ngoài tham gia, khó khăn về phiên dịch chuyên ngành, khác biệt về hệ thống pháp luật và thủ tục tố tụng cũng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả điều tra, truy tố và xét xử. Thực tiễn điều tra cũng cho thấy, nguồn phát hiện loại tội phạm này chủ yếu thông qua

91. Trần Văn Hậu (2024), "Một số vướng mắc trong định tội danh về tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép và tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép", Tạp chí Khoa học Kiểm sát, tr. 16-20.
92. Xem: Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (2021), Bản án số 50/2021/HS-ST ngày 30/09/2021 về Lê N và Lê T về tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, Lào Cai.
93. Xem: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023), Bản án số 93/2023/HS-PT ngày 27/02/2023 về Trần Văn D và đồng phạm về tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, Thành phố Hồ Chí Minh.

hoạt động tuần tra, kiểm soát, QLXNC hoặc khi người xuất cảnh trái phép bị nước ngoài bắt giữ, trao trả về Việt Nam nên nhiều vụ án được phát hiện khi hành vi phạm tội đã hoàn thành, gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ, chứng minh vai trò của các đối tượng hoặc bóc gỡ các mắt xích trong đường dây phạm tội.

Công tác thi hành án hình sự và quản lý sau thi hành án đối với các đối tượng phạm tội vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Một số nơi, một số địa bàn việc quản lý, giáo dục, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù chưa gắn kết chặt chẽ với công tác quản lý cư trú, QLXNC và hỗ trợ, giải quyết sinh kế, việc làm, dẫn đến một số đối tượng vẫn tiếp tục bị lôi kéo hoặc tái phạm, tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XCNC trái phép[94]. Đồng thời, công tác thống kê, tổng kết thực tiễn xét xử, xây dựng án lệ, hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật đối với các tội phạm về XNC chưa được thực hiện thường xuyên, làm hạn chế hiệu quả công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Hạn chế, thiếu sót trong phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Thực tiễn cho thấy, công tác phối hợp, trao đổi thông tin, xác minh vụ việc giữa các cơ quan chức năng với các ban ngành vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác phòng ngừa loại tội phạm này, nổi lên một số vấn đề sau: một số ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài chưa thực hiện nghiêm túc, kịp thời việc cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu. Cá biệt, trong một số trường hợp vẫn còn tình trạng một số nhà mạng, ngân hàng yêu cầu Cơ quan điều tra phải có quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và các tài liệu điều tra khác mới cung cấp thông tin; một số vụ án, còn chưa có quan điểm thống nhất giữa các cơ quan trong đánh giá chứng cứ, định tội danh dẫn đến phải thỉnh thị liên ngành, kéo dài thời gian điều tra, xác minh, bỏ lỡ thời cơ thuận lợi trong đấu tranh, giải quyết vụ việc; việc trao đổi, cung cấp thông tin về đối tượng, vụ việc XNC trái phép trong một số vụ án, vụ việc còn chưa kịp thời dẫn đến hiệu quả công tác điều tra, PNTP chưa đạt hiệu quả cao; việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách với các cơ quan, ban ngành trong khâu hậu kiểm hoạt động của các công ty

94. Xem: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2022), Bản án số 478/2022/HSST-TP Hà Nội ngày 23/11/2022 về N Đ T tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép, Hà Nội.

bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam hoặc đưa CDVN ra nước ngoài chưa được tiến hành thường xuyên.

Bên cạnh đó, hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn bộc lộ những khó khăn, vướng mắc nhất định: sự khác biệt về hệ thống pháp luật liên quan đến xác định, xử lý VPPL về XNC, các quy định về dẫn độ, tương trợ tư pháp hình sự thiếu hướng dẫn cụ thể, không đồng bộ trong áp dụng pháp luật giữa các quốc gia trong thực hiện các hiệp định song phương, đa phương liên quan đến phòng, chống tội loại phạm này[95]; hạn chế trong trao đổi, chia sẻ thông tin, phối hợp điều tra giữa các quốc gia, đến nay ngay cả với các nước láng giềng vẫn chưa có một hệ thống cơ sở dữ liệu XNC liên thông, gây khó khăn trong việc xác minh và truy vết đối tượng vi phạm; thiết chế và vai trò của các chủ thể tiến hành các hoạt động phòng, chống các tội phạm còn mờ nhạt; cơ chế phối hợp trong công tác xác minh, tiếp nhận CDVN không được nước ngoài cho cư trú hoặc trao trả công dân giữa các nước còn gặp nhiều khó khăn. Một số trường hợp, do thời gian xác minh kéo dài, thậm chí không trả lời kết quả hoặc mang tính hình thức đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phát hiện, mở rộng điều tra, xử lý các hành vi VPPL, bóc gỡ các đường dây tổ chức XNC trái phép.

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nghiên cứu cho thấy, nguyên nhân của tình hình tội phạm và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong PNTP luôn luôn tồn tại mối quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau. Do đó, những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện ở một góc độ nào đó cũng xuất phát từ chính các nguyên nhân khách quan chi phối sự hình thành và phát triển của loại tội phạm này đã được luận án chỉ ra tại mục 2.1.2 như: nguyên nhân từ điều kiện vị trí địa lý - tự nhiên; nguyên nhân từ tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, sự gia tăng lưu lượng XNC... Bên cạnh đó, những hạn chế, thiếu sót trong phòng ngừa loại tội phạm này còn xuất phát từ những nguyên nhân sau:

---

95. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, "Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân", https://mps.gov.vn/chinh-sach-phap-luat/bai-viet/mot-so-giai-phap-gop-phan-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-dieu-uoc-quoc-te-thoa-thuan-quoc-te-trong-cong-an-nhan-dan-d7-t703, truy cập ngày 21/11/2025.

Nguyên nhân từ phương thức, thủ đoạn phạm tội trong lĩnh vực XNC cho thấy sự biến đổi ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp và khó lường gây trở ngại lớn cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Trước lợi ích kinh tế bất chính từ hoạt động tổ chức, môi giới XNC trái phép, các đối tượng đã không ngừng thay đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội, nhất là khai thác triệt để thành tựu khoa học - công nghệ, mạng Internet, mạng xã hội để che giấu hành vi phạm tội, né tránh sự kiểm soát, phát hiện của các cơ quan chức năng. Đặc biệt, sự liên kết, móc nối giữa các đối tượng trong nước và ngoài nước, cùng sự đan xen với các loại tội phạm khác như mua bán người, lừa đảo chiếm đoạt tài sản… đã làm gia tăng tính chất phức tạp "xuyên quốc gia" của loại tội phạm này, đặt ra thách thức ngày càng lớn cho công tác phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm[96].

Nguyên nhân từ sự phân tán, chia cắt trong QLNN, kiểm soát XNC tại cửa khẩu đã làm nảy sinh những vấn đề bất cập, khó khăn trong phòng ngừa các tội phạm về XNC. Về nguyên tắc, Bộ Công an là cơ quan chuyên trách trong QLNN về XNC, có nhiệm vụ: "chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về XCNC của CDVN"[97], "chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng quy định việc kiểm soát xuất, nhập cảnh tại các cửa khẩu theo quy định của Luật này"[98]. Trong khi đó, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm "kiểm soát xuất, nhập cảnh tại cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý"[99] và "phối hợp với Bộ Công an xây dựng, thu thập, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; cung cấp cho Bộ Công an thông tin, tài liệu về cá nhân, tổ chức vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam"[100]. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy Bộ Quốc phòng lại không có cơ quan chuyên trách trong chỉ đạo, thực hiện QLNN về XNC như cơ cấu, tổ chức bộ máy của Bộ Công an[101]. Điều này dẫn đến những hạn chế nhất định trong tổ chức thực hiện, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thống nhất quy trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát XNC; xây dựng, kết nối, chia sẻ, liên thông hệ thống dữ liệu điện tử

96. Cục A09 (2022), "Bài học kinh nghiệm rút ra qua điều tra các vụ án tổ chức xuất nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, tlđd, tr. 29.
97. Khoản 2 Điều 44 Luật XCNC của CDVN năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023).
98. Khoản 8 Điều 45 Luật XCNC của CDVN sửa đổi, bổ sung năm 2023).
99. Khoản 3 Điều 47 Luật XCNC của CDVN sửa đổi, bổ sung năm 2023).
100. Khoản 5 Điều 47 Luật XCNC của CDVN sửa đổi, bổ sung năm 2023).
101. Trần Quang Tám (2019), Quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 49.

về XNC giữa các lực lượng trong nước, cũng như phục vụ các hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Nguyên nhân từ sự thiếu hụt về số lượng, sự không đồng đều trong trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ chuyên trách, cùng với tác động từ công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy đã tạo ra những thách thức, khó khăn nhất định cho công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Thực tiễn cho thấy, mặc dù tình hình VPPL về XNC có diễn biến phức tạp, khó lường cả về quy mô, tính chất nhưng lực lượng chuyên trách trong phòng, chống VPPL về XNC còn mỏng. Chẳng hạn, trung bình hằng năm riêng Cục QLXNC đã phát hiện, xử lý khoảng gần 500 vụ việc VPPL về XNC nhưng số cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến điều tra, xử lý vi phạm này chỉ có khoảng gần 35 người[102]. Bên cạnh đó, việc triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW (2017) cũng đặt ra những thách thức mới trong công tác vận hành, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Theo Quyết định số 1034/QĐ-BCA ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an, bên cạnh thực hiện nhiệm vụ QLNN về XNC, Cục QLXNC triển khai thực hiện nhiệm vụ QLNN và bảo đảm an ninh hàng không (nhiệm vụ trước đây của Bộ Giao thông vận tải) và tiếp nhận một phần cán bộ từ các đơn vị khác chuyển về chưa có nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến công tác QLNN về XNC và cần có quá trình đào tạo, tích lũy kinh nghiệm, nghiệp vụ chuyên ngành. Cùng với đó, quá trình tổ chức bộ máy Công an địa phương được sắp xếp tinh gọn từ 3 cấp thành 2 cấp (Công an cấp tỉnh và Công an cấp xã), bỏ Công an cấp huyện cũng đã đặt ra những thách thức không nhỏ trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, trong đó có các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến công tác QLNN, phòng, chống các tội phạm về XNC. Ngoài ra, hạn chế về trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng chuyên môn, sự am hiểu về phong tục tập quán, quy định pháp luật quốc tế làm cho một bộ phận cán bộ có tư tưởng, tâm lý "né tránh" khi được giao nhiệm vụ, làm giảm hiệu quả của công tác chuyên môn.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho công tác phòng, chống các tội phạm về XNC vẫn còn bộc lộ những khoảng trống, thiếu đồng bộ và chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn, cụ thể như sau: *trong lĩnh vực pháp luật hình sự*,

102. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác quản lý xuất nhập cảnh 2018 - 2025, Hà Nội.

chưa có sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật trong việc xác định, phân biệt một số dấu hiệu pháp lý giữa Điều 348, 349 BLHS, chẳng hạn: phân biệt giữa "xuất cảnh trái phép" với "trốn đi nước ngoài trái phép"; phân biệt hành vi tổ chức môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép hoặc trốn đi nước ngoài trái phép trong trường hợp "xuất cảnh hợp pháp qua cửa khẩu"... Việc không mô tả, quy định cụ thể những dấu hiệu trên, dẫn đến những quan điểm khác nhau trong định tội danh, quyết định hình phạt; khó khăn trong việc xác định thời điểm tội phạm hoàn thành đối với các tội phạm quy định từ Điều 347 - 350 BLHS; một số hành vi vi phạm trên lĩnh vực XNC vừa được quy định để xử lý hình sự, vừa để xử phạt hành chính đã gây khó khăn cho thực tiễn áp dụng, phân định trách nhiệm pháp lý và có thể dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất, bỏ lọt dấu hiệu tội phạm hoặc xử lý chưa tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm; khoảng trống trong quy định về chủ thể của tội phạm đối với một số hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện đã hạn chế khả năng xử lý, đấu tranh với loại chủ thể này[103]; *trong lĩnh vực pháp luật hành chính*, thẩm quyền xử phạt hành chính của Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế chỉ được quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính hiện hành, tương đương với cấp đội là chưa phù hợp, chưa tương xứng với vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, dẫn đến một số vụ việc phải chuyển cho cơ quan, đơn vị khác xử lý, làm giảm tính chủ động và kịp thời trong phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm trên lĩnh vực XNC; việc Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 đã bỏ thẩm quyền quyết định cưỡng chế của Cục trưởng Cục QLXNC đã hạn chế khả năng bảo đảm thi hành quyết định xử phạt, tạo điều kiện để người vi phạm trốn tránh hoặc không chấp hành nghĩa vụ pháp lý; pháp luật hiện hành quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực XNC là 01 năm là chưa phù hợp với đặc thù của loại vi phạm này, dẫn đến nguy cơ hết thời hiệu xử phạt hành chính; một số hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC (sử dụng giấy tờ XNC giả đi lại, cư trú ở nước ngoài; hủy hoại giấy tờ XNC...) chưa được quy định trong Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực

103. Trần Văn Hậu (2024), "Một số vướng mắc trong định tội danh về Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép", Tạp chí khoa học Kiểm sát, (04), tr. 16-18.

gia đình đã tạo ra "khoảng trống" trong điều chỉnh pháp luật, tiềm ẩn nguy cơ bỏ lọt hành vi vi phạm, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả QLNN, phòng, chống VPPL[104]; *trong lĩnh vực tố tụng hình sự*, nghiên cứu Điều 35, 40 Bộ luật Tố tụng hình sự cho thấy, lực lượng QLXNC là Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, tuy nhiên thực tiễn điều tra, xác minh một số vụ án, vụ việc, lực lượng này vẫn gặp một số khó khăn trong các hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám xét do chưa có quy định cụ thể về thời điểm áp dụng, quy trình thủ tục áp dụng, người ra quyết định, người thực hiện, các biểu mẫu thực hiện... Mặt khác, chủ thể này cũng không có thẩm quyền tạm giữ người để phục vụ điều tra (cả tạm giữ hình sự và hành chính) và không có nơi lưu giữ người vi phạm nên công tác quản lý đối tượng, chống thông cung gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hỏi cung, ngăn chặn hành vi phạm tội, mở rộng điều tra, làm rõ vụ án. Cùng với đó, tính đến nay chưa có một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định một cơ chế pháp lý trực tiếp, bao quát liên quan đến phòng, chống các tội phạm về XNC như một số loại tội phạm khác như: Luật Phòng, chống mua bán người; Luật Phòng, chống ma túy; Luật Phòng, chống tham nhũng... Do đó, việc nghiên cứu xây dựng, ban hành "Luật Phòng, chống xuất nhập cảnh trái phép" là hết sức cần thiết, phù hợp với thực tiễn khách quan, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho công tác phòng, chống tội phạm trên lĩnh vực XNC.

Việc triển khai các biện pháp phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện còn chưa phát huy được tối đa vị trí, vai trò và tạo được đột phá, hiệu quả trong thực tiễn phòng, chống tội phạm. Trong đó, biện pháp văn hóa, giáo dục chưa đạt hiệu quả cao, nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, vẫn bị lôi kéo, tham gia, tiếp tay cho các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Bên cạnh đó, các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa còn thiếu tính bền vững, liên kết, đồng bộ, vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, mầm mống là nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XNC. Một số thời điểm, địa bàn các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt chưa phát huy hết hiệu quả, vai trò trong các hoạt động điều tra, xử lý tội phạm, QLNN về an ninh trật tự, đặc biệt là trong quản lý các hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài[105].

---

104. Trần Văn Hậu (2024), "Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam", Tạp chí Luật học, (11), tr. 20-22.

105. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025, Hà Nội.

Quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện còn bộc lộ nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp giữa lực lượng chuyên trách trong PNTP với một số chủ thể, cơ quan còn chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục hoặc chưa có chương trình, kế hoạch cụ thể, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức, coi trọng vai trò của công tác phòng ngừa nên việc phối hợp thường chỉ diễn ra trong các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, thiếu tính thường xuyên, liên tục và trọng tâm. Chẳng hạn, công tác phối hợp, trao đổi thông tin về đối tượng tổ chức, môi giới XNC trái phép giữa cơ quan QLXNC với cơ quan điều tra có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, đặc biệt là ở các tỉnh biên giới với địa phương nơi có đối tượng XNC trái phép[106]. Việc thực hiện cơ chế phối hợp chủ yếu vẫn dựa vào hệ thống pháp luật chung mà còn thiếu những văn bản pháp lý quy định rõ trách nhiệm, phạm vi, chủ thể phối hợp dẫn đến việc thực hiện chưa nghiêm túc, kịp thời[107]. Thực tiễn cũng cho thấy, một số doanh nghiệp trong lĩnh vực viễn thông, internet, tài chính - ngân hàng còn thiếu trách nhiệm trong cung cấp thông tin phục vụ điều tra, chỉ đáp ứng khi có quyết định tố tụng, làm giảm hiệu quả điều tra, xử lý, PNTP. Ngoài ra, việc thiếu cơ chế phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là khâu hậu kiểm đối với các hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài vẫn là khoảng trống lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phòng ngừa.

Hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XNC vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động, thường xuyên. Việc trao đổi thông tin, phối hợp xác minh, xử lý vi phạm còn mang tính "một chiều", chưa thiết lập được đầu mối liên lạc "đường dây nóng" với đầu mối chủ trì của các nước trong phòng, chống tội phạm hay "Mạng lưới sĩ quan liên lạc" tại các cơ quan đại diện nước ngoài để phối hợp với nước sở tại trong quá trình điều tra, xử lý các vụ việc về XNC[108]. Bên cạnh đó, mối quan hệ hợp tác trực tiếp với cơ quan đại diện các nước tại Việt Nam và các tổ chức quốc tế còn "mờ nhạt", dẫn đến hạn chế trong việc chia sẻ dữ liệu, thông tin

106. Công an tỉnh Yên Bái (2022), "Một số vấn đề đáng chú ý trong đấu tranh với tội phạm tổ chức, môi giới xuất, nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 193.
107. Bộ Công an (2022), "Báo cáo trung tâm", Kỷ yếu Hội thảo: Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn, tr. 5.
108. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025, Hà Nội.

trong điều tra, PNTP. Đặc biệt, công tác tổng kết, trao đổi kinh nghiệm và tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho lực lượng chuyên trách chưa được quan tâm đúng mức, đúng tầm.

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận án đã nghiên cứu, làm rõ những vấn đề liên quan đến thực trạng phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Có thể thấy rằng, thời gian qua tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện diễn biến phức tạp, khó lường cả về quy mô, tính chất, lẫn phương thức thủ đoạn phạm tội với xu hướng hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép xuyên biên giới, xuyên quốc gia. Nghiên cứu cho thấy, thực trạng tổ chức lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện về cơ bản đã xây dựng được cơ chế phối hợp giữa các chủ thể và thúc đẩy, triển khai hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm trên nhiều phương diện. Cùng với đó, luận án đã phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với loại tội phạm này trong giai đoạn từ năm 2018 - 2025, trong đó tập trung vào các biện pháp: kinh tế - xã hội; văn hóa, giáo dục; kiểm soát XNC; quản lý về an ninh trật tự; điều tra, xử lý tội phạm.

Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDCN thực hiện cho thấy, công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực song vẫn tồn tại những hạn chế, vướng mắc nhất định, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó tập trung là các nguyên nhân về: điều kiện vị trí địa lý tự nhiên; tác động, ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế; sự gia tăng về lưu lượng người XNC; phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp; hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến phòng, chống tội phạm còn chưa hoàn thiện, thống nhất; sự phân tán, chia cắt trong công tác quản lý, kiểm soát; chủ thể chuyên trách trong phòng, chống tội phạm còn thiếu về số lượng, đồng đều về trình độ, chuyên môn; công tác phối hợp giữa các chủ thể và hợp tác quốc tế trong PNTP còn chưa đạt hiệu quả cao; việc triển khai các biện pháp PNTP còn chưa phát huy đúng vai trò, tạo được sự đột phá, hiệu quả. Đây là căn cứ, cơ sở thực tiễn quan trọng để Chương 3 của luận án đưa ra các dự báo và nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Chương 3
DỰ BÁO VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, Chương 3 của luận án sẽ tập trung làm rõ nội dung về dự báo và giải pháp nhằm tăng cường PNTP này, đặc biệt đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, diễn biến phức tạp của các tội phạm xuyên quốc gia, các vấn đề an ninh phi truyền thống. Việc xác định các cơ sở dự báo đã giúp luận án nhận diện rõ các yếu tố tác động đến tội phạm, cũng như những thuận lợi, khó khăn, thách thức cho công tác phòng ngừa loại tội phạm này. Trên nền tảng các nội dung dự báo và kết quả nghiên cứu, đánh giá thực tiễn PNTP, Chương 3 của luận án đã xây dựng và đề xuất hệ thống các giải pháp đồng bộ, khả nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Từ đó, chủ động kiểm soát, hạn chế và tiến tới loại trừ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, nâng cao hiệu quả phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

3.1. Dự báo

3.1.1. Cơ sở của dự báo

Việc dự báo tội phạm, các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện phải dựa trên những cơ sở khoa học của tội phạm học và vận dụng tri thức của khoa học liên ngành, đa ngành để đưa ra nội dung dự báo có độ tin cậy, giá trị xác thực cao. Trên nền tảng các nội dung được nghiên cứu, phân tích, luận giải những vấn đề lý luận, thực tiễn trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện tại Chương 1 và Chương 2 của luận án, có thể đưa ra một số cơ sở dự báo phòng ngừa loại tội phạm này như sau:

Căn cứ vào số liệu của tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện đã được nghiên cứu, khảo sát, đánh giá trên phạm vi cả nước, trong thời gian tương đối dài (2018 - 2025) là cơ sở khoa học quan trọng để đưa ra các dự báo về quy luật phát sinh, tồn tại, vận động của tội phạm như: tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ tiếp tục có xu hướng, diễn biến phức tạp, khó lường cả về tính chất, mức độ, phạm vi ảnh hưởng; phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày

càng tinh vi, phức tạp, đa dạng với sự tham gia của các đường dây phạm tội xuyên quốc gia, không chỉ dừng lại ở phương thức bí mật mà còn gia tăng hình thức công khai hợp pháp hoặc bất hợp pháp, đặc biệt là lợi dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ số để tổ chức, môi giới điều phối các hoạt động XNC trái phép.

Căn cứ vào các quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; bối cảnh kinh tế, chính trị - xã hội trong nước, quốc tế đã và đang tác động, ảnh hưởng đến hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như: chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực XNC; quá trình hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế; tác động, ảnh hưởng của biến động chính trị, xung đột sắc tộc, bạo loạn, chiến tranh, di cư trên thế giới; tác động của tình hình kinh tế - xã hội, mặt trái của nền kinh tế thị trường (phân hóa giàu nghèo, thiếu việc làm, thất nghiệp...) là một trong những nhân tố tác động, ảnh hưởng đến nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Căn cứ vào các thông tin khác liên quan đến công tác dự báo tội phạm như: thông tin về các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội, xu thế quốc tế hóa tội phạm là những nhân tố làm gia tăng nguy cơ phát sinh tội phạm, trong đó có các tội phạm về XNC; thông tin về thực trạng phòng ngừa, các hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là cơ sở, căn cứ quan trọng để đánh giá khả năng, hiệu quả của PNTP; thông tin liên quan đến công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, quá trình xây dựng và kiện toàn hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật; việc hoàn thiện và xu hướng sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác QLNN, phòng, chống các tội phạm trên lĩnh vực XNC; các thông tin liên quan đến khả năng, mức độ hợp tác giữa Việt Nam với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và có thể khái quát thành các vấn đề trọng tâm sau:

Việc Việt Nam mở rộng quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia và vùng lãnh thổ, thiết lập đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với 30 quốc gia, đồng thời tham gia, hợp tác với hơn 500 tổ chức quốc tế và khu vực[109]. Cùng với các chính sách, quy định của pháp luật trong lĩnh vực XNC ngày càng thông thoáng như: mở rộng

109. PGS, TS. Nguyễn Thị Quế - TS. Nguyễn Thị Thủy (2023), "Hoạt động đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới", https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/hoat-dong-doi-ngoai-viet-nam-thoi-ky-doi-moi-p28531.html, truy cập ngày 25/9/2025.

cấp thị thực điện tử cho tất cả các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới; nâng thời hạn thị thực điện tử từ 01 đến 03 tháng, một lần hoặc nhiều lần; nâng thời hạn tạm trú cho công dân các nước được đơn phương miễn thị thực từ 15 ngày đến 45 ngày; đồng bộ cải cách thủ tục hành chính về XNC... sẽ làm gia tăng lưu lượng người XNC trong thời gian tới[110]. Tuy nhiên, điều này cũng tiềm ẩn các nguy cơ có thể làm gia tăng mức độ, tính chất của tình hình tội phạm, đặc biệt là các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Những năm tới, tình hình kinh tế - xã hội bên cạnh những thành tựu đạt được, cũng tiềm ẩn các yếu tố tác động đến tội phạm, công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện. Theo dự báo, nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng, quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh, song vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu việc làm của người lao động, với trung bình hơn 1 triệu người thất nghiệp mỗi năm[111]. Trong khi đó, nhu cầu tiếp nhận lao động phổ thông tại các quốc gia phát triển gia tăng mạnh mẽ, dẫn đến tình trạng CDVN tìm mọi cách để ra nước ngoài lao động, cư trú, trong đó không ít người sẵn sàng liên hệ, móc nối với các đường dây tổ chức đưa người XNC trái phép nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian, bất chấp các rủi ro pháp lý, an ninh. Mặt khác, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia đang phát triển sẽ phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu về kinh tế, sức ép lạm phát, thuế quan dẫn đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thậm chí đình trệ. Chẳng hạn, chỉ tính riêng năm 2024, cả nước có hơn 200.000 doanh nghiệp đã rút khỏi thị trường kinh doanh, sản xuất[112]. Điều này không chỉ làm gia tăng số lượng lao động thất nghiệp mà còn đẩy mạnh xu hướng di cư, tìm việc làm ở nước ngoài bằng cả con đường hợp pháp và bất hợp pháp. Từ đó cho thấy, tác động tiêu cực từ bối cảnh kinh tế - xã hội sẽ làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, liên quan trực tiếp đến tình hình tội phạm, hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XNC trong thời gian tới.

Tình hình xung đột, chiến tranh, tội phạm xuyên quốc gia cùng với làn sóng di cư trái phép trong khu vực và trên thế giới vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp,

---

110. "Từ 15/8/2023: Nâng thời hạn thị thực điện tử; bổ sung thông tin 'nơi sinh' vào hộ chiếu phổ thông", https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/tu-15-8-2023-nang-thoi-han-cua-thi-thuc-dien-tu-bo-sung-thong-tin-noi-sinh-vao-ho-chieu-pho-thong-119230624103927677.htm, truy cập ngày 01/12/2025.
111. G.Nam (2025), "Hơn 1 triệu lao động thất nghiệp trong năm 2024", https://nld.com.vn/hon-1-trieu-lao-dong-that-nghiep-trong-nam-2024-196250107075907162.htm, truy cập ngày 25/9/2025.
112. Hậu Lộc (2025), "Năm 2024, gần 200 nghìn doanh nghiệp đóng cửa", https://phapluat.tuoitrethudo.vn/nam-2024-gan-200-nghin-doanh-nghiep-dong-cua-99396.html?, truy cập ngày 25/9/2025.

khó lường. Những biến động đó buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách quản lý với người nước ngoài nhập cảnh, cư trú, lao động thể hiện qua việc siết chặt thủ tục cấp thị thực, tăng cường kiểm tra tại cửa khẩu, siết chặt tiêu chuẩn tiếp nhận lao động nước ngoài. Trong bối cảnh đó, CDVN có nhu cầu XNC, cư trú ở nước ngoài sẽ gặp nhiều rào cản, khó khăn khi thực hiện bằng con đường hợp pháp. Hệ quả tất yếu là xuất hiện sự dịch chuyển sang các con đường XNC bất hợp pháp. Đây cũng sẽ là điều kiện thuận lợi để các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép gia tăng hoạt động cả về quy mô, tính chất, với nhiều phương thức, thủ đoạn mới.

3.1.2. Nội dung của dự báo

Trong những năm tới, Việt Nam tiếp tục kiên định thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế sâu rộng trên cơ sở thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Chủ trương này được cụ thể hóa thông qua việc mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, đồng thời xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, đặc biệt là các chính sách, quy định trên lĩnh vực XNC ngày càng thông thoáng gắn với cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ số trong quản lý sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho CDVN và người nước ngoài thực hiện các hoạt động XNC. Bên cạnh những tác động tích cực, cũng sẽ tiềm ẩn các nguy cơ tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện và có thể đưa ra một số dự báo về loại tội phạm này như sau:

- Dự báo tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Thời gian tới, tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn sẽ tiếp tục diễn biến theo chiều hướng phức tạp, khó lường cả về quy mô, tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng. Đáng chú ý các đối tượng ở trong nước sẽ gia tăng móc nối, liên kết với các đối tượng ở nước ngoài hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép xuyên quốc gia với quy mô, tính chất ngày càng chuyên nghiệp, nguy hiểm. Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện không tồn tại một cách biệt lập, mà luôn đặt trong mối quan hệ tác động, ảnh hưởng lẫn nhau với các loại tội phạm khác, đặc biệt là với các tội phạm xuyên quốc gia như: mua bán người; lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm về ma túy... Do đó, công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện phải đặt trong mối liên hệ tổng thể với công tác phòng, chống các tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm xuyên biên giới. Cùng với đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ

của khoa học - công nghệ, có thể đưa ra một số dự báo về đặc điểm của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như sau:

Về phương thức, thủ đoạn, thời gian tới loại tội phạm này sẽ tiếp tục tồn tại, thực hiện dưới cả hai hình thức: bí mật; công khai hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Đáng chú ý, hoạt động công khai hợp pháp và bất hợp pháp sẽ ngày càng gia tăng, triệt để lợi dụng các chính sách mở rộng hợp tác, đầu tư, kinh doanh trong các lĩnh vực du học, du lịch, lao động... để thực hiện các hành vi tổ chức, môi giới XNC hoặc ở lại nước ngoài trái phép. Một xu hướng khác cần lưu ý là sự gia tăng móc nối, liên kết giữa các đối tượng trong và ngoài nước để hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép xuyên quốc gia với quy mô ngày càng lớn, cấu trúc chặt chẽ, thị trường và tuyến đi đa dạng, phong phú. Đặc biệt, thủ đoạn đưa người Việt Nam nhập cảnh hợp pháp ở một quốc gia, sau đó tổ chức trốn sang nước khác để cư trú, lao động bất hợp pháp sẽ tiếp tục được các đối tượng khai thác thực hiện đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm.

Về phương thức, thủ đoạn liên lạc, môi giới, bên cạnh những phương thức truyền thống (gọi điện, nhắn tin, gặp mặt trực tiếp...), cùng với sự tiến bộ, phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ các đối tượng sẽ gia tăng, đẩy mạnh khai thác các nền tảng xã hội, mạng Internet (Zalo; Telegram; Wechat...), sử dụng tài khoản ảo, sim rác để liên lạc, trao đổi, phân công nhiệm vụ, móc nối, lôi kéo, tập hợp người có nhu cầu ra nước ngoài trái phép. Về mặt tài chính, xu hướng chuyển dịch giao dịch sang internet banking, ví điện tử, cùng với việc thiết lập hệ thống trung gian thanh toán phức tạp (qua tài khoản ảo, mã hóa giao dịch, thanh toán trên các nền tảng quốc tế) nhằm che giấu nguồn gốc, mục đích và lộ trình dòng tiền gây khó khăn cho công tác truy vết, đấu tranh của các cơ quan chức năng.

Về địa bàn phạm tội, thời gian tới các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ tiếp tục diễn ra trên một phạm vi rộng, với tính chất xuyên tỉnh, xuyên vùng và xuyên quốc gia. Tuy nhiên, các địa bàn, tuyến biên giới, nhất là tuyến biên giới đất liền sẽ ngày càng phức tạp, trong đó tuyến biên giới với Trung Quốc vẫn được xác định là "điểm nóng" để tổ chức thực hiện các tội phạm XNC. Tuy nhiên, với sự kiểm soát biên giới, cửa khẩu ngày càng chặt chẽ từ phía Trung Quốc, sẽ dẫn tới sự dịch chuyển địa bàn phạm tội sang các tuyến biên giới giáp các nước Lào, Campuchia. Bên cạnh đó, mặc dù tuyến biển ít được sử dụng so với đường bộ,

đường hàng không để thực hiện các tội phạm về XNC, nhưng khi các đối tượng không có điều kiện để xâm nhập qua tuyến này thì đường biển cũng là giải pháp tối ưu để đa dạng hóa tuyến đi, giảm rủi ro bị phát hiện, xử lý.

Đối tượng phạm tội, vẫn sẽ có sự đa dạng về thành phần xã hội, trình độ học vấn, động cơ và khuynh hướng phạm tội khác nhau của từng loại nhóm đối tượng, chẳng hạn: các đối tượng chủ mưu, cầm đầu sẽ có cả người Việt Nam và người nước ngoài, tuy nhiên các đối tượng cầm đầu thường sẽ cư trú, sinh sống tại nước ngoài hoặc gần biên giới; các đối tượng giữ vai trò tham gia trong thời gian tới chủ yếu vẫn là người Việt Nam, cư trú trong nước, phần lớn là lao động tự do, có trình độ học vấn thấp, chủ yếu thực hiện các hành vi môi giới, lôi kéo, tập hợp của người có nhu cầu XNC, dẫn người qua khu vực biên giới; các đối tượng phạm tội vi phạm quy định về XNC thời gian tới chủ yếu vẫn là các đối tượng vượt biên trái phép để tìm kiếm việc làm hoặc bị dụ dỗ, mua chuộc ra nước ngoài để thực hiện các hành vi phạm tội khác (lừa đảo trên không gian mạng; mua bán người...).

Đặc điểm nhân thân người phạm tội, CDVN thực hiện các tội phạm về XNC chủ yếu vẫn xuất phát từ động cơ vụ lợi, gắn liền với nhu cầu tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Đặc điểm nổi bật của nhóm này phần lớn là các đối tượng đã có quá trình ra nước ngoài hoặc có mối quan hệ với người Việt Nam đang sinh sống, cư trú ở nước ngoài. Đối tượng phạm tội vẫn có sự đa dạng về thành phần, trình độ học vấn, nghề nghiệp nhưng chủ yếu vẫn là đối tượng lao động tự do, không có việc làm ổn định, tập trung ở độ tuổi từ 25 đến 50 có nhu cầu kinh tế cao, khả năng tham gia trực tiếp vào các hoạt động vượt biên, cư trú và lao động bất hợp pháp ở nước ngoài. Đặc biệt, một bộ phận đối tượng có tiền án, tiền sự vẫn có nguy cơ tái phạm hoặc bị móc nối, lôi kéo thực hiện các tội phạm liên quan đến XNC.

- Dự báo về nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Trên cơ sở phân tích, đánh giá về nguyên nhân của tội phạm tại mục 2.1.2 và đối chiếu với các căn cứ dự báo của tội phạm được xác định nêu trên, có thể thấy trong thời gian tới nguyên nhân của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn tiếp tục chịu sự tác động, chi phối phức tạp của các yếu tố về: vị trí - địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, chính sách - pháp luật, QLNN về XNC, đặc biệt là sự chi phối ngày càng rõ nét của tội phạm xuyên quốc gia. Từ đó, có thể đưa ra một số nội dung dự báo về nguyên nhân của loại tội phạm này thời gian tới như sau:

Thứ nhất, các điều kiện về vị trí địa lý - tự nhiên, mang tính khách quan như: đường biên giới đất liền dài, địa hình rừng núi hiểm trở, nhiều đường mòn, lối mở, bờ biển dài... tiếp tục tồn tại như một "điều kiện nền khách quan" của tội phạm này, đồng thời tạo ra những khó khăn, thách thức không nhỏ trong công tác kiểm soát XNC. Đặc biệt, đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, quan hệ đối ngoại càng được mở rộng và các chính sách về XNC ngày càng thông thoáng sẽ tiếp tục tạo ra những áp lực và những "khoảng trống" trong công tác kiểm soát, phòng, chống các tội phạm về XNC và đây vẫn là "môi trường" thuận lợi để các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép lợi dụng, mở rộng phạm vi hoạt động xuyên quốc gia.

Thứ hai, nguyên nhân về kinh tế - xã hội được dự báo vẫn giữ vai trò chi phối trong cơ cấu động cơ phạm tội của loại tội phạm này. Mặc dù, kinh tế Việt Nam đang duy trì mức tăng trưởng ổn định và có nhiều bứt phá song những áp lực về việc làm, tác động của nền kinh tế thị trường như thiếu việc làm, thất nghiệp, chênh lệch giàu nghèo, tệ nạn xã hội... Trong khi đó, việc tiếp cận các thị trường lao động hợp pháp đòi hỏi chi phí, trình độ chuyên môn cao, thời gian đào tạo dài. Vì vậy, vẫn sẽ tồn tại một bộ phận người dân lựa chọn con đường XNC trái phép để "tối ưu hóa" chi phí, lợi nhuận. Điều này, có thể làm gia tăng áp lực di cư lao động, làm tác động, nảy sinh nguy cơ phát sinh hoặc tái phạm tội hoặc tiếp tay, giúp sức cho các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Thứ ba, hạn chế về nhận thức pháp luật, kỹ năng tiếp cận thông tin chính thống và khả năng tự bảo vệ của một bộ phận người dân, đặc biệt tại các địa bàn nông thôn nghèo, miền núi, biên giới vẫn là một trong những nguyên nhân để nhóm đối tượng này dễ bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép hoặc trở thành nạn nhân của loại tội phạm này. Trong khi đó, cuộc cách mạng về khoa học - kĩ thuật ngày càng phát triển mạnh mẽ, các đối tượng sẽ tiếp tục lợi dụng công nghệ số để tuyển mộ, lôi kéo người dân có nhu cầu XNC dưới "vỏ bọc hợp pháp" làm gia tăng nguy cơ bị lôi kéo hoặc tự nguyện tham gia XNC trái phép. Điều này sẽ tiếp tục làm giảm khả năng phát hiện sớm, phòng ngừa từ xa của các cơ quan chức năng, đồng thời làm gia tăng mức độ ẩn của tội phạm này.

Thứ tư, dưới góc độ lý luận tội phạm học hiện đại, giữa lợi ích kinh tế cao và rủi ro pháp lý tương đối thấp vẫn là một trong những nhân tố quan trọng khi nói về nguyên nhân của các tội phạm về XNC. Cùng với đó, đặt trong bối cảnh, tình hình

quốc tế có nhiều biến động phức tạp, khó lường như xung đột vũ trang, bất ổn chính trị và xu hướng siết chặt chính sách nhập cư, gia tăng kiểm soát biên giới và những bất ổn khu vực có thể tạo ra tác động đa chiều, trực tiếp đến nguyên nhân của các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện: một mặt, làm thu hẹp cơ hội di cư hợp pháp; mặt khác, vô hình chung thúc đẩy sự chuyển dịch sang các kênh bất hợp pháp, qua đó làm gia tăng vai trò của các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép xuyên quốc gia, xuyên biên giới. Do đó, phải tiếp cận hoạt động phòng ngừa theo hướng quản trị rủi ro, lấy phòng ngừa xã hội làm nền tảng, đồng thời tăng cường phòng ngừa nghiệp vụ, hoàn thiện chính sách di cư hợp pháp, nâng cao hiệu lực QLNN về XNC và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên biên giới, bảo đảm tính chủ động, bền vững trong chiến lược phòng, chống tội phạm.

- Dự báo về hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Về thuận lợi, thời gian tới, công tác phòng, chống các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành, đoàn thể, trong đó là vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách trong phòng, chống tội phạm. Cùng với quá trình tinh gọn, vận hành tổ chức bộ máy chính quyền mới, việc xây dựng lực lượng Công an cơ sở ngày càng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại sẽ góp phần đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh trật tự, phòng, chống tội phạm. Với sự tăng cường mạnh mẽ lực lượng Công an chính quy tại cơ sở, đặc biệt là tại các địa bàn biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa thì công tác phòng, chống tội phạm, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ được cấp ủy, lãnh đạo chính quyền địa phương, các lực lượng quan tâm đúng mức góp phần bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, các lực lượng chuyên trách trong QLXNC sẽ tiếp tục tăng cường ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả phát hiện, ngăn chặn các hành vi VPPL trên lĩnh vực này từ sớm, từ xa. Qua thời gian ứng dụng thử nghiệm, lực lượng QLXNC vẫn đang tiếp tục mở rộng triển khai, tiếp nhận xử lý tờ khai, phát hành hộ chiếu, nâng cấp hệ thống cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài. Đồng thời, xây dựng kho dữ liệu XNC của CDVN, phối hợp xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm máy tính của Cục QLXNC. Đặc biệt, triển khai xây dựng, mở rộng cơ chế một cửa quốc gia thay thế hệ thống API, các thiết bị, khoa

học hiện đại phục vụ công tác QLXNC như hệ thống Autogate tại các cửa khẩu quốc tế là một bước tiến quan trọng trong quản lý, kiểm soát XNC, góp phần phòng ngừa các hành vi giả mạo giấy tờ, hồ sơ để XNC, chủ động phát hiện các đối tượng XNC trái phép. Do đó, việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kĩ thuật trong công tác quản lý, kiểm soát XNC là yêu cầu tất yếu nhằm tăng cường khả năng, năng lực phát hiện, giám sát, hỗ trợ công tác phòng, chống các VPPL trên lĩnh vực XNC từ sớm, từ xa, đồng thời răn đe, giáo dục đối tượng có ý định phạm tội.

Những năm qua, công tác nâng cao trình độ, nhận thức và chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ chuyên trách trong phòng, chống các tội phạm về XNC ngày càng được quan tâm, chú trọng. Các cơ quan chức năng đã tăng cường, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn trong: vận hành, khai thác ứng dụng khoa học kĩ thuật về kiểm soát, QLXNC; tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về công tác nghiệp vụ chuyên ngành và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, sửa đổi liên quan đến công tác quản lý, kiểm soát XNC; tập huấn chuyên sâu về công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý vi phạm trên lĩnh vực XNC; tập huấn kỹ năng phân tích, đánh giá, xử lý dữ liệu, thông tin về XNC nâng cao kỹ năng điều tra, phát hiện, xử lý tội phạm. Những nỗ lực trên không chỉ nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm mà còn góp phần hình thành ý thức trách nhiệm, bản lĩnh đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn trong công tác bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Về khó khăn, các tội phạm xuyên quốc gia trong đó có các tội phạm về XNC sẽ tiếp tục triệt để lợi dụng các chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế để gia tăng thực hiện tội phạm với tính chất, mức độ ngày càng nguy hiểm, bằng nhiều phương thức, thủ đoạn mới. Với các chính sách thông thoáng trong XCNC là cơ hội thuận lợi để các đối tượng lợi dụng các danh nghĩa công khai hợp pháp và bất hợp pháp để tổ chức, môi giới cho người khác XNC, cư trú hoặc ở lại nước ngoài trái phép. Sự gia tăng nhanh chóng về lưu lượng người XCNC, đã và đang tạo ra những áp lực không hề nhỏ cho công tác quản lý, kiểm soát XNC, có thể dẫn đến những sơ hở, thiếu sót trong phát hiện, xử lý, phòng ngừa các VPPL trên lĩnh vực XNC. Bên cạnh đó, quốc phòng, an ninh luôn phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thách thức về các vấn đề an ninh phi truyền thống như: an ninh con người, tội phạm xuyên quốc gia, di cư bất hợp pháp... là những thách thức thường xuyên đối với công cuộc xây dựng

chủ nghĩa xã hội của Việt Nam[113]. Điều này cho thấy, các vấn đề an ninh phi truyền thống sẽ tiếp tục đặt ra những khó khăn, thách thức, tác động không nhỏ đến công tác phòng, chống tội phạm, hợp tác quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm xuyên quốc gia ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường trong đó có các tội phạm về XNC.

Những năm tới, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phát triển, tốc độ đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế được đẩy nhanh. Tuy nhiên, những mâu thuẫn xã hội nảy sinh từ chính quá trình phát triển này cũng đặt ra nhiều thách thức. Trong đó, đời sống của một bộ phận người dân, đặc biệt tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo vẫn còn gặp nhiều khó khăn; tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, phân hóa giàu nghèo tiếp tục tồn tại, thậm chí có xu hướng gia tăng... vẫn sẽ là những nguyên nhân gốc rễ tác động trực tiếp đến sự hình thành của loại tội phạm này. Mặc dù, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới các đối tượng, địa bàn khó khăn nhưng hiệu quả kinh tế chưa cao, chưa mang tính bền vững, chưa có sự liên kết ngành, liên kết vùng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi đó, hoạt động đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tại các thị trường phát triển vẫn gặp trở ngại do rào cản về ngôn ngữ, văn hóa, cũng như yêu cầu cao về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp. Trong bối cảnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ người dân lựa chọn các con đường phi chính thức để ra nước ngoài cư trú, lao động bất hợp pháp để tiết kiệm thời gian, chi phí đào tạo. Do đó, để phòng ngừa hiệu quả các tội phạm XNC, bên cạnh những biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ thì việc đẩy mạnh, triển khai các biện pháp phòng ngừa xã hội, nhất là các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này.

Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về XNC vẫn bộc lộ những bất cập nhất định cả về cơ chế lẫn thực tiễn triển khai. Đặc biệt, trong quan hệ phối hợp giữa lực lượng chuyên trách trong phòng, chống tội phạm với một số cơ quan, ban ngành vẫn chưa có quy chế phối hợp cụ thể hoặc quy định rõ ràng trong việc xác định vai trò, trách nhiệm phối hợp nhất là trong cung cấp thông tin, tài liệu, hợp tác trong triển khai các biện pháp nghiệp vụ

113. "Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam", https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/van-kien-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-119260206231049404.htm, truy cập ngày 01/4/2026.

trong phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC. Vẫn còn nhiều cơ quan, tổ chức coi nhẹ công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC dẫn đến tâm lý "phó mặc", ủy thác cho lực lượng QLXNC, mặc dù công tác phòng, chống tội phạm được xác định là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cần có sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa các lực lượng, cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn còn những khoảng trống, nhiều điểm bất cập chưa được sửa đổi, bổ sung không chỉ gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong quản lý, xử lý VPPL về XNC, mà còn ảnh hưởng đến tính hiệu quả và tính khả thi của hoạt động phòng ngừa loại tội phạm này trong bối cảnh mới. Chẳng hạn, trong áp dụng pháp luật hình sự trong định tội danh, xác định trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về XNC được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Mặc dù gần nhất, tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 với nhiều nội dung quan trọng, tuy nhiên những vấn đề bất cập, khó khăn trong việc áp dụng pháp luật hình sự liên quan đến đấu tranh, phòng ngừa loại tội phạm này vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung. Đặc biệt, pháp luật thực định vẫn chưa có chế tài xử phạt đối với các hành vi VPPL về XNC của CDVN xảy ra ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, như việc xử lý hành vi lợi dụng xuất cảnh hợp pháp qua các quốc gia sau đó trốn ở lại cư trú, lao động bất hợp pháp hoặc tìm cách qua nước thứ ba để cư trú, lao động bất hợp pháp. Những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành sẽ tạo ra những khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác PNTP, làm giảm tính răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Phương thức, thủ đoạn các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp với nhiều phương thức, thủ đoạn mới gây khó khăn cho công tác phòng ngừa của các lực lượng chức năng. Đánh giá xu thế vận động, tính chất của các tội phạm về XNC cho thấy, bên cạnh những phương thức, thủ đoạn truyền thống các đối tượng đã lợi dụng mạng internet, mạng xã hội để tổ chức, môi giới, liên lạc với người có nhu cầu XNC, cư trú trái phép ở nước ngoài hoặc lôi kéo, móc nối các đối tượng tham gia vào đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép, điều này đã gây không ít khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc điều tra, xử lý tội phạm, nhất là trong mở rộng, xử lý tận gốc các đường dây phạm tội.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã và đang tác động sâu rộng, mang lại cả những cơ hội và thách thức cho công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Các đối tượng sẽ không ngừng triệt để lợi dụng khoa học công nghệ để che giấu hành vi phạm tội với những đường dây tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép hoạt động trên không gian mạng xuyên biên giới, xuyên quốc gia gây khó khăn cho công tác truy vết, xác định đối tượng phạm tội, tổ chức, thực hiện các biện pháp, kế hoạch để điều tra, xử lý tội phạm. Trong khi đó, hệ thống trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật được trang bị cho các cơ quan chức năng còn chưa đồng đều, chưa theo kịp sự phát triển, thay đổi về khoa học công nghệ mà các đối tượng sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Cùng với đó, nguồn kinh phí cho công tác PNTP nói chung, kể cả kinh phí cho công tác đầu tư trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, bảo đảm sự tương thích, liên thông trong trao đổi dữ liệu thông tin giữa các lực lượng chức năng trong nước và hoạt động hợp tác quốc tế giữa các quốc gia do có sự chênh lệch công nghệ giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ.

Quan hệ hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC mặc dù đã có những thỏa thuận, ký kết theo cơ chế song phương hoặc đa phương. Tuy nhiên, việc thực hiện các quy chế phối hợp nhất là trong trao đổi thông tin, hợp tác trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, điều tra các tội phạm về XNC còn gặp nhiều khó khăn đã được nghiên cứu sinh phân tích tại mục 2.4.2 của luận án là những khó khăn, thách thức cho các cơ quan áp dụng pháp luật trong phòng ngừa, đấu tranh với loại tội phạm này trong thời gian tới. Đặc biệt, đặt trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến hết sức phức tạp, các cuộc chiến tranh, xung đột khu vực đã đẩy nhanh quá trình xói mòn trật tự thế giới hiện hành, tác động sâu sắc đến cục diện an ninh khu vực và toàn cầu, làm trầm trọng thêm những vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh con người và khủng hoảng di cư...[114]. Điều này, tạo ra những áp lực không nhỏ cho công tác bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, cũng như hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC.

114. "Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam", https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/van-kien-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-119260206231049404.htm, truy cập ngày 01/4/2026.

3.2. Giải pháp tăng cường phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

3.2.1. Kiện toàn, nâng cao trình độ, nhận thức cho lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược, đòi hỏi sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó có các cơ quan chuyên trách giữ vai trò nòng cốt. Khảo sát, đánh giá thực tiễn PNTP tại Chương 2 của luận án cho thấy, công tác quản lý, kiểm soát XNC tại các cửa khẩu hiện vẫn tồn tại tình trạng phân tán, chia cắt, thiếu sự phối hợp thống nhất giữa các lực lượng, làm phát sinh nhiều bất cập trong QLNN và phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Cùng với đó, những hạn chế về năng lực, nhận thức của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng chuyên trách trong phòng, chống tội phạm đã tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Do đó, kiện toàn, nâng cao trình độ, nhận thức cho lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về XNC là hết sức cần thiết, bảo đảm cho hiệu quả công tác đấu tranh, PNTP. Vì vậy, để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, kiện toàn lực lượng chuyên trách trong quản lý, kiểm soát về XNC phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh, PNTP trên lĩnh vực XNC. Hoạt động quản lý, kiểm soát XNC mang tính đặc thù, vừa là hoạt động quản lý hành chính, vừa là hoạt động nghiệp vụ. Do đó, quản lý, kiểm soát XNC là một biện pháp đặc biệt trong tổng thể công tác phòng, chống các tội phạm về XNC. Tuy nhiên, tình trạng chia cắt, phân tán trong công tác quản lý, kiểm soát XNC từ năm 1995 đến nay, phần nào thể hiện sự bất hợp lý về phân công lực lượng, sự thiếu tập trung, thống nhất trong công tác chỉ huy, chỉ đạo hoạt động QLNN nói chung và phòng ngừa VPPL trên lĩnh vực XNC nói riêng[115]. Nghiên cứu mô hình tổ chức quản lý, kiểm soát XNC của một số nước trên thế giới cho thấy rất ít nước nào có mô hình tổ chức, phân công lực lượng như nước ta hiện nay. Xét về yếu tố lịch sử, công tác

115. Trần Quang Tám (2019), Quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 48-49.

quản lý, kiểm soát XNC tại cửa khẩu ban đầu thuộc trách nhiệm của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an), tuy nhiên do yêu cầu của thực tiễn bảo vệ đất nước, nhiệm vụ quản lý, kiểm soát XNC được chuyển giao nhiều lần giữa Bộ Công an với Bộ Quốc phòng. Đến nay, lực lượng Bộ đội Biên phòng (Bộ Quốc phòng) thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát XNC tại các cửa khẩu đường bộ, đường sắt, đường hàng hải, còn lực lượng QLXNC (thuộc Bộ Công an) quản lý, kiểm soát XNC tại các cửa khẩu hàng không. Điều này đã tạo ra sự thiếu thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm; sự thiếu đồng bộ, liên thông cơ sở dữ liệu; hệ thống trang thiết bị, máy móc, phương tiện, biện pháp trong QLXNC. Cùng với đó, trong bối cảnh tình hình tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XNC ngày càng phức tạp, khó lường đòi hỏi phải có cơ chế chỉ huy thống nhất, cơ sở dữ liệu tập trung và quy trình kiểm soát đồng bộ nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC. Việc phân tán lực lượng trong QLXNC ở nhiều đầu mối có thể làm giảm thiểu hiệu quả, kéo dài thời gian xử lý thông tin, tạo ra những khoảng trống trong QLNN.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, phần lớn các quốc gia đều tổ chức QLXNC theo mô hình tập trung, thống nhất về một cơ quan chuyên trách thuộc Bộ Nội vụ hoặc Bộ An ninh. Chẳng hạn: tại Singapore, hoạt động kiểm soát biên giới, QLXNC và cư trú được thực hiện thống nhất bởi cơ quan Immigration and Checkpoints Authority thuộc Bộ Nội vụ; hoặc mô hình quản lý di cư của Canada cho thấy, Cơ quan Hải quan Canada (CBSA) chịu trách nhiệm thống nhất từ kiểm soát cửa khẩu, quản lý cư trú đến điều tra các hành vi VPPL về di cư[116]. Từ đó cho thấy, công tác QLNN về XNC được tổ chức theo hướng thống nhất, đồng bộ về một đầu mối có thể tránh sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các lực lượng, khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong quản lý, kiểm soát XNC. Vì vậy, đứng trước những yêu cầu của công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, đặt trong bối cảnh đất nước đang hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với "cuộc cách mạng" cải cách hành chính, tinh gọn tổ chức, bộ máy của Đảng và Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền cần sớm nghiên cứu, đánh giá toàn diện để thống nhất nhiệm vụ quản lý, kiểm soát XNC về một đầu mối thuộc Bộ

116. "CBSA siết chặt quản lý lao động bất hợp pháp tại Canada", https://campbellimmigration.com.vn/tin-dinh-cu-canada/cbsa-siet-chat-quan-ly-lao-dong-bat-hop-phap-tai-canada-577.html, truy cập ngày 12/3/2026.

Công an nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong QLNN, tạo thuận lợi cho công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm trên lĩnh vực XNC.

Thứ hai, nâng cao nhận thức, trình độ cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ các lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về XNC trên các phương diện sau:

Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ các cơ quan, lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa các tội phạm về XNC, trong đó xác định: lực lượng QLXNC của Bộ Công an là cơ quan chủ trì, thực hiện trách nhiệm QLNN về XNC, triển khai đồng bộ, hiệu quả các biện pháp, công tác nghiệp vụ để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý VPPL về XNC, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, luật pháp quốc tế để mỗi cán bộ, chiến sĩ nhận thức đầy đủ vị trí, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác PNTP trên lĩnh vực XNC. Cùng với đó, tiến hành các biện pháp hành chính, biện pháp nghiệp vụ, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, chính quyền thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa xã hội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hoạt động XNC trái phép, xác định các tuyến, địa bàn, đối tượng trọng điểm cần tập trung, xây dựng kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các đường dây tổ chức đưa người XNC trái phép, đặc biệt là tại các tuyến, địa bàn trọng điểm về loại tội phạm này.

Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho lực lượng chuyên trách trong công tác tham mưu, từ đó kịp thời đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, bảo đảm tính khả thi và hiệu lực trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, cần quán triệt quan điểm trong phòng ngừa các tội phạm về XNC không thể tách rời các biện pháp phòng ngừa xã hội, nhất là nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức cảnh giác trước phương thức, thủ đoạn của tội phạm cho quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, kịp thời tham mưu cho các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết triệt để các vấn đề thất nghiệp, thiếu việc làm, nghèo đói để triệt tiêu, giảm thiểu các nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này.

Đồng thời, nâng cao năng lực thống kê, phân tích, đánh giá tình hình tội phạm, dự báo xu thế tình hình tội phạm, các yếu tố tác động đến công tác phòng

ngừa, đấu tranh các tội phạm về XNC. Đồng thời, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm về XNC. Bởi xu thế vận động của tình hình tội phạm đã cho thấy, các đối tượng đã không ngừng triệt để lợi dụng khoa học - công nghệ để thực hiện tội phạm, tăng cường móc nối với các đối tượng ở nước ngoài để hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC xuyên quốc gia, xuyên biên giới. Do đó, các lực lượng chuyên trách phải có trình độ tin học tốt để ứng dụng, khai thác hiệu quả các phương tiện, biện pháp khoa học công nghệ trong QLXNC, cũng như có năng lực ngoại ngữ tốt để trao đổi, phối hợp với các cơ quan, chức năng của nước ngoài trong điều tra, xử lý tội phạm, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Để nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ cho các lực lượng chuyên trách trong phòng, chống loại tội phạm này, cần chú trọng thực hiện các biện pháp sau:

Thường xuyên tổ chức quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ xác định rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC để mỗi cán bộ, chiến sĩ thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công. Đồng thời, quán triệt, phổ biến, cập nhật thường xuyên các quy định của pháp luật, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực XNC phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm. Thường xuyên động viên, khuyến khích cán bộ, chiến sĩ tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm nhất là đối với cán bộ trẻ vừa được tuyển dụng hoặc điều động để nhanh chóng tiếp cận thực tiễn, nâng cao trình độ, năng lực thực hiện tốt công tác chuyên môn liên quan đến phòng, chống các tội phạm về XNC.

Tăng cường tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội ý nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng chuyên trách trong phòng, chống các tội phạm về XNC. Đặc biệt, đối với số cán bộ mới được tuyển dụng hoặc số cán bộ được điều động, sắp xếp sau quá trình sáp nhập, tinh gọn tổ chức bộ máy nhằm trang bị kiến thức, kinh nghiệm để có thể sớm thích nghi, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, cần quan tâm, chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát thực hiện công tác phòng, chống các tội phạm trên lĩnh vực XNC nhằm xác định những tồn tại, hạn chế yếu kém để rút kinh nghiệm, cũng như học tập, nhân rộng, triển khai các mô hình, cách làm mới, hiệu quả trong đấu tranh, phòng ngừa các tội phạm về XNC hoặc tập hợp, lựa chọn các tình huống nghiệp vụ mới, các vụ án điển hình để nghiên cứu, hướng dẫn kịp thời

cho các đơn vị, địa phương. Mặt khác, cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học nghiệp vụ để bổ sung lý luận, rút ra tính quy luật của tội phạm để kịp thời đề xuất các chủ trương, giải pháp kịp thời, khả thi, hiệu quả trong phòng, chống các tội phạm về XNC. Đẩy mạnh cơ chế hợp tác song phương, đa phương, tăng cường sự hỗ trợ của đối tác nước ngoài trong đào tạo, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng phòng, chống các tội phạm về XNC, nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ, đặc biệt là việc ứng dụng, khai thác các trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát XNC, phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Hệ thống pháp luật là cơ sở chính trị - pháp lý, giữ vị trí, vai trò nền tảng quan trọng cho việc tổ chức, triển khai đồng bộ, thống nhất các hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực trạng phòng ngừa tại Chương 2 cho thấy, mặc dù hệ thống pháp luật liên quan đến QLNN, phòng, chống VPPL trên lĩnh này đã từng bước hoàn thiện, tương đối đồng bộ, song vẫn còn một số hạn chế, bất cập, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của hoạt động PNTP. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật trên lĩnh vực XNC là yêu cầu tất yếu khách quan, trong đó cần tập trung vào một số nội dung trọng tâm:

Hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực xử phạt hành chính về XCNC do CDVN thực hiện

Nghiên cứu, sửa đổi một số nội dung liên quan đến thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực XNC. Hiện nay, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự là 01 năm (Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính), do đó các hành vi vi phạm trên lĩnh vực XNC cũng chỉ có thời hiệu xử phạt là 01 năm. Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh, xử lý VPPL trên lĩnh vực XNC cho thấy việc quy định như trên là chưa phù hợp, bởi thông thường CDVN xuất cảnh trái phép ra nước ngoài sau 01 năm mới nhập cảnh về nước nên lực lượng QLXNC không thể ra quyết định xử phạt vì hết thời hiệu xử phạt. Do đó, cần nâng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực XNC lên 02 năm, tương tự như lĩnh vực lao động ngoài nước để phù hợp với thực tiễn, bảo đảm mọi hành vi VPPL về XNC được phát hiện, xử lý kịp thời, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật nhằm răn

đe, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật của người dân, góp phần phòng, chống hiệu quả các hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC.

Cùng với đó, nghiên cứu bổ sung một số hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC chưa được quy định trong Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình (trước là Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021). Trước hết nghiên cứu, bổ sung quy định về một số hành vi như: xuất cảnh hợp pháp sang nước thứ ba theo diện hợp pháp (du lịch, du học) nhưng sau đó nhập cảnh trái phép vào nước khác; sử dụng thị thực giả để xuất cảnh đi các nước; hoặc xé hộ chiếu trong quá trình xuất cảnh khi quá cảnh tại nước mà CDVN muốn ở lại trái phép... Thực tiễn những năm qua, loại hành vi này diễn ra trương đối phổ biến nhưng lại chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật để có cơ sở xử lý. Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định xử phạt đối với hành vi sử dụng giấy tờ XNC giả đi lại, cư trú ở nước ngoài tại Nghị định 282/2025/NĐ-CP để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất đối với loại hành vi này đã được quy định là hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 4 Luật XCNC của CDVN. Ngoài ra, cần nghiên cứu tăng mức phạt tiền đối với hành vi "*cho người khác sử dụng hộ chiếu, giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế... để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật"*[117]. Thực tiễn cho thấy, với mức phạt tiền từ 3 - 5 triệu đồng đối với loại hành vi này là còn thấp chưa đủ sức răn đe, trong khi đây cũng là những hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 4 Luật XCNC của CDVN. Do đó, cần điều chỉnh mức phạt tiền này tương ứng như những hành vi sử dụng hộ chiếu giả, giấy tờ giả quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 21 Nghị định 282/2025/NĐ-CP.

Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự liên quan đến xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Nghiên cứu bãi bỏ Điều 348 BLHS hiện hành bằng việc gộp hành vi *"cho người khác xuất cảnh trái phép"* và *"cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép"* thành một tội danh. Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong xử lý các tội phạm tại Điều 348 và Điều 349 BLHS cho thấy, xét về bản chất hành vi "trốn đi nước ngoài" và "xuất cảnh trái phép" là hai thuật ngữ tương đồng về nghĩa, đều thể hiện việc ra

117. Điểm c, khoản 3 Điều 21 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình.

khỏi lãnh thổ Việt Nam trái pháp luật[118] và hành vi tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép hay trốn đi nước ngoài trái phép đều có thể thực hiện tại cửa khẩu hoặc địa điểm khác với động cơ vụ lợi hoặc động cơ khác. Vì vậy, việc tách biệt các hành vi trên để xử lý về các tội phạm khác nhau tại Điều 348, Điều 349 là có phần thiên cưỡng, thiếu thống nhất trong áp dụng pháp luật gây khó khăn, vướng mắc cho công tác điều tra, xử lý tội phạm. Đồng thời, nghiên cứu tách hành vi "tổ chức" với hành vi "môi giới" trong các Điều 348, Điều 349 BLHS thành hai khoản độc lập thể hiện rõ đường lối xử lý, xác định chính xác trách nhiệm hình sự của chủ thể tương ứng với hành vi được thực hiện nhằm phân hóa trách nhiệm hình sự phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội[119] và phân hóa khung hình phạt, mức hình phạt giữa hành vi "tổ chức" với "môi giới". Ngoài ra, nghiên cứu bổ sung phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với Tội tổ chức, môi giới cho người khác XCNC hoặc ở lại Việt Nam trái phép (Điều 348 BLHS) và Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 349 BLHS) để tránh bỏ lọt tội phạm, đáp ứng thực tiễn phòng, chống tội phạm, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

Trước mắt, Hội đồng thẩm phán TAND tối cao cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về XNC được quy định từ Điều 347 đến Điều 350 BLHS trong đó tập trung vào một số nội dung như sau:

Phân biệt hành vi tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh trái phép hoặc trốn đi nước ngoài trái phép trong trường hợp "xuất cảnh hợp pháp qua cửa khẩu nhằm mục đích cư trú, lao động bất hợp pháp ở nước ngoài" theo hướng: trường hợp tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh hợp pháp qua cửa khẩu thì xử lý về tội tổ chức, môi giới cho người khác ở lại nước ngoài trái phép, vì hành vi phạm tội đã bắt đầu thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Bởi, "xuất cảnh hợp pháp" được xác định là phương thức, thủ đoạn để đối tượng tổ chức, môi giới cho người khác ở lại nước ngoài trái phép. Còn trong trường hợp, tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh bất hợp pháp (sử dụng giấy tờ giả, mượn hồ sơ giấy tờ...) để cho họ ở lại nước ngoài cư trú, lao động bất hợp pháp thì xem xét xử lý về tội tổ chức, môi

118. Nguyễn Thị Thanh Thuỳ (2023), "Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh", Tạp chí Kiểm sát, (12), tr. 24.
119. Phan Ngọc Sơn (2022), "Tội tổ chức, môi giới cho người khác XCNC hoặc ở lại Việt Nam trái phép - Một số hạn chế, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện", Tạp chí Tòa án nhân dân, (22), tr. 38.

giới cho người khác xuất cảnh hoặc trốn đi nước ngoài trái phép và tội tổ chức, môi giới cho người khác ở lại nước ngoài trái phép. Vì trường hợp này, người phạm tội thực hiện nhiều hành vi liên tục, kế tiếp nhau về thời gian và hành vi trước là tiền đề, điều kiện để thực hiện hành vi sau, do đó bị truy cứu trách nhiệm hình sự về nhiều tội tương ứng với từng hành vi nếu thỏa mãn các yếu tố của cấu thành tội phạm.

Hướng dẫn phân định xử phạt hành chính với xử lý hình sự về hành vi tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, ở lại nước ngoài, nhập cảnh, ở lại Việt Nam trái phép. Thực tế, việc xác định hành vi có tính nguy hiểm "đáng kể" có thể dựa vào một số căn cứ như: đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm; có động cơ vụ lợi; có tính chất chuyên nghiệp; có tổ chức; có mục đích trốn truy nã... Tuy nhiên, giải quyết vấn đề này như thế nào để tạo sự đồng thuận giữa các cơ quan áp dụng pháp luật là một vấn đề cần phải được tiếp tục nghiên cứu bởi bản chất hành vi tổ chức, môi giới trong các tội quy định tại Điều 348, Điều 349 BLHS đã phản ánh đầy đủ tính nguy hiểm đáng kể của tội phạm. Do đó, hướng khả thi nhất là các cơ quan áp dụng pháp luật cần sớm kiến nghị bãi bỏ quy định tại điểm d khoản 9 Điều 21 Nghị định số 282 nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tránh sự "tuỳ nghi" trong áp dụng pháp luật.

Hướng dẫn xác định thời điểm tội phạm hoàn thành theo hướng: thời điểm tội phạm hoàn thành của các tội được quy định tại Điều 348, 349 BLHS kể từ khi người phạm tội thực hiện một trong các hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm, không đòi hỏi dấu hiệu đã "qua biên giới" "nhận được lợi ích", "nhận được người" để xác định tội phạm hoàn thành. Việc xác định như trên là hoàn toàn phù hợp với lý luận khoa học pháp lý hình sự về giai đoạn thực hiện tội phạm, cấu thành tội phạm quy định tại Điều 348, Điều 349 BLHS và phù hợp với thực tiễn điều tra, xử lý các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Đồng thời, tạo sự thống nhất về nhận thức và áp dụng pháp luật, hạn chế bỏ lọt hành vi phạm tội, nâng cao hiệu quả phát hiện, ngăn chặn và xử lý tội phạm ngay từ thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện, cũng như chủ động phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn sự hình thành và phát triển của các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến chức năng, thẩm quyền Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra

Thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự cho thấy, các hạn chế trong việc thực thi chức năng, thẩm quyền của các cơ quan được giao tiến hành một số

hoạt động điều tra trong đó có lực lượng QLXNC chủ yếu bắt nguồn từ việc pháp luật thực định chưa quy định đầy đủ, rõ ràng về phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của loại chủ thể này tại Điều 40 Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành. Đặc biệt là đối với các hoạt động mang tính chuyên môn nghiệp vụ như: khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ và bảo quản vật chứng. Bên cạnh đó, Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành không quy định thẩm quyền tạm giữ người (cả hình sự và hành chính) cho lực lượng này, dẫn đến khoảng trống trong việc quản lý đối tượng, ngăn chặn việc thông cung, tiêu hủy chứng cứ - nhất là các dấu vết điện tử, mặc dù Điều 110 và Điều 117 Bộ luật Tố tụng hình sự lại giao thẩm quyền tạm giữ cho các cơ quan khác trong cùng hệ thống QLNN. Sự thiếu đồng bộ này tạo ra bất cập trong giai đoạn đầu của tố tụng, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này.

Để khắc phục các bất cập trên, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành theo hướng: (1) Bổ sung tại Điều 110 và Điều 117 thẩm quyền giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ người kèm theo cơ chế kiểm soát tư pháp chặt chẽ theo tinh thần Điều 119 nhằm bảo đảm quyền con người và ngăn ngừa lạm quyền; (2) Ban hành quy trình nghiệp vụ thống nhất, hệ thống biểu mẫu, tiêu chuẩn chức danh phục vụ thực hiện các hoạt động điều tra được giao theo đúng yêu cầu của Điều 88 về thu thập chứng cứ; (3) Đầu tư xây dựng cơ sở lưu giữ tạm thời, hạ tầng số phục vụ thu thập, bảo toàn, phục hồi dấu vết điện tử để đáp ứng yêu cầu chứng minh tội phạm trong bối cảnh số hóa. Khi được triển khai đồng bộ, hệ giải pháp này sẽ tạo dựng hành lang pháp lý đầy đủ, nâng cao năng lực điều tra ban đầu và qua đó tăng cường hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Hoàn thiện các quy định pháp luật khác tạo cơ sở pháp lý cho công tác phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Trước thực tiễn tình hình các tội phạm về XNC diễn biến hết sức phức tạp, nguy hiểm việc cần sớm nghiên cứu, xây dựng Dự thảo "*Luật Phòng, chống xuất nhập cảnh trái phép"* là yêu cầu cấp thiết nhằm tạo lập khuôn khổ pháp lý thống nhất, chuyên biệt để nâng cao hiệu quả phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Một đạo luật riêng sẽ cho phép quy định rõ phạm vi hành vi bị nghiêm cấm, chế tài xử lý, cơ chế phối hợp liên ngành, thẩm quyền của lực lượng chức năng và các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ theo hướng cụ thể hơn so với các quy định hiện hành vốn đang phân tán trong nhiều đạo luật khác nhau. Nghiên

cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đã ban hành những đạo luật chuyên biệt để ngăn chặn, kiểm soát di cư, XNC trái phép như: Luật Immigration and Nationality Act (Mỹ, 1952), Illegal Migration Act (Anh, 2023)... Các đạo luật này đã quy định đầy đủ cơ chế điều tra, quản lý, tạm giữ, xử lý người tổ chức và người di cư trái phép, đồng thời thiết lập hệ thống thông tin tích hợp phục vụ nhận diện, phân tích rủi ro. Việc tham khảo mô hình lập pháp của các quốc gia này tạo cơ sở khoa học cho Việt Nam trong việc xây dựng một đạo luật có tính khả thi, tương thích với chuẩn mực quốc tế và phù hợp với bối cảnh di cư khu vực. Khi được ban hành và triển khai đồng bộ *"Luật Phòng, chống xuất nhập cảnh trái phép"* sẽ góp phần khắc phục những khoảng trống pháp lý hiện nay, tăng cường năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý tội phạm, đồng thời bảo đảm ANQG trong điều kiện mở cửa và hội nhập sâu rộng.

Bên cạnh đó, để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng, chống các tội phạm về XNC, các cơ quan có thẩm quyền cần đẩy mạnh xây dựng, ký kết và nội luật hóa các điều ước quốc tế song phương, đa phương về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có việc tham gia Nghị định thư chống đưa người di cư trái phép (Smuggling of Migrants Protocol, 2000). Việc tham gia Nghị định thư chống đưa người di cư trái phép là cần thiết và phù hợp với xu thế hội nhập, hợp tác toàn cầu trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Đây cơ sở pháp lý quan trọng để tăng cường hợp tác quốc tế về dẫn độ, tương trợ tư pháp, trao đổi thông tin, cũng như phối hợp điều tra, xử lý các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết về nhân quyền, di cư an toàn và hợp pháp. Tuy nhiên, việc gia nhập Nghị định thư cũng đặt ra áp lực trong việc phải nội luật hóa các quy định của công ước, bổ sung nguồn lực, cơ chế bảo vệ người di cư hợp pháp, bảo đảm ANQG, trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần có sự nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng để vừa đáp ứng cam kết quốc tế, vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam nhằm phòng ngừa hiệu quả với các tội phạm về XNC.

3.2.3. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa chung nhằm loại trừ các nguyên nhân phát sinh các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Nghiên cứu thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN cho thấy, các biện pháp phòng ngừa xã hội, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong việc giải

quyết các vấn đề gốc rễ là nguyên nhân, điều kiện phát sinh loại tội phạm này. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với loại tội phạm này vẫn cho thấy những hạn chế, thiếu sót nhất định, làm giảm hiệu quả của hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Do đó, để nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện cần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức, triển khai các biện pháp phòng ngừa xã hội, trong đó cần tập trung vào các vấn đề trọng tâm sau:

Thực hiện hiệu quả các biện pháp kinh tế - xã hội nhằm triệt tiêu nguyên nhân gốc rễ của các tội phạm về CNC do CDVN thực hiện

Nguyên nhân kinh tế - xã hội là những yếu tố cơ bản, chi phối trực tiếp đến nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XNC. Vì vậy, việc triển khai các biện pháp kinh tế - xã hội trong PNTP cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, gắn giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm bền vững, bảo đảm an sinh xã hội với yêu cầu kiểm soát các yếu tố kinh tế - xã hội là nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Dưới góc độ thuyết lựa chọn hợp lý, các yếu tố kinh tế - xã hội không chỉ tạo ra sức ép về việc làm, thu nhập và di cư mà còn có thể tác động đến sự cân nhắc của các đối tượng giữa kỳ vọng lợi ích, chi phí, rủi ro giữa việc lựa chọn XNC hợp pháp hoặc bất hợp pháp. Đồng thời, từ việc nghiên cứu thuyết cơ hội phạm tội cũng cho thấy, việc tạo lập cơ hội sinh kế, di cư hợp pháp có ý nghĩa thu hẹp môi trường, "thị trường", nhóm đối tượng mà các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép có thể khai thác, móc nối. Do đó, các biện pháp kinh tế - xã hội không chỉ hướng đến hỗ trợ, giải quyết khó khăn trước mắt mà cần tập trung nâng cao năng lực tự chủ về kinh tế, mở rộng cơ hội phát triển và tạo lập sinh kế ổn định, hợp pháp cho người dân, nhất là tại các khu vực, địa bàn có nguy cơ cao phát sinh tội phạm, trong đó cần tập trung vào một số nội dung sau:

Đổi mới tư duy phát triển kinh tế theo hướng lấy người dân làm trung tâm, gắn phát triển kinh tế với tạo việc làm bền vững, thu hẹp chênh lệch vùng, miền nhằm hạn chế các nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XNC. Các cấp, các ngành cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, bình đẳng, thuận lợi nhằm phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình trong tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Việc

phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ và các ngành kinh tế mới cần gắn với quy hoạch phát triển vùng, khai thác lợi thế, nguồn lực của từng địa phương nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lao động tại chỗ, tránh tình trạng phát triển thiếu liên kết, phân tán hoặc chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh tế mà chưa quan tâm tương xứng đến chất lượng việc làm và khả năng thụ hưởng của người dân.

Đặc biệt, đối với các địa bàn biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nơi có nguy cơ cao phát sinh các tội phạm về XNC, cần tập trung xây dựng các mô hình phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, trình độ lao động và khả năng tiếp cận thị trường của từng địa phương. Tăng cường đẩy mạnh liên kết giữa hộ gia đình với hợp tác xã, doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, cũng như phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đặc sản, kinh tế rừng, kinh tế cửa khẩu, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và các ngành nghề truyền thống có tiềm năng. Chẳng hạn, kinh nghiệm triển khai các mô hình phát triển kinh tế theo chuỗi giá trị từ mô hình Hợp tác xã dệt thổ cẩm Hoa Tiến, tỉnh Nghệ An; mô hình phát triển hợp tác xã gắn với sản phẩm đặc trưng tại Vân Hồ, Sơn La... cho thấy, việc thiết lập cơ chế liên kết giữa nhóm sản xuất, hợp tác xã với doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, cơ quan hỗ trợ kỹ thuật đã góp phần nâng cao khả năng tiếp cận vốn, khoa học - công nghệ và thị trường, từng bước tạo việc làm, cải thiện thu nhập và tăng tính bền vững sinh kế của người dân bản địa[120]. Dưới góc độ thuyết lựa chọn hợp lý, việc tạo ra sinh kế ổn định ngay tại địa bàn giúp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, qua đó làm giảm sức hấp dẫn tương đối của việc lựa chọn XNC trái phép vì mục đích kinh tế, việc làm, thu nhập. Đồng thời, khi người dân có thêm các cơ hội việc làm, thu nhập và phát triển kinh tế hợp pháp thì sẽ thu hẹp nhóm đối tượng có nhu cầu XNC trái phép, qua đó đẩy lùi, triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện phạm tội các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Do đó, Nhà nước cũng cần có những cơ chế đặc thù hỗ trợ về đất đai, thuế, tín dụng, khoa học - công nghệ, đào tạo kỹ năng quản trị và xúc tiến thương mại để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các địa bàn khó khăn, tham gia liên kết sản xuất, bao tiêu sản

120. World Bank Group (2019), "Opening Up Markets and Opportunities for Ethnic Minorities in Vietnam's Poorest Provinces", https://www.worldbank.org/en/results/2019/06/11/opening-up-markets-and-opportunities-for-ethnic-minorities-in-vietnams-poorest-provinces_source.com, truy cập ngày 13/6/2026.

phẩm. Chuyển đổi từ mô hình hỗ trợ mang tính ngắn hạn sang phát triển sinh kế có khả năng tự duy trì, làm giảm sự phụ thuộc của người dân vào các nguồn thu nhập thụ động, góp phần hạn chế các nguy cơ bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề, hướng nghiệp và phát triển nguồn nhân lực gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Thực tiễn cho thấy, hạn chế về trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ và khả năng tiếp cận thông tin việc làm là một trong những nguyên nhân làm giảm cơ hội lựa chọn việc làm hợp pháp, ổn định của một bộ phận người dân, dẫn đến việc tin theo những lời hứa hẹn về việc làm, thu nhập cao ở nước ngoài và bị lôi kéo tham gia các hoạt động XNC trái phép. Do đó, cần chuyển mạnh từ đào tạo nghề theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế của từng vùng, từng địa phương. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thực hành và tuyển dụng sau đào tạo. Chú trọng đào tạo các ngành, nghề có nhu cầu lao động cao, đồng thời nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng số, kỹ năng nghề nghiệp và hiểu biết pháp luật cho người lao động. Đối với các địa bàn có nhiều công dân đi làm việc ở nước ngoài, cần xây dựng các chương trình hướng nghiệp, đào tạo nghề và đào tạo ngoại ngữ chuyên biệt, giúp người dân có đủ năng lực tiếp cận các thị trường lao động chính thức, hạn chế việc tìm kiếm cơ hội việc làm thông qua môi giới tự phát hoặc các tổ chức không có chức năng. Cùng với đó, cần phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động thống nhất, liên thông giữa trung ương và địa phương, công khai, minh bạch về thông tin nhu cầu tuyển dụng, điều kiện làm việc, mức thu nhập, chi phí, quyền và nghĩa vụ của người lao động ở trong nước và nước ngoài để người dân có cơ sở lựa chọn việc làm phù hợp. Đặc biệt, việc phát triển nguồn nhân lực cần được gắn với chiến lược phát triển các ngành kinh tế mới, kinh tế số, kinh tế xanh, công nghiệp văn hóa và các lĩnh vực có khả năng tạo ra nhiều việc làm, qua đó mở rộng cơ hội việc làm hợp pháp, đa dạng hóa nguồn thu nhập và giảm áp lực phải xuất cảnh vì mục đích kinh tế. Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào vùng khó khăn, sử dụng lao động tại chỗ và tham gia đào tạo nghề, hỗ trợ một phần chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp đối với người

lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm có nguy cơ cao dễ bị lôi kéo tham gia các đường dây XNC trái phép.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh xuất khẩu lao động hợp pháp ở nước ngoài, coi đây là giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, vừa trực tiếp loại trừ nguyên nhân phát sinh các tội phạm về XNC. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu ra nước ngoài học tập, lao động, du lịch và định cư của công dân tiếp tục gia tăng. Dưới góc độ thuyết lựa chọn hợp lý, việc mở rộng các kênh di cư hợp pháp có ý nghĩa làm thay đổi nhận thức trong tính toán, lựa chọn của người có nhu cầu ra nước ngoài: khi con đường hợp pháp trở nên dễ tiếp cận, minh bạch, có chi phí và thời gian phù hợp, lợi ích của việc lựa chọn phương thức trái pháp luật sẽ giảm tương đối. Ngoài ra, việc phát triển các kênh di cư an toàn, hợp pháp làm giảm nhu cầu sử dụng dịch vụ bất hợp pháp, qua đó thu hẹp "thị trường" và cơ hội hoạt động của các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Do đó, các cơ quan chức năng cần tăng cường hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường lao động, hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, đào tạo, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và quản lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế liên thông, minh bạch giữa cơ quan QLNN, doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cơ sở đào tạo và chính quyền địa phương nhằm kiểm soát chặt chẽ quá trình tuyển chọn, đào tạo, ký kết hợp đồng, xuất cảnh và quản lý người lao động, kịp thời cảnh báo các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu môi giới trái phép. Chẳng hạn, kinh nghiệm từ chương trình đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo cơ chế hợp tác chính phủ, tiêu biểu là chương trình "EPS - Employment Permit System" của Bộ Việc làm và Lao động Hàn Quốc phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam (nay là Bộ Nội vụ) cho thấy việc tuyển chọn, đào tạo, đưa lao động ra nước ngoài theo cơ chế hợp tác chính thức đã góp phần hạn chế đáng kể tình trạng lao động Việt Nam nhập cảnh và cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc[121]. Từ đó cho thấy, việc phát triển các "kênh di cư an toàn, hợp pháp" không chỉ tạo cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập mà còn góp phần thu hẹp "thị trường" hoạt động của các đường dây tổ chức, môi giới XCNC trái phép.

121. Huỳnh Như (2026), "Hàn Quốc công bố kế hoạch tiếp nhận lao động EPS năm 2026", https://nld.com.vn/han-quoc-cong-bo-ke-hoach-tiep-nhan-lao-dong-eps-nam-2026-196260118145531365.htm, truy cập ngày 13/3/2026.

Đổi mới phương thức thực hiện chính sách giảm nghèo theo hướng giảm nghèo đa chiều, bền vững, gắn kết chặt chẽ với phát triển sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Các chính sách hỗ trợ cần khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo, thiếu liên kết và chuyển từ hỗ trợ mang tính thụ động sang hỗ trợ có điều kiện, khuyến khích người dân chủ động phát triển sản xuất, kinh doanh và nâng cao năng lực tự chủ về kinh tế. Đặc biệt, đối với các khu vực nông thôn, biên giới miền núi là địa bàn có tỷ lệ người dân đi lao động, cư trú ở nước ngoài cao, cần ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế, hỗ trợ phát triển các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Trên cơ sở đó, cần tổng kết, đánh giá và lựa chọn các mô hình có hiệu quả để nhân rộng, đồng thời gắn việc hỗ trợ phát triển sinh kế với tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nhận diện nguy cơ bị lôi kéo tham gia các đường dây XNC trái phép.

Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hệ thống chính sách an sinh xã hội theo hướng bao trùm, chủ động và có khả năng phòng ngừa rủi ro xã hội từ sớm, từ xa. Việc triển khai các chính sách an sinh xã hội cần được thực hiện trên cơ sở tích hợp, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan QLNN và chính quyền địa phương nhằm xác định đúng đối tượng, kịp thời phát hiện các nhóm có nguy cơ cao và bảo đảm nguồn lực hỗ trợ được phân bổ đúng mục tiêu. Đồng thời, cần kết hợp chính sách hỗ trợ trực tiếp với các biện pháp tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ vay vốn và phát triển sinh kế. Đối với những địa bàn có nguy cơ cao phát sinh các tội phạm về XNC, việc đánh giá hiệu quả chính sách an sinh xã hội cần được bổ sung các tiêu chí phản ánh mức độ cải thiện việc làm, thu nhập, khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội, tình trạng di cư tự phát và nguy cơ bị lôi kéo tham gia các hoạt động XNC trái phép. Vì vậy, cần tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách về giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, nhà ở... nhất là với hộ nghèo, hộ cận nghèo, người lao động mất việc làm, người dân tại khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Nghiên cứu thực trạng tại Chương 2 cho thấy, hạn chế về nhận thức và hiểu biết pháp luật là một trong những nguyên nhân làm gia tăng nguy cơ công dân bị lôi kéo, dụ dỗ tham gia hoặc tiếp tay cho các hoạt động XNC trái phép. Trong khi đó,

công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống loại tội phạm này vẫn còn những hạn chế nhất định về nội dung và phương thức thực hiện. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó cần tập trung vào một số nội dung sau:

Về nội dung, công tác tuyên truyền phải được xây dựng theo hướng cụ thể, dễ hiểu, sinh động, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn. Trong đó, tập trung vào các nội dung cốt lõi như: nhận diện về âm mưu, phương thức, thủ đoạn của các tội phạm về XNC, đặc biệt là các thủ đoạn lợi dụng khoa học - kĩ thuật, mạng Internet, mạng xã hội để móc nối, tổ chức, môi giới XNC trái phép; tuyên truyền về hậu quả, trách nhiệm pháp lý phải gánh chịu khi thực hiện các tội phạm về XNC và các rủi ro, hậu quả phải đối mặt khi thực hiện hành vi XNC trái phép (bị cưỡng bức, bóc lột về sức khỏe, xâm phạm về tính mạng...); cập nhật các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về công tác QLXNC, cũng như chương trình, kế hoạch liên quan các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, hợp tác quốc tế trong xuất khẩu lao động, hỗ trợ vốn trong sản xuất, kinh doanh; nâng cao tinh thần cảnh giác, phát huy sức mạnh, tính tích cực của quần chúng nhân dân trong phòng, chống, tố giác tội phạm; xây dựng các mô hình, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong phòng, chống các tội phạm về XNC; vận động người dân tham gia tích cực các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tố giác tội phạm.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống các tội phạm về XNC cũng cần xác định diện đối tượng trọng tâm, trọng điểm, trong đó tập trung vào những người có khả năng, nhu cầu trốn đi nước ngoài hoặc có khả năng bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép. Chẳng hạn như: đối tượng là nam giới có độ tuổi từ 25 - 45 tuổi, diện có nhu cầu XCNC để lao động, cư trú ở nước ngoài cao nhất; lao động tự do, thiếu việc làm, thất nghiệp, diện đối tượng có nhu cầu XNC trái phép hoặc có khả năng bị móc nối, lôi kéo thực hiện các tội phạm về XNC; đồng bào là người dân tộc thiểu số nhất tại khu vực biên giới, nơi có trình độ dân trí còn có phần hạn chế, thường có sự giao thương, thân tộc, dòng tộc với các nước láng giềng... Ngoài ra, cần tập trung vào các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện các hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài xuất khẩu lao động, học tập, du lịch. Với những diện đối tượng trên cần tập trung tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật trên lĩnh vực XNC; thông

tin về chính sách việc làm, xuất khẩu lao động, hỗ trợ vốn trong sản xuất kinh doanh; hậu quả, trách nhiệm pháp lý của hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép.

Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện cần khai thác triệt để các phương pháp, cách thức vừa có thể tác động rộng rãi đến các tầng lớp nhân dân nhưng cũng cần có những cách thức phù hợp, hiệu quả với diện đối tượng trọng tâm, trọng điểm như: tập trung tuyên truyền qua các kênh truyền thông tại chúng (đài truyền hình, đài phát thanh...) để tác động, tiếp cận rộng rãi, đông đảo quần chúng; đặc biệt trong thời kỳ cách mạng số 4.0 cần khai thác ưu thế của các nền tảng xã hội, nền tảng số (facebook, zalo, tiktok...) để tiếp cận đông đảo tầng lớp nhân dân với thông tin sinh động, ngắn gọn, súc tích; lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thông qua hội thảo, tọa đàm, tư vấn pháp luật, sinh hoạt cộng đồng tại cơ sở giáo dục, trung tâm dạy nghề, cũng như tại các địa bàn trọng điểm như vùng biên giới, nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia đã xây dựng mô hình truyền thông - giáo dục pháp luật hiện đại, đa tầng và dựa trên phân tích rủi ro. Điển hình như, tại Úc và New Zealand sử dụng chiến dịch truyền thông quốc gia theo hướng "deterrence communication", công bố công khai các bản án, mức phạt và hậu quả pháp lý đối với hành vi tổ chức đưa người ra nước ngoài trái phép, đồng thời cung cấp đường dây nóng tư vấn để ngăn chặn hành vi phạm tội từ sớm[122]. Qua đó cho thấy, công tác tuyên truyền pháp luật chỉ đạt hiệu quả cao khi được thiết kế dựa trên nhu cầu thực tiễn, ứng dụng công nghệ thông tin và gắn với hoạt động hỗ trợ pháp lý - xã hội, đây là kinh nghiệm quan trọng mà Việt Nam nên nghiên cứu, ứng dụng nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Đặc biệt, trong kỷ nguyên số của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc ứng dụng, khai thác các thành tựu khoa học - công nghệ, nền tảng số trong tuyên truyền, phòng ngừa di cư và XNC trái phép ngày càng đóng vai trò quan trọng. Nhiều quốc gia đã tận dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông số, mạng xã hội và hệ thống dữ liệu trực tuyến để truyền tải nhanh chóng các thông tin cảnh báo rủi ro, phổ biến quy định pháp luật cũng như cung cấp các kênh di cư hợp pháp cho người

122. https://heinonline.org/HOL/LandingPage?handle=hein.journals/flsulr46&div=12&id=&page=, truy cập ngày 25/11/2025.

dân như: Mô hình chiến dịch truyền thông số "Safe Migration Campaign" triển khai tại nhiều quốc gia Châu Á và Châu Phi; Mô hình ứng dụng di động cung cấp thông tin di cư hợp pháp tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương; Mô hình phân tích dữ liệu mạng xã hội để phát hiện sớm nguy cơ, hoạt động di cư trái phép tại các nước Châu Âu; Mô hình truyền thông cộng đồng kết hợp nền tảng số tại một số quốc gia Đông Nam Á... Chẳng hạn, Chiến dịch truyền thông số về di cư an toàn do International Organization for Migration (IOM) triển khai tại nhiều quốc gia châu Á và châu Phi, bằng việc sử dụng các nền tảng mạng xã hội và công nghệ truyền thông số để truyền tải thông tin cảnh báo về rủi ro của di cư trái phép thông qua video ngắn, infographic, podcast và các câu chuyện thực tế của nạn nhân[123]. Những nội dung này được thiết kế phù hợp với nhóm đối tượng có nhu cầu cao về di cư lao động hoặc dễ bị móc nối, lôi kéo tham gia các đường dây XNC trái phép và được đăng tải trên các nền tảng phổ biến như Facebook, YouTube và TikTok. Từ kinh nghiệm này cho thấy, công tác tuyên truyền chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được thiết kế, kết hợp với ứng dụng công nghệ số và gắn với các hoạt động hỗ trợ pháp lý, xã hội. Đây là những kinh nghiệm quan trọng mà Việt Nam có thể tham khảo, vận dụng nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

3.2.4. Nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Phòng ngừa nghiệp vụ là hoạt động do các cơ quan chuyên trách trong phòng, chống tội phạm thực hiện nhằm trực tiếp phát hiện, ngăn chặn, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Kết quả nghiên cứu tại Chương 2 của luận án cho thấy, các lực lượng chuyên trách đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, phương tiện nhằm phòng ngừa các tội phạm về XNC từ sớm, từ xa. Tuy nhiên, do những hạn chế cả về cơ chế, điều kiện khách quan và chủ quan, công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn tồn tại những kẽ hở nhất định, tạo điều kiện để các đối tượng lợi dụng tổ chức, môi giới thực hiện các tội phạm về XNC. Do đó, để nâng cao hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này, thời gian tới cần tập trung thực hiện một số định hướng cơ bản sau:

123. Thu Trang (2024), "IOM Chief of Mission: Vietnam has been very active on promoting safe migration", https://en.baoquocte.vn/iom-chief-of-mission-vietnam-has-been-very-active-on-promoting-safe-migration-276479.html?, truy cập ngày 13/3/2026.

Nâng cao hiệu quả QLNN về XNC của CDVN

Thời gian qua các cơ quan chức năng đã triển khai nhiều biện pháp QLNN đối với hoạt động XNC, góp phần phát hiện sớm hành vi VPPL, đồng thời từng bước ngăn chặn tội phạm từ xa. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc nâng cao hiệu quả QLNN về XNC vừa mang tính cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược đối với công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Nhìn nhận, dưới góc độ thuyết cơ hội phạm tội có thể thấy rằng, hiệu quả QLNN không chỉ được đánh giá ở khả năng quản lý đúng quy định mà còn ở khả năng thu hẹp những không gian, tuyến, phương thức và khoảng trống quản lý mà các đối tượng có thể lợi dụng để tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, theo thuyết hoạt động thường nhật, khi hoạt động XNC ngày càng gia tăng nếu năng lực giám sát, kiểm tra và kiểm soát không theo kịp sẽ hình thành những khoảng trống kiểm soát, tạo điều kiện để người có động cơ phạm tội tiếp cận, tổ chức cho người khác XNC trái phép. Do đó, để thực hiện tốt công tác này, thời gian tới các cơ quan chức năng cần triển khai, đẩy mạnh thực hiện tốt các nội dung sau:

Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động XCNC của CDVN trên tất cả các tuyến, đặc biệt là những địa bàn biên giới phức tạp về an ninh trật tự, tuyến biên giới, đường sông, đường mòn, lối mở nơi còn nhiều hạn chế, khó khăn để triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp trong đấu tranh, phòng ngừa các tội phạm về XNC. Để thực hiện hiệu quả hoạt động này, các lực lượng chức năng cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ giám sát, kiểm soát biên giới (hệ thống giám sát camera, radar, cảm biến hay máy bay không người lái) nhằm tăng cường khả năng giám sát từ xa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi tổ chức XNC, vượt biên trái phép[124]. Thực tiễn cho thấy nhiều quốc gia đã triển khai hiệu quả mô hình "Smart Border" (biên giới thông minh) trong quản lý, phát hiện, kiểm soát các hành vi XNC trái phép. Chẳng hạn tại Hoa Kỳ, Cơ quan Hải quan và Biên phòng Mỹ (CBP) đã triển khai hệ thống tháp giám sát tích hợp radar và camera hồng ngoại tại khu vực biên giới nhằm phát hiện sớm các hoạt động vượt biên trái phép, việc ứng dụng công nghệ giám sát hiện đại có vai trò quan trọng trong phòng ngừa các tội phạm về XNC từ sớm, từ xa[125].

124. Cẩm Linh (2025), "Áp dụng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ biên giới", https://www.bienphong.com.vn/ap-dung-cong-nghe-hien-dai-de-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-quan-ly-bao-ve-bien-gioi-post488063.html, truy cập ngày 25/9/2025.

125. Trần Quyên (2020), "Mỹ lắp đặt hệ thống giám sát bằng AI tại biên giới với Mexico", https://baotintuc.vn/quan-su/ my-lap-dat-he-thong-giam-sat-bang-ai-tai-bien-gioi-voi-mexico-20200703142527390.htm, truy cập ngày 12/3/2026.

Tăng cường QLNN đối với các hoạt động liên quan đến việc đưa CDVN ra nước ngoài. Thực tiễn cho thấy nhiều trường hợp cá nhân, tổ chức đã lợi dụng các danh nghĩa công khai hợp pháp để tổ chức cho CDVN cư trú, lao động bất hợp pháp ở nước ngoài hoặc tìm cách để trung chuyển sang nước thứ ba. Kế thừa những giá trị từ thuyết cơ hội phạm tội có thể luận giải rằng, các hoạt động đưa người ra nước ngoài bằng danh nghĩa hợp pháp có thể trở thành "vỏ bọc" tạo cơ hội cho hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép nếu thiếu cơ chế kiểm tra và hậu kiểm phù hợp. Do đó, hoạt động QLNN đối với hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài không nên chỉ dừng lại ở việc quản lý, kiểm soát trong nước mà phải kiểm soát cả quá trình khép kín từ trong nước đến khi CDVN ra nước ngoài và nhập cảnh về nước. Việt Nam có thể nghiên cứu kinh nghiệm từ Hàn Quốc và Nhật Bản trong quản lý hoạt động đưa lao động ra nước ngoài. Theo đó, các doanh nghiệp phải cử lao động đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực, tài chính, ký quỹ và chịu trách nhiệm quản lý người lao động trong suốt quá trình làm việc ở nước ngoài. Đồng thời, áp dụng cơ chế kiểm soát chặt chẽ tới các cơ quan, tổ chức này bằng cách yêu cầu phải có văn phòng đại diện hợp pháp tại nước sở tại để hạn chế tình trạng bỏ trốn, cư trú bất hợp pháp ở nước ngoài. Cùng với đó, siết chặt công tác quản lý nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam nhằm kịp thời phát hiện các hành vi tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh, cư trú trái phép. Các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra, rà soát tại các cơ sở lưu trú, khách sạn, khu căn hộ cho thuê để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm, tăng cường phòng ngừa từ sớm, từ xa các hành vi VPPL trên lĩnh vực XNC.

Bên cạnh đó, cần tăng cường nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để kịp thời hoàn thiện hệ thống pháp luật và các chính sách QLNN về XNC, đánh giá tình hình tội phạm, phát hiện các phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm để xây dựng các kế hoạch, biện pháp phòng ngừa phù hợp. Trong thực tiễn quốc tế, nhiều quốc gia đã thiết lập cơ chế phân tích dữ liệu và dự báo rủi ro di cư. Chẳng hạn, các nước thuộc Liên minh châu Âu thông qua cơ quan Frontex đã xây dựng hệ thống phân tích rủi ro di cư (Migration Risk Analysis) nhằm đánh giá xu hướng di cư bất hợp pháp, từ đó hỗ trợ các quốc gia thành viên xây dựng chính sách quản lý biên giới hiệu quả. Đây là kinh nghiệm quan trọng để Việt Nam nghiên cứu xây dựng hệ thống phân tích dữ liệu và dự báo nguy cơ liên quan đến hoạt động XNC trái phép[126].

126. "Frontex Releases Annual Risk Analysis for 2024/2025: Navigating Complex Challenges", https://www.frontex.europa.eu/media-centre/news/news-release/frontex-releases-annual-risk-analysis-for-2024-2025-navigating-complex-challenges-tO044z, truy cập ngày 11/3/2026.

Tăng cường nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để kịp thời hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách QLXNC; đánh giá tình hình tội phạm, phát hiện âm mưu, phương thức, thủ đoạn mới để xây dựng, đề xuất các kế hoạch, biện pháp tăng cường QLNN và phòng chống VPPL trên lĩnh vực XNC.

Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong QLXNC để kịp thời phát hiện các hành vi XCNC trái phép. Đây là vấn đề phải đặc biệt quan tâm bởi trong thời kỳ cách mạng số 4.0 các đối tượng đã không ngừng lợi dụng khoa học, kỹ thuật, thiết bị điện tử để thực hiện các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép. Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm từ Singapore, một điển hình khi áp dụng hệ thống "Smart Border Control" với hộ chiếu điện tử, dữ liệu sinh trắc học, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia trong kiểm soát, QLXNC. Vì vậy, thời gian tới cần nhanh chóng phát triển hệ thống thông tin, kết nối dữ liệu XNC giữa 34 địa phương, giữa lực lượng QLXNC của Bộ Công an với lực lượng Bộ đội Biên phòng; triển khai hệ thống khai báo, tiếp nhận, quản lý thông tin tạm trú trên nền tảng Internet; tiếp nhận, xử lý tờ khai điện tử đề nghị cấp hộ chiếu điện tử; kết nối, khai thác dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác QLXNC nhằm phát hiện, ngăn chặn hành vi làm giả giấy tờ, nhận dạng giả mạo trong XCNC góp phần phòng ngừa các tội phạm về XNC từ sớm, từ xa.

Tăng cường công tác QLNN đối với các hoạt động liên quan đến đưa CDVN ra nước ngoài, đặc biệt là khâu "hậu kiểm". Các cơ quan chức năng cần thường xuyên rà soát, thống kê, cập nhật các đơn vị, tổ chức có hoạt động đưa CDVN ra nước ngoài (du học, du lịch, thăm thân...). Thực hiện hiệu quả các hoạt động thanh tra, kiểm tra đột xuất, thường xuyên tại các cơ sở này để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm, từ đó đưa ra các kiến nghị, hướng dẫn để các cơ quan, tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động này, chẳng hạn: kiến nghị các doanh nghiệp nước ngoài trong tuyển dụng lao động tại Việt Nam phải có văn phòng hoặc người đại diện tại Việt Nam; quy định về việc khai báo, cung cấp số liệu cho các cơ quan chức năng về việc đưa CDVN ra nước ngoài phục vụ hiệu quả công tác quản lý, thống kê, kiểm soát. Việc tăng cường "hậu kiểm" cần được nhìn nhận như một cơ chế duy trì sự hiện diện của chủ thể kiểm soát trong toàn bộ chuỗi hoạt động XNC, tránh tình trạng khoảng trống kiểm soát xuất hiện sau khi đưa được CDVN ra nước ngoài. Bên cạnh đó, thường xuyên tiến hành kiểm tra

công tác khai báo tạm trú cho người nước ngoài, rà soát các hoạt động lưu trú, cư trú tại các cơ sở lưu trú... kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp XNC, lưu trú trái phép. Từ đó, mở rộng điều tra, phát hiện các hành vi tổ chức, môi giới cho người khác XCNC, cư trú bất hợp pháp tại Việt Nam để xây dựng phương án, kế hoạch phòng ngừa hiệu quả các tội phạm trên lĩnh vực này.

Tăng cường điều tra, xử lý các các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Công tác điều tra, xử lý không chỉ có ý nghĩa trực tiếp trong việc phát hiện, ngăn chặn và trấn áp đối tượng phạm tội, mà còn đóng vai trò răn đe, cảnh tỉnh, phòng ngừa từ sớm, từ xa, đồng thời góp phần làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, cung cấp dữ liệu cho công tác dự báo và hoạch định chính sách phòng ngừa. Theo thuyết lựa chọn hợp lý, hiệu quả của hoạt động điều tra, xử lý tội phạm còn thể hiện ở việc làm thay đổi nhận thức, răn đe tính thượng tôn pháp luật và hậu quả, trách nhiệm pháp lý đối với hành vi phạm tội so với những lợi ích vật chất mà họ có thể thu lợi được từ hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép. Đồng thời, theo thuyết cơ hội phạm tội, việc nâng cao hiệu quả điều tra mở rộng, làm rõ các phương thức, thủ đoạn, đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép còn có tác dụng phá vỡ những điều kiện duy trì cơ hội phạm tội, thay vì chỉ xử lý cá nhân thực hiện hành vi ở khâu cuối. Do đó, việc tăng cường năng lực điều tra, xử lý các tội phạm về XNC là giải pháp mang tính then chốt, cần triển khai đồng bộ các nội dung sau:

Nâng cao hiệu quả điều tra ban đầu, xử lý kịp thời các vụ án về XCNC do CDVN thực hiện. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền lực lượng QLXNC khi phát hiện hoặc tiếp nhận vụ việc có dấu hiệu tội phạm cần chủ động tiến hành kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, nhanh chóng khởi tố vụ án hình sự theo đúng quy định để các đối tượng không có cơ hội tẩu tán, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong suốt quá trình khởi tố, điều tra ban đầu nhất là trong đánh giá tài liệu, chứng cứ, căn cứ khởi tố, bảo đảm thực hiện đúng quy định. Sau khi khởi tố vụ án hình sự cần nhanh chóng tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu như: khám xét, khám nghiệm hiện trường, thu giữ, tạm giữ, bảo quản vật chứng, triệu tập, lấy lời khai... Đặc biệt trong thu giữ phương tiện, thiết bị điện tử nhằm phục vụ hiệu quả quá trình điều tra, làm rõ vụ án, đấu tranh trực diện đối tượng, mở rộng điều tra. Khi xác định được các đối tượng trong đường dây tổ chức, môi giới XNC trái phép cần phối hợp với các lực

lượng trong và ngoài ngành để thực hiện các biện pháp ngăn chặn không để các đối tượng tẩu tán, tiêu hủy được tài liệu, chứng cứ hay trốn ra nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả điều tra, xử lý tội phạm, thu hẹp phần ẩn của tình hình tội phạm.

Triển khai hiệu quả các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và một số hoạt động điều tra cụ thể để ngăn chặn tội phạm. Thực tiễn cho thấy, công tác điều tra, xử lý loại tội phạm này gặp rất nhiều khó khăn trong xác định nhân thân người phạm tội; xây dựng hồ sơ, lập biên bản, xác minh tin ban đầu; thu thập tài liệu, chứng cứ dữ liệu điện tử. Việc triển khai hiệu quả các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và một số hoạt động điều tra không chỉ kịp thời điều tra, xử lý tội phạm mà còn góp phần ngăn chặn không để cho tội phạm tiếp diễn hoặc hạn chế hậu quả của tội phạm. Trong đó cần chú trọng vào một số vấn đề sau: đối với công tác bắt, khám xét phải kịp thời thu thập tài liệu, chứng cứ góp phần điều tra, xử lý hiệu quả tội phạm. Loại tội phạm này diễn ra trên phạm vi rộng, liên quan nhiều địa bàn, đối tượng cả trong và ngoài nước nên phải xây dựng kế hoạch bắt, khám xét cụ thể, chi tiết với nhiều phương án khác nhau và có sự phối hợp đồng bộ với các lực lượng chức năng. Chẳng hạn, với vụ việc bắt quả tang phải khẩn trương lấy lời khai, khám xét để mở rộng điều tra, kịp thời thu giữ các tài liệu, chứng cứ nhất là dữ liệu trong thiết bị di động, tài khoản mạng xã hội, Internet... Từ đó, tính toán, lựa chọn biện pháp xác minh, truy bắt kịp thời không để cho các đối tượng tẩu tán, tiêu hủy hay bỏ trốn, tạo thuận lợi cho công tác mở rộng điều tra, xử lý tội phạm; đối với công tác hỏi cung phải chú trọng nghiên cứu nhân thân, tư tưởng, đặc điểm tâm lý của từng đối tượng để có phương án, chiến thuật hỏi cung phù hợp nhằm đấu tranh trực diện, cũng như cảm hóa, giáo dục đối tượng phạm tội. Quá trình hỏi cung phải phân tích, giải thích các quy định của pháp luật, chỉ ra hậu quả, tác hại của những hành vi XNC trái phép hay tổ chức, môi giới cho người khác XNC trái phép, khơi dậy phẩm chất tâm lý tích cực để họ không tái phạm; đối với công tác phát hiện, điều tra ban đầu cần sớm xác minh, điều tra khi xác định rõ đối tượng cầm đầu, khống chế liên lạc, kiểm tra khai thác đồ vật, tài liệu, thiết bị điện tử để xác định đối tượng liên quan, mở rộng chuyên án.

Tăng cường công tác thống kê hình sự, sơ kết tổng kết công tác điều tra, nghiên cứu chuyên đề liên quan đến các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Công tác thống kê hình sự có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá tình hình tội phạm,

thực trạng, hiệu quả phòng ngừa, rút ra các đặc điểm mang tính quy luật, đưa ra dự báo, xu hướng của tình hình tội phạm để đề xuất các biện pháp, kế hoạch phòng ngừa phù hợp. Do đó, công tác thống kê hình sự phải bảo đảm số liệu chính xác, tin cậy về mặt hành chính qua các biểu mẫu, phiếu và sổ sách thống kê, đồng thời phải xây dựng được đầy đủ hệ thống các tiêu chí thống kê là cơ sở cho việc tìm ra nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Ngoài ra, công tác thống kê hình sự phải đưa ra các dữ liệu về tình hình tội phạm; số liệu về nhân thân đối tượng và thiết lập mối quan hệ giữa các thông số về đặc điểm nhân thân đối tượng phạm tội với nguyên nhân, điều kiện của tội phạm; thiết lập các thông số liên quan giữa tình hình các tội phạm về XNC với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính, cũng như tình hình các tội phạm xuyên quốc gia; xác định khuynh hướng của tội phạm và dự báo tình hình tội phạm để xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa phù hợp với thực tiễn.

Bên cạnh đó, thời gian tới hoạt động sơ kết, tổng kết công tác đấu tranh, phòng ngừa các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện cần phải được tiến hành một cách thường xuyên, mang tính chiều sâu không chỉ để đánh giá ưu, nhược điểm trong các hoạt động tố tụng mà còn phải chỉ ra được các sơ hở thiếu sót trong công tác điều tra, PNTP nhằm kịp thời đưa ra các kiến nghị, biện pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XNC. Đồng thời, cần tích cực triển khai nghiên cứu chuyên đề tổng kết thực tiễn, kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động phòng, chống tội phạm, đặc biệt là đánh giá, làm rõ phương thức, thủ đoạn, nguyên nhân của tội phạm, tìm ra sơ hở, thiếu sót, vướng mắc, khó khăn trong quá trình điều tra, xử lý để kịp thời đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa loại tội phạm này.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát XNC

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, hoạt động XNC của CDVN và người nước ngoài dự báo sẽ tiếp tục gia tăng sẽ đặt ra nhiều khó khăn, thách thức đối với công tác QLNN nói chung và phòng ngừa, đấu tranh chống VPPL trên lĩnh vực XNC nói riêng. Do vậy, để phát huy đúng vị ví, vai trò của biện pháp kiểm soát XNC góp phần phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống các loại tội phạm về XNC, giữ vững ANQG, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cần triển khai đồng bộ các nội dung sau:

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong kiểm soát XNC là xu thế tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về XNC, cũng như chủ động phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, phòng ngừa các tội phạm về XNC từ sớm, từ xa. Thời gian qua, lực lượng kiểm soát XNC của Bộ Công an đã triển khai hệ thống kiểm soát tự động (autogate) tại 05 Cảng hàng không quốc tế, tuy nhiên tại các Cửa khẩu quốc tế đường bộ vẫn chưa đưa vào ứng dụng, khai thác. Do đó, cần sớm nghiên cứu triển khai đồng bộ hệ thống kiểm soát tự động tại các Cửa khẩu quốc tế theo tiêu chuẩn ICAO, mở rộng kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao khả năng phân tích, dự báo, phát hiện các hành vi VPPL về XNC từ sớm. Đồng thời, tập trung xây dựng hệ thống thông tin tiếp nhận, phản hồi, khai thác, xử lý thông tin về XNC kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia qua Cổng thông tin một cửa của Bộ Công an; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh trắc học trong kiểm tra, đối chiếu các đặc điểm nhận dạng vân tay, mống mắt, nhận diện khuôn mặt trong kiểm soát XNC; triển khai rộng rãi hệ thống tiếp nhận, xử lý tờ khai điện tử để cấp hộ chiếu cho CDVN, nâng cấp hệ thống cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh tại Việt Nam. Trong cuộc cách mạng số 4.0, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong kiểm soát XNC không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN mà còn kịp thời, chủ động phát hiện từ sớm, từ xa các VPPL trên lĩnh vực XNC.

Tăng cường công tác nghiệp vụ của các đơn vị kiểm soát XNC tại cửa khẩu, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Để chủ động phát hiện, ngăn chặn, PNTP từ sớm, từ xa, lực lượng QLXNC cần tăng cường hơn nữa công tác nghiệp vụ cơ bản, phối hợp lực lượng trong triển khai các biện pháp nghiệp vụ trong nắm tình hình địa bàn, đối tượng. Đồng thời, chú trọng thực hiện hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ cơ bản, thu thập, bổ sung điều tra cơ bản các chuyên đề phòng, chống các tội phạm về XNC. Lực lượng QLXNC cần thường xuyên phối hợp với Công an cấp cơ sở, đặc biệt các địa bàn là "điểm nóng" của các tội phạm xuyên quốc gia, các tội phạm về XNC để nắm tình hình, hướng dẫn chuyên đề liên quan đến phòng, chống các tội phạm về XNC. Đặc biệt, phải phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nghiệp vụ để nắm chắc tình hình đối tượng, nhất là các đường dây, ổ nhóm hoạt động phạm tội xuyên quốc gia.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong kiểm soát, chia sẻ dữ liệu về XNC nhằm nâng cao hiệu quả QLNN, phòng ngừa các tội phạm về XNC

từ sớm, từ xa. Chẳng hạn, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm từ EU trong xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu Schengen (SIS II) và Hệ thống thông tin thị thực (VIS), cho phép các quốc gia thành viên chia sẻ dữ liệu về người nhập cảnh, thị thực, tiền án tiền sự và cảnh báo đối tượng truy nã. Do đó, Việt Nam cần từng bước nghiên cứu, xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu XNC liên quốc gia, trước mắt là với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN nhằm kiểm soát tốt hơn hoạt động XNC, kịp thời chia sẻ dữ liệu, thông tin góp phần phòng ngừa hiệu quả các tội phạm về XNC, cũng như các tội phạm xuyên quốc gia khác.

Kiến nghị thống nhất hoạt động kiểm soát XNC ở tất cả các cửa khẩu quốc tế về một đầu mối quản lý thuộc Bộ Công an. Đây là yêu cầu có tính chất chiến lược, quan trọng nhằm bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, trực tiếp, chặt chẽ đối với công tác QLNN về XNC. Việc tập trung, thống nhất về một đầu mối quản lý sẽ tăng cường khả năng kết nối hệ thống nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu thống nhất trên phạm vi toàn quốc, qua đó nâng cao hiệu quả phát hiện, ngăn chặn VPPL về XNC. Đồng thời, hạn chế sự chồng chéo, phân tán trong chỉ đạo, tạo điều kiện để tăng cường khả năng dự báo, xây dựng kế hoạch, huy động lực lượng, phương tiện trong phòng ngừa các tội phạm về XNC cũng như các loại tội phạm xuyên quốc gia khác. Tuy nhiên, đây cũng là một quyết sách mang tính chiến lược, phức tạp, khó khăn không chỉ là cải cách hành chính đơn thuần mà còn liên quan đến hoạt động bảo vệ ANQG, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia đòi hỏi phải được thảo luận, nghiên cứu kỹ lưỡng để bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và bền vững.

3.2.5. Tăng cường phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là loại tội phạm có địa bàn hoạt động rộng, thường có sự móc nối, liên kết giữa các đối tượng trong và ngoài nước để hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC xuyên biên giới, xuyên quốc gia với tính chất, mức độ ngày càng nguy hiểm, chuyên nghiệp. Cùng với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế sâu rộng và những tác động bất ổn về tình hình địa chính trị, kinh tế của khu vực và thế giới sẽ tác động không nhỏ đến tình hình di cư và các tội phạm xuyên quốc gia. Do đó, tăng cường hiệu quả hoạt phối hợp lực lượng và hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện là yêu cầu mang tính tất yếu, khách quan góp phần nâng cao hiệu quả

phòng, chống các tội phạm về XNC. Để phát huy hơn nữa vai trò của hoạt động này cần đẩy mạnh triển khai, thực hiện tốt các vấn đề sau:

Tăng cường phối hợp lực lượng trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Cần xác định công tác đấu tranh, PNTP là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, việc tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng không chỉ nâng cao hiệu quả QLNN về XNC, mà còn góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm, từ xa nguy cơ phát sinh loại tội phạm này. Theo thuyết hoạt động thường nhật, hiệu quả phòng ngừa phụ thuộc đáng kể vào sự hiện diện và khả năng hoạt động của các lực lượng chức năng tại những địa điểm, thời điểm và hoàn cảnh mà người có động cơ phạm tội có khả năng tiếp cận đối tượng phù hợp. Vì vậy, phối hợp lực lượng có ý nghĩa làm tăng mật độ, tính liên tục và khả năng phản ứng của chủ thể chuyên trách trong phòng, chống tội phạm nhằm hạn chế sự xuất hiện của những khoảng trống, cơ hội về thời gian, địa bàn hoặc từ chính hoạt động quản lý, kiểm soát XNC. Trên cơ sở đó, cần tiếp tục xác định những nội dung trọng tâm trong phối hợp để bảo đảm tính chủ động, thống và bền vững của hoạt động phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện như sau:

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa lực lượng QLXNC (Bộ Công an) và lực lượng Bộ đội Biên phòng (Bộ Quốc phòng). Đây là hai lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong QLNN về XNC, giữ vai trò then chốt trên cả bình diện chiến lược và thực tiễn trong phòng ngừa ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Việc phối hợp cần được thực hiện đồng bộ trên các phương diện: phối hợp chặt chẽ trong tuần tra, kiểm soát khu vực biên giới trên tuyến đường bộ, đường thủy và đường biển, đặc biệt chú trọng các tuyến, địa bàn trọng điểm như đường mòn, lối mở, thời điểm ban đêm; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động XNC trái phép; đẩy mạnh tổ chức các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, huy động sức mạnh của các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống các tội phạm XNC; phối hợp chặt chẽ trong hoạt động điều tra, xử lý tội phạm ngay từ lúc phát hiện, tổ chức lực lượng mật phục, đón bắt quả tang và cả trong quá trình điều tra, mở rộng chuyên án; thiết lập cơ chế trao đổi thông tin

thường xuyên, tổ chức hoạt động nghiệp vụ liên ngành, đồng thời tiến hành sơ kết, tổng kết một cách chính xác để kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Như vậy, sự phối hợp giữa các lực lượng không chỉ nhằm xác định trách nhiệm, quyền hạn mà quan trọng hơn là bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của hoạt động quản lý, kiểm soát XNC của các lực lượng trên toàn bộ tuyến vận động của tội phạm. Dưới góc độ thuyết cơ hội phạm tội, khi một tuyến, địa bàn hoặc thời điểm không còn là "khoảng trống" giữa các lực lượng, khả năng đối tượng lựa chọn, chuyển hướng hoặc lợi dụng điểm yếu của hệ thống kiểm soát để thực hiện hành vi phạm tội sẽ bị thu hẹp, từ đó kiểm soát, hạn chế các nguyên nhân phát sinh tội phạm này.

Bên cạnh đó, thực tiễn cũng cho thấy quy trình trao đổi thông tin hiện nay giữa hai lực lượng trên vẫn còn phân tán, chưa bảo đảm tính kịp thời, tính tự động hóa cần thiết; cơ sở dữ liệu XNC của Bộ đội Biên phòng chưa được đồng bộ theo thời gian thực sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về XNC (Cục QLXNC), trong khi dữ liệu từ các cảng biển theo cơ chế một cửa quốc gia ASEAN lại không tương thích về định dạng với hệ thống của Bộ Công an, gây hạn chế trong thống kê và tra cứu nghiệp vụ. Do đó, yêu cầu đặt ra là hai lực lượng trên phải cụ thể hóa hơn nữa quy chế phối hợp hiện hành, xây dựng quy trình thống nhất về phạm vi thông tin trao đổi, tần suất cập nhật và phương thức chia sẻ ở cả cấp Bộ và cấp cơ sở. Đồng thời, nghiên cứu triển khai mô hình đồng bộ dữ liệu hoàn toàn tự động giữa hai hệ thống, bảo đảm thông tin XNC và dữ liệu vi phạm được cập nhật liên tục, chính xác và theo thời gian thực, qua đó hình thành nền tảng số hóa đầy đủ phục vụ công tác phân tích, dự báo và PNTP trong lĩnh vực XNC đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, các lực trên cũng cần phối hợp chặt chẽ với lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính, Công an cấp xã, đặc biệt là các địa bàn có cửa khẩu quốc tế, có nhiều đường mòn, lối mở biên giới đường bộ, các địa bàn, địa điểm có đông người nước ngoài cư trú trong công tác quản lý cư trú, quản lý nhân khẩu, tạm trú, tạm vắng đối với CDVN và quản lý hoạt động cư trú, lưu trú của nước ngoài nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp XNC trái phép hoặc có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tổ chức XNC trái phép. Đồng thời, phối hợp với Ban chỉ đạo 35 các cấp đăng tải, chia sẻ các bài viết, phóng sự tuyên truyền phòng, chống XNC trái phép, phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này.

Cùng với đó, phát huy hiệu quả cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, TAND) nhằm tháo gỡ khó khăn, thống nhất quan điểm trong việc định tội danh, lựa chọn các hình thức, biện pháp xử lý đối với các vụ án phức tạp bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tính toán, lựa chọn những vụ án điển hình để tổ chức xét xử công khai, lưu động, qua đó phát huy hiệu quả răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời nâng cao nhận thức xã hội về hậu quả của hành vi VPPL về XNC.

Tăng cường sự phối hợp giữa lực lượng chuyên trách với các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương trong phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm về XNC. Đặc biệt, phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương tại các địa bàn biên giới, địa bàn có các cửa khẩu, cảng hàng không quốc tế nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát cửa khẩu, biên giới, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi tổ chức, môi giới XNC trái phép. Nghiên cứu xây dựng, thống nhất cơ chế cập nhật, trao đổi thông tin về danh sách, số liệu công dân VPPL về XNC tại nước ngoài, cũng như thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, vụ việc XNC trái phép. Xây dựng quy chế phối hợp liên ngành để giám sát chặt chẽ, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi lợi dụng hoạt động hợp pháp nhằm tổ chức cho CDVN ra nước ngoài trái phép hoặc ở lại nước ngoài bất hợp pháp.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện

Với tính chất là loại tội phạm xuyên quốc gia việc tăng cường hợp tác quốc tế trở thành một trong những giải pháp trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược trong công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Do đó, việc thiết lập cơ chế hợp tác thường xuyên, chủ động và đa dạng với các quốc gia, tổ chức quốc tế có liên quan là yêu cầu cấp thiết, bảo đảm cho công tác PNTP đạt hiệu quả thực chất, bền vững với các nội dung trọng tâm sau:

Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý làm cơ sở cho hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện. Thời gian tới, với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao các cơ quan chức năng cần chủ động tiến hành tham gia các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế làm cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm về XNC. Trong một số báo cáo tình hình công tác QLXNC cho thấy, nhiều vụ việc do chưa ký thỏa

thuận hoặc tham gia Công ước quốc tế cụ thể nên các cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài đã từ chối các yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến công tác phòng, chống các tội phạm về XNC. Thậm chí một số nước đã ký thỏa thuận hợp tác nhưng việc trao đổi thông tin, phối hợp trong triển khai các hoạt động tương trợ tư pháp còn rất hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm. Do đó, cần phải thường xuyên tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các thoả thuận, biên bản ghi nhớ để kịp thời trao đổi, tháo gỡ những vướng mắc, tồn tại trong quá trình hợp tác. Đồng thời, cử đơn vị đầu mối chủ trì của mỗi bên trong triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế và thiết lập đầu mối liên lạc, đường dây nóng của các đơn vị đó nhằm kịp thời trao đổi thông tin tài liệu liên quan đến tình hình XNC, VPPL XNC, cũng như triển khai các kế hoạch biện pháp trong phòng, chống loại tội phạm này. Chẳng hạn, Việt Nam có thể nghiên cứu mô hình hợp tác của Liên minh Châu Âu (EU), đặc biệt là hệ thống Schengen nhằm tăng cường phối hợp với các quốc gia láng giềng trong kiểm soát biên giới và PNTP xuyên quốc gia. Các cơ quan như: Europol (Cảnh sát Liên minh Châu Âu) và Frontex (Cơ quan Biên phòng và Giám sát Biên giới Liên minh Châu Âu) đóng vai trò chủ chốt, nòng cốt trong việc chia sẻ, trao đổi thông tin, hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp điều tra giữa các quốc gia thành viên nhằm tăng cường bảo vệ biên giới và ngăn chặn di cư trái phép[127].

Đa dạng nội dung, hình thức hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm về XNC do CDVN thực hiện, trong đó tập trung vào những nội dung như: trao đổi, chia sẻ thông tin về XNC; phương thức, thủ đoạn phạm tội mới; thông tin chi tiết về các vụ việc XNC trái phép; cung cấp thông tin, dữ liệu về hộ chiếu, visa bị đánh cắp; thông tin về bảo mật hộ chiếu, giấy tờ XNC của hai bên để phục vụ công tác kiểm soát XNC, xử lý các VPPL về XNC; thống nhất cách thức cử các đoàn công tác trong giải quyết các vụ việc VPPL về XNC nhất là với các quốc gia được xác định là điểm đến để cư trú, lao động trái phép hoặc các nước là địa bàn trung chuyển để đưa người Việt Nam nhập cảnh bất hợp pháp hay các nước là điểm tập kết người trước khi nhập cảnh trái phép. Đồng thời, trao đổi, chia sẻ thông tin liên quan đến bảo đảm an ninh, chống làm giả giấy tờ để XNC trái phép, đặc biệt là

127. "Schengen area", https://home-affairs.ec.europa.eu/policies/schengen/schengen-area_en, truy cập ngày 25/12/2025.

kinh nghiệm trong phát hiện phương thức, thủ đoạn làm giả giấy tờ, tài liệu để XNC, hợp tác đầu tư, nghiên cứu đổi mới công nghệ sản xuất hộ chiếu nhằm tăng cường bảo mật, chống làm giả.

Hợp tác, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong kiểm soát XNC tại cửa khẩu, trong đó tập trung hoạt động quản lý, tổ chức kiểm soát hộ chiếu, giấy tờ XNC; kiểm soát XNC tại cửa khẩu; trao đổi thông tin, cơ sở dữ liệu đặc điểm hộ chiếu, giấy tờ XNC của các nước; tình hình, xu hướng hoạt động của các đường dây tổ chức XNC xuyên quốc gia; danh sách các đối tượng cần chú ý... Đồng thời, cử các đoàn chuyên gia sang các nước có kinh nghiệm, trình độ cao trong ứng dụng khoa học kĩ thuật hiện đại về kiểm soát XNC để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong phát hành hộ chiếu điện tử, phần mềm tiếp nhận, quản lý tờ khai điện tử, hệ thống cổng kiểm soát XNC tự động.

Đa dạng hóa, mở rộng hình thức hợp tác quốc tế trong phòng, chống các tội phạm về XNC. Trong đó, tăng cường thiết lập quan hệ trực tiếp với cơ quan đại diện ngoại giao các nước tại Việt Nam để phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vấn đề XNC của CDVN. Tiếp tục tranh thủ tối đa các khuôn khổ hợp tác đa phương với các tổ chức quốc tế như: Tổ chức Di cư quốc tế (IOM); Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO); Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (Interpol)... Đặc biệt, cần sớm nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền triển khai hợp tác xây dựng "Mạng lưới sĩ quan liên lạc xuất nhập cảnh" đặt tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở các nước có đông CDVN cư trú, lao động để kịp thời trao đổi thông tin, tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu quả phòng, chống các tội phạm về XNC. Đồng thời, chủ động, tích cực tham gia các dự án quốc tế như: Dự án "Hỗ trợ nâng cao năng lực kiểm soát XNC tại các cửa khẩu quốc tế và tăng cường hợp tác quốc tế chống XNC trái phép và buôn bán người" của Cơ quan Phòng, chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC); Dự án "Tiếp nhận, phản hồi và khai thác, xử lý thông tin trước về chuyến bay, thông tin đặt chỗ của hành khách (PNR)"; Chương trình "Thẻ đi lại chung cho công dân các nước trong khối ASEAN (ASEAN Smart Travel Card)" tạo điều kiện cho việc tiếp cận, triển khai các công nghệ hiện đại, tiên tiến trong QLNN, phòng, chống VPPL trên lĩnh vực XNC.

Đẩy mạnh hợp tác trong việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ quản lý, kiểm soát XCNC. Thời gian tới, cần tích cực, chủ

động tiếp tục triển khai dự án xử lý thông tin trước về hành khách (API), Chương trình Thẻ đi lại chung cho công dân các nước trong khối ASEAN (Asean Smart Travel Card); phát hành hộ chiếu điện tử cấp cho CDVN; củng cố, bổ sung, hoàn thiện, nâng cấp hệ thống phần mềm cấp hộ chiếu điện tử cho CDVN, thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam; phần mềm tiếp nhận, quản lý tờ khai điện tử đề nghị cấp hộ chiếu cho CDVN, phần mềm khai báo tạm trú trên nền Internet; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống cổng kiểm soát XNC tự động cho các Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại phục vụ công tác QLXNC. Đồng thời, cần tranh thủ sự giúp đỡ về phương tiện kỹ thuật, khoa học công nghệ và kinh phí đào tạo, huấn luyện phục vụ QLXNC của các nước đối với Việt Nam.

Tăng cường hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện công tác QLNN và phòng ngừa, đấu tranh với các tội phạm về XNC là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh tình hình tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện ngày càng diễn biến phức tạp cả về quy mô, tính chất, đặc biệt là việc triệt để khai thác khoa học - công nghệ để tổ chức, điều hành các đường dây XNC trái phép xuyên quốc gia, xuyên biên giới. Trọng tâm của hoạt động hợp tác này cần hướng tới việc: trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong phát hiện giấy tờ giả; phương pháp phân tích, đánh giá tình hình tội phạm; cập nhật kịp thời các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới; đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, kiểm soát XNC. Trong điều kiện Việt Nam chưa thể triển khai đồng bộ hệ thống kiểm soát tự động đối với mọi đối tượng XNC, việc cử cán bộ nghiên cứu, khảo sát, tiếp cận các công nghệ nhận dạng sinh trắc học tiên tiến như vân tay, mống mắt, khuôn mặt và các thiết bị thu thập dữ liệu đạt chuẩn quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực sàng lọc, nhận diện và phát hiện đối tượng nghi vấn. Theo đó, kinh nghiệm của Cơ quan Biên phòng Hoa Kỳ (CBP) trong triển khai Dự án "Smart Border", với việc tích hợp công nghệ sinh trắc học và cơ sở dữ liệu quốc gia, quốc tế để kiểm soát di cư qua biên giới, là mô hình tham khảo có giá trị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện[128].

128. "Biometrics: Overview", https://www.cbp.gov/travel/biometrics/overview, truy cập ngày 25/12/2025.

Kết luận Chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn, Chương 3 của luận án đã đưa ra dự báo và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Việc làm rõ các cơ sở dự báo đã giúp nghiên cứu sinh xác định được các nội dung dự báo về tội phạm và những thuận lợi, khó khăn trong công tác PNTP. Trong đó xác định, các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện vẫn sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều phương thức, thủ đoạn mới ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp. Song song với đó, công tác phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện sẽ ngày càng được quan tâm, chú trọng nhưng vẫn sẽ phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức như: tác động của quá trình hội nhập quốc tế, mặt trái của nền kinh tế thị trường; phương thức, thủ đoạn của tội phạm ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp; tác động mạnh mẽ của khoa học công nghệ tạo ra thách thức không nhỏ cho công tác phòng, chống tội phạm; quan hệ, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể và hợp tác quốc tế trong phòng ngừa vẫn bộc lộ những bất cập nhất định.

Dựa trên các dự báo nêu trên, Chương 3 của luận án đã xây dựng, đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, trong đó tập trung vào các nhóm giải pháp: kiện toàn, nâng cao trình độ, nhận thức cho lực lượng chuyên trách trong phòng ngừa; xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa; tăng cường các biện pháp phòng ngừa xã hội nhằm loại trừ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ; tăng cường phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Từ đó có thể khẳng định, các dự báo và giải pháp mà Chương 3 của luận án đưa ra là có cơ sở, căn cứ khoa học, có ý nghĩa quan trọng, thiết thực nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện. Các giải pháp được kiến nghị nêu trên nếu được triển khai một cách hệ thống, đồng bộ, hệ thống sẽ góp phần hạn chế, đẩy lùi và tiến tới loại trừ nguyên nhân, điều kiện phát sinh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, phục vụ hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở hệ thống hóa, phân tích, luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, luận án đã tiếp cận, giải quyết cơ bản các nội dung nghiên cứu đặt ra, góp phần bổ sung, phát triển lý luận, thực tiễn về PNTP nói chung và phòng ngừa các tội phạm XCNC do CDVN thực hiện nói riêng, thể hiện rõ nét trên một số phương diện sau:

Thứ nhất, về phương diện lý luận, luận án đã xây dựng, luận giải khái niệm, đặc điểm, vai trò của phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trên nền tảng lý luận của khoa học tội phạm học, PNTP và các ngành khoa học liên quan. Đồng thời, xác định các nguyên tắc, cơ sở và nội dung phòng ngừa, đặc biệt là vai trò hệ thống của các biện pháp phòng ngừa tạo lập cơ sở khoa học vững chắc cho việc tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện lý luận tội phạm học trong phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn, luận án đã khảo sát, phân tích thực tiễn phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện, cho thấy bức tranh tương đối khái quát, khách quan về tình hình các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện giai đoạn từ năm 2018 - 2025 ngày càng diễn biến phức tạp cả về quy mô, tính chất, thủ đoạn, đặc biệt với xu hướng hình thành các đường dây tổ chức, môi giới XNC xuyên quốc gia. Công tác PNTP này có sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp giữa các lực lượng và hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định, xuất phát từ các nguyên nhân khác nhau như: những hạn chế, vướng mắc từ hệ thống pháp luật là cơ sở cho công tác phòng, chống tội phạm; sự thiếu hụt về lực lượng, tương đồng về trình độ chuyên môn; hoạt động phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế một số thời điểm, lực lượng còn chưa chặt chẽ, đồng bộ; việc triển khai các biện pháp phòng ngừa xã hội, phòng ngừa chuyên biệt còn chưa phát huy đúng vai trò, tạo được sự đột phá, hiệu quả trong thực tiễn. Đây là những luận cứ thực tiễn quan trọng để đưa ra dự báo và giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

Thứ ba, về phương diện dự báo và giải pháp, luận án đã đưa ra các nội dung dự báo, trong đó xác định: các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời

gian tới sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với các phương thức, thủ đoạn mới ngày càng tinh vi, chuyên nghiệp. Công tác phòng ngừa loại tội phạm này bên cạnh những thuận lợi vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ bối cảnh hội nhập quốc tế, sự phát triển của khoa học công nghệ, cũng như những hạn chế nội tại trong công tác phòng ngừa. Trên cơ sở đánh giá thực tiễn phòng ngừa và từ các cơ sở, nội dung của dự báo tội phạm, luận án đã đưa ra các giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường phòng ngừa loại tội phạm này: nâng cao năng lực, nhận thức và kiện toàn lực lượng chuyên trách trong PNTP; hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động PNTP; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa xã hội gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục; nâng cao hiệu quả biện pháp phòng ngừa chuyên biệt; tăng cường phối hợp lực lượng, hợp tác quốc tế trong PNTP. Các giải pháp này không chỉ mang giá trị thực tiễn mà còn có ý nghĩa lâu dài trong việc kiến tạo nền tảng chiến lược cho công tác phòng ngừa các tội phạm về XNC.

Từ các kết quả nghiên cứu cho thấy, luận án đã giải quyết cơ bản các nhiệm vụ đặt ra và đưa ra hệ thống giải pháp nhằm tăng cường phòng ngừa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới. Tuy vậy, do giới hạn về thời gian và phạm vi nghiên cứu, luận án không tránh khỏi những hạn chế nhất định, đặc biệt trong việc đi sâu phân tích các tác động từ yếu tố toàn cầu hóa, di cư trái phép trong mối quan hệ với các loại tội phạm xuyên quốc gia, các vấn đề an ninh phi truyền thống. Tuy nhiên, đây cũng sẽ là những định hướng nghiên cứu tiếp theo cần được triển khai nhằm luận giải sâu sắc mối quan hệ đa chiều giữa di cư, tội phạm và các vấn đề an ninh phi truyền thống, các tội phạm xuyên quốc gia.

Có thể khẳng định, luận án *"Phòng ngừa các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện"* đã đạt được những kết quả có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, góp phần bổ sung, phát triển khoa học tội phạm học và PNTP, mang ý nghĩa thiết thực trong công tác bảo vệ ANQG, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Những kết luận, phát hiện và giải pháp được đưa ra trong luận án nếu được áp dụng đồng bộ sẽ là cơ sở quan trọng để hạn chế, tiến tới đẩy lùi các nguyên nhân phát sinh tội phạm, đồng thời nâng cao hiệu quả phòng, chống với các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong thời gian tới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trần Văn Hậu (2024), "Một số vướng mắc trong định tội danh về tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép và tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép", *Tạp chí Khoa học Kiểm sát*, (04), tr. 16-20.
2. Trần Văn Hậu (2024), "Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, (11), tr. 20-22.
3. Trần Văn Hậu (2025), "Công tác điều tra, xử lý các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh - thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (02), tr. 48-53.
4. Trần Văn Hậu (2025), "Giải pháp phòng chống các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện", *Tạp chí Kiểm sát*, (05), tr. 3-10.
5. Trần Văn Hậu (2025), "Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (11), tr. 44-48.
6. Trần Văn Hậu (2026), "Cơ sở pháp lý của hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuất nhập cảnh tại Việt Nam: thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Law and Legislation*, tr. 247-251.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

1. Bộ Công an (2016), *Chỉ thị số 09/CT-BCA-V28 ngày 01/11/2016 về tăng cường công tác dân vận của lực lượng Công an nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Công an (2020), *Thông tư số 74/2020/TT-BCA ngày 01/07/2020 quy định việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam tại cửa khẩu*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2020), *Thông tư số 118/2020/TT-BCA ngày 05/11/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Quản lý xuất nhập cảnh*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2014), *Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2015), *Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2015), *Nghị định số 64/2015/NĐ-CP ngày 06/8/2015 quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2015), *Nghị định số 82/2015/NĐ-CP ngày 24/9/2015 quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2020), *Nghị định số 73/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 quy định về việc kiểm soát xuất nhập cảnh đối với người đi trên phương tiện quốc phòng, an ninh ra, vào lãnh thổ Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh*, Hà Nội.

10. Chính phủ (2020), *Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2021), *Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2021), *Quyết định 1944/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 về Phê duyệt Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (Khóa X) về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2021), *Nghị định số 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2023), *Nghị quyết số 225/NQ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình* mới, Hà Nội.
15. Chính phủ (2025), *Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Chỉ thị 09-CT/TW ngày 01/12/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.

19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới*, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 09/11/2018 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc*, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019), *Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia*, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu khóa XIII về Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 về Bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng*, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 14/6/2025 quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

30. Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang (2021), *Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tỉnh Bắc Giang*, Bắc Giang.
31. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2022), *Nghị quyết số 70/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quy định một số chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025*, Hà Tĩnh.
32. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An (2019), *Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Nghệ An*, Nghệ An.
33. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
34. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
35. Quốc hội (2003), *Luật Biên giới quốc gia*, Hà Nội.
36. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
37. Quốc hội (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
38. Quốc hội (2013), Hiến pháp, Hà Nội.
39. Quốc hội (2014), *Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
40. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
41. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự*, Hà Nội.
42. Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 30/2016/QH14 ngày 22/11/2016 về thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam*, Hà Nội.
43. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
44. Quốc hội (2017), *Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
45. Quốc hội (2018), *Luật Công an nhân dân*, Hà Nội.
46. Quốc hội (2019), *Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
47. Quốc hội (2019), *Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam*, Hà Nội.
48. Quốc hội (2019), *Nghị quyết 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án*, Hà Nội.

49. Quốc hội (2020), *Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
50. Quốc hội (2021), *Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
51. Quốc hội (2021), *Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
52. Quốc hội (2021), *Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công giai đoạn 2021- 2025*, Hà Nội.
53. Quốc hội (2023), *Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XV*, Hà Nội.
54. Quốc hội (2021), *Nghị quyết số 30/2021/QH15 kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XV*, Hà Nội.
55. Quốc hội (2023), *Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
56. Quốc hội (2023), *Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
57. Quốc hội (2023), *Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
58. Quốc hội (2024), *Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
59. Quốc hội (2025), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
60. Quốc hội (2025), *Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
61. Quốc hội (2025), *Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
62. Quốc hội (2025), *Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
63. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (2023), *Công văn số 3159/UBND-TH về việc tăng cường công tác phòng, chống, ngăn chặn hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép trên địa bàn tỉnh*, Lai Châu.

B. Các tài liệu tham khảo khác

64. Nguyễn Hồng Bắc (2017), *"Pháp luật về hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú của người Việt Nam định cư ở nước ngoài tại Việt Nam"*, Tạp chí Luật học.
65. Nguyễn Danh Bằng (2018), *Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
66. Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

67. Bộ Công an (2022), *Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh,* Kỷ yếu hội thảo, Quy Nhơn.
68. Bộ Công an (2022), "Kinh nghiệm điều tra các vụ án liên quan đến xuất, nhập cảnh", Kỷ yếu Hội thảo: *Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh,* Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn.
69. Bộ Công an (2022), "Báo cáo trung tâm", Kỷ yếu Hội thảo: *Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh,* Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn.
70. Công an tỉnh Ninh Thuận (2022), "Kinh nghiệm trong điều tra các vụ án tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: *Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh,* Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn.
71. Công an tỉnh Yên Bái (2022), "Một số vấn đề đáng chú ý trong đấu tranh với tội phạm tổ chức, môi giới xuất, nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: *Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh,* Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn.
72. Cục A09 (2022), "Bài học kinh nghiệm rút ra qua điều tra các vụ án tổ chức xuất nhập cảnh trái phép", Kỷ yếu Hội thảo: *Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh*, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn.
73. Cục An ninh điều tra (2022), *Kỷ yếu hội ý nghiệp vụ công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh*, Quy Nhơn.
74. Cục Đối ngoại, Bộ Công an (dịch) (2020), *Đưa người di cư bất hợp pháp trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương những xu hướng và thách thức hiện tại*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
75. Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại Giao (2011), *Tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài*, Hà Nội.
76. Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại Giao (2017), *Hồ sơ di cư Việt Nam năm 2016*, Hà Nội.
77. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2021), *Báo cáo tổng kết công tác quản lý xuất nhập cảnh năm 2021*, Hà Nội.
78. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2023), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh năm 2023*, Hà Nội.
79. Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (2025), *Báo cáo tổng kết công tác xuất nhập cảnh 2018 - 2025*, Hà Nội.

80. Nguyễn Văn Cường (2006), "Tìm hiểu về những quy định của pháp luật xuất nhập cảnh ở một số nước trên thế giới", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (9).
81. Phạm Quốc Dũng (2024), *Phòng, chống tội phạm tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân*, Đề tài cấp Bộ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
82. Nguyễn Anh Dương (2014), *Phòng, chống vi phạm pháp luật về xuất, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
83. Lê Quang Dương (2022), *Quan hệ phối hợp trong điều tra vụ án tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép do cơ quan an ninh điều tra công an tỉnh Lạng Sơn thụ lý*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
84. Bùi Thế Dương (2020), *Cải cách thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên lĩnh vực xuất nhập cảnh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
85. Phạm Hoàng Duy (2018), *Các vụ đưa người trốn đi nước ngoài và kinh nghiệm xử lý của lực lượng quản lý xuất, nhập cảnh*, Sách tham khảo, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
86. Phạm Hoàng Duy (2020), *Đấu tranh, xử lý các vụ tổ chức đưa người trốn đi nước ngoài theo chức năng của lực lượng quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an và những bài học kinh nghiệm rút ra*, Sách tham khảo, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
87. Lê Văn Đại (2019), "Bàn về xử lý hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài và xuất cảnh trái phép", *Tạp chí Kiểm sát*, (18).
88. Lê Văn Đại (2024), *Phòng ngừa tội phạm tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài tại địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ theo chức năng của lực lượng An ninh nhân dân*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
89. Đào Hải Đăng (2020), *Hợp tác quốc tế của Bộ Công an trong quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
90. Phạm Đức Đình (2019), *Phòng ngừa tội phạm vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh theo chức năng của bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
91. Erikson Erik (1994), *Thuyết xã hội - tâm lý người Đức*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

92. Nguyễn Ngọc Hà (2018), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập 1, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
93. Hoàng Thu Hà (2021), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát xuất nhập cảnh tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
94. Trần Văn Hậu (2024), "Hoàn thiện pháp luật về xử lí vi phạm xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, (11).
95. Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Tập 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
96. Nguyễn Ngọc Hòa (2018), *Sách Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015*, Quyển 2, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
97. Quách Huy Hoàng và Trần Văn Dự (2020), *Sách pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và các quy định có liên quan*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
98. Học viện An ninh nhân dân (2018), *Giáo trình tội phạm học*, Hà Nội.
99. Học viện Cảnh sát nhân dân (2019), *Giáo trình Tội phạm học*, Hà Nội.
100. Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh (năm 2023), *Báo cáo giám sát 45/BC-HĐND ngày 23/6/2023 về việc thực thi Luật XCNC của CDVN (Luật 49/2019/QH14) và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật 47/2014/QH13, sửa đổi năm 2019) tại các cửa khẩu quốc tế*, Tây Ninh.
101. Nguyễn Mạnh Hùng (2018), *Quản lý xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
102. Lê Thanh Hùng (2019), *Quản lý nhà nước về xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
103. Trần Minh Hưởng (2021), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập 2, Nxb Lao động, Hà Nội.
104. Lê Thị Thanh Huyền (2018), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh với hoạt động xuất nhập cảnh trái phép qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Nội Bài*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

105. Trần Thị Thu Huyền (2021), *Phòng ngừa tội phạm tổ chức môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài theo chức năng của Cục quản lý xuất nhập cảnh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
106. Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh (2016), *Phòng ngừa một số tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
107. Khoa An ninh điều tra - T03 (2022), "Một số vấn đề đặt ra trong điều tra các tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh", Kỷ yếu Hội thảo: *Công tác điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh*, Bộ Công an tổ chức, Quy Nhơn.
108. Lê Thị Thùy Linh (2019), *Điều tra vụ án tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép*, Tập bài giảng, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
109. Nguyễn Vĩnh Long (2021), "Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống xuất cảnh, di cư trái phép sang các nước châu Âu", *Tạp chí Công an nhân dân*, (10).
110. Nguyễn Vĩnh Long (2021), *Xử lý vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh đối với công dân Việt Nam đi các nước Châu Âu*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
111. Trần Văn Luyện và Phùng Thế Vắc (2017), *Bình luận khoa học Bộ Luật hình sự năm 2015 - Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
112. C.Mác-Ăng-ghen (1984), *Tuyển tập*, Tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội.
113. Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đương đại*, sách chuyên khảo, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
114. Nguyễn Thành Minh (2022), "Về một số hạn chế, vướng mắc trong quy định về hình phạt áp dụng đối với tội "vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép" và đề xuất, kiến nghị", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (15).
115. Lê Đức Nam (2012), *Phòng ngừa và đấu tranh với hoạt động xuất cảnh trái phép qua biên giới Việt Nam, Lào của đồng bào dân tộc Mông*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
116. Mai Thị Thanh Nhung (2023), *Các tội: tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép; tổ chức, môi giới cho*

người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép theo pháp luật hình sự Việt Nam, Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

117. Cao Thị Oanh và Lê Đăng Doanh (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
118. Tráng Phong (2019), *Quản lý hành chính nhà nước đối với hoạt động xuất nhập cảnh của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai - Thực trạng và giải pháp*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
119. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh (Công an thành phố Hà Nội) (2017-2025), *Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác các năm từ năm 2017 đến năm 2025*, Hà Nội.
120. Phòng Quản lý xuất nhập cảnh (Công an thành phố Hà Nội) (2024), *Báo cáo kết quả công tác công an 11 tháng năm 2024*, Hà Nội.
121. Hoàng Hồng Quân (2018), *Phòng, chống hoạt động xuất nhập cảnh trái phép của công dân theo chức năng, nhiệm vụ của công an tỉnh Bắc Giang*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
122. Lê Hồng Quang (2019), *Quản lý nhà nước về xuất cảnh, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai - Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
123. Nguyễn Hữu Quyền (2022), "Hoàn thiện quy định về tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép", *Tạp chí Kiểm sát*, (11).
124. Phan Ngọc Sơn (2022), "Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép - Một số hạn chế, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (22).
125. Lê Thị Sơn (2022), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
126. Phạm Văn Tá (2003), *Phòng ngừa và đấu tranh với hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép qua tuyến biên giới Việt Nam - Lào của Bộ đội biên phòng tỉnh Nghệ An*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
127. Trần Quang Tám (2008), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát xuất nhập cảnh tại các Cảng hàng không quốc tế nhằm đảm bảo an ninh quốc gia*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

128. Trần Quang Tám (2019), *Quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

129. Lê Hồng Thái (2022), *Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn điều tra hình sự của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an*, Kỷ yếu Hội thảo cấp Bộ, Trường Đại học An ninh nhân dân, Hà Nội.

130. Trần Thị Lâm Thi (2017), *Tập bài giảng Tội phạm học*, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

131. Trần Thị Lâm Thi (2021), *Giáo trình Tội phạm học*, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

132. Hà Ngọc Thuận (2010), *Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý xuất, nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới đường bộ của bộ đội biên phòng*, Luận án tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

133. Nguyễn Thị Thanh Thùy (2018), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập 2, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

134. Nguyễn Thị Thanh Thùy (2023), "Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tội phạm liên quan đến xuất, nhập cảnh", *Tạp chí Kiểm sát*, (12).

135. Nguyễn Duy Tiên (2018), *Quản lý xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam trên địa bàn tỉnh Nam Định*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

136. Phạm Văn Tỉnh (2003), "Tội phạm ẩn chủ quan và mối liên hệ với các chủ thể có nhiệm vụ phát hiện và xử lý tội phạm", *Tạp chí Kiểm sát*, (10).

137. Nguyễn Văn Tỉnh (2007), *Một số vấn đề về lý luận tội phạm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

138. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (2021), *Bản án số 50/2021/HS-ST ngày 30/09/2021 về Lê N và Lê T về tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*, Lào Cai.

139. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2022), *Bản án số 478/2022/HSST-TP Hà Nội ngày 23/11/2022 về N Đ T tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*, Hà Nội.

140. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2023), *Bản án số 93/2023/HS-PT ngày 27/02/2023 về Trần Văn D và đồng phạm về tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*, Thành phố Hồ Chí Minh.

141. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang (2025), *Bản án số 44/2025/HS-ST ngày 07/5/2025 về Đỗ Thị Th- Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*, Bắc Giang.
142. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2020), *Bản án số 106/2020/HS-ST ngày 04/8/2020 về Voòng A S, Phùn Văn D và đồng phạm về tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*, Quảng Ninh.
143. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2023), *Bản án số 76/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 về Phạm Văn T phạm tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép*, Hà Tĩnh.
144. Nguyễn Công Trung (2022), *Điều tra các vụ án tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép do cơ quan an ninh điều tra công an tỉnh Lạng Sơn thụ lý*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
145. Chu Quang Trung (2023), "Phương thức, thủ đoạn phạm tội tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và một số kiến nghị, đề xuất đối với công tác điều tra và phòng ngừa tội phạm", *Bản tin An ninh điều tra*, (26).
146. Nguyễn Quang Tuấn (2015), *Phòng chống vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh tại cửa khẩu biên giới đất liền của Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Trị*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.
147. Ủy ban Soạn thảo hướng dẫn chính sách Tiến trình Bali (2014), *Hướng dẫn chính sách về hình sự hóa Đưa người di cư trái phép*, Hà Nội.
148. Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo 138 (2009), *Phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay ở nước ta*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
149. Viện Khoa học Pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
150. Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
151. Trịnh Tiến Việt (2014), *Giáo trình Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
152. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
153. Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng chống các loại tội phạm ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

154. Nguyễn Xuân Yêm và Nguyễn Minh Đức (2011), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội phạm trong bối cảnh toàn cầu hóa*, sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

155. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

C. Tiếng nước ngoài

156. Antonopoulos Georgios A., Gabriele Baratto, Andrea Di Nicola, Parisa Diba, Elisa Martini, Georgios Papanicolaou, Fiamma Terenghi (2020), *Technology in Human Smuggling and Trafficking Case Studies from Italy and the United Kingdom*, Springer Nature, Germany.

157. Baiburina Elina Radikhovna (Байбурина Элина Радиковна) (2010), *Организация незаконной миграции: уголовно-правовой и криминологический аспекты*, Доктор наук, Russia.

158. Barker Cat (2013), *The people smugglers' business model*, Parliamentary Library, Australia, No. 2, 2013.

159. Bonifazi Corrado, Marek Okólski, Jeannette Schoorl & Patrick Simon (2008), *International Migration in Europe: New Trends and New Methods of Analysis*, Amsterdam University Press, The Netherlands.

160. Costantino Fabrizio (2014), *Which factors drive illegal immigration? An empirical analysis of the U.S. and the E.U*, PhD thesis, Universitat Pompeu Fabra Barcelona, Spain.

161. Diba Parisa, Papanicolaou, Georgios and Antonopoulos, Georgios A. (2019), *The digital routes of human smuggling? Evidence from the UK*, Crime Prevention and Community Safety, UK, 21 (2), 2019.

162. Hagan Frank E., Leah E. Daigle (2018), *Introduction to Criminology: Theories, Methods, and Criminal Behavior*, SAGE, USA.

163. Indriani Masitoh (2020), *Biometric Data Sharing in addressing Irregular Migration and Security Issues within The Bali Process Framework for Indonesia and ASEAN Member States*, Journal of Southeast Asian Human Rights, Indonesia, Vol. 4, No. 2.

164. International Labour Organization (2018), *Digitalization to promote decent work for migrant workers in ASEAN*, Singapore.

165. Iskhakov Aydar Mintalibovich (2018), *Criminal-legal and criminological aspects of illegal migration organization*, Luận án, Saint Petersburg University of the Ministry of Internal Affairs of Russia, Kazan.
166. Kakhbulaeva Elvira Khausulbegovna (2011), *Уголовно-правовая и криминологическая характеристика организации незаконной миграции*, Доктор наук, Russia.
167. MacLean Douglas (2016), *Dangerous unions: mapping human smuggling and human trafficking in international marriage through Japan's legal response*, Institute of Developing Economies Discussion Paper, No.594.
168. Massey Douglas S. (ed.), J. Edward Taylor (ed.) (2004), *International Migration: Prospects and Policies in a Global Market*, Oxford University Press, UK.
169. Minkovskij G.M., *Justification of crime prevention*, Moskva, jurid. Literature, Russia.
170. Nozina M. (2009), *Crime networks in Vietnamese diasporas: The Czech Republic case*, Crime, Law and Social Change Journal, Czech Republic.
171. Silverstone Daniel, Stephen Savage (2010), *Farmers, factories and funds: organised crime and illicit drugs cultivation within the British Vietnamese community*, Global Crime, Taylor & Francis Journals, UK.
172. Tilley Nick Willian (2010), *Crime Prevention (PNTP),* Sách tham khảo, Học viện An ninh nhân dân biên dịch.
173. UNODC (2018), *Global Study on Smuggling of Migrants 2018*, United Nations publication, New York.
174. Vito Gennaro F., Jeffrey R. Maahs, Ronald M. Holmes (2006), *Criminology: Theory, Research, and Policy*, Jones & Bartlett Learning, USA.

D. Trang web tiếng Việt

175. Trần An (2024), "Xét xử lưu động vụ án môi giới xuất, nhập cảnh trái phép", https://congly.vn/xet-xu-luu-dong-vu-an-moi-gioi-xuat-nhap-canh-trai-phep-452921.html, truy cập ngày 24/9/2025.
176. "CBSA siết chặt quản lý lao động bất hợp pháp tại Canada", https://campbellimmigration.com.vn/tin-dinh-cu-canada/cbsa-siet-chat-quan-ly-lao-dong-bat-hop-phap-tai-canada-577.html, truy cập ngày 12/3/2026.

177. Nguyễn Chính (2023), "Viện kiểm sát kiến nghị phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh", https://baovephapluat.vn/vien-kiem-sat-khang-nghi-kien-nghi/vien-kiem-sat-kien-nghi-phong-ngua-toi-pham-trong-linh-vuc-xuat-nhap-canh-140477.html, truy cập ngày 23/9/2025.
178. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp (2022), "Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân", https://mps.gov.vn/chinh-sach-phap-luat/bai-viet/mot-so-giai-phap-gop-phan-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-dieu-uoc-quoc-te-thoa-thuan-quoc-te-trong-cong-an-nhan-dan-d7-t703, truy cập ngày 21/11/2025.
179. Anh Dũng (2021), "Đấu tranh quyết liệt với hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép", https://www.bienphong.com.vn/dau-tranh-quyet-liet-voi-hoat-dong-xuat-nhap-canh-trai-phep-post439804.html, truy cập ngày 23/9/2025.
180. Trung Dũng (2025), "Triệt phá đường dây tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam", https://baolaocai.vn/triet-pha-duong-day-to-chuc-cho-nguoi-trung-quoc-nhap-canh-trai-phep-vao-viet-nam-post400644.html, truy cập ngày 6/10/2025.
181. Đại Dương (2024), "Bắt nhóm tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép, thu hàng tỷ đồng", https://giaoducthoidai.vn/bat-nhom-to-chuc-dua-nguoi-xuat-canh-trai-phep-thu-hang-ty-dong-post676096.html, truy cập ngày 12/3/2026.
182. Tr. Đức (2024), "Nhóm đối tượng đưa gần 500 người Trung Quốc xuất, nhập cảnh trái phép", https://nld.com.vn/nhom-doi-tuong-dua-gan-500-nguoi-trung-quoc-xuat-nhap-canh-trai-phep-19624032719504816.htm, truy cập ngày 25/9/2025.
183. Thu Hằng (2019), "Tương lai việc làm của lao động trẻ", https://thanhnien.vn/tuong-lai-viec-lam-cua-lao-dong-tre-185846802.htm.com, truy cập ngày 25/12/2025.
184. Gia Huy (2023), "Phòng, chống xuất, nhập cảnh trái phép ở khu vực biên giới", https://www.nghean.gov.vn/tin-noi-bat-danh-cho-nguoi-dan/phong-chong-xuat-nhap-canh-trai-phep-o-khu-vuc-bien-gioi-610683, truy cập ngày 6/10/2025.
185. Hữu huynh (2023), "An Phú tăng cường giữ vững trật tự, an ninh biên giới", https://baoangiang.com.vn/an-phu-tang-cuong-giu-vung-trat-tu-an-ninh-bien-gioi-a370151.html?, truy cập ngày 6/10/2025.

186. Cẩm Linh (2025), "Áp dụng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ biên giới", https://www.bienphong.com.vn/ap-dung-cong-nghe-hien-dai-de-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-quan-ly-bao-ve-bien-gioi-post488063.html, truy cập ngày 25/9/2025.
187. Hậu Lộc (2025), "Năm 2024, gần 200 nghìn doanh nghiệp đóng cửa", https://phapluat.tuoitrethudo.vn/nam-2024-gan-200-nghin-doanh-nghiep-dong-cua-99396.html?, truy cập ngày 25/9/2025.
188. Xuân Mai (2024), "Chặn đứng hoạt động xuất nhập cảnh trái phép", https://cand.com.vn/phap-luat/chan-dung-hoat-dong-xuat-nhap-canh-trai-phep-i725706, truy cập ngày 6/10/2021.
189. Xuân Mai (2025), "Triệt phá đường dây tổ chức cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép", https://cand.com.vn/Ban-tin-113/triet-pha-duong-day-to-chuc-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-trai-phep-i781500, truy cập ngày 6/10/2025.
190. Phạm Công Minh (2025), "Kết quả công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Cục Quản lý xuất nhập cảnh và nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới", https://xuatnhapcanh.gov.vn/tin-tuc/tin-xuat-nhap-canh-cho-nguoi-viet-nam/10022, truy cập ngày 23/9/2025.
191. "Mua bán người thông qua di cư trái phép: Nhìn từ 3 điểm nóng", https://hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/mua-ban-nguoi-thong-qua-di-cu-trai-phep-nhin-tu-3-%C4%91iem-nong-27744-8.html?, truy cập ngày 24/9/2025.
192. G.Nam (2025), "Hơn 1 triệu lao động thất nghiệp trong năm 2024', https://nld.com.vn/hon-1-trieu-lao-dong-that-nghiep-trong-nam-2024-196250107075907162.htm, truy cập ngày 25/9/2025.
193. Đức Nhật (2020), "Kon Tum bắt 5 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép", https://thanhnien.vn/kon-tum-bat-5-nguoi-trung-quoc-nhap-canh-trai-phep-1851030936.htm, truy cập ngày 6/10/2025.
194. An Như (2018), "Xuất khẩu lao động, "rào cản"chưa được gỡ bỏ", https://nhandan.vn/xuat-khau-lao-dong-rao-canchua-duoc-go-bo-post325045.html, truy cập ngày 22/9/2025.
195. Huỳnh Như (2026), "Hàn Quốc công bố kế hoạch tiếp nhận lao động EPS năm 2026", https://nld.com.vn/han-quoc-cong-bo-ke-hoach-tiep-nhan-lao-dong-eps-nam-2026-196260118145531365.htm, truy cập ngày 13/3/2026.

196. Nhung (2022), "Công an Tây Ninh đấu tranh hiệu quả với tội phạm", https://cand.vn/cong-an-tay-ninh-dau-tranh-hieu-qua-voi-toi-pham-post659453.html, truy cập ngày 6/10/2025.
197. Mẫn Phong (2025), "Phê chuẩn khởi tố 9 đối tượng tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép", https://baovephapluat.vn/cong-to-kiem-sat-tu-phap/khoi-to/phe-chuan-khoi-to-9-doi-tuong-to-chuc-cho-nguoi-khac-tron-di-nuoc-ngoai-trai-phep-188198.html, truy cập ngày 24/11/2025.
198. Nguyễn Thị Quế - Nguyễn Thị Thủy (2023), "Hoạt động đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới", https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/hoat-dong-doi-ngoai-viet-nam-thoi-ky-doi-moi-p28531.html, truy cập ngày 25/9/2025.
199. "Quy định mới về cơ cấu bộ máy, lãnh đạo của Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh", https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/quy-dinh-moi-ve-co-cau-bo-may-lanh-dao-cua-vien-kiem-sat-nhan-dan-cap-tinh-119260113104602094.htm, truy cập ngày 02/12/2025.
200. Trần Quyên (2020), "Mỹ lắp đặt hệ thống giám sát bằng AI tại biên giới với Mexico", https://baotintuc.vn/quan-su/my-lap-dat-he-thong-giam-sat-bang-ai-tai-bien-gioi-voi-mexico-20200703142527390.htm, truy cập ngày 12/3/2026.
201. Nguyễn Thành (2021), "Đã khởi tố, xử lý cán bộ tiếp tay cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép", https://tienphong.vn/da-khoi-to-xu-ly-can-bo-tiep-tay-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-trai-phep-post1402139.tpo, truy cập ngày 20/9/2025.
202. "Thủ tướng giao Bộ Công an, Bộ Ngoại giao xác minh vụ 39 người chết ở Anh", https://vov.vn/chinh-tri/thu-tuong-giao-bo-cong-an-ngoai-giao-xac-minh-vu-39-nguoi-chet-o-anh-973979.vov?jskey=gublNUPY44M9XTNgBccSlk%2FE%2FUajaBnQAg%3D%3D, truy cập ngày 25/9/2025.
203. Thuỳ Dương (2019), "Vụ 39 người chết trong container: Vỡ giấc mộng đổi đời", https://baotintuc.vn/the-gioi/vu-39-nguoi-chet-trong-container-vo-giac-mong-doi-doi-20191030094953230.htm, truy cập ngày 12/10/2025.
204. Bùi Trang (2024), "Lãnh án vì tổ chức cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam", https://plo.vn/lanh-an-vi-to-chuc-cho-nguoi-nuoc-ngoai-nhap-canh-trai-phep-vao-viet-nam-post795188.html?, truy cập ngày 13/12/2025.

205. “Từ 15/8/2023: Nâng thời hạn thị thực điện tử; bổ sung thông tin 'nơi sinh' vào hộ chiếu phổ thông”, https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/tu-15-8-2023-nang-thoi-han-cua-thi-thuc-dien-tu-bo-sung-thong-tin-noi-sinh-vao-ho-chieu-pho-thong-119230624103927677.htm, truy cập ngày 01/12/2025.

206. “Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết nghị tổng biên chế của các Tòa án nhân dân giai đoạn 2022-2026”, https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/ubtvqh-quyet-nghi-bien-che-cua-cac-toa-an-nhan-dan-giai-doan-2022-2026-119220930130629022.htm, truy cập ngày 02/12/2025.

E. Trang web tiếng Anh

207. “Biometrics: Overview”, https://www.cbp.gov/travel/biometrics/overview, truy cập ngày 25/12/2025.

208. INTERPOL (2019), “Southeast Asia: terror suspects and criminals detected in border operation”, https://www.interpol.int/en/News-and-Events/News/2019/Southeast-Asia-terror-suspects-and-criminals-detected-in-border-operation, truy cập ngày 23/9/2025.

209. Thu Trang (2024), “IOM Chief of Mission: Vietnam has been very active on promoting safe migration”, https://en.baoquocte.vn/iom-chief-of-mission-vietnam-has-been-very-active-on-promoting-safe-migration-276479.html?, truy cập ngày 13/3/2026.

210. “Frontex Releases Annual Risk Analysis for 2024/2025: Navigating Complex Challenges”, https://www.frontex.europa.eu/media-centre/news/news-release/frontex-releases-annual-risk-analysis-for-2024-2025-navigating-complex-challenges-tO044z, truy cập ngày 11/3/2026.

211. “Schengen area”, https://home-affairs.ec.europa.eu/policies/schengen/schengen-area_en, truy cập ngày 25/12/2025.

212. World Bank Group (2019), “Opening Up Markets and Opportunities for Ethnic Minorities in Vietnam’s Poorest Provinces”, https://www.worldbank.org/en/results/2019/06/11/opening-up-markets-and-opportunities-for-ethnic-minorities-in-vietnams-poorest-provinces_source.com, truy cập ngày 13/6/2026.

PHỤ LỤC

Bảng 1.

TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH (ĐIỀU 347)

Chỉ tiêu	Số liệu qua các năm								Tổng
	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	
Số vụ mới khởi tố	1	2	6	15	10	25	20	6	**85**
Số bị can mới khởi tố	1	3	9	19	11	23	22	7	**95**
Tổng số vụ án xét xử	1	1	4	13	9	22	18	5	**73**
Tổng số bị cáo xét xử	1	1	6	17	10	22	20	6	**83**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 2.

TỘI TỔ CHỨC, MÔI GIỚI CHO NGƯỜI KHÁC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH HOẶC Ở LẠI VIỆT NAM TRÁI PHÉP (ĐIỀU 348)

Chỉ tiêu	Số liệu qua các năm								Tổng
	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	
Số vụ mới khởi tố	13	27	175	296	241	201	185	112	**1250**
Số bị can mới khởi tố	16	43	313	617	574	453	319	271	**2606**
Tổng số vụ xét xử	7	19	72	283	205	189	176	103	**1054**
Tổng số bị cáo xét xử	9	30	266	581	468	397	278	225	**2254**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 3.

TỘI TỔ CHỨC, MÔI GIỚI CHO NGƯỜI KHÁC TRỐN ĐI NƯỚC NGOÀI HOẶC Ở LẠI NƯỚC NGOÀI TRÁI PHÉP (ĐIỀU 349)

Chỉ tiêu	Số liệu qua các năm								Tổng
	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	
Số vụ mới khởi tố	42	45	58	79	67	63	47	39	**440**
Số bị can mới khởi tố	56	83	87	109	95	87	73	59	**649**
Tổng số vụ xét xử	41	43	50	63	58	47	31	37	**370**
Tổng số bị cáo xét xử	55	72	78	91	89	64	39	51	**539**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 4.

CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Chỉ tiêu	Số liệu qua các năm								Tổng	Trung bình một năm
	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025		
Số vụ mới khởi tố	56	74	239	390	318	289	252	157	**1775**	**221,9**
Số bị can mới khởi tố	73	129	409	745	680	563	414	337	**3350**	**418,8**
Tổng số vụ xét xử	49	63	126	359	272	258	225	145	**1497**	**187,1**
Tổng số bị cáo xét xử	65	103	350	689	567	483	337	282	**2876**	**359,5**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 5.

CƠ CẤU CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN TRONG NHÓM CÁC TỘI PHẠM XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

Năm	Số vụ án			Số bị can		
	Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (1)	Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (2)	Tỉ lệ (1)/(2)	Các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (3)	Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (4)	Tỉ lệ (3)/(4)
2018	56	647	8,65%	73	1227	5,94%
2019	74	688	10,75%	129	1134	11,37%
2020	239	856	27,92%	409	1433	37,61%
2021	390	1444	27,01%	745	2589	28,54%
2022	318	1352	23,52%	680	2544	26,73%
2023	289	1296	21,83%	563	2323	24,24%
2024	252	1051	22,30%	414	1926	21,50%
2025	157	938	16,74%	337	1844	18,28%
Tổng	**1775**	**8272**	**21,46%**	**3350**	**15020**	**22,30%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 6.

CƠ CẤU GIỮA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Điều	Số vụ	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Điều 347	73	4,88%	83	2,89%
Điều 348	1054	70,41%	2254	78,37%
Điều 349	370	24,72%	539	18,74%
Điều 350	0	0%	0	0%
Tổng	**1497**	**100%**	**2876**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 7.

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ XUẤT NHẬP CẢNH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM

Năm	CDVN	Tổ chức Việt Nam
2018	3615	06
2019	6136	04
2020	5640	07
2021	8327	05
2022	9380	08
2023	5190	06
2024	9268	13
2025	5437	04
Trung bình chung	**6624**	**6,63**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Cục Quản lý XNC)

Bảng 8.

CƠ CẤU HÌNH THỨC PHẠM TỘI CỦA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM

Hình thức	Số lượng vụ án	Tỷ lệ %
Đồng phạm	251	79,43%
Đơn lẻ	65	20,57%
Tổng	316	100%

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 9.1.

CƠ CẤU PHƯƠNG THỨC, THỦ ĐOẠN PHẠM TỘI CỦA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Phương thức, thủ đoạn	Số lượng vụ án	Tỷ lệ %
Đường sông	10	3,16%
Đường biển	18	5,70%
Đường mòn, lối mở	182	57,59%
Kết hợp, trung chuyển	15	4,75%
Cửa khẩu hàng không	61	19,30%
Cửa khẩu đường bộ	23	7,28%
Cửa khẩu cảng biển	07	2,22%
Tổng	**316**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 9.2.

CƠ CẤU PHƯƠNG THỨC, THỦ ĐOẠN PHẠM TỘI CỦA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN DƯỚI HÌNH THỨC CÔNG KHAI

Phương thức, thủ đoạn	Số lượng vụ án	Tỷ lệ %
Du lịch	60	65,93%
Thăm thân	05	5,49%
Xuất khẩu lao động	06	6,59%
Du học	03	3,31%
Thương mại, công tác	02	2,20%
Sử dụng giấy tờ giả	10	10,99%
Sử dụng giấy tờ XNC của người khác	05	5,49%
Tổng	**91**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 10.

CƠ CẤU PHƯƠNG THỨC, THỦ ĐOẠN LIÊN LẠC, MÔI GIỚI CỦA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Hình thức	Số lượng vụ án	Tỷ lệ %
Phương tiện điện tử, mạng internet, mạng xã hội	302	95,56%
Gặp mặt trực tiếp	14	4,44%
Tổng	316	100%

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 11.

CƠ CẤU ĐỊA BÀN PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Vùng	Số lượng vụ án	Tỷ lệ %
Trung du và miền núi phía Bắc	88	27,85%
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	75	23,73%
Đồng bằng sông Cửu Long	51	16,14%
Đông Nam Bộ	42	13,29%
Đồng bằng sông Hồng	41	12,98%
Tây Nguyên	19	6,01%
Tổng	**316**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 12.

CƠ CẤU NƯỚC XUẤT CẢNH, TRỐN ĐI NƯỚC NGOÀI CỦA CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Châu lục	Số lượng vụ án	Tỷ lệ %
Châu Á	206	65,19%
Châu Âu	70	22,15%
Châu lục khác	40	12,66%
Tổng	**316**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 13.

CƠ CẤU ĐỘNG CƠ PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Động cơ	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Vụ lợi	582	94,79%
Động cơ khác	32	5,21%
Tổng	**614**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 14.

CƠ CẤU HÌNH PHẠT NGƯỜI PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Hình phạt chính		
Phạt tù đến 3 năm	314	51,14%
Phạt tù từ trên 03 năm - 07 năm	290	47,23%
Phạt tù từ trên 07 năm - 15 năm	03	0,49%
Phạt tiền	04	0,65%
Cải tạo không giam giữ	03	0,49%
Tổng	**614**	**100%**
Hình phạt bổ sung		
Phạt tiền	213	93,01%
Hình phạt bổ sung khác	16	6,99%
Tổng	**229**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 15.1.

CƠ CẤU VỀ GIỚI TÍNH NGƯỜI PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Giới tính	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Nam	532	86,65%
Nữ	82	13,35%
Tổng	**614**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 15.2.

CƠ CẤU VỀ ĐỘ TUỔI NGƯỜI PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Nhóm tuổi	Số bị cáo	Tỷ lệ %
16 - dưới 24 tuổi	35	5,70%
24 tuổi - 50 tuổi	510	83,06%
Trên 50 tuổi	69	11,24%
Tổng	**614**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 15.3.

CƠ CẤU VỀ NGHỀ NGHIỆP NGƯỜI PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Loại nghề nghiệp	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Làm ruộng, nương rẫy	185	30,13%
Lao động tự do (lái xe, lái đò...)	214	34,85%
Cán bộ, nhân viên, doanh nhân	36	5,87%
Học sinh, sinh viên	28	4,56%
Không nghề nghiệp	151	24,59%
Tổng	**614**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 15.4.

CƠ CẤU VỀ TIỀN ÁN, TIỀN SỰ NGƯỜI PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Có tiền án, tiền sự	34	5,53%
Không có tiền án, tiền sự	580	94,47%
Tổng	**614**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 15.5.

CƠ CẤU VỀ TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN NGƯỜI PHẠM TỘI CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Tiểu học	132	21,49%
Trung học cơ sở	239	38,93%
Trung học phổ thông	172	28,01%
Cao đẳng, đại học	44	7,17%
Không biết chữ	27	4,40%
Tổng	**614**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 16.

CƠ CẤU MỤC ĐÍCH CỦA NGƯỜI ĐƯỢC TỔ CHỨC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH TRÁI PHÉP

Mục đích	Người được tổ chức XNC	Tỷ lệ %
Tìm việc làm, lao động trái phép	1879	66,65%
Cư trú, định cư lâu dài	461	16,36%
Thăm thân	276	9,79%
Mục đích khác	203	7,20%
Tổng	**2819**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 17.

CƠ CẤU ĐỊA BÀN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC TỔ CHỨC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH TRÁI PHÉP

Địa bàn	Người được tổ chức XNC	Tỷ lệ %
Trung du và miền núi phía Bắc	788	27,95%
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	670	23,77%
Đồng bằng sông Cửu Long	458	16,25%
Đông Nam Bộ	372	13,20%
Đồng bằng sông Hồng	362	12,84%
Tây Nguyên	169	5,99%
Tổng	**2819**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 18.1.

CƠ CẤU GIỚI TÍNH CỦA NGƯỜI ĐƯỢC TỔ CHỨC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH TRÁI PHÉP

Giới tính	Người được tổ chức XNC	Tỷ lệ %
Nam	2146	76,13%
Nữ	673	23,87%
Tổng	**2819**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 18.2.

CƠ CẤU VỀ TUỔI CỦA NGƯỜI ĐƯỢC TỔ CHỨC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH TRÁI PHÉP

Giới tính	Người được tổ chức XNC	Tỷ lệ %
16 - dưới 24 tuổi	428	15,18%
24 - 50 tuổi	2083	73,90%
Trên 50 tuổi	308	10,92%
Tổng	**2819**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 18.3.

CƠ CẤU VỀ NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI ĐƯỢC TỔ CHỨC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH TRÁI PHÉP

Giới tính	Người được tổ chức XNC	Tỷ lệ %
Lao động tự do	1162	41,22%
Làm ruộng, nương rẫy	842	29,87%
Công nhân	363	12,88%
Học sinh, sinh viên	121	4,29%
Không nghề nghiệp	331	11,74%
Tổng	**2819**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 18.4.

CƠ CẤU VỀ TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC TỔ CHỨC XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH TRÁI PHÉP

Giới tính	Người được tổ chức XNC	Tỷ lệ %
Tiểu học	602	21,36%
Trung học cơ sở	1124	39,87%
Trung học phổ thông	768	27,24%
Cao đẳng, đại học	196	6,95%
Không biết chữ	129	4,58%
Tổng	**2819**	**100%**

(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Bảng 19.

TỶ LỆ THẤT NGHIỆP, THIẾU VIỆC LÀM CỦA CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2018 - 2025

Năm	Tỷ lệ thất nghiệp	Tỷ lệ thiếu việc làm
2018	2,19%	1,62%
2019	2,17%	1,50%
2020	2,48%	2,52%
2021	3,20%	3,10%
2022	2,34%	2,21%
2023	2,28%	2,01%
2024	2,24%	1,85%
2025	2,23%	1,83%
Trung bình chung	**2,39%**	**2,08%**

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Bảng 20.

LƯU LƯỢNG XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH TẠI VIỆT NAM

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	CDVN	Người nước ngoài	Tổng
2018	9,54	13,40	22,94
2019	21,52	33,63	55,15
2020	5,61	8,83	14,44
2021	1,32	0,33	1,65
2022	3,22	2,25	5,47
2023	17,13	23,14	40,27
2024	17,82	21,25	39,07
2025	18,47	22,13	40,60
Trung bình chung	**11,83**	**16,62**	**27,45**

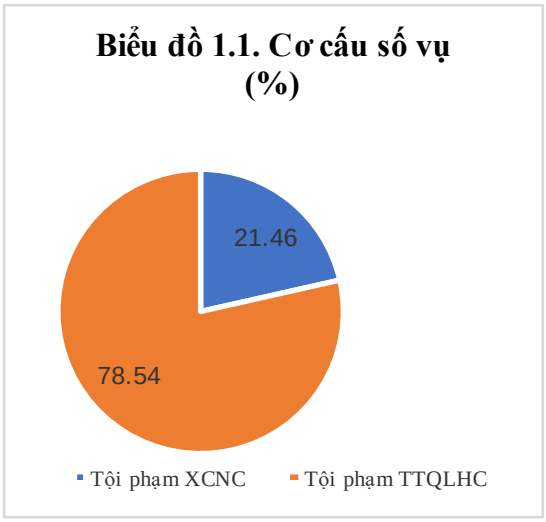
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Cục Quản lý XNC)

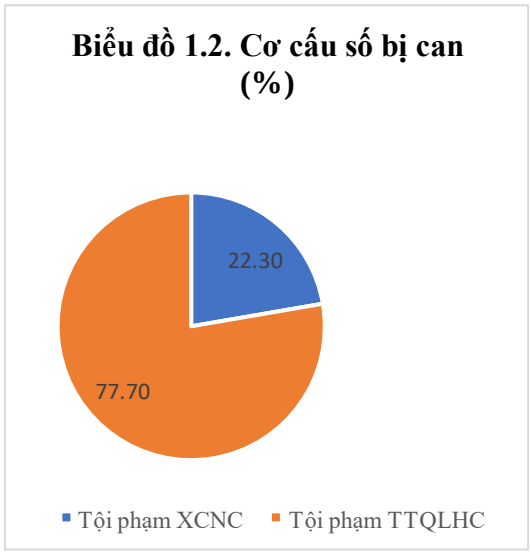
Bảng 21.

CƠ SỐ TỘI PHẠM CÁC TỘI PHẠM VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH DO CÔNG DÂN VIỆT NAM THỰC HIỆN

Năm	Số người phạm tội	Đơn vị dân cư	Chỉ số tội phạm
2018	73	658	0,11
2019	129	691	0,18
2020	409	734,8	0,55
2021	745	741,2	1,0
2022	680	748,2	0,90
2023	563	756,6	0,74
2024	414	767,7	0,53
2025	337	772,3	0,43
Trung bình	**3.350**	**5.869,8**	**0,57**

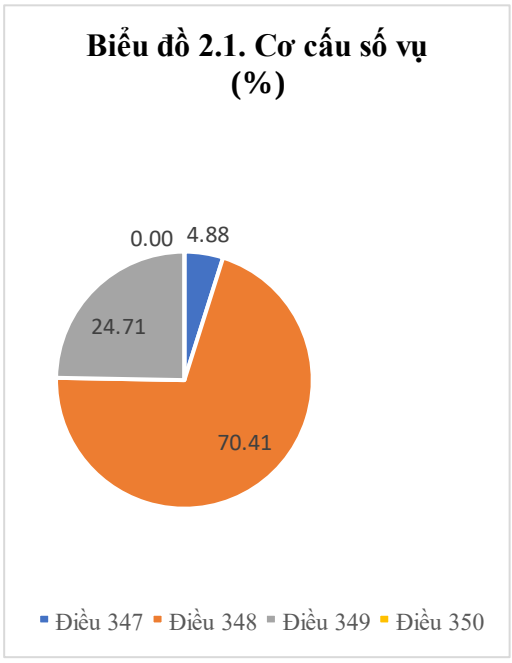
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

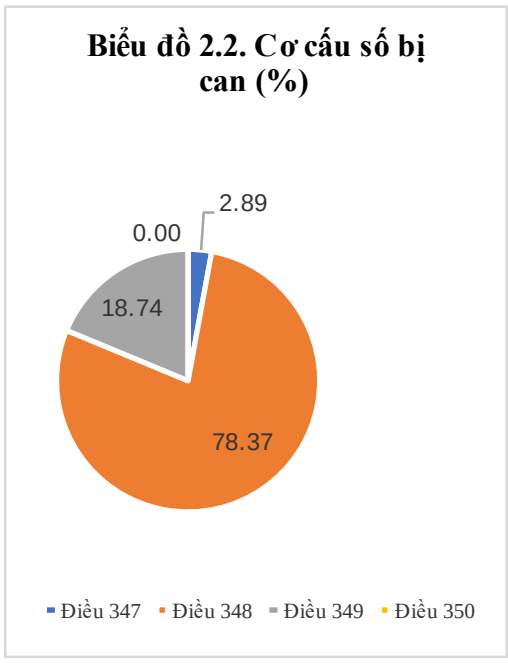




(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

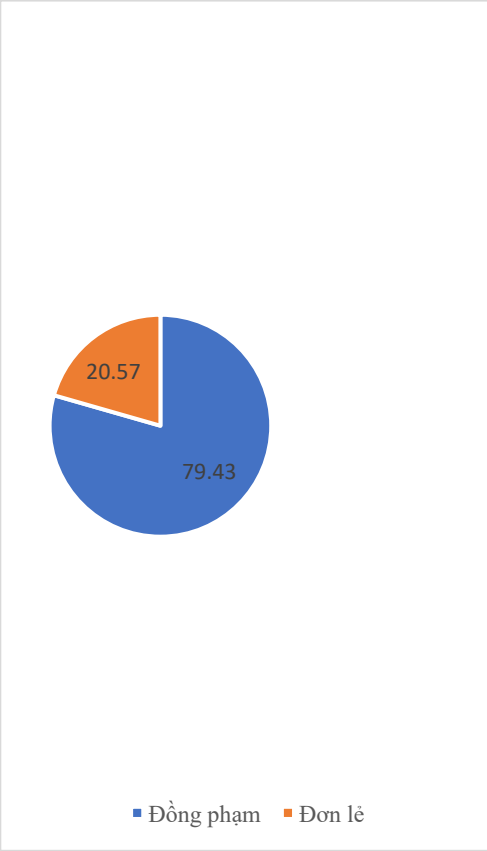
Biểu đồ 1: Cơ cấu các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện trong nhóm các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính





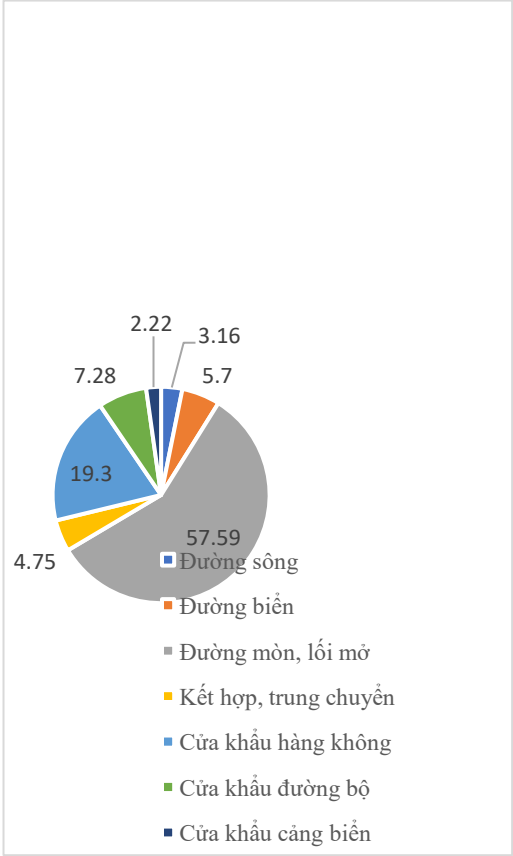
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 2: Cơ cấu giữa các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện



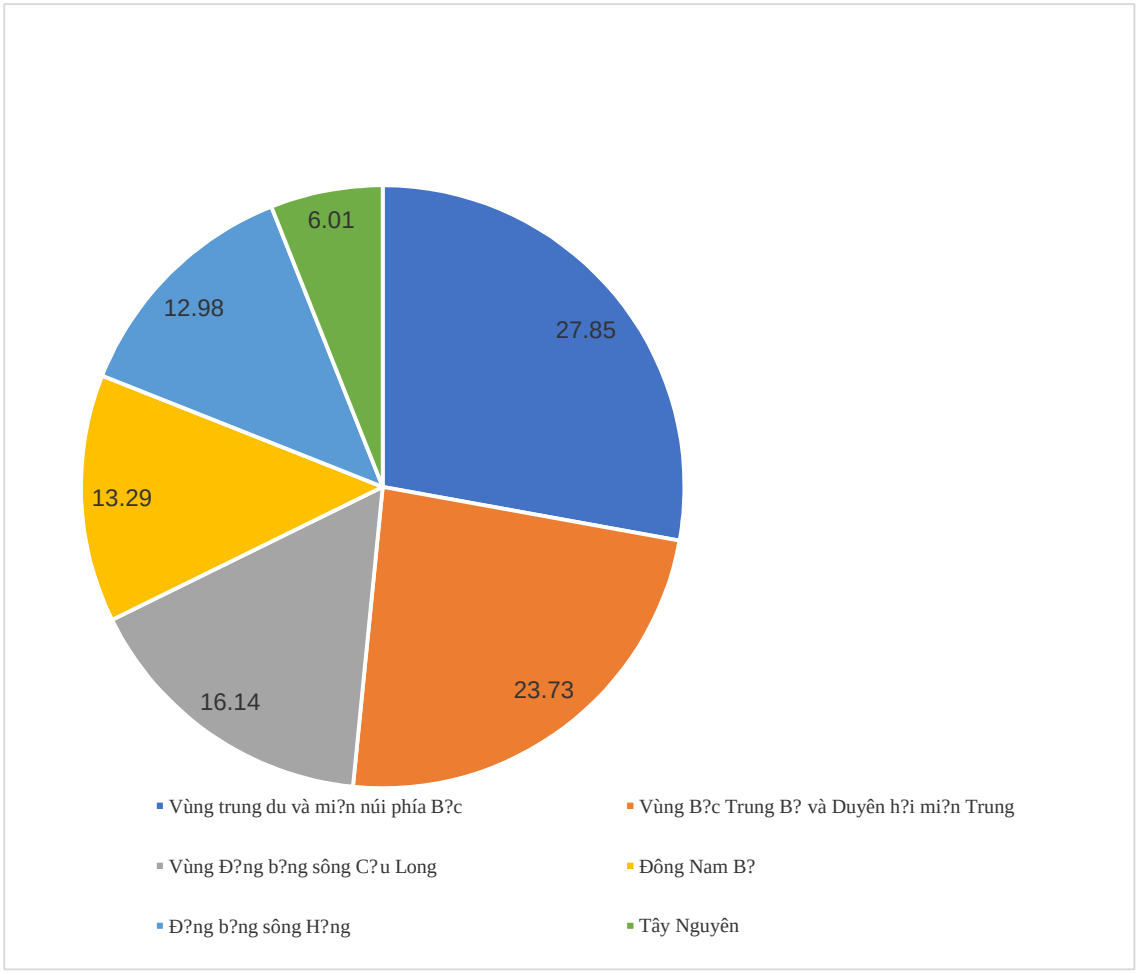
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 3: Cơ cấu hình thức phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



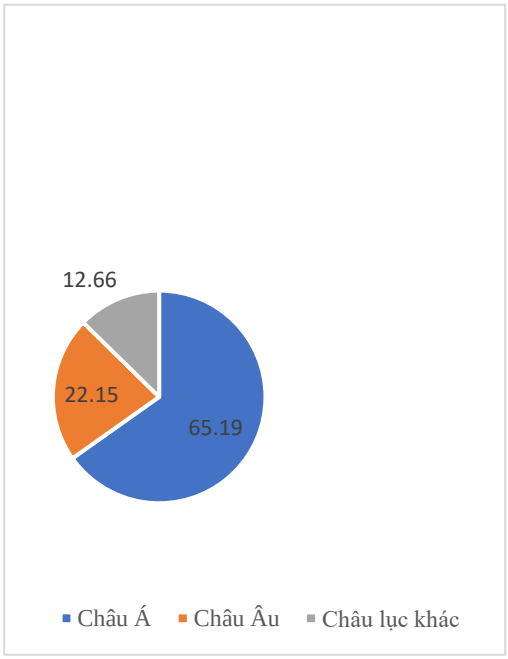
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 4: Cơ cấu phương thức, thủ đoạn phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



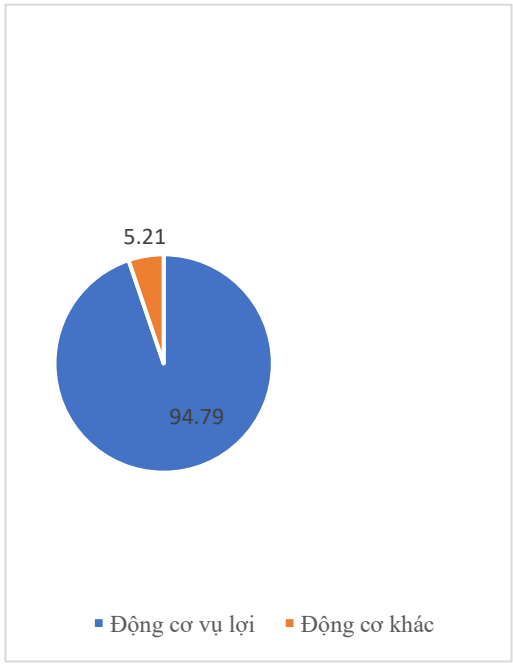
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đổ 5: Cơ cấu địa bàn phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



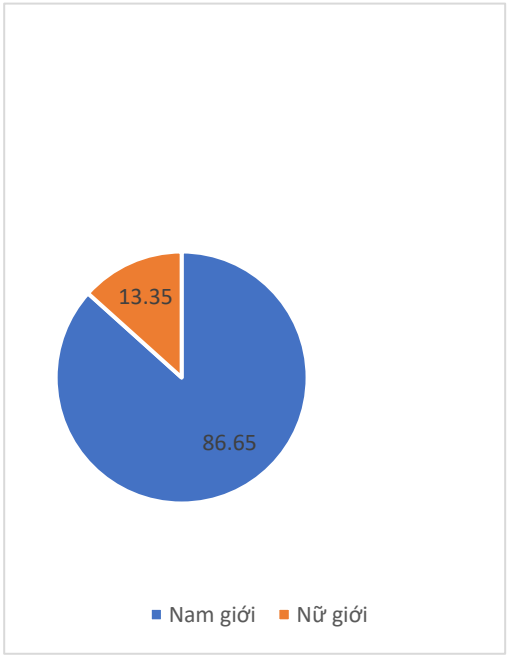
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 6: Cơ cấu về nước xuất cảnh, trốn đi nước ngoài của các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



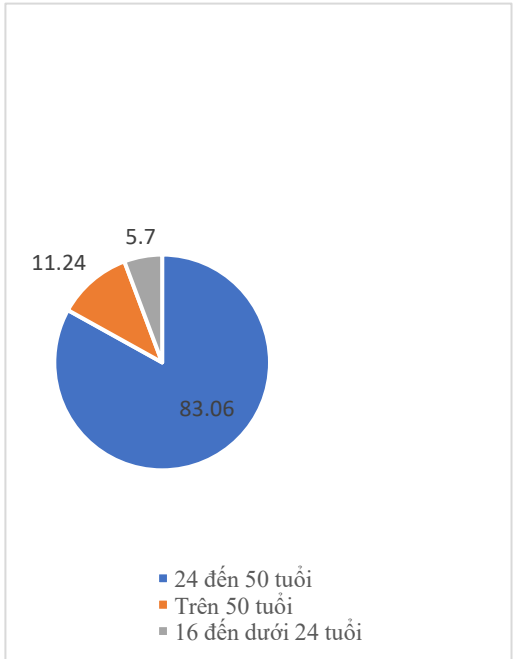
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 7: Cơ cấu về động cơ phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



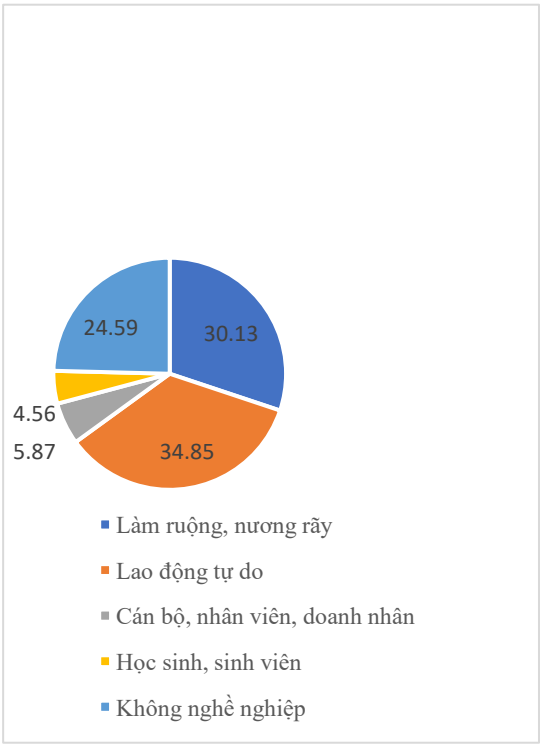
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 8: Cơ cấu về giới tính người phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



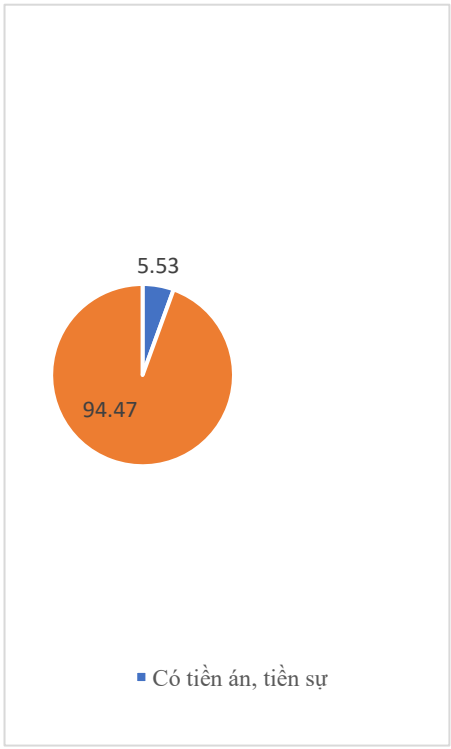
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 9: Cơ cấu về tuổi người phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



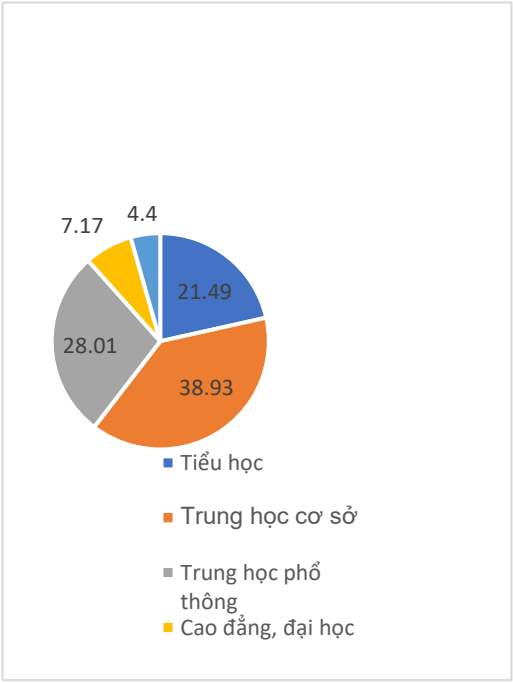
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 10: Cơ cấu nghề nghiệp người phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



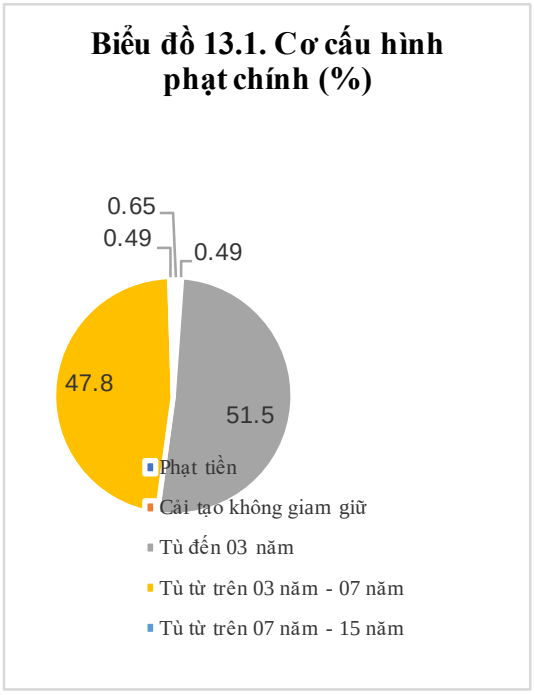
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

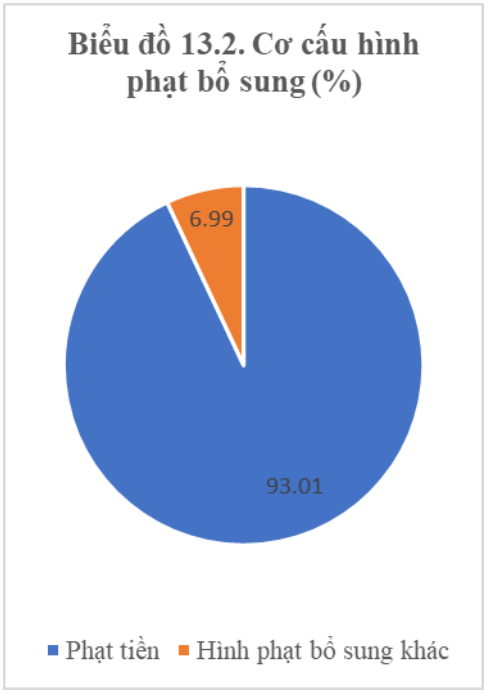
Biểu đồ 11: Cơ cấu tiền án, tiền sự người phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)



(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

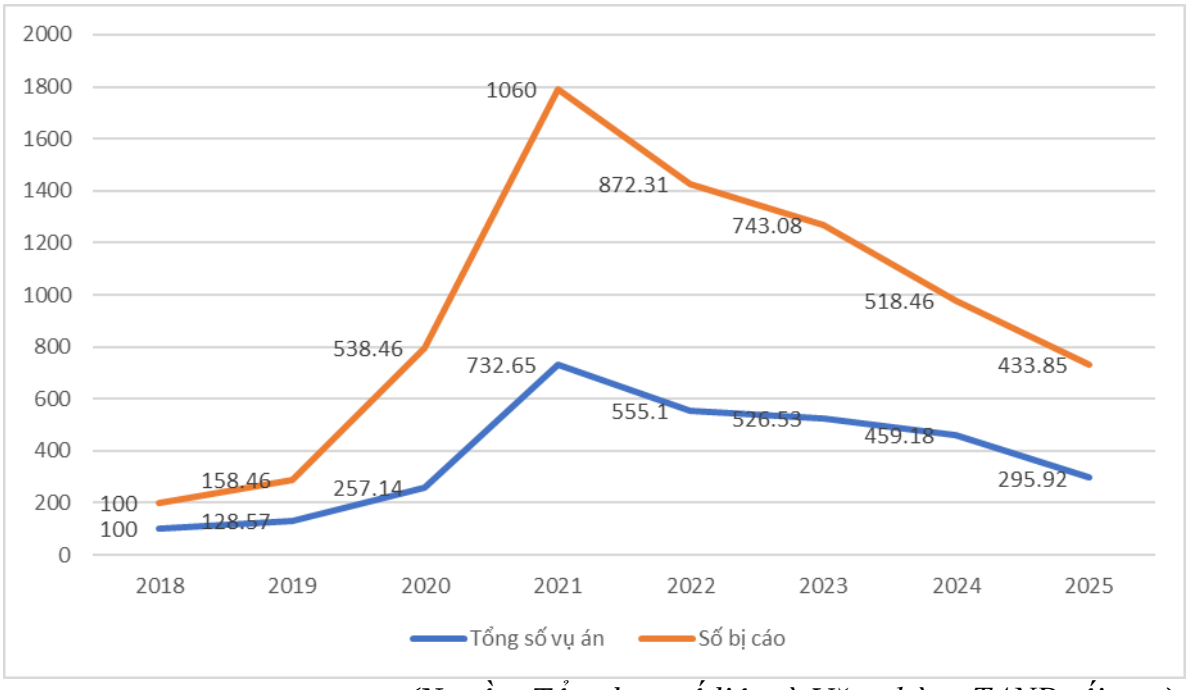
Biểu đồ 12: Cơ cấu trình độ học vấn người phạm tội các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện (%)





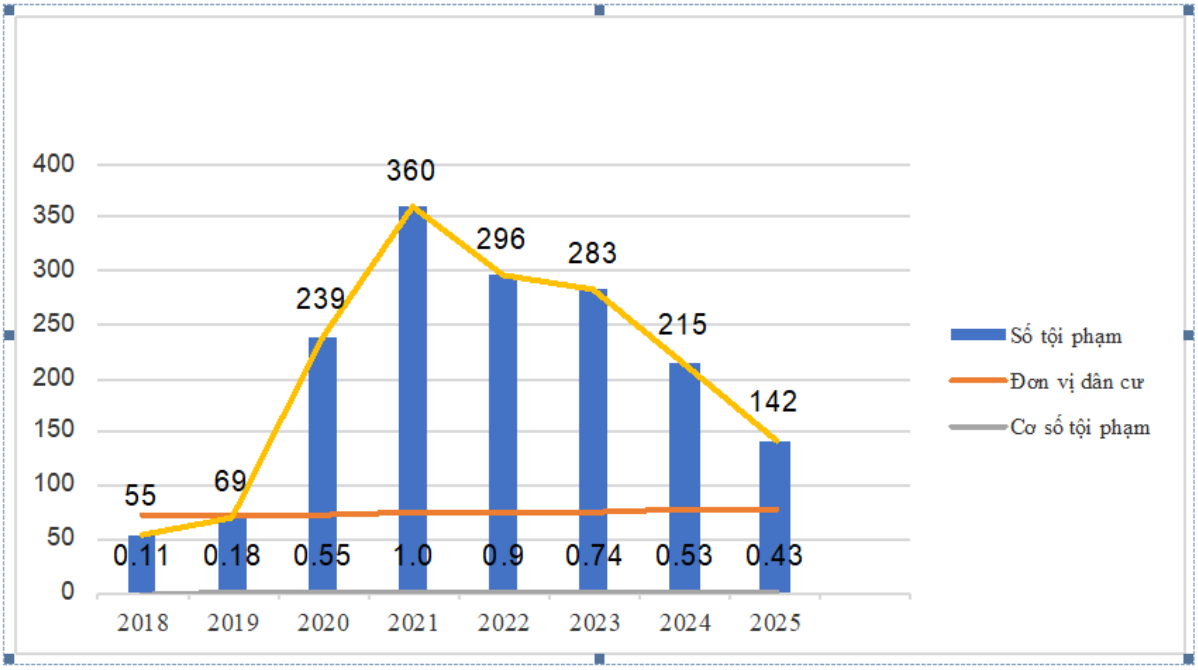
(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 13: Cơ cấu hình phạt các tội phạm về XCNC do CDVN thực hiện



(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 14: Diễn biến tình hình các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện



(Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Văn phòng TAND tối cao)

Biểu đồ 15: Cơ số các tội phạm về xuất cảnh, nhập cảnh do công dân Việt Nam thực hiện

DANH MỤC BẢN ÁN

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
1.	63	26/12/2020	TAND huyện An Phú, tỉnh An Giang	B. T. P. T cùng đồng phạm	347
2.	157	29/12/2021	TAND tỉnh Quảng Ninh	Hoàng Thị Hải Y cùng đồng phạm	347
3.	156	29/12/2021	TAND tỉnh Quảng Ninh	Trần Thị N cùng đồng phạm	347
4.	45	19/11/2021	TAND huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Đặng Thị N cùng đồng phạm	347
5.	70	15/12/2022	TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Quách Văn T cùng đồng phạm	347
6.	41	12/12/2022	TAND huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Đỗ Thị Huyền D cùng đồng phạm	347
7.	69	08/09/2022	TAND thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Thị Kim T cùng đồng phạm	347
8.	150	21/09/2023	TAND tỉnh Cao Cằng	Nguyễn Thị Thanh H	347
9.	138	29/12/2023	TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Vương Thị M cùng đồng phạm	347
10.	792	13/10/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	Hoàng Bình N cùng đồng phạm	347
11.	178	29/11/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Thạch Thị N cùng đồng phạm	347
12.	71	26/09/2024	TAND tỉnh Lai Châu	Lỳ Phí D	347
13.	126	11/09/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Tô Thị N cùng đồng phạm	347
14.	66	28/8/2025	TAND tỉnh Cao Bằng	Lương Đình Tr cùng đồng phạm	347
15.	35	10/06/2025	TAND tỉnh Hà Giang	Lò Thị H cùng đồng phạm	347
16.	06	24/01/2025	TAND huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Vương Văn Đ cùng đồng phạm	347
17.	48	27/09/2018	TAND tỉnh Cao Bằng	Đào Thị S	348
18.	48	12/06/2019	TAND tỉnh Quảng Ninh	T cùng M	348
19.	295	23/05/2019	TAND cấp cao tại Hà Nội	Già Mí N, Hầu A T	348
20.	03	11/01/2019	TAND tỉnh Cao Bằng	Bế Văn C	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
21.	11	24/04/2019	TAND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Nông Văn T	348
22.	524	30/08/2019	TAND cấp cao tại Hà Nội	Cùng Mí L cùng đồng phạm	348
23.	59	07/12/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nông Văn L cùng đồng phạm	348
24.	50	11/12/2020	TAND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Đức H cùng đồng phạm	348
25.	92	07/12/2020	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Nông Văn T cùng đồng phạm	348
26.	169	1/05/2020	TAND cấp cao tại Hà Nội	Nguyễn Bá Q, Hoàng Thị NG	348
27.	114	18/12/2020	TAND huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Nguyễn Thanh Tâm	348
28.	60	26/12/2020	TAND huyện An Phú, tỉnh Hà Giang	Lê Thị Nguyệt	348
29.	61	26/12/2020	TAND huyện An Phú, tỉnh Hà Giang	Nguyễn Thị Sô Banh	348
30.	72	18/11/2020	TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Leo Văn P	348
31.	70	16/11/2020	TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Lăng Văn K	348
32.	11	11/11/2020	TAND huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Giàng Seo N, Giàng A S	348
33.	14	20/11/2020	TAND tỉnh Điện Biên	Quàng Thị C cùng đồng phạm	348
34.	51	28/10/2020	TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Văn P	348
35.	69	23/11/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nông Thanh T cùng đồng phạm	348
36.	82	23/10/2020	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Văn T, Dương Văn P	348
37.	51	02/10/2020	TAND huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Trịnh Văn P cùng đồng phạm	348
38.	46	23/09/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Chu Văn V cùng đồng phạm	348
39.	33	26/08/2020	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Nông Văn M	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
40.	43	10/09/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Trương Văn H	348
41.	20	21/09/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Âu Chiến N cùng đồng phạm	348
42.	106	04/08/2020	TAND tỉnh Quảng Ninh	Voòng A S cùng đồng phạm	348
43.	25	08/07/2020	TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Lê Thị B cùng đồng phạm	348
44.	57	22/07/2020	TAND huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	Lâm Văn T cùng đồng phạm	348
45.	08	22/04/2020	TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Chu Văn K cùng đồng phạm	348
46.	12	10/03/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Âu Văn S cùng đồng phạm	348
47.	07	16/01/2020	TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Xuân N	348
48.	54	24/11/2020	TAND tỉnh Cao Bằng	Hoàng Thị N	348
49.	52	20/11/2020	TAND tỉnh Cao Bằng	Ngân Thị N	348
50.	132	27/12/2020	TAND Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Lương Vận T	348
51.	72	22/08/2020	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Thị T	348
52.	55	03/11/2020	TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Thu H	348
53.	43	10/11/2020	TAND huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Phạm Văn P	348
54.	42	08/09/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Lã Văn Đ, Lộc Văn D	348
55.	47	09/11/2020	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nông Chí T	348
56.	159	17/12/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Lý Văn C cùng đồng phạm	348
57.	134	22/10/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Nông Văn T cùng Nguyễn Trường S	348
58.	144	09/11/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Hoàng Văn H cùng đồng phạm	348
59.	516	21/12/2021	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Gao Liang G cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
60.	124	29/12/2021	TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Lô Văn N cùng đồng phạm	348
61.	685	21/12/2021	TAND cấp cao tại Hà Nội	Lò Văn B, Nông Đức H	348
62.	110	16/11/2021	TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Triệu Bá S cùng đồng phạm	348
63.	79	24/12/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Văn H cùng đồng phạm	348
64.	76	22/11/2021	TAND Thành phố Huế	Phan Thị C cùng đồng phạm	348
65.	161	24/12/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Tẩn Láo T cùng đồng phạm	348
66.	123	21/12/2021	TAND huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Hồ Văn T cùng đồng phạm	348
67.	80	24/12/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Phạm Văn C cùng đồng phạm	348
68.	18	23/12/2021	TAND tỉnh Điện Biên	Hạng Quáng B cùng đồng phạm	348
69.	151	13/12/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Dương Quốc H cùng đồng phạm	348
70.	74	30/11/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Văn Đ cùng đồng phạm	348
71.	73	30/11/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Văn B cùng đồng phạm	348
72.	143	08/11/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Triệu Văn C cùng đồng phạm	348
73.	168	26/11/2021	TAND tỉnh Tây Ninh	Huỳnh Văn M	348
74.	68	15/11/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Hà Văn B cùng đồng phạm	348
75.	16	28/10/2021	TAND tỉnh Đồng Tháp	Nguyễn Văn H cùng đồng phạm	348
76.	69	06/08/2021	TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	Hứa Viết T cùng đồng phạm	348
77.	12	17/09/2021	TAND huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	Giàng M cùng đồng phạm	348
78.	05	13/01/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Hoàng Văn H	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
79.	65	10/06/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Mã Tinh K cùng đồng phạm	348
80.	80	15/07/2021	TAND tỉnh Cao Bằng	Triệu Văn D cùng đồng phạm	348
81.	20	04/05/2021	TAND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Hà Văn C cùng đồng phạm	348
82.	07	05/02/2021	TAND huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Phạm Văn K cùng đồng phạm	348
83.	25	11/05/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Lý Văn T cùng đồng phạm	348
84.	11	22/04/2021	TAND tỉnh An Giang	Đỗ Văn Q cùng đồng phạm	348
85.	17	08/04/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Trần Văn N cùng đồng phạm	348
86.	03	20/01/2021	TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Lý Thị P cùng đồng phạm	348
87.	09	05/03/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Trần Văn L cùng đồng phạm	348
88.	08	05/02/2021	TAND huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Võ Quốc V cùng Hồ Thị K	348
89.	15	25/03/2021	TAND tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Phúc T cùng đồng phạm	348
90.	13	04/05/2021	TAND tỉnh Lào Cai	Lý Thị L	348
91.	70	22/11/2022	TAND tỉnh huyện An Phú, tỉnh An Giang	Hạnh, Lợi	348
92.	10	26/01/2022	TAND tỉnh Tây Ninh	Lê Văn N, Nguyễn Vũ Bảo L	348
93.	09	29/08/2022	TAND huyện Trảng Bàng, Tây Ninh	Lê Thành Công cùng đồng phạm	348
94.	07	06/02/2022	TAND tỉnh An Giang	Nguyễn Văn H cùng đồng phạm	348
95.	485	24/11/2022	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Nguyễn Ngọc H cùng đồng phạm	348
96.	124	29/12/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Lục Trung Q cùng đồng phạm	348
97.	95	26/12/2022	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Văn T cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
98.	121	26/12/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Đinh Văn B cùng đồng phạm	348
99.	916	30/12/2022	TAND cấp cao tại Hà Nội	Lê Văn L, Đào Văn H, Phạm Văn D	348
100.	112	13/12/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Ngô Văn M cùng đồng phạm	348
101.	109	21/11/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Đinh Văn K cùng đồng phạm	348
102.	80	19/09/2022	TAND tỉnh Lạng Sơn	Vi Văn H cùng đồng phạm	348
103.	50	02/06/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Trần Văn T cùng đồng phạm	348
104.	58	10/06/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Nông Văn H cùng đồng phạm	348
105.	65	02/08/2022	TAND tỉnh Lạng Sơn	Lộc Văn T cùng đồng phạm	348
106.	75	29/07/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Ma Văn H cùng đồng phạm	348
107.	63	27/06/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Bùi Ngọc Đ cùng các đồng phạm	348
108.	211	08/04/2022	TAND cấp cao tại Hà Nội	Phạm Thị H cùng đồng phạm	348
109.	266	21/04/2022	TAND cấp cao tại Hà Nội	Sầm Văn C cùng đồng phạm	348
110.	34	14/06/2022	TAND huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	Nguyễn Văn Kh cùng đồng phạm	348
111.	09	21/02/2022	TAND tỉnh Vĩnh Phúc	Đặng Xuân Tuấn cùng đồng phạm	348
112.	01	05/01/2022	TAND tỉnh Thái Nguyên	Lâm Văn L cùng đồng phạm	348
113.	11	22/04/2022	TAND tỉnh Kon Tum	Nguyễn Tiến Gi	348
114.	38	10/06/2022	TAND tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Tuấn H cùng đồng phạm	348
115.	34	19/04/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Lương Văn Đ cùng đồng phạm	348
116.	02	28/04/2022	TAND huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	Đàm Hải Q cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
117.	246	26/04/2022	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn U cùng đồng phạm	348
118.	142	15/04/2022	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Trần Nhật Minh T, Nguyễn Thị Kim T	348
119.	14	01/04/2022	TAND thành phố Đà Nẵng	Jiang F cùng đồng phạm	348
120.	19	29/03/2022	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Văn S cùng đồng phạm	348
121.	02	06/01/2022	TAND tỉnh Thái Nguyên	Mai Hải Đ cùng đồng phạm	348
122.	05	18/01/2022	TAND tỉnh Hà Giang	Vừ Mí H	348
123.	08	01/04/2022	TAND tỉnh Lào Cai	Giàng Cồ C cùng đồng phạm	348
124.	06	25/02/2022	TAND huyện Đức Huệ, tỉnh Long An	Nguyễn Văn Phúc cùng đồng phạm	348
125.	18	11/03/2022	TAND tỉnh Cao Bằng	Lê Văn T cùng đồng phạm	348
126.	813	23/10/2023	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Thị Kim C	348
127.	168	08/11/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Lương Văn N cùng đồng phạm	348
128.	177	28/11/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Nguyễn Văn M cùng đồng phạm	348
129.	882	22/11/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	Lương Anh N cùng đồng phạm	348
130.	905	11/12/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	Hoàng Văn Thức cùng đồng phạm	348
131.	62	28/12/2023	TAND tỉnh Hà Giang	Vương Thị H cùng các đồng phạm	348
132.	69	07/12/2023	TAND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Mông Văn V cùng đồng phạm	348
133.	188	14/12/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Mai Hải Đ cùng đồng phạm	348
134.	1333	11/09/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Phùng L cùng đồng phạm	348
135.	154	23/09/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Hoàng Thị T cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
136.	59	21/04/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Lý Đinh K cùng đồng phạm	348
137.	163	06/11/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Đặng Quầy M cùng đồng phạm	348
138.	144	20/09/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Hoàng Thị T cùng đồng phạm	348
139.	70	18/09/2023	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Lý Văn B cùng đồng phạm	348
140.	864	16/11/2023	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Triệu H cùng đồng phạm	348
141.	43	11/09/2023	TAND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Văn L cùng đồng phạm	348
142.	497	23/10/2023	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Nguyễn Văn C, Huỳnh Công T	348
143.	653	30/08/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	Nguyễn Thị Ng cùng đồng phạm	348
144.	66	11/09/2023	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Hà Văn H cùng đồng phạm	348
145.	639	22/08/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	Hoàng Văn T cùng đồng phạm	348
146.	54	19/04/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Nông Văn T cùng đồng phạm	348
147.	74	26/05/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Ban Văn C cùng đồng phạm	348
148.	101	08/08/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Vi La D cùng đồng phạm	348
149.	86	17/06/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Phạm Văn T cùng đồng phạm	348
150.	118	23/08/2023	TAND tỉnh Cao Bằng	Lý Văn Tùng cùng đồng phạm	348
151.	23	18/05/2023	TAND tỉnh Bắc Kạn	Phan Đức Tín	348
152.	64	09/08/2023	TAND huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên	Tòng Văn D cùng đồng phạm	348
153.	231	19/05/2023	TAND Thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Hà Hoàng	348
154.	84	28/07/2023	TAND tỉnh Quảng Ninh	Vương Xuân H cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
155.	271	18/07/2023	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Hồ Hữu N cùng đồng phạm	348
156.	32	13/01/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	Nguyễn Th Th, Nguyễn Cảnh H	348
157.	07	10/02/2023	TAND tỉnh Lạng Sơn	Lương Duy H cùng đồng phạm	348
158.	04	10/02/2023	TAND tỉnh Bắc Kạn	Trần Văn V cùng Lý Văn V	348
159.	09	23/02/2023	TAND tỉnh Lạng Sơn	Trần Huy T cùng đồng phạm	348
160.	63	11/09/2024	TAND tỉnh Hà Giang	Nguyễn Văn S cùng đồng phạm	348
161.	100	30/03/2023	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	Nguyễn Công N, cùng đồng phạm	348
162.	68	30/12/2024	TAND tỉnh Hà Giang	Già Mí Lử cùng đồng phạm	348
163.	99	16/12/2024	TAND tỉnh Lạng Sơn	Vương Văn T cùng đồng phạm	348
164.	62	15/11/2024	TAND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	Hướng Văn T cùng đồng phạm	348
165.	67	22/10/2024	TAND tỉnh Quảng Bình	Trần Xuân H cùng đồng phạm	348
166.	09	07/08/2024	TAND huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	Giàng Chá Mìn cùng đồng phạm	348
167.	488	26/08/2024	TAND Thành phố Hà Nội	W Lanpei	348
168.	89	23/09/2024	TAND tỉnh Lạng Sơn	Quách Văn H cùng đồng phạm	348
169.	43	19/09/2024	TAND tỉnh Bắc Kạn	Trần Văn T3 cùng đồng phạm	348
170.	402	28/05/2024	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Hoàng A cùng đồng phạm	348
171.	84	25/07/2024	TAND tỉnh Quảng Ninh	Dường A Nhì cùng đồng phạm	348
172.	338	16/07/2024	TAND Thành phố Hồ Chí Minh	Noun V cùng đồng phạm	348
173.	92	21/08/2024	TAND tỉnh Quảng Ninh	Kỳ Văn L cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
174.	58	10/07/2024	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nông Văn N cùng đồng phạm	348
175.	99	17/07/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Chảo Vần L cùng đồng phạm	348
176.	42	02/07/2024	Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Nguyễn Văn Q cùng đồng phạm	348
177.	47	04/06/2024	TAND tỉnh Lạng Sơn	Lành Văn Đ cùng đồng phạm	348
178.	83	24/06/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Vương Văn B cùng đồng phạm	348
179.	53	19/06/2024	TAND tỉnh Lai Châu	Nguyễn Văn S cùng Đèo Văn T	348
180.	68	28/05/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Hoàng Văn Kim cùng đồng phạm	348
181.	159	04/03/2024	TAND cấp cao tại Hà Nội	Phùng Văn Phong cùng đồng phạm	348
182.	158	04/03/2024	TAND cấp cao tại Hà Nội	Phạm Văn Giang cùng đồng phạm	348
183.	401	28/05/2024	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Viết Kim S cùng đồng phạm	348
184.	20	07/05/2024	TAND huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Hoàng Văn Thắng, La Thị Dương	348
185.	29	13/05/2024	TAND tỉnh Quảng Trị	Lê Quý T	348
186.	358	17/05/2024	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	L cùng đồng phạm	348
187.	27	27/03/2024	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Văn Đ cùng đồng phạm	348
188.	43	19/04/2024	TAND tỉnh Quảng Ninh	Phạm Hồng P cùng đồng phạm	348
189.	03	12/01/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Tẩn Văn K cùng đồng phạm	348
190.	08	25/01/2024	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Anh T cùng đồng phạm	348
191.	12	23/01/2024	TAND tỉnh Lạng Sơn	Lê Đình S cùng đồng phạm	348
192.	06	17/01/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Nguyễn Phi Đông cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
193.	31	01/02/2024	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Lăng Văn B cùng đồng phạm	348
194.	18	18/09/2025	TAND khu vực 2 - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Đinh Văn T cùng đồng phạm	348
195.	24	25/09/2025	TAND khu vực 5 - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Văn Đ cùng đồng phạm	348
196.	117	11/09/2025	TAND khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh	Phạm Tấn Cường cùng đồng phạm	348
197.	93	08/08/2025	TAND tỉnh Quảng Ninh	Trịnh Văn G cùng đồng phạm	348
198.	24	31/03/2025	TAND tỉnh An Giang	Trương Thị Diễm T cùng đồng phạm	348
199.	39	09/01/2025	TAND tỉnh Cao Bằng	Nguyễn Quang T cùng đồng phạm	348
200.	113	18/07/2025	TAND tỉnh Cao Bằng	Nông Đức D cùng đồng phạm	348
201.	102	24/08/2025	TAND tỉnh Cao Bằng	Lương Văn T cùng đồng phạm	348
202.	30	26/09/2025	TAND tỉnh Cao Bằng	Dương Văn C cùng đồng phạm	348
203.	65	17/06/2025	TAND Thành phố Huế	Nguyễn Duy Dũng cùng đồng phạm	348
204.	68	23/07/2025	TAND tỉnh An Giang	Ry Pikser, Chao Sreav	348
205.	56	30/05/2025	TAND tỉnh Quảng Ninh	Trần Văn Hòa cùng đồng phạm	348
206.	12	30/07/2025	TAND khu vực 1 - Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Lý Văn Đ cùng đồng phạm	348
207.	03	17/07/2025	TAND khu vực 6 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai	La A K cùng đồng phạm	348
208.	34	16/06/2025	TAND tỉnh Lạng Sơn	ZhongF cùng đồng phạm	348
209.	31	05/06/2025	TAND tỉnh Tuyên Quang	Ph Văn P cùng đồng phạm	348
210.	07	16/05/2025	TAND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Mạnh H cùng đồng phạm	348
211.	26	29/04/2025	TAND tỉnh Lạng Sơn	Hoàng Minh P cùng đồng phạm	348

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
212.	44	07/05/2025	TAND tỉnh Bắc Giang	Đỗ Thị Th	348
213.	15	25/03/2025	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Thị T cùng đồng phạm	348
214.	25	17/04/2025	TAND Thành phố Huế	Nguyễn Minh Tuấn cùng đồng phạm	348
215.	02	06/01/2025	TAND Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn C cùng đồng phạm	348
216.	58	13/03/2025	TAND tỉnh Cao Bằng	Lâm Hữu N, Hoàng Văn Q	348
217.	10	27/02/2025	TAND tỉnh Lạng Sơn	Đinh Văn T cùng đồng phạm	348
218.	04	13/01/2025	TAND tỉnh Hà Giang	Chương Thị M, Nông Văn N, Đinh Văn T, Luận Văn Q	348
219.	18	17/01/2025	TAND tỉnh Điện Biên	Lò Văn Sơn cùng đồng phạm	348
220.	03A	02/01/2025	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Tuyết L, Nguyễn Tài Minh N	348
221.	64	17/01/2025	TAND cấp cao tại Hà Nội	Trương Thị P	348
222.	53	25/02/2025	TAND tỉnh Cao Bằng	Ma Văn D	348
223.	11	04/03/2025	TAND tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Hữu V	348
224.	121	25/03/2025	TAND tỉnh Lạng Sơn	Cùng A Chứ	348
225.	81	15/05/2025	TAND tỉnh Đồng Nai	Phạm Văn Vũ	348
226.	221	16/11/2018	TAND tỉnh Thanh Hóa	Phạm Thị H cùng đồng phạm	349
227.	48	29/06/2018	TAND huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Trần Mai C cùng đồng phạm	349
228.	44	23/11/2018	TAND tỉnh Tuyên Quang	Dương Văn Đ cùng đồng phạm	349
229.	46	16/10/2018	TAND huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	Đồng Văn T cùng đồng phạm	349
230.	12	29/08/2018	TAND huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	Phạm Thị H cùng đồng phạm	349
231.	08	24/08/2018	TAND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Hứa V L cùng đồng phạm	349

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
232.	64	30/07/2018	TAND thành phố Hải Phòng	Nguyễn T Kim A cùng đồng phạm	349
233.	52	12/06/2018	TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Văn H cùng đồng phạm	349
234.	04	26/06/2018	TAND huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Ly Thị M cùng đồng phạm	349
235.	01	11/01/2018	TAND huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình	Sa Thị C cùng đồng phạm	349
236.	115	29/11/2019	TAND tỉnh Hưng Yên	Trịnh Văn M cùng đồng phạm	349
237.	59	29/11/2019	TAND tỉnh Hà Giang	Ly Mí C cùng đồng phạm	349
238.	34	27/11/2019	TAND tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Thị D cùng đồng phạm	349
239.	27	18/11/2019	TAND tỉnh Ninh Bình	Đỗ Trọng T1 cùng đồng phạm	349
240.	32	30/10/2019	TAND huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Nguyễn Văn Q cùng đồng phạm	349
241.	49	21/10/2019	TAND tỉnh Gia Lai	Ksor D cùng đồng phạm	349
242.	36	24/07/2019	TAND tỉnh Cao Bằng	Hùng Quốc H cùng đồng phạm	349
243.	58	03/10/2019	TAND huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Phạm Văn H cùng đồng phạm	349
244.	33	03/10/2019	TAND tỉnh Phú Thọ	Lục Thị L cùng đồng phạm	349
245.	38	25/09/2019	TAND huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Mai Xuân H cùng đồng phạm	349
246.	556	25/11/2020	TAND cấp cao Hà Nội	T cùng đồng phạm	349
247.	194	29/12/2020	TAND tỉnh Nghệ An	Phan Văn T cùng đồng phạm	349
248.	43	22/12/2020	TAND tỉnh Bắc Kạn	Triệu Văn V cùng đồng phạm	349
249.	124	16/06/2020	TAND cấp cao tại Hà Nội	Ngô Văn L cùng đồng phạm	349
250.	42	16/12/2020	TAND tỉnh Bắc Kạn	Mùng Thị D cùng đồng phạm	349

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
251.	294	15/09/2020	TAND Thành Phố Hà Nội.	Nagasawa Kazuaki cùng đồng phạm	349
252.	308	30/11/2020	TAND tỉnh Đắk Lắk	Lê Thị K cùng đồng phạm	349
253.	37	23/09/2020	TAND tỉnh Quảng Bình	Bùi Văn Q cùng đồng phạm	349
254.	35	27/09/2020	TAND tỉnh Hà Giang	Trương Văn T cùng đồng phạm	349
255.	53	10/09/2020	TAND huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Nguyễn Đình Ph cùng đồng phạm	349
256.	26	18/09/2020	TAND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình	Bùi Thị L cùng đồng phạm	349
257.	05	12/05/2020	TAND tỉnh Bắc Kạn	Bàn Dào P cùng đồng phạm	349
258.	50	12/07/2021	TAND Cấp Cao Tại Hà Nội	Trần Thế P cùng đồng phạm	349
259.	425	06/12/2021	TAND Cấp Cao Tại Hà Nội	Nguyễn Thị L cùng đồng phạm	349
260.	66	27/09/2021	TAND tỉnh Phú Thọ	Chu Đình P cùng đồng phạm	349
261.	71	14/12/2021	TAND tỉnh Hà Giang	Mua Chứ S cùng đồng phạm	349
262.	09	23/03/2021	TAND tỉnh Hà Tĩnh	Nguyễn Đức H cùng đồng phạm	349
263.	19	18/11/2021	TAND huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Chẻo Sài S cùng đồng phạm	349
264.	70	15/10/2021	TAND tỉnh Gia Lai	Nguyễn Thị Thu Th cùng đồng phạm	349
265.	49	24/09/2021	TAND tỉnh Hải Dương	Nguyễn Văn H cùng đồng phạm	349
266.	47	28/07/2021	TAND tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Thị C cùng đồng phạm	349
267.	31	03/03/2021	TAND tỉnh Nghệ An	Đoàn Thị L cùng đồng phạm	349
268.	39	18/05/2021	TAND tỉnh Kiên Giang	Hà Văn Đ cùng đồng phạm	349

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
269.	111	12/04/2021	TAND thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hương Ch cùng đồng phạm	349
270.	45	05/08/2021	TAND tỉnh Hà Giang	Giàng Mí C cùng đồng phạm	349
271.	71	24/11/2022	TAND tỉnh Thái Bình	Vũ Thị H cùng đồng phạm	349
272.	110	15/12/2022	TAND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Vi Văn N cùng đồng phạm	349
273.	478	23/11/2022	TAND thành phố Hà Nội	N. Đ. T cùng đồng phạm	349
274.	68	24/11/2022	TAND tỉnh Quảng Bình	Phan Thị Tuyết N cùng đồng phạm	349
275.	04	16/11/2022	TAND tỉnh Sơn La	Lèo Văn Đ cùng đồng phạm	349
276.	59	19/09/2022	TAND tỉnh Hà Tĩnh	Đoàn Thị O cùng đồng phạm	349
277.	55	27/09/2022	TAND tỉnh Hà Giang	Sùng Mí L cùng đồng phạm	349
278.	36	20/09/2022	TAND tỉnh Bắc Kạn	Đinh Thị Huyền T cùng đồng phạm	349
279.	63	06/09/2022	TAND tỉnh Thái Bình	Hà Văn Ph cùng đồng phạm	349
280.	594	24/08/2022	TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh	Vương Thị T cùng đồng phạm	349
281.	15	06/05/2022	TAND huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Nguyễn Thắng L cùng đồng phạm	349
282.	264	01/08/2022	TAND thành phố Hà Nội	Vũ Hồng T cùng đồng phạm	349
283.	97	22/11/2023	TAND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	Phạm Thị T cùng đồng phạm	349
284.	19	12/06/2023	TAND huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi	Phạm Hồng H cùng đồng phạm	349
285.	21	08/06/2023	TAND huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Cùng đồng phạm	349
286.	190	30/11/2023	TAND tỉnh Đồng Nai	Nguyễn Loan A cùng đồng phạm	349

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
287.	128	14/09/2023	TAND tỉnh Nghệ An	Phạm Thị Thanh T cùng đồng phạm	349
288.	819	23/10/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	Nguyễn Văn H cùng đồng phạm	349
289.	579	04/12/2023	TAND cấp cao cại Đà Nẵng	Hồ Bảo Hoàng S cùng đồng phạm	349
290.	613	19/12/2023	TAND cấp cao cại Đà Nẵng	Cao Văn T cùng đồng phạm	349
291.	606	15/12/2023	TAND cấp cao cại Đà Nẵng	Trần Đình N cùng đồng phạm	349
292.	88	30/11/2023	TAND tỉnh Thái Bình	Vũ Thị T cùng đồng phạm	349
293.	51	01/12/2023	TAND tỉnh Tuyên Quang	Au Thi M cùng đồng phạm	349
294.	04	02/02/2023	TAND huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Văn K cùng đồng phạm	349
295.	41	16/05/2024	TAND tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Thành Đ cùng đồng phạm	349
296.	54	23/02/2024	TAND cấp cao tại Hà Nội	Trần Văn B cùng đồng phạm	349
297.	97	09/12/2024	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Thanh Trúc L cùng đồng phạm	349
298.	388	12/09/2024	TAND cấp cao tại Hà Nội	Mã Mạnh T cùng đồng phạm	349
299.	126	11/09/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Tô Thị N cùng đồng phạm	349
300.	374	10/06/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Nguyễn Thị Vân A cùng đồng phạm	349
301.	115	28/08/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Vi Thị G cùng đồng phạm	349
302.	73	10/06/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Thạch Thị M cùng đồng phạm	349
303.	71	26/09/2024	TAND tỉnh Lai Châu	Lỳ Phì D cùng đồng phạm	349
304.	11	01/03/2024	TAND tỉnh Thái Bình	Nguyễn Thanh L cùng đồng phạm	349

TT	Số bản án	Thời gian	Toà án nhân dân xét xử	Tên bị cáo đầu vụ	Điều luật áp dụng
305.	59	14/06/2024	TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	Lý Mùi T cùng đồng phạm	349
306.	51	26/04/2024	TAND tỉnh Cao Bằng	Hà Thị K cùng đồng phạm	349
307.	75	16/09/2025	TAND tỉnh Hà Tĩnh	Đoàn Thị M cùng đồng phạm	349
308.	21	19/09/2025	TAND khu vực 10 - Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Tạ Duy K cùng đồng phạm	349
309.	257	25/09/2025	TAND thành phố Đà Nẵng	Lê Bá N cùng đồng phạm	349
310.	61	25/08/2025	TAND tỉnh Tuyên Quang	Giàng Vả P cùng đồng phạm	349
311.	62	28/08/2025	TAND tỉnh Tuyên Quang	Lý Hải C cùng đồng phạm	349
312.	141	18/08/2025	TAND tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Lan A cùng đồng phạm	349
313.	15	22/01/2025	TAND tỉnh Đồng Nai	Lê Hồng B cùng đồng phạm	349
314.	88	20/05/2025	TAND tỉnh Nghệ An	Hoàng Thị T cùng đồng phạm	349
315.	22	27/08/2025	TAND khu vực 2 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Thào A M cùng đồng phạm	349
316.	40	26/08/2025	TAND tỉnh Lai Châu	Phùng Chỉn X cùng đồng phạm	349

(Nguồn: Số liệu thống kê từ TANDTC)